



TỊNH ĐỘ THỰC CHỨNG

(Phiên bản mới)



**Sách đã xuất bản tại Nhà xuất bản PHƯƠNG
ĐÔNG năm 2015 và tái bản có bổ sung năm 2017**

Facebook: Diệu Âm Diệu Ngộ
www.dieuamdieungo.com

Cư sĩ Diệu Âm Diệu Ngộ

TỊNH ĐỘ THỰC CHỨNG



 NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
PL. 2563 – DL. 2019

MỤC LỤC

1-LỜI MỞ ĐẦU	7
2- AI LÀ PHẬT A MI ĐÀ?	10
3- PHẬT A MI ĐÀ LÀ AI?	12
4- TÂM LÀ GÌ?	25
5-HIỂU LÀM Ý NGHĨA TÂM THANH TỊNH.....	40
6-NHỮNG DẤU HIỆU KHI ĐƯỢC NHẤT TÂM.....	43
7- GIẢI TỎA BA NGHI VẤN SAU KHI ĐƯỢC NHẤT TÂM.....	47
8- CẢM XÚC SAU KHI ĐƯỢC NHẤT TÂM.....	49
9-KHÔNG NIỆM.....	56
10- CẢNH GIỚI NỘI TÂM.....	58
11- ĐÁNH ĐUỐI TÂM MA.....	64
12- CHUYỂN BIẾN KHI KHÔI PHỤC SÁU CĂN	67
13- NHỮNG DẤU HIỆU KHI CÓ LỤC THẦN THÔNG THANH TỊNH	73
14- HIỂU LÀM LỤC THẦN THÔNG GIỮA THIỀN VÀ TỊNH	91
15- GIẢI TỎA NGHI VẤN GIỮA THIỀN VÀ TỊNH	104
16-CHUYỂN ĐỔI THÂN TƯỚNG.....	129
17-PHỤC HỒI PHẬT QUANG	141
18- Ý NGHĨA CÂU NHẤT TÂM BẤT LOẠN.....	152
19- HIỂU LÀM VỀ XÁ LỢI.....	154
20- TỊNH ĐỘ PHẬT THỪA	163
21- BÁO THÂN TRONG HOA SEN.....	168
22- ĐẠI NGUYỆN 18 CỦA PHẬT A MI ĐÀ	178

23- PHÁP THÂN, BÁO THÂN VÀ ỨNG HÓA THÂN	182
24- ĐỊNH, CHÁNH ĐỊNH VÀ DIỆU ĐỊNH	190
25-Ý NGHĨA MINH TÂM KIẾN TÁNҺ, KIẾN TÁNҺ THÀNH PHẬT	192
26- Ý NGHĨA NHẤT CHÂN PHÁP GIỚI	194
27- Ý NGHĨA KIM CANG DIỆU THIỀN	208
28-HIỆU LẦM PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ	212
29-TÌM KINH PHẬT Ở ĐÂU MỚI ĐÚNG?	220
30-CHÂN TƯỞNG ĐẠO PHẬT	237
31-NIỆM PHẬT CÁCH NÀO ĐỂ ĐƯỢC NHẤT TÂM?	246
32-MUỐN ĐƯỢC NHẤT TÂM KHÔNG TU XEN TẠP	263
33- BỒ TÁT NGHỊCH DUYÊN	280
34- CÁCH TU NIỆM PHẬT THẮT	302
35-NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT LÚC LÂM CHUNG	321
36-NIỆM A MI KHÔNG NÊN LO LẮNG	367
37-TẠI SAO LẠI NIỆM NAM MÔ A MI ĐÀ PHẬT?	372
38- TÂM SỰ CỦA DIỆU ÂM DIỆU NGỘ	379
39- GIẢI TỎA THẮC MẮC	384

LỜI MỞ ĐẦU

Kính thưa quý bạn! Vì cuộc sống văn minh ngày nay, khiến chúng ta không có thời gian để tìm hiểu về mình và tìm hiểu về giáo lý của Phật. Cho dù có thời gian, thì chúng ta cũng không biết phải tìm hiểu từ đâu và tu pháp môn nào để được giải thoát ngay trong đời này. Vì pháp của Phật thì bao la, do đó, rất khó cho chúng ta tìm hiểu và lựa chọn trong thời Mạt pháp này. Thêm vào, thời nay vàng thau lẫn lộn, khó cho ta phân biệt được đâu là chánh, tà. Vì hiểu được những nỗi khó khăn đó mà nhiều năm qua chúng tôi đã cho ra đời hai cuốn sách **“Kinh nghiệm niệm Phật và những chuyện luân hồi”** và **“Ý nghĩa Hoàng pháp và Hộ pháp”**.

Nay một lần nữa, chúng tôi xin cống hiến đến quý bạn cuốn sách **“Tịnh độ thực chứng”**. Chúng tôi mong cuốn sách nhỏ này sẽ giúp quý bạn tiết kiệm được thời gian tham cứu Kinh Phật. Vì cuốn sách này đã đúc kết tất cả cốt tủy Kinh Phật và cốt tủy về pháp môn Tịnh độ. Thêm vào, chúng tôi đã lấy những phần cốt tủy nói về pháp môn Tịnh độ ở trong hai cuốn sách **“Kinh nghiệm niệm Phật và những chuyện luân hồi”** và **“Ý nghĩa Hoàng pháp và Hộ pháp”** mà chúng tôi đã cho ra đời cách đây nhiều năm để kết hợp thành cuốn sách này.

Nếu quý bạn muốn tìm hiểu về chân tướng của đạo Phật; muốn tìm hiểu về sự nhiệm màu của pháp môn Tịnh độ; muốn tìm hiểu về cách tu hành để mau được thành Phật; muốn có đủ kinh nghiệm và niềm tin

trên con đường tự độ và độ tha, thì cuốn sách này sẽ trả lời cho quý bạn biết hết tất cả và cuốn sách này cũng là chìa khóa giúp mở cửa kho tàng chân tâm của bạn. Xin quý bạn hãy dành một chút thời gian quý báu để đọc kỹ cuốn sách này. Vì nó sẽ giúp quý bạn thoát khỏi luân hồi và được vãng sanh thành Phật ngay trong đời này.

Trong cuốn sách này chúng tôi viết: “A Mi Đà Phật”. Chúng tôi viết như vậy không phải là viết nhầm đâu, xin quý bạn chớ có hiểu lầm. Nếu quý bạn muốn biết tại sao tôi viết “A Mi Đà Phật” mà không viết “A Di Đà Phật” thì xin đọc bài pháp có tên là “**Tại sao lại niệm Nam mô A Mi Đà Phật?**” của Ngài Trí Tịnh ở cuối cuốn sách này. Bài này, tôi đã trích ra từ cuốn sách “**Hương sen Vạn Đức**” của Ngài. Ngoài ra, còn có một bài tên là “**Tâm sự của Diệu Âm Diệu Ngộ**”. Bài này tôi đã trích ra từ cuốn sách “**Ý nghĩa Hoằng pháp và Hộ pháp**” do tôi biên soạn và đã cho xuất bản vào năm 2007. Quý bạn chỉ cần đọc qua hai bài pháp của Ngài và của tôi, thì quý bạn sẽ không còn thắc mắc về “A Di” và “A Mi”.

Còn lý do tại sao tôi đặt tên cho cuốn sách này là “**Tịnh độ thực chứng**”? Là vì tôi muốn chứng minh cho mọi người thấy rằng: “*Pháp môn **Tịnh độ** có tu là có **chứng** và những lời Phật dạy là vãng lần chân **thật**”.*

THỈNH CẦU

Dù cho bận rộn đến đâu
Xin người nán lại đọc sâu sách này
Mỗi câu, mỗi chữ tỏ bày
Kho tàng Diệu pháp Mi Đà tự tâm.
Ước mong huynh đệ tình thâm
Phát Bồ Đề nguyện trở về chân tâm
Thoát vòng sanh tử tối tăm
Vãng sanh Cực Lạc cùng thăng liên đài.

TÂM SỰ

Tôi viết sách khuyên người thức tỉnh
Viết phơi bày pháp Phật cao siêu
Viết khai tâm, thật tướng muôn loài
Viết nổi khổ, từ bi chư Phật.
Tôi viết sách khuyên người tu sửa
Viết phơi bày thiện ác, đúng sai
Viết giải nghi cảnh giới luân hồi
Viết người hiểu, tu hành giải thoát.
Tôi viết sách mong người thành Phật
Viết phơi bày Diệu đức chân tâm
Viết cho ai thấu hiểu cội nguồn
Viết người hiểu, nguyện về Cực Lạc.
Tôi viết sách truyền nhiều thế hệ
Viết mỗi lời tuôn chảy từ tâm
Viết thẳng ngay, không chút nể tình
Mong người đọc, cảm thông hỷ xả.

AI LÀ PHẬT A MI ĐÀ?

Kính thưa quý bạn! Chúng ta xưa nay xem danh hiệu Phật A Mi Đà là danh tên của một vị Phật ở cõi Tây phương Cực Lạc, hoàn toàn không liên quan gì đến ta. Sau đây, chúng tôi xin mời quý bạn tìm hiểu vào danh hiệu A Mi Đà Phật để xem có liên quan gì đến chúng ta hay không?

Phật, nghĩa là giác. **Giác**, nghĩa là trí tuệ sáng suốt sẵn có của tất cả chúng sanh mọi loài ở trong vũ trụ này. Bất luận bạn thuộc đạo hay tôn giáo nào; bất luận bạn thuộc chủng tộc nào; bất luận bạn là Phật, Trời, Người, Thần, Súc sanh hay Ngạ quỷ thì tất cả chúng ta đều có cùng Phật trí sáng suốt giống nhau không khác. Không phải chúng ta thuộc đạo Phật thì mới có Phật trí sáng suốt, còn những người thuộc đạo hay tôn giáo khác thì không có Phật trí sáng suốt.

Tuy loài người ở trên Trái Đất này có nhiều chủng tộc và tôn giáo khác nhau, nhưng Phật trí sáng suốt của chúng ta thì không khác nhau. Tuy chúng ta đều có Phật trí sáng suốt nhưng chúng ta không biết dùng, ngược lại còn xa lánh Phật trí sáng suốt của mình, nên mới bị trôi lăn trong sáu ngã luân hồi, không thể thoát ly.

A Mi Đà: Là danh tên tánh đức sẵn có của tất cả chúng sanh mọi loài ở trong vũ trụ này. Còn danh tên mà chúng ta đang có, chỉ là giả tạm do người đời đặt ra để tiện việc phân biệt anh A hay anh B mà thôi. **A Mi Đà** là thể tánh **Giác**, **Chánh**, **Tịnh** sẵn có ở trong tâm của tất cả chúng sanh. **Giác**, là trí tuệ sáng suốt; **Chánh**, là thấy, nghe, nghĩ, hành động và lời nói đúng;

Tịnh, là thanh tịnh, tịch diệt. Tóm lại, danh hiệu A Mi Đà chính là danh hiệu tánh đức sẵn có vĩnh cửu của ta. Còn danh tên hiện tại chỉ tạm gọi trong một đời, sau khi chết mọi thứ đều trở thành cát bụi, thân ta cũng vậy.

Chúng ta si mê thật là đáng thương, xưa nay cứ ôm cái danh tên giả tạm mà cho là thật, vì tưởng là thật nên chúng ta tranh chấp hơn thua và hãm hại lẫn nhau không ngừng. Thậm chí, vì cái danh tên giả tạm này mà bị rơi vào tù tội, khi chết còn bị đọa vào ba đường ác. Còn A Mi Đà là danh tên tánh đức sẵn có của mình mà không hề hay biết, vậy thử hỏi chúng ta có đáng thương không?

Tuy chúng ta ai cũng có sẵn Phật tánh A Mi Đà, nhưng chưa phải là Phật A Mi Đà. Tại sao? Vì chúng ta chưa chịu trở về để làm Phật A Mi Đà. Muốn làm Phật A Mi Đà, thì ta phải tu niệm tự tánh A Mi Đà của mình từ bây giờ, cho tới phút lâm chung thì sẽ được vãng sanh thành Phật. (*Vãng sanh về cõi Phật là đồng nghĩa với thành Phật*). Tóm lại, A Mi Đà Phật là danh tên của đức Phật A Mi Đà đang ngự ở cõi Tây phương Cực Lạc và cũng là danh tên tánh đức của mười phương chư Phật. Đồng thời, A Mi Đà Phật cũng là danh tên tánh đức của tất cả chúng sanh mọi loài ở trong vũ trụ này (*tức bao gồm luôn ta*).

Qua sự phân tích ở trên cho thấy, chúng ta cũng có sẵn Phật tánh A Mi Đà, chẳng qua ta không chịu trở về để làm Phật A Mi Đà đó thôi. Xin quý bạn hãy mau thức tỉnh, vì không có gì đáng thương hơn việc tự ta ruồng bỏ trí tuệ sáng suốt của mình.

PHẬT A MI ĐÀ LÀ AI?

Kính thưa quý bạn! Chúng ta đang tu pháp môn Tịnh độ để sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà, thì chúng ta cần phải hiểu rõ Phật A Mi Đà là ai, để ta không còn nghi ngờ và thoái chuyển. Có rất nhiều người trong chúng ta vẫn còn mập mờ, không hiểu Phật A Mi Đà là ai và cõi Tây phương Cực Lạc đang ở đâu? Chúng ta nghi ngờ là vì chưa hiểu rõ chân tướng sự thật. Giờ chúng ta tìm hiểu tóm lược vào những đoạn Kinh quan trọng mà Phật Thích Ca đã tán thán công đức và hạnh nguyện của Phật A Mi Đà ở trong pháp hội “**Kinh Vô Lượng Thọ**”.

Có một thời, Phật (tức là Phật Thích Ca) thuyết pháp ở thành Vương Xá Lợi, trong núi Kỳ Xà Quạt. Trong pháp hội lúc đó có mười hai ngàn đại Bồ tát và đại Thánh đều đã có thần thông và trí tuệ như là: Ngài Kiều Trần Như, Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Ca Diếp, A Nan... Những vị đại Bồ tát làm thượng thủ như là: Ngài Phổ Hiền Bồ tát, Văn Thù Bồ tát, Di Lạc Bồ tát và hết thượng chư Bồ tát trong quá khứ đều đến dự trong pháp hội này. Ngoài mười hai ngàn đại Bồ tát và đại Thánh ra, còn có vô lượng Bồ tát, tứ chúng đệ tử Phật và chư Thiên cũng đều tới trong đại hội để nghe Phật thuyết pháp.

Lúc đó, oai quang sắc tướng của Phật Thích Ca tự nhiên rạng rỡ, hào quang sáng ngời. A Nan trông thấy dung nhan của Phật hôm đó đẹp đẽ lạ thường, chưa từng thấy qua, nên A Nan nghĩ thầm: “*Chắc có lẽ Phật đang giao du được với mười phương chư Phật hay là Phật có pháp vi diệu muốn thuyết*”. Vì vậy, A Nan liền đứng dậy, đi tới trước Phật cúi đầu đảnh lễ và xin Phật

thuyết pháp. Sau đó, Phật khen A Nan thỉnh hỏi rất hay vì câu hỏi của A Nan hôm nay sẽ cứu được vô lượng chúng sanh hữu tình trong tương lai. Sau đó, Phật nói với A Nan, đại Bồ tát và Thánh chúng đang có mặt ở trong pháp hội hãy nghe cho kỹ những lời của Phật sắp nói ra, để sau này truyền lại cho tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới.

Phật nói rằng: *“Trong vô lượng kiếp quá khứ không thể tính đếm, có một vị Phật xuất thế hiệu là **Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai** nói Kinh thuyết pháp cho chư Thiên và người đời nghe. Lúc đó, có một vị Quốc vương tên là **Nhiêu Vương** sau khi nghe Phật thuyết pháp xong, thì liền giác ngộ buông xả ngai vàng và xuất gia tu Bồ tát hạnh, lấy hiệu là **Pháp Tạng** tỳ kheo. Pháp Tạng có lòng từ bi, trí tuệ và đạo hạnh rất cao không ai sánh bằng. Vì muốn cứu hết chúng sanh trong mười phương thế giới, nên Pháp Tạng phát nguyện muốn xây một cõi Phật thù thắng cao siêu, vượt hơn mười phương cõi Phật.*

Sau đó, Pháp Tạng thỉnh xin Phật Tự Tại Vương giảng nói tường tận về hoàn cảnh thanh tịnh của mười phương cõi Phật, để Pháp Tạng tự lựa chọn những điều thanh tịnh cao siêu nhất, hầu trang nghiêm cho cõi Phật của mình. Sau khi Phật Tự Tại Vương nghe Pháp Tạng thỉnh xin xong thì Ngài vô cùng hoan hỷ, nên liền diễn nói và thị hiện cho Pháp Tạng thấy được tường tận hoàn cảnh thanh tịnh của 210 ức cõi Phật. Thời thuyết pháp đó, Phật Tự Tại Vương đã giảng nói cho Pháp Tạng nghe hết một ngàn ức năm. Sau một ngàn ức năm tìm hiểu, Pháp Tạng lại dùng hết năm kiếp tu tập của mình để thành tựu.

Sau khi thành tựu xong, Pháp Tạng liền đến cho Phật Tụ Tại Vương biết là Pháp Tạng đã thành tựu xong hạnh nguyện của mình. Lúc đó, Phật Tụ Tại Vương khen và khuyên Pháp Tạng hãy tuyên dương đại nguyện của mình cho đại chúng ở khắp mười phương nghe, để đại chúng hoan hỷ mà phát nguyện sanh về cõi nước của Pháp Tạng. Sau đó, Pháp Tạng quỳ ở trước mặt Phật Tụ Tại Vương và phát ra 48 đại nguyện. Sau khi Pháp Tạng vừa phát 48 đại nguyện xong, thì trời đất liền chấn động, mưa hoa từ trên trời rơi xuống và chư Phật mười phương đều đồng thanh tán thán rằng: **“Pháp Tạng nhất định sẽ thành Phật!”**.

Thưa quý bạn! Đó là đoạn Kinh quan trọng mà chúng tôi đã tóm lược ở trong phần Phật Thích Ca nói về tu nhân của Ngài Pháp Tạng. Xin quý bạn hãy đi tìm bộ **“Kinh Vô Lượng Thọ”** để tìm hiểu thêm về những lời dạy của Phật Thích Ca và tìm hiểu về 48 đại nguyện của Ngài Pháp Tạng (tức Phật A Mi Đà). Vì 48 đại nguyện của Phật A Mi Đà rất dài, không thể nêu ra ở đây. Giờ chúng ta tìm hiểu vào đoạn Kinh lúc Phật Thích Ca nói về sự thành tựu của Ngài Pháp Tạng như thế nào (tức nói về sự thành tựu của Phật A Mi Đà như thế nào)?

Sau khi A Nan và đại chúng nghe Phật Thích Ca khuyên dạy và tán thán về đức hạnh tu hành và độ tha của Ngài Pháp Tạng xong, thì A Nan liền thưa hỏi Phật rằng: **“Bạch Đức Thế Tôn! Ngài Pháp Tạng là Phật trong quá khứ, là Phật ở vị lai hay là Phật đang ở thế giới khác?”**.

Chánh Kinh: Phật Thích Ca trả lời rằng: **“Đức Như Lai ấy (tức là nói Phật A Mi Đà) không từ đâu đến, chẳng đi về đâu, vô sanh vô diệt, cũng chẳng phải quá**

khứ, hiện tại hay vị lai. Chỉ vì đáp tạ cái nguyện độ sanh, nên Ngài hiện ở Tây phương cách Diêm Phù Đề trăm ngàn câu chi na do tha cõi Phật. Ở đó, có một thế giới tên là Cực Lạc. Pháp Tạng thành Phật hiệu là A Mi Đà. Từ khi Ngài thành Phật đến nay đã là mười kiếp. Nay Ngài đang thuyết pháp, hiện có vô lượng Bồ tát và Thanh văn đang cung kính vây quanh”.

Thưa quý bạn! Đó là đoạn Kinh mà Phật Thích Ca đã trả lời cho A Nan, đại Bồ tát và Thánh chúng ở trong pháp hội lúc đó biết về Phật A Mi Đà. Còn chữ kiếp mà Phật nói ở đây là đại đại kiếp, tức là vô lượng kiếp không thể tính đếm. Chữ kiếp có nhiều ý nghĩa dài ngắn biến hóa, chúng ta không nên chấp chặt vào từ ngữ. Đoạn Kinh trên rất là quan trọng, nếu quý bạn tìm hiểu kỹ thì sẽ thấy mỗi chữ đều có sự biến hóa vô lượng không thể nghĩ bàn.

Sau khi Phật Thích Ca tán thán công đức, hạnh nguyện của Phật A Mi Đà và diễn tả cảnh đẹp bầy báu trang nghiêm của cõi Cực Lạc xong, thì Phật khuyên A Nan, tất cả Bồ tát và Thánh chúng đang có mặt ở trong pháp hội, hãy dẫn dắt chúng sanh ở mười phương thế giới tu hành niệm Phật và phát nguyện sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà. Sau khi khuyên dạy và dặn dò đại chúng xong, thì Phật liền dùng thần thông thị hiện cảnh Tây phương Cực Lạc cho đại chúng thấy, để giúp cho đại chúng có thêm lòng tin với Phật A Mi Đà. Ngay lúc đó, Phật A Mi Đà cũng hiện thân đến nơi để làm tin cho đại chúng và đồng thời cũng làm chứng cho những lời của Phật Thích Ca thuyết lúc đó là vạn lần chân thật. Hai Ngài làm như vậy là để giúp cho đại chúng lúc đó và tương lai có thêm lòng tin kiên định với Phật A Mi Đà.

Sau khi Phật Thích Ca thuyết xong thời pháp “**Kinh Vô Lượng Thọ**”, thì có vô lượng đại Bồ tát, Thánh chúng,... ở trong pháp hội liền phát nguyện sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà. Ngay lúc đó, trên không trung liền có mưa hoa rơi xuống, âm nhạc trỗi lên và mười phương chư Phật đồng thanh tán thán rằng: “**Phật Thích Ca là Phật có tài đức và có lòng từ bi vô lượng, vì ở trong thế giới Ta bà chúng sanh si mê, điên đảo mà thuyết được những pháp vi diệu khó tin của Như Lai, thì thật là không dễ**”.

Phản nhận định: Kính thưa quý bạn! Nếu chúng ta dùng con mắt phàm phu để tìm hiểu Kinh Phật thì sẽ nghĩ rằng: Ngài Pháp Tạng lúc tu nhân chỉ là một vị Quốc vương (*tức người thường*). Sau khi nghe Phật Tự Tại Vương thuyết pháp thì Ngài được giác ngộ, buông xả ngai vàng, xuất gia tu Bồ tát hạnh, lấy hiệu là Pháp Tạng và phát ra 48 đại nguyện, thành tựu Phật quả và xây dựng cõi Cực Lạc lấy hiệu là Phật A Mi Đà.

Cũng như chúng ta thiết tưởng Phật Thích Ca gần ba ngàn năm trước, chỉ là một vị hoàng tử Tất Đạt Đa (*tức người thường*). Sau khi đi du ngoạn ngoài bốn cửa thành, Ngài vô tình thấy được cảnh **khổ, bệnh, già, chết** và **vị tu sĩ** mà Ngài giác ngộ. Sau đó, Ngài từ bỏ ngai vàng, cha mẹ và vợ con để xuất gia, tầm sư học đạo. Rồi sau đó, trải qua sáu năm tu hành khổ hạnh, cuối cùng Ngài ngồi thiền định ở dưới cội Bồ đề mà đắc quả thành Phật và thuyết pháp độ sanh hết 49 năm.

Chúng ta là phàm phu nên chỉ thấy như vậy nhưng trên thực tế, thì quý Ngài đều đã thành Phật trong vô lượng kiếp rồi, không phải chỉ mới thành Phật đây. Tôi biết quý bạn sẽ hỏi rằng: “*Vậy thì tại sao quý Ngài*

không thị hiện đến đây bằng thân kim Phật, có đầy đủ thân thông biến hóa, hào quang rực rỡ mà quý Ngài lại thị hiện đến đây bằng thân người có sanh, lão, bệnh, chết giống như chúng ta?”

Thưa quý bạn! Vì quý Ngài thấy tất cả chúng sanh đều có chủng tử Phật tánh A Mi Đà, đều có khả năng thành Phật giống như quý Ngài. Nếu quý Ngài thị hiện đến đây bằng thân kim Phật thì chúng ta sẽ nghĩ rằng: Chỉ có chư Phật mới có đủ trí tuệ để tu thành Phật, còn chúng ta là phàm phu, thì làm sao có đủ trí tuệ để tu thành Phật giống như quý Ngài. Rồi từ chỗ nghi ngờ đó mà chúng ta sẽ không buông xả để tu hành. Nếu chúng ta không chịu buông xả tu hành, thì Phật làm sao mà cứu được chúng ta? Vì vậy mà quý Ngài phải thị hiện bằng thân người cũng có cha mẹ, vợ con, giác ngộ, phát nguyện, tu hành, độ tha và thành Phật. Quý Ngài làm như vậy là mong chúng ta có đủ tự tin và tu hành để thành Phật giống như quý Ngài. Quý Ngài không phải chỉ hiện thân người để cứu chúng ta thôi đâu, mà quý Ngài còn hiện thân súc sanh để độ súc sanh, hiện thân ngựa quỷ để độ ngựa quỷ...

Bây giờ chúng ta trở lại tìm hiểu những phần quan trọng nói về tiến trình tu nhân và thành Phật của Ngài Pháp Tạng (*tức nói về Phật A Mi Đà*), để xem Ngài lúc đó chỉ là người thường hay là cổ Phật tái lai. Vì sự tìm hiểu này rất là quan trọng, nếu chúng ta chưa tìm hiểu rõ ràng mà vội nghi ngờ và phỉ báng, thì chỉ hại mình bị đọa địa ngục mà thôi.

1. Nếu Ngài Pháp Tạng lúc đó chỉ là người thường mới được giác ngộ tu Bồ tát hạnh, thì Ngài làm sao có đủ trí tuệ và đạo hạnh để thỉnh Phật Tự Tại Vương diễn

nói cho Ngài nghe hết hoàn cảnh thanh tịnh của mười phương cõi Phật, để Ngài tự lựa chọn những điều thanh tịnh cao siêu nhất để thành tựu cho cõi Phật của Ngài.

2. Nếu Ngài Pháp Tạng là người thường, thì Ngài làm sao có đủ đạo hạnh và can đảm quỳ ở trước mặt Phật Tự Tại Vương mà tuyên thệ rằng: **“Nếu con không xây dựng được cõi Cực Lạc vượt trội hơn mười phương cõi Phật thì con sẽ không thành Phật”**. (Ngài muốn xây thù thắng hơn là để cứu chúng sanh, không phải là để hơn thua, xin quý bạn chớ có hiểu lầm).

3. Nếu Ngài Pháp Tạng là người thường, thì Phật Tự Tại Vương cần gì phải dùng hết một ngàn ức năm để diễn nói và thị hiện cảnh 210 ức cõi Phật cho Ngài suy nghĩ và lựa chọn. (Thật ra hai Ngài chỉ đóng kịch để hoàn thành câu chuyện độ sanh mà thôi).

4. Nếu Ngài Pháp Tạng là người thường, thì Ngài làm sao có đủ trí tuệ và đạo hạnh để phát ra 48 đại nguyện. Trong khi 48 đại nguyện đó là chân tướng Diệu đức sẵn có ở trong Diệu tâm của mười phương chư Phật và của mười phương thế giới chúng sanh.

5. Nếu Ngài Pháp Tạng là người thường, vậy thì tại sao sau khi Ngài phát ra 48 đại nguyện thì trời đất liền chấn động, mưa hoa từ trên trời rơi xuống, âm nhạc trỗi lên và mười phương chư Phật đều đồng thanh tán thán rằng: **“Pháp Tạng nhất định sẽ thành Phật!”**. (Thật ra mười phương chư Phật lúc đó cũng chỉ là đóng kịch, để giúp cho chúng sanh có vững lòng tin với Ngài Pháp Tạng mà thôi).

6. Nếu Ngài Pháp Tạng chỉ mới thành Phật A Mi Đà trong mười kiếp, thì tại sao ba đời mười phương

chư Phật, chư Bồ tát đều tán thán và tôn danh Phật A Mi Đà là Phật Trung Chi Vương. (*Phật Trung Chi Vương nghĩa là vị Phật cao nhất trong mười phương chư Phật. Còn chữ mười kiếp chỉ là con số phương tiện, để giúp cho ta hiểu được khoảng cách của thời gian trôi. Trên thực tế thì cõi Cực Lạc đã thành tựu trong vô lượng kiếp rồi*).

7. Nếu Ngài Pháp Tạng chỉ mới thành Phật A Mi Đà trong mười kiếp, thì Ngài làm sao có đủ đạo hạnh để cho hai vị đại Bồ tát **Quán Thế Âm** và **Đại Thế Chí** ở hai bên phải và trái của Ngài đi tiếp dẫn chúng sanh về Tây phương Cực Lạc. (*Bồ tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí là hai vị cổ Phật đã thành Phật trong vô lượng kiếp rồi*).

8. Nếu Ngài Pháp Tạng là Phật A Mi Đà mới thành, thì tại sao mười phương chư Phật, chư Bồ tát đều khuyên dạy chúng sanh nên phát nguyện sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà.

9. Nếu Ngài Pháp Tạng là Phật mới thành, thì Ngài làm sao có đủ đạo hạnh lấy danh hiệu A Mi Đà để đại diện cho cõi nước của Ngài? Quý bạn nên biết rằng: Danh hiệu A Mi Đà chỉ có Phật Tổ **Tỳ Lô Giá Na** mới có đủ đạo hạnh để đại diện mà thôi. Tại sao? Vì đây là danh hiệu tánh đức A Mi Đà của mười phương chư Phật và của mười phương thế giới chúng sanh (*Phật A Mi Đà tức là Phật Tổ Tỳ Lô Giá Na đấy*).

Thưa quý bạn! Nếu nói đến cảnh giới của chư Phật thì phàm phu si mê như chúng ta, không có cách chi nghĩ đến hay bàn luận được. Nhưng nhờ có ba Đại Tạng Kinh của Phật, mà ta mới hiểu được phần nào cảnh giới của chư Phật. Cho dù ta có đủ trí tuệ để hiểu

thông được ba Đại Tạng Kinh của Phật, thì cũng chỉ mới hiểu được có một chút như giọt nước ở trong biển mà thôi. Tại sao? Vì ba Đại Tạng Kinh của Phật để lại trên thế gian này, so với Đại Tạng Kinh ở trên cõi Phật thì chỉ là giọt nước ở trong biển. Chỉ khi nào thành Phật thì ta mới hiểu được hết cảnh giới của chư Phật. (*Đại Tạng Kinh trên cõi Phật là nói với chúng ta, không phải nói với chư Phật. Vì chư Phật không có Kinh điển chi cả, xin quý bạn chớ hiểu lầm mà sanh ra tranh chấp*).

Nếu quý bạn chịu tham cứu kỹ Kinh Phật thì sẽ thấy Ngài Pháp Tạng chính là “Phật Tổ Tỳ Lô Giá Na” thị hiện tái lai. Ngài là Phật Tổ cả hai cõi **Hoa Tạng thế giới** và **Cực Lạc thế giới**. Danh hiệu “Tỳ Lô Giá Na” cũng chỉ là danh hiệu để cho chúng ta dễ hiểu và dễ phân biệt thôi. Trên thực tế, thì Ngài đã có vô lượng danh tên khác nhau không thể tính đếm. Không phải chỉ có Ngài mới có vô lượng danh tên khác nhau mà tất cả chư Phật và Bồ tát ở mười phương cũng đều có vô lượng danh tên khác nhau. Tại sao? Vì mỗi một nơi quý Ngài thị hiện làm Phật hay hóa thân cứu độ chúng sanh, thì quý Ngài đều lấy danh tên khác nhau để giúp cho chúng sanh dễ phân biệt. Đó là nói trên **sự**. Còn trên **lý** thì quý Ngài không có một danh tên nào cả. Thậm chí, danh hiệu A Mi Đà cũng không có. Tại sao? Vì danh tên của chư Phật là bất lập ngôn từ. Giờ chúng ta tìm hiểu tại sao Phật Tổ Tỳ Lô Giá Na phải thị hiện làm Ngài Pháp Tạng, phát ra 48 đại nguyện, thành lập cõi Tây phương Cực Lạc và lấy hiệu là Phật A Mi Đà.

Thưa quý bạn! Vì Phật Tổ thấy chúng sanh si mê, nghiệp chướng sâu dày, khó tự mình đi đến quả Phật nên Ngài mới dùng thần lực của Ngài xây dựng cõi Tây

phương Cực Lạc, để giúp cho chúng sanh đời nghiệp vãng sanh. Nhưng nếu Ngài âm thầm xây dựng cõi Cực Lạc, thì chúng sanh ở mười phương thế giới làm sao biết được ở **Hoa Tạng thế giới** còn có một cõi **Tây phương Cực Lạc** của Phật A Mi Đà cao siêu thù thắng. Và chúng sanh làm sao biết được có Phật A Mi Đà luôn phóng quang tiếp dẫn và dạy dỗ chúng sanh tu thành Phật. Nếu chúng sanh không biết, thì Ngài làm sao mà cứu được chúng sanh và làm sao thỏa được cái nguyện độ sanh của Ngài. Vì vậy mà Ngài phải thị hiện làm Ngài Pháp Tạng, để tạo nên câu chuyện độ tha của Phật A Mi Đà. Nhờ có câu chuyện độ tha của Phật A Mi Đà mà mười phương chư Phật và Bồ tát mới có cơ hội để cứu độ chúng sanh mọi loài.

Tại sao Phật Tổ không lấy danh hiệu khác mà Ngài phải lấy danh hiệu A Mi Đà và còn khuyên chúng sanh phải niệm danh hiệu của Ngài, thì sẽ được Ngài tiếp dẫn chúng sanh về Cực Lạc? *(Khi viết đến đoạn này tôi vô cùng xúc động không thể viết tiếp. Tại sao? Vì mỗi khi cầm bút lên thì nước mắt của tôi cứ tuôn chảy mãi. Cho dù tôi có bị tan xương nát thịt đến vô lượng kiếp thì cũng không sao đền được ân đức cao sâu của Phật A Mi Đà, của chư Phật và chư Bồ tát).*

Thưa quý bạn! Vì tất cả chúng ta mà Phật Tổ mới xây dựng cõi Cực Lạc và lấy danh hiệu là Phật A Mi Đà. Tại sao? Vì Phật Tổ thấy tất cả chúng sanh đều có sẵn Phật tánh A Mi Đà. Chẳng qua chúng sanh si mê, điên đảo chạy theo dục vọng, bỏ quên Phật tánh không biết quay về. Vì muốn cứu hết thầy chúng sanh, nên Ngài lấy tánh đức A Mi Đà sẵn có của chúng sanh để đại diện cho Ngài. Rồi sau đó, Ngài khuyên dụ chúng sanh

hãy niệm danh hiệu của Ngài, thì sẽ được Ngài đến nơi tiếp dẫn đưa về Cực Lạc để tu thành Phật. Đây là khổ tâm và dụng ý của Ngài.

Tại sao Phật không nói cho chúng ta biết rõ sự thật mà Ngài phải dùng phương tiện để cứu chúng ta? Vì Ngài biết cho dù có nói thì chúng sanh cũng không có đủ trí tuệ để hiểu suốt. Tại sao? Vì Phật tánh A Mi Đà của chúng sanh vốn không có hình tướng. Nếu không có hình tướng thì Phật làm sao mà có thể giải bày. Nên Ngài chỉ còn cách là lấy danh hiệu tánh đức A Mi Đà sẵn có của chúng sanh để đại diện cho Ngài. Vì Ngài biết rõ: Chỉ cần chúng sanh tin sâu tu niệm danh hiệu của Ngài, thì chúng sanh sẽ khai mở được tự tánh A Mi Đà của mình. Khi Phật tánh A Mi Đà được khai mở, thì tự chúng sanh sẽ hiểu ra danh hiệu A Mi Đà chính là danh hiệu tánh đức sẵn có của chúng sanh.

Ngài chỉ mong chúng sanh chịu niệm Phật tánh A Mi Đà của mình, thì Ngài mới truyền được thần lực của Ngài vào thân tâm của chúng sanh. Còn nếu chúng sanh không chịu niệm Phật tánh A Mi Đà của mình, không chịu tiếp nhận thần lực ánh sáng của Ngài, thì cho dù Ngài có muốn cứu cũng không cứu nổi. Cũng như Ngài đã đem thuyền chờ sẵn ở ngoài bến, nhưng chúng sanh không chịu cất bước để leo lên thuyền, thì Ngài làm sao mà cứu được chúng sanh?

Còn 48 đại nguyện của Phật cũng không phải là tự Ngài đặt ra, mà tất cả những gì Ngài nói ở trong 48 đại nguyện đó đều đã có sẵn ở trong tự tánh của chúng ta. Chúng ta chỉ cần tin sâu và tu niệm tự tánh A Mi Đà của mình. Khi được vãng sanh thì ta sẽ có tất cả thần thông và trí tuệ như trong 48 đại nguyện mà Phật đã nói. Vì

vậy mà Phật tuyên thệ rằng: **“Nếu chúng sanh vãng sanh về cõi nước của ta mà không có đủ những gì như ta đã nói ở trong 48 đại nguyện, thì ta thề không làm Phật”**. Thật ra, không phải đợi đến khi vãng sanh thì ta mới có thần thông và trí tuệ, mà ngay giây phút hiện tại ta cũng có thể khôi phục được phần nào, tùy theo sự tu hành sâu cạn của ta. Nếu ta tu niệm ít thì sẽ khôi phục được thần thông và trí tuệ ít. Nếu ta tu niệm nhiều thì sẽ khôi phục được thần thông và trí tuệ nhiều. Tóm lại, tất cả đều do chúng ta quyết định.

Thưa quý bạn! Phật A Mi Đà phát ra 48 đại nguyện là đã phơi bày tất cả Diệu đức sẵn có ở trong tâm chúng ta. Vậy mà xưa nay chúng ta có mắt như mù không hay biết gì cả, ngược lại còn đi phỉ báng nghi ngờ. Giờ thức tỉnh ta mới thấy 48 đại nguyện của Phật A Mi Đà chính là cảnh giới nhiệm màu sẵn có ở trong tâm ta và cũng vì chúng ta mà Phật Tổ mới xây quốc độ Cực Lạc.

Nếu chúng ta chịu quán xét và tìm hiểu tiến trình độ tha của chư Phật và Bồ tát từ xưa đến nay, thì sẽ thấy Phật Thích Ca thị hiện đến đây gần ba ngàn năm trước, đóng vai làm mẹ nhảy vào biển lửa để dẫn dắt chúng ta. Còn Phật A Mi Đà ở Tây phương Cực Lạc đóng vai làm cha, ngày đêm mỗi mắt mong chờ và tiếp dẫn các con đưa về Cực Lạc để tu thành Phật. Ngoài ra, cha còn phóng quang tới mười phương thế giới Ta bà mỗi giây mỗi phút, để bảo vệ và trợ lực cho các con không bị vấp ngã bởi chạm bẫy của Ma vương.

Ngoài mẹ là **Phật Thích Ca** và cha là **Phật A Mi Đà** ra, chúng ta còn có hai đại sư tử có lòng từ bi vô tận, đó là: **Bồ tát Quán Thế Âm** và **Bồ tát Đại Thế Chí**. Hai đại sư tử có lòng từ bi vô tận này lúc nào cũng ở bên

cạnh để trợ lực, dạy dỗ và tiếp dẫn chúng ta. Ngoài cha mẹ và hai đại sư tử ra, chúng ta còn có vô lượng cha mẹ và vô lượng đại sư huynh, sư tử ở mười phương thế giới cũng đang phóng quang gia hộ và trông chờ chúng ta. Vậy chúng ta còn tham đắm ở trong biển lửa luân hồi này để làm gì, mà không mau đi về Cực Lạc để đoàn tụ với gia đình? Xin quý bạn hãy suy nghĩ lại.

ƯỚC MƠ SẼ THÀNH

Nhìn con mà lòng cha tan nát
 Mãi mê mờ đọa lạc trầm luân
 Tham, sân, si đắm nhiễm không rời
 Tự giam hãm mình trong bể khổ.
 Khổ, khổ, khổ, con thắm mơ ước
 Ước mình giàu sang, mãi không nghèo
 Ước mình hạnh phúc, không đau khổ
 Ước mình khỏe mãi, chẳng bệnh đau
 Ước mình trẻ mãi, không già yếu
 Ước mình mãi mãi được trường sinh.
 Ước thật nhiều sao không buông xả?
 Không quay về Cực Lạc với Cha?
 Nếu con tu mơ ước sẽ thành
 Vì tất cả trong con sẵn có.



TÂM LÀ GÌ?

Kính thưa quý bạn! Xưa nay chúng ta thường có một câu nói suông rằng: *“Tôi không cần tu hành chi cả, tôi chỉ cần tu tâm là đúng, là đủ rồi”*. Câu nói này nghe qua tưởng chừng như thật, nhưng trên thực tế có mấy ai làm được như ý nghĩa chân thật của nó. Nếu hiểu thì chúng ta đã làm Phật hết rồi, không còn có mặt ở trên Trái Đất này. Thật ra chữ tu chúng ta còn chưa hiểu thông, thì làm sao hiểu được ý nghĩa của hai từ đúng và đủ. Làm sao hiểu được tâm là gì, tâm ở đâu mà vội bảo rằng: *“Tôi không cần tu hành chi cả, tôi chỉ cần tu tâm là đúng, là đủ rồi”*.

Chúng ta xưa nay tưởng tâm của mình là trái tim và khối óc, nên thường nghĩ rằng: *“Tôi không làm gì trái với lương tâm đạo đức, không trộm cướp, hãm hại, giết người là tôi đã tu tâm rồi”*. Nhưng trên thực tế có mấy ai hiểu được ý nghĩa chân thật của lương tâm và đạo đức, hiểu được hai mặt thiện ác, đúng sai? Nếu chúng ta thật sự hiểu được ý nghĩa tu tâm là gì, thì sẽ thốt lên những lời nói chân thật rằng: *“Tôi phải cố gắng tu hành để sửa đổi hành vi và lời nói tội lỗi của tôi mỗi giây, mỗi phút”*. Tuy chúng ta chưa hiểu tâm là gì và tâm ở đâu, nhưng ít ra chúng ta đã biết nhìn vào mình. Khi biết nhìn vào mình thì những bước kế tiếp cảm nhận được mình, tìm hiểu mình, thấy được mình và làm chính mình sẽ không còn bao xa. *(Không còn bao xa nghĩa là sự tu tâm của ta mới đi đến đúng và đủ)*.

Một là, **nhìn vào mình**: Nghĩa là nhìn vào lỗi mình, không nhìn vào lỗi người.

Hai là, **cảm nhận được mình**: Nghĩa là cảm nhận

được tội lỗi của mình đã tạo ra từ vô lượng kiếp đến nay. Giờ mình phải lo sám hối tu hành để sửa đổi thân tâm mỗi giây mỗi phút.

Ba là, **tìm hiểu mình**: Nghĩa là tìm hiểu mình là ai, mình từ đâu đến, khi chết mình sẽ đi về đâu và những sự đau khổ luân hồi này từ đâu mà có và làm sao thoát khỏi luân hồi?

Bốn là, **thấy được mình**: Nghĩa là thấy được mọi nguồn gốc đau khổ từ vô lượng kiếp đến nay, đều do mình tạo ra và tự mình phải gánh chịu, không liên quan gì đến ai.

Năm là, **làm chính mình**: Nghĩa là biết Phật là mình, mình là Phật, rồi buông xả dục vọng và đoạn sạch vô minh để trở về làm Phật. Khi làm Phật rồi thì sự tu tâm của ta mới được hoàn thành viên mãn.

Bây giờ chúng ta tìm hiểu vào chân tâm của mình. Khi hiểu được chân tâm của mình rõ ràng, thì ta mới biết tu tâm từ đâu và sửa tâm chỗ nào? Còn nếu chưa hiểu tâm là gì, tâm ở đâu thì sự tu hành của ta sẽ không đi đến đâu và uổng phí cả đời. Phật nói: ***“Tâm Phật và tâm của chúng sanh vốn đồng một thể không hai”***. Tức là nói tâm của chư Phật và tâm của chúng ta bằng nhau, không cao, không thấp, không nhỏ, không lớn. Tóm lại, tâm của Phật và tâm của ta là một không hai, không khác biệt. Tôi biết quý bạn sẽ hỏi rằng: ***“Nếu tâm của Phật và tâm của ta là một không hai, vậy thì tại sao quý Ngài làm Phật, còn chúng ta thì làm chúng sanh?”***

Thưa quý bạn! Chư Phật và chúng ta chỉ khác nhau có một niệm mê, giác mà thôi. Nghĩa là chư Phật thì đã giác ngộ, còn chúng ta thì vẫn còn si mê. Vì vậy

mà cảnh giới, hình tướng của chư Phật và cảnh giới, hình tướng của chúng ta mới khác xa như vậy đó. Nhưng cho dù cảnh giới, hình tướng của chư Phật và cảnh giới, hình tướng của chúng ta có khác xa như thế nào, thì tâm của chư Phật và tâm của chúng ta cũng không hề có một chút mảy may khác biệt.

Nếu bàn đến chân tâm, thì phàm tình như chúng ta không thể dùng cái trí nông cạn hay ngôn ngữ hạn hẹp của thế gian mà bàn luận được. Tại sao? Vì thể tánh chân tâm của ta vốn không có hình tướng. Tuy không có hình tướng, nhưng chúng ta có thể tìm hiểu tâm một phần nào qua những sự việc do tâm biến hiện ra. Chỉ cần hiểu được sự biến hóa của tâm, thì ta sẽ thể hội được thể tánh của chân tâm.

Giờ chúng ta tạm tìm hiểu về thể tánh của vàng, nước và vũ trụ. Chỉ cần hiểu được thể tánh của chúng, thì ta sẽ hiểu được phần nào thể tánh chân tâm của ta.

I. Vàng

Vàng là thể tánh rắn chắc và chiếu sáng, nên chúng ta thường dùng vàng để làm ra những thứ nữ trang hay vật dụng như là: Nhẫn, dây chuyền, vòng xuyên, tượng Phật, chữ tranh, thau chậu, bình... Tóm lại, chúng ta có thể dùng vàng để tạo ra cả trăm, ngàn hình tướng nữ trang và vật dụng khác nhau. Nhưng cho dù chúng ta có dùng vàng để tạo ra nhiều hình tướng khác nhau như thế nào, thì thể tánh của vàng cũng không hề bị thay đổi.

II. Nước

Nước là thể tánh ướt, thanh tịnh và tươi mát, nên đâu đâu cũng có nước. Nếu không có nước thì vạn vật

muôn loài hữu tình và vô tình ở trong vũ trụ này sẽ không có sự sống tồn tại. Nước có nhiều hình tướng khác nhau như là: Nước ra biển thì thành biển, ra sông thì thành sông, ra hồ thì thành hồ, lên hư không thì thành mây, mây rơi xuống thì thành mưa... Tóm lại, hình tướng của nước không thể dùng con số thiên văn để mà tính đếm được. Nhưng cho dù nước có bị duyên không chế và biến hóa như thế nào, thì thể tánh của nước cũng không hề bị thay đổi.

III. Vũ trụ

Vũ trụ là thể tánh bao la rộng lớn không cùng tận như như bất động. Vũ trụ có thể biến hóa ra vô lượng thể giới lớn, nhỏ, thanh tịnh, ô uế, hạnh phúc và đau khổ khác nhau và vũ trụ luôn có sự thành tựu, hoại diệt, vĩnh cửu, xoay vần, biến hóa đời đời, kiếp kiếp không cùng tận. Nhưng cho dù những hình tướng thành tựu, hoại diệt và vĩnh cửu đó có thiên biến vạn hóa như thế nào, thì thể tánh của vũ trụ vẫn không hề bị thay đổi.

Qua ba thể tánh ở trên, chúng ta thấy thể tánh của vũ trụ là to lớn không cùng tận, cho dù ta có muốn nghĩ, muốn bàn cũng không được. Nhưng có một điều mà chúng ta không thể nào ngờ được, đó là: Tâm của ta to lớn bao trùm cả vũ trụ và tất cả vạn vật muôn loài ở trong vũ trụ này đều do tâm chúng ta tạo ra. Tóm lại, tất cả những gì dù là lớn như vũ trụ, nhỏ như hạt bụi, trang nghiêm như cõi Phật hay là u minh như địa ngục, đều là do tâm của chư Phật và tâm của chúng sanh tạo ra. Chúng chỉ có khác ở chỗ là: Tâm của chư Phật thì tạo ra mười phương cõi Phật thanh tịnh; còn tâm của chúng sanh thì tạo ra mười phương thế giới chúng sanh luân

hồi sanh tử. Nhưng cho dù tâm của chúng ta có tạo ra sáu ngã luân hồi đau khổ và u tối như thế nào, thì thể tánh chân tâm của chúng ta cũng không hề bị thay đổi.

Thưa quý bạn! Qua sự phân tích ở trên, chúng ta đã hiểu được phần nào thể tánh của chân tâm rồi. Bây giờ chúng ta tìm hiểu đến vô minh đang che lấp tâm ta bằng cách nào? Chỉ cần hiểu rõ thì ta sẽ can đảm buông xả tham, sân, si để trở về chân tâm (*Phật tánh*) của ta. Bây giờ chúng ta tìm hiểu vào vô minh của vàng, nước và vũ trụ từ đâu mà có, thì sẽ hiểu được vô minh của ta từ đâu mà có.

1. Vô minh của vàng: Bản thể của **vàng** là chói sáng, nhưng vàng bị người đời đem đi tạo thành nhiều hình tướng sang hèn, đẹp xấu, cao thấp khác nhau. Nếu có người dùng một khối vàng để đúc thành tượng Phật, thì tượng Phật đó sẽ được người ta đặt ở những nơi trang nghiêm để thờ cúng và lễ lạy. Nhưng cũng là khối vàng đó, mà có người đem đi làm thành thau chậu để tắm rửa, thì nó sẽ bị người ta đặt ở những nơi dơ bẩn và tanh hôi. Cùng là một thể vàng làm ra, nhưng tại sao nó lại có sự phân biệt sang, hèn khác xa như vậy? Là vì hình tướng của nó khác nhau. Ai đã làm cho hình tướng của nó khác nhau? Là vì vàng bị người đời điều khiển và xếp đặt, nên nó không có quyền tự chủ, chỉ đành theo duyên biến hóa mà thôi.

2. Vô minh của nước: Bản thể của **nước** là ướt, trong mát và tinh khiết. Nhưng nước bị duyên khởi của đất, nước, gió, lửa và bị vạn vật muôn loài hữu tình và vô tình khống chế. Biến nó ra thành nhiều hình tướng trong sạch, ô ứ, ngọt mặn, thơm thối khác nhau. Cùng là một thể nước, nhưng tại sao nó lại sanh ra nhiều

hình tướng sang hèn, dơ sạch, thối thơm khác xa như vậy? Là vì nước bị duyên khống chế và điều khiển, nên nó không có quyền tự chủ, chỉ đành theo duyên biến hóa mà thôi.

3. Vô minh của vũ trụ: Bản thể của **vũ trụ** là thanh tịnh, trong xanh và như như bất động. Nhưng tại sao vũ trụ lại biến hóa ra vô lượng thế giới hạnh phúc, an lạc, đau khổ và đọa đày khác nhau như vậy? Vì vũ trụ bị tâm thức của những loài hữu tình điều khiển, khống chế và bị quy luật thành tựu, hoại diệt xoay vần của vạn pháp, nên nó không có quyền tự chủ chỉ đành theo duyên biến hóa mà thôi.

Nếu **vàng** có quyền tự chủ, thì vàng chỉ muốn tạo ra tượng Phật để cho người đời chiêm ngưỡng và lễ bái. Vàng sẽ không muốn làm thau chậu bị đặt ở những nơi dơ bẩn, tanh hôi. **Nước** chỉ muốn làm băng tuyết tinh khôi, sương mai tinh khiết, suối mát, mưa rơi thấm nhuần tình thương đi khắp mọi nơi, nuôi sống mọi loài. Nước sẽ không muốn làm chất độc ô nhiễm, ứ đọng khắp nơi giết hại chúng sanh. **Vũ trụ** chỉ muốn tạo ra mười phương cõi Phật thanh tịnh. Vũ trụ sẽ không muốn tạo ra lục đạo luân hồi đau khổ.

Qua những sự việc biến hóa ở trên cho chúng ta thấy: **Vàng, nước và vũ trụ** đều bị duyên khống chế, nên chúng không có quyền tự chủ, chỉ đành theo duyên biến hóa không ngừng. Bây giờ chúng ta đã hiểu được vô minh của vàng, nước và vũ trụ rồi. Vậy chúng ta đang bị ai khống chế và cái gì là vô minh đang che lấp chúng ta đây?

Thưa quý bạn! Không ai xa lạ mà chính là **thần thức** của ta đang khống chế **chân tâm** của ta đấy.

(*Thần thức mà người đời thường gọi là thần hồn hay linh hồn*). Còn vọng tưởng tham, sân, si của thân giả tạm này chính là vô minh đang che lấp thần thức, khiến cho thần thức của ta không biết quay về nhập thể với chân tâm. Vì vậy, thân giả tạm này chính là kẻ thù lớn nhất của ta. Tại sao? Vì nó đã tạo ra sáu thứ độc để mê hoặc thần thức, khiến cho thần thức của ta mê đắm không biết quay về. Sáu thứ độc mê hoặc đó là: **Tham, sân, si, mạn, nghi** và **ác kiến**. Bây giờ chúng ta tìm hiểu vào sáu thứ độc này để xem chúng lợi hại như thế nào mà có thể mê hoặc được thần thức của ta.

Tham: Là tham vọng đủ thứ không tận cùng, không đáy.

Sân: Là sân hận, hãm hại, đổ kỵ không cùng tận, không chấm dứt.

Si: Là si mê không biết phân biệt đâu là tốt xấu, chánh tà.

Mạn: Là coi cái ta của mình còn lớn hơn Trời, không ai sánh bằng. Thậm chí, chư Phật và Thánh hiền ta cũng không để vào mắt.

Nghi: Là tâm địa xấu xa, nghi ngờ. Đến nỗi lời của chư Phật, chư Thánh ta cũng không tin, không để vào tai, ngược lại còn phỉ báng.

Ác kiến: Là tà tri, tà kiến (*tức nghĩ sai, thấy sai*). Vì nghĩ sai và thấy sai nên ta thường hay vạch lá tìm sâu, soi mói lỗi người. Rồi tạo nên những chuyện lạ thường để hãm hại lẫn nhau.

Thưa quý bạn! Tất cả chúng ta không nhiều thì ít, trong tâm đều có chứa sáu thứ độc này, nên ta mới cùng có mặt ở cõi Ta bà đây. Không những vậy mà chúng ta còn tích lũy chúng trong tâm thành băng,

thành khối. Điều đáng thương là chúng ta đã chắt chứa chúng đầy cả hư không rồi mà không hề hay biết. Ngược lại, còn tưởng mình là người trong sạch, thanh cao và có trí tuệ lắm. Đôi khi gặp được thiện tri thức khuyên nhủ tu hành mà ta không biết cảm ơn. Ngược lại, ta còn nổi sân chửi mắng và cho rằng người đó đang nghĩ mình ở ác, nên mới khuyên bảo mình tu hành.

Không những vậy mà chúng ta còn trả lời lại với họ rằng: *“Ai ở ác thì người đó mới cần tu, còn tôi không có ở ác thì tôi không cần tu hành chi cả”*. Chúng ta trả lời như vậy không lẽ chư Phật, Bồ tát, Tăng, Ni và Phật tử là những người ở ác hết sao? Chúng ta si mê, điên đảo đến hết thuốc chữa. Những người không thấy mình có tội chính là những người có tội nhiều nhất ở trên thế gian này. Xin quý bạn chớ vội nóng giận, chỉ cần quý bạn kiên nhẫn đọc hết cuốn sách này, thì sẽ biết rõ mình có tội nhiều hay ít?

Bây giờ chúng ta tìm hiểu vào tâm giả mà ta đang sống hằng ngày với nó. Chỉ cần hiểu được tâm thật và tâm giả khác nhau ở chỗ nào, thì ta sẽ có đủ trí tuệ và can đảm buông xả tâm giả để quay về với tâm thật của ta. **Tâm giả** tức là tâm vọng từ thân ta sanh ra mà có. Thân ta gồm có sáu phần quan trọng gọi là lục căn. Lục căn tức là sáu phần: **Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân** và **ý**. Hằng ngày, chúng ta thường dùng sáu căn này để tiếp xúc với sáu cảnh, rồi sanh ra tham đắm với sáu trần. Sáu trần tức là sáu thứ mà người đời ai ai cũng ưa thích, đó là: **Sắc, thanh, hương, vị, xúc** và **pháp**.

Sắc: Là nói chung hết sắc đẹp, xấu của thế gian.

Thanh: Là nói chung hết âm thanh hay, dở.

Hương: Là nói chung hết hương thơm, hôi thối.

Vị: Là nói chung hết vị ngọt, đắng, cay.

Xúc: Là nói chung hết hành động khoái lạc tiếp xúc của thân.

Pháp: Là nói chung hết vạn vật hữu tình và vô tình.

Hằng ngày, chúng ta thường dùng sáu căn của mình để tiếp xúc với sáu trần như là: **Mắt** thì thấy **sắc**; **tai** thì nghe âm **thanh**; **mũi** thì ngửi **hương** thơm, **lưỡi** thì nếm **vị** ngọt, đắng; **thân** thì tiếp **xúc** với khoái lạc mềm, cứng; **ý** thì mơ tưởng và tham vọng đủ thứ pháp.

Tóm gọn cho dễ hiểu sáu căn là thân của ta, còn sáu trần là tất cả vạn vật hữu tình và vô tình ở trên thế gian này, mà người đời ai cũng tham đắm, ưa thích và hưởng thụ. Chúng ta ai cũng thích nhìn cái đẹp, thích nghe âm thanh hay, thích ngửi mùi hương lạ, thích nếm vị ngọt ngon, thích khoái lạc hưởng thụ và thích mọi chuyện vừa ý nên ta mới bị khổ. Nếu chúng ta biết dùng chân tâm và trí tuệ để nhìn sự việc, thì ta đâu có khổ mà đã làm Phật từ lâu rồi.

Chân tâm và vọng tâm khác nhau ở chỗ nào? Chân tâm thì không có tham, sân, si và chấp trước, còn vọng tâm thì có tham, sân, si và chấp trước. Nếu người giác ngộ dùng chân tâm để nhìn thì sẽ thấy dây chuyền, vòng, nhẫn, bông tai là một không hai. Vì tất cả đều làm bằng vàng mà ra, nên họ không còn phân biệt, chấp trước. Còn người si mê dùng vọng tâm để nhìn thì sẽ thấy nhẫn là nhẫn, vòng là vòng. Nếu như có ai tới nói với họ rằng: Vòng và nhẫn giống nhau không khác, thì người si mê kia sẽ tranh luận hơn thua đến cùng. Thậm chí, họ còn đánh nhau đến bể đầu thì mới thôi. Vì vậy, người giác ngộ và người chưa giác ngộ có cái nhìn khác nhau là ở chỗ này.

Ở trên, chúng ta chỉ mới bàn đến một chút phân biệt chấp trước của con **mắt** thôi, mà đã sanh ra gây gổ đánh nhau rồi. Nếu cộng thêm năm cái chấp trước của **tai, mũi, lưỡi, thân** và **ý** thì sự chấp trước của ta còn tệ hại đến dường nào. Vì vậy mà thế giới này mới có đầy rẫy tai họa chiến tranh và giết hại lẫn nhau không dứt. Tất cả đều do cái tâm si mê, điên đảo và chấp trước của chúng ta tạo ra. Bây giờ chúng ta đã hiểu được thân giả tạm này là nguồn gốc tạo ra cái vòng vô minh để mê hoặc thần thức, thì ta phải giúp thần thức phá vô minh để trở về chân tâm. Muốn phá được vô minh thì trước hết ta phải tìm hiểu về quyền lực của thần thức và năng lực nhiệm mầu của chân tâm. **Chân tâm** là thể tánh có năng lực thiên biến vạn hóa, còn **thần thức** là chủ thể có khả năng điều khiển bất khả tư nghì. Chân tâm và thần thức tuy hai mà một, tuy một mà hai. Tâm không thể rời thần thức, thần thức cũng không thể rời tâm. Tại sao? Vì thể tánh mà không có chủ thể thì sẽ không phát huy được Diệu tánh, còn chủ thể mà không có thể tánh thì sẽ không phát huy được quyền năng tối thượng, vì vậy gọi chung là **tâm thức**.

Tâm của ta không đến, không đi, không lấy, cũng không bỏ và luôn hiện diện ở khắp mọi nơi. Còn đến hay đi, lấy hay bỏ đều là do **thần thức** của ta thay đổi. Nếu thần thức đi làm súc sanh, thì tâm của ta sẽ biến cho thần thức có thân súc sanh. Nếu thần thức đi làm người, thì tâm sẽ biến cho thần thức có thân người. Nếu thần thức đi làm Phật, thì tâm sẽ biến cho thần thức có thân Phật... Tóm lại, mọi sự biến hóa của tâm đều là do thần thức của ta khống chế, tâm không có quyền tự chủ, chỉ đành theo thần thức mà biến hóa

không ngừng. Nhưng cho dù thần thức của ta có điều khiển tâm ta biến hóa như thế nào, thì cũng không thay đổi được thể tánh của chân tâm. Vì vậy, trong Kinh Phật nói: **“Tâm chiếu mà thường tịch, tịch mà thường chiếu”**. Nghĩa là tâm thì thường sanh ra vạn pháp, nhưng tâm lúc nào cũng như như bất động, cũng như mặt gương luôn tỏa ra ánh sáng phản chiếu mọi hình tướng, không phân biệt. Vật gì đến thì nó hiện, vật gì đi thì nó mất, tùy duyên mà chiếu và tùy duyên mà lặn, nhưng thể gương thì lúc nào cũng như như bất động.

Thưa quý bạn! Qua sự phân tích ở trên, ta đã hiểu được phần nào tâm thật, tâm giả và vô minh của ta rồi. Bây giờ ta phải giúp thần thức phá vô minh để trở về chân tâm. Trong Kinh Phật nói: **“Ta cũng là một chúng sanh trong quá khứ, giờ ta đã thành Phật, còn tất cả chúng sanh là Phật sẽ thành”**. Tại sao Phật lại quả quyết với chúng ta như vậy? Là vì Phật thấy tất cả chúng sanh đều có chủng tử Phật tánh A Mi Đà giống như chư Phật không khác. Khi ta niệm A Mi Đà Phật, tức là niệm tự tánh A Mi Đà của mình và đồng thời ta cũng thâm nhiếp được thần lực của mười phương chư Phật gia trì. Vì vậy, Tịnh độ được gọi là pháp môn nhị lực (*nhị là hai, lực là thân lực*). Nghĩa là ta phải dùng thần lực của mình để thâm nhiếp thần lực của mười phương chư Phật. Phật nói nhị lực là để cho chúng ta dễ hiểu nhưng trên thực tế pháp môn Tịnh độ chỉ có một **đại lực** dung thông mà thôi. Tại sao? Vì tâm của Phật và tâm của chúng ta là đồng một thể không hai. Nếu không hai thì làm gì có nhị lực? Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta không có thần lực của chư Phật gia trì. Dĩ nhiên là có, vì mỗi niệm A Mi Đà của ta đang

niệm hằng ngày, đều là trực chỉ dung thông với Diệu tâm của mười phương chư Phật. Lực lực dung thông, lực lực tương đồng và hỗ trợ lẫn nhau. Hỗ trợ lẫn nhau nghĩa là: Chúng ta phải dùng thần lực từ chân tâm của mình để nương nhờ vào thần lực của mười phương chư Phật. Tại sao? Là vì cái màn vô minh của ta tạo ra đã quá sâu dày, mà thần thức của ta thì mới được thức tỉnh đây thôi, nên ta chưa có đủ thần lực và trí tuệ để phá vô minh. Vì vậy mà chúng ta phải nương vào thần lực của Phật A Mi Đà và chư Phật mười phương gia trì.

Thưa quý bạn! Khi thành Phật chúng ta sẽ có đầy đủ kim thân, trí tuệ và thần thông giống y như Phật A Mi Đà không khác. Nhưng kim thân, trí tuệ và thần thông mà ta có được đó không phải là do Phật A Mi Đà ban cho, mà tất cả đều là do tâm thức của ta tự thành tựu. Nếu nói trên **sự** thì chư Phật giúp cho ta có thân kim Phật. Vì nếu không có chư Phật khai thị, dẫn lối và trợ lực thì ta vẫn còn trôi lăn đau khổ trong sáu ngã luân hồi không thể thành Phật. Còn nói trên **lý**, thì thân kim Phật là do tâm thức hợp nhất của ta tự thành tựu. Cũng như thân người của ta hiện tại đang có. Nếu nói trên **sự**, thì là nhờ tinh cha huyết mẹ cấu tạo mới thành. Nhưng nói trên **lý**, thì thân người là do tâm thức và nghiệp lực của ta chiêu cảm mà có. Nếu từ nơi tâm thức và nghiệp lực của ta chiêu cảm mà có, thì cha mẹ của ta làm sao có quyền năng để tạo ra tướng người cho ta? Cha mẹ của ta chỉ là người trợ duyên nuôi dưỡng và giúp cho ta có đủ hình hài mà thôi. Khi ta thành Phật cũng như vậy đó. Thân kim Phật là do tâm thức hợp nhất của ta biến hóa thành, còn chư Phật chỉ là đại cha mẹ giúp cho ta thành tựu được thân kim Phật

mà thôi. Tại sao chư Phật là đại cha mẹ, còn cha mẹ sanh ra ta là tiểu cha mẹ? Là vì cha mẹ chỉ thành tựu cho ta có thân giả, còn chư Phật thì thành tựu cho ta có thân kim Phật. Thân giả thì chỉ được tồn tại trong một đời, còn thân kim Phật thì được trường thọ vĩnh cửu. Vì vậy, ân đức của chư Phật ta không thể nào báo đáp, mà chỉ còn khắc cốt ghi tâm đời đời, kiếp kiếp không quên. Khi đọc đến đây tôi biết quý bạn sẽ hỏi rằng: *“Nếu thân Phật và thân người đều là do tâm thức của ta biến hóa thành. Vậy thì tại sao thân người thì bị đau yếu già chết, còn thân Phật thì được trường thọ vĩnh cửu, vậy sự khác biệt đó là ở chỗ nào?”*

Thưa quý bạn! Thân Phật và thân người của ta chỉ khác nhau ở một niệm mê, giác của ta mà thôi. Nghĩa là thân người mà ta đang có, là vì trước khi sanh ra thì thần thức của ta si mê chạy theo tâm giả (*tức chạy theo tâm vọng*), nên chân tâm của ta phải duyên theo thần thức mà tạo cho ta có thân người. Còn khi thân Phật của ta được thành tựu, là nhờ thần thức của ta biết quay về hợp thành một thể với Diệu tâm, nên thân Phật của ta mới có đầy đủ trí tuệ, thần thông nhiệm màu và sống trường thọ vĩnh cửu. Còn thân người mà ta đang có là do duyên của tứ đại giả tạm tạo thành, nên ta không có thần thông, trí tuệ chi cả mà chỉ có si mê, điên đảo thôi. Bốn thứ tứ đại đó là **đất, nước, gió** và **lửa**: Trong đó thì thịt, xương, tim, gan, phổi... của ta là do **đất** cấu tạo thành; huyết là do **nước** cấu tạo thành; hơi thở là do **gió** cấu tạo thành; nhiệt độ ấm trong người là do **lửa** cấu tạo thành. Nếu bốn thứ này trong người của ta không được quân bình thì sẽ sanh ra bệnh. Nghĩa là nếu nước trong người của ta bị thiếu thì sanh ra nóng

sốt. Nếu lửa trong người bị thiếu thì sanh ra lạnh cúm. Khi tứ đại còn thì ta sống, khi tứ đại bỏ đi thì ta chết. Vì vậy, người chết trước hết là bị tắt thở (*tức gió đã bỏ đi*), rồi đến huyết ngưng lại (*tức nước đã bỏ đi*), rồi đến nhiệt độ ấm mất đi (*tức lửa đã bỏ đi*) và cuối cùng chỉ còn lại thân xác cứng lạnh là đất. Đất là còn lại cuối cùng vì nó phải cần có thời gian tan rã để trở về với cát bụi. Còn nếu thân đất này được thiêu đốt thì nó sẽ nhanh chóng trở thành cát bụi. Thân cát bụi trở về với cát bụi, vạn vật hữu tình và vô tình ở trên thế gian này cũng vậy, cuối cùng cũng đều trở về với cát bụi.

Bây giờ chúng ta tìm hiểu về thần thông. Thật ra, tất cả chúng ta hằng ngày đều đang dùng một phần thần thông của mình mà không hay biết. Trong mỗi chúng ta, ai cũng có những chuyện quá khứ vui buồn lẫn lộn, ai cũng có những lần đi xa, đi từ tỉnh này đến tỉnh kia, hoặc rời nước này đến nước kia để sinh sống hay du lịch. Ví dụ như ta rời khỏi nước Việt Nam để ra nước ngoài sinh sống. Tuy sinh sống ở nước ngoài, nhưng những kỷ niệm vui buồn ở Việt Nam hay những nơi ta đã đi qua đều vẫn còn tồn tại ở trong tâm thức. Chỉ cần ta nghĩ đến thì trong tích tắc những chuyện quá khứ, nơi chốn, cảnh vật, cảm xúc vui buồn... đều hiện về trước mắt. Thậm chí, có những chuyện đã trải qua mấy mươi năm mà ta tưởng chừng như hiện tại. Tại sao chúng ta có được khả năng thần diệu đó? Là vì tâm của ta đang hiện diện ở khắp mọi nơi. Nếu tâm của ta không hiện diện ở khắp mọi nơi, thì những cảm xúc vui buồn và đau khổ đó sẽ không bao giờ có. Những cảm xúc mà ta có được mỗi khi nhớ đến chuyện quá khứ, hiện tại hay tương lai đều là nhờ tâm của ta đang hiện

diện ở đó. Nhờ tâm hiện diện ở đó mà ta mới sống lại được với những cảm xúc rung động, vui buồn... Chẳng qua ta không có tu hành nên không thấy được chân tướng đó thôi.

Trong Kinh Phật nói: **“Cõi Cực Lạc cách xa cõi Ta bà mà chúng ta đang ở là mười vạn ức Phật độ”**. Nếu chúng ta dùng con số thiên văn để tính khoảng cách xa của nó, thì không có cách chi tính đếm được. Điều này cho thấy cõi Cực Lạc cách xa thế giới chúng ta biết dường nào. Vậy mà Phật lại nói rằng: **“Chúng sanh chỉ cần khởi lên một niệm thì sẽ đến được cõi Cực Lạc ngay”**. Nghe qua thật là khó tin, nhưng đây là vạn lần chân thật vì Phật không bao giờ nói lời giả dối.

Ví dụ: Hiện tại, chúng ta đang ở Mỹ mà thử khởi lên một niệm là đi về Việt Nam để thăm gia đình, thì ngay tức khắc ta đã có cảm giác như mình đang ở Việt Nam rồi, có phải vậy không? Thậm chí, thần thức của ta về tới Việt Nam còn nhanh hơn cái khảy móng tay. Khi ta vãng sanh cũng như vậy đó. Chỉ trong một niệm, thì thần thức của ta đã đến cõi Cực Lạc rồi. Tại sao thần thức của ta có được mãnh lực thần thông đó? Là vì tâm của ta đã hiện diện ở cõi Cực Lạc lâu rồi. Chẳng qua thần thức của ta vẫn còn si mê tham đắm dục trần, nên không chịu buông xả để bay về Tây phương Cực Lạc đó thôi.

Khi nào thần thức của ta được giác ngộ tu hành niệm Phật, thì lúc đó ta muốn bay về cõi Phật lúc nào cũng được. Tức là nói hiện tại tuy thân của ta vẫn còn ở đây, nhưng tâm thức của ta thì đã ở cõi Cực Lạc rồi. Đợi đến khi nghiệp báo của thân này trả xong, thì lúc đó ta sẽ tự tại bay thẳng về Tây phương Cực Lạc để gặp Phật A Mi Đà và thành tựu Phật thân. Còn bây giờ ta có

muốn bỏ cái thân giả tạm này để bay về Cực Lạc cũng không được. Tại sao? Vì nghiệp tội của ta còn quá nhiều, nên phải ở đây tu hành để trả nghiệp. Khi nào trả nghiệp xong rồi, thì lúc đó ta mới được Phật đến nơi tiếp dẫn đưa về Cực Lạc. Ý nghĩa trả xong nghiệp ở đây là nói chúng ta phải trả xong nghiệp của báo thân này (*tức thân hiện tại của ta*), không phải là trả xong nghiệp tội mà ta đã tạo từ vô thì kiếp đến nay. Xin quý bạn chớ có hiểu lầm.

HIỂU LẦM Ý NGHĨA TÂM THANH TỊNH

Nếu nói về ý nghĩa tâm thanh tịnh, thì đa số chúng ta xưa nay đều đã hiểu lầm. Vì hiểu lầm nên mỗi khi tôi khuyên gia đình hay những người xung quanh niệm Phật, thì đa số họ đều nói rằng: *“Tâm của tôi chưa được thanh tịnh thì làm sao có thể niệm Phật?”*. Tôi hỏi tại sao thì họ đều trả lời rằng: *“Vì chúng tôi thường nghe quý Thầy nói rằng Phật tử phải dùng tâm thanh tịnh để niệm Phật”*. Tôi hỏi họ rằng: *“Vậy tâm thanh tịnh nghĩa là gì?”*. Họ trả lời rằng: *“Là tâm không được suy nghĩ hay vọng tưởng chi cả”*. Tôi hỏi họ rằng: *“Vậy bạn chờ đến bao giờ thì mới hết vọng tưởng, mới có cái tâm thanh tịnh?”*. Khi nghe tôi hỏi đến đây, thì đa số họ đều trả lời rằng: *“Niệm Phật sao khó quá, mới khởi niệm thì vọng tưởng kéo đến dồn dập, vì sợ mang tội với chư Phật, nên tôi không dám niệm Phật”*. Cũng vì sự hiểu lầm này mà đã có rất nhiều người không dám niệm Phật.

Kính thưa quý bạn! Nếu tâm chúng ta được thanh tịnh, thì chư Phật và chư Bồ tát sẽ không bao giờ thị hiện đến đây để dạy chúng ta tu hành. Phật dạy rằng:

“Chúng sanh phải dùng tâm thanh tịnh để niệm Phật”. Ý của Phật muốn nói rằng: *“Khi niệm Phật thì ta phải biết dùng chân tâm để niệm Phật, không nên dùng vọng tâm để niệm Phật”.*

Ở đây, tôi xin phân tích tóm gọn để quý bạn không còn lo lắng. Trong mỗi chúng ta, ai cũng có nhiều tâm khác nhau, nhưng chúng ta không nên tìm hiểu nhiều tâm khác làm gì cho nhọc. Vì càng tìm hiểu thì càng làm cho ta thêm phân biệt chấp trước. Bây giờ, tôi xin tóm lại còn hai tâm:

1. Chân tâm (tâm Phật của ta);

2. Tâm vọng tưởng (tâm giả từ thân ta mà có).

Khi ta phát tâm niệm Phật để thành Phật, là ta đã phát cái tâm thanh tịnh của ta rồi. Tại sao? Vì chỉ có tâm thanh tịnh của ta mới phát được cái nguyện niệm Phật để thành Phật. Còn tâm vọng tưởng, chấp trước là giả thì làm sao biết mà phát nguyện? Chúng ta xưa nay chỉ dùng tâm vọng tưởng và chấp trước rồi cho là tâm thật của mình. Còn tâm thật của mình thì bỏ qua một bên không ngó ngang chi cả, nên mới hiểu lầm ý của Phật.

Khi niệm Phật vọng tưởng kéo đến, chúng ta lại tưởng vì mình niệm Phật nên mới có nhiều vọng tưởng. Thật ra không phải vậy, vì vọng tưởng của ta lúc nào cũng nhiều vô cùng tận. Chẳng qua trước kia ta dùng tâm giả nên không thấy được vọng tưởng. Nay nhờ niệm Phật mà ta mới thấy được vọng tưởng của mình. Nhờ thấy được vọng tưởng mà ta mới chuyển được tâm tham, sân, si của mình. Cũng như ta có một viên ngọc quý bị dính sinh đất lâu năm, nay đem nó ra chùi rửa thì tay của ta sẽ bị dơ bẩn và thau nước sẽ bị đen

hôi. Nhưng nếu ta cứ tiếp tục thay nước và chấp nhận tay bị dơ bẩn, thì qua nhiều lần chùi rửa, tay của ta, nước và viên ngọc sẽ được sạch và chiếu sáng. Niệm Phật cũng vậy. Vọng tưởng là dơ, câu Phật hiệu là nước thần rửa sạch tâm dơ bẩn để chân tâm của ta được hiển hiện. Khi ông Phật trong tâm được hiển hiện thì trí tuệ của ta theo đó mà được thông, đây gọi là thần thông. **Thần**, là thần lực ánh sáng từ chân tâm của ta phát ra làm tiêu tan tâm ma; **thông**, là trí tuệ Bát nhã, nhờ có thần lực ánh sáng của chân tâm phát ra mà trí tuệ của ta được thông và hiểu biết tất cả vạn pháp từ giả tới chân.

TÂM NIỆM

Tâm ta niệm, nào ngoại cảnh niệm
 Chợ đông người mặc kệ chợ đông
 Khen chê, chửi trách chuyện của người
 Mưa nắng, đêm ngày chuyện thiên nhiên.

Tâm ta niệm, nào thân ta niệm
 Bận rộn đêm ngày chuyện của thân
 Đi đứng, nằm ngồi không chướng ngại
 Thân mất, cảnh tàn vốn tự nhiên.

Tâm đã định, ngại chi ngoại động
 Niệm niệm Mi Đà, niệm tự tâm
 Trí tuệ, chân tâm, thần thông đủ
 Cực Lạc danh đề Phật vị lai.

(Ta là Phật sẽ thành).

NHỮNG DẤU HIỆU KHI ĐƯỢC NHẤT TÂM

Ở đây, tôi xin chia sẻ một chút kinh nghiệm về những chuyển biến trước và sau khi tôi chứng được nhất tâm để quý bạn tìm hiểu thêm.

I. Một ngày trước khi được nhất tâm

Hôm đó, tôi cảm thấy tâm của mình nóng hổi và đầu thì cứng như một khối đá đặc khiến cho tôi không thể niệm Phật thắm. Nhưng hôm đó, tôi niệm Phật ra tiếng với các con thì không sao. Cũng hôm đó, lồng ngực của tôi nóng hổi và cứ chảy mồ hôi hoài, dù thời tiết của ngày hôm đó không có nóng. Cả ngày hôm đó, tôi cứ thắc mắc: *“Tại sao bao nhiêu năm niệm Phật, mình chưa bao giờ gặp phải tình trạng như thế này?”*. Sau đó, tôi dùng hai tay đập vào đầu, mong cho cái đầu của tôi được tỉnh lại, nhưng không sao khởi niệm được.

II. Ngày được nhất tâm

Cả đêm hôm trước, vì buồn cho cái đầu nên tôi ngủ không được yên. Sáng hôm sau, khi vừa thức dậy thì tôi thử khởi niệm để xem mình có niệm Phật thắm được không? Nhưng không ngờ tôi vừa mới khởi niệm, thì tôi nghe được cả trời niệm Phật. Lúc đó, tôi tưởng con của tôi hay là hàng xóm mở nhạc niệm Phật. Nhưng sau đó, tôi nghĩ: *“Không thể nào vì trong nhà mình không có loại nhạc niệm Phật bốn chữ này. Còn hàng xóm toàn là người Mỹ, thì họ đâu có mở nhạc niệm Phật tiếng Việt Nam làm gì”*.

Lúc đó, cảm giác của tôi cho biết đây không phải là nhạc niệm Phật bình thường, mà là tiếng niệm của chư Phật và tôi tự hỏi thắm: *“Không lẽ mình có duyên nên*

mới nghe được tiếng niệm của chư Phật ở trên trời?”. Tiếng niệm Phật làm cho lòng tôi thanh thản và an lạc không chi sánh bằng. Lúc đó, tôi cứ nằm im lắng nghe và tự sung sướng mỉm cười mãi. Bỗng nhiên tôi khựng lại và tự nói với mình rằng: “*Không được, mình không được tham nghe vì sẽ bị ma mê hoặc*”. Sau đó, tôi vội ngồi dậy và chấp tay sám hối. Sau khi sám hối xong thì tôi tự nói với mình rằng: “*Phải siêng năng niệm Phật không được tham thân thông, không được mong cầu vì đây là điều cấm kỵ của người tu hành*”. Sau đó, tôi lại khởi tâm niệm Phật để quên đi chuyện trước đó, nhưng lạ thay tôi lại nghe được cả trời niệm Phật.

Sau đó, tôi thử đi vòng hết trong nhà, ngoài sân, hàng xóm và ngoài đường để xem mình có nghe được tiếng niệm Phật hay không? Nhưng hôm đó, cho dù tôi có đi đâu thì tôi cũng nghe được tiếng niệm Phật bao phủ cả trời. Sau đó, tôi nhớ lại quý Thầy thường nói rằng: “*Ma vương có thể biến thành Phật để mê hoặc chúng ta, nhưng Ma vương không thể nào giả được câu Phật hiệu A Mi Đà. Vì hễ ai niệm câu A Mi Đà Phật, thì sẽ làm cho chúng ma tránh xa 40 dặm*”. Khi nghĩ đến đây thì tôi cảm thấy an tâm. Sau đó, tôi tự hỏi: “*Không lẽ mình đã niệm Phật được nhất tâm?*”. Sau đó, tôi thử không muốn nghe thì nhạc niệm Phật dừng. Tôi khởi niệm thì nhạc niệm Phật lại trở lên. Tôi cứ thử cả ngày như vậy, thật đúng với câu: “***Nhất tâm chỉ còn một niệm***”.

Trước kia, lúc chưa chứng đạo tôi thường hay thắc mắc về hai câu: “***Nhất tâm chỉ còn một niệm***” và “***Niệm mà như không niệm, không niệm mà niệm***”. Nhưng sau khi được nhất tâm, tôi mới hiểu được chân

tướng của hai câu này. Bây giờ tôi xin chia sẻ một chút để quý bạn tìm hiểu thêm.

1. Nhất tâm chỉ còn một niệm: Nghĩa là lúc đó ta chỉ cần khởi lên một niệm, thì trong đầu và trong tâm của ta giống như có một cái máy tự động niệm Phật mãi cho ta nghe. Nghe cho đến khi nào ta không muốn nghe nữa thì nó mới ngưng.

2. Niệm mà như không niệm, không niệm mà niệm: Nghĩa là lúc đó ta không cần dùng sức để niệm, mà tâm của ta sẽ tự động niệm Phật mãi cho ta nghe. Việc làm của ta lúc đó, chỉ cần giữ tánh nghe để nghe câu niệm Phật, thì cũng như là ta đang niệm Phật (*khi ta tập trung nghe câu niệm Phật là đã giữ tánh nghe của ta rồi*).

Sau đó, qua nhiều ngày thử nghiệm thì tôi mới biết là mình đã niệm Phật được “nhất tâm”. Sau khi được nhất tâm, có hai vấn đề làm cho tôi luôn thắc mắc, đó là: **Một**, tại sao bao nhiêu năm tôi niệm Phật sáu chữ, nhưng khi được nhất tâm thì tôi chỉ nghe được nhạc niệm Phật bốn chữ; **hai**, nếu tôi niệm Phật được nhất tâm, thì tôi phải nghe được tiếng niệm của tôi mới đúng chứ? Nhưng tại sao tôi lại nghe được nhiều người niệm và có giọng nam, nữ niệm chung, giống như là tôi đang ở trong một đại đạo tràng tu niệm Phật thật vậy?

Tóm lại, hai vấn đề này đã làm cho tôi phải suy nghĩ mãi trong thời gian mới được nhất tâm. Nhưng sau đó thì tôi mới hiểu được chân tướng (*phần này tôi sẽ giải thích trong bài kế tiếp*). Còn một điều kỳ lạ nữa là tiếng nhạc niệm Phật trong đầu và trong tâm của tôi nó tự động lên xuống và lớn nhỏ tùy theo tiếng động ồn ào ở bên ngoài. Nghĩa là tiếng động ở bên ngoài ồn bao

nhiều, thì tiếng niệm Phật ở trong đầu và trong tâm của tôi lại càng lớn hơn bấy nhiêu. Tôi thích nhất là khi lái xe ở ngoài đường, xe cộ càng ồn ào bao nhiêu thì tôi càng nghe được tiếng nhạc niệm Phật càng lớn hơn bấy nhiêu. Những lúc đó, tôi cảm giác như mình đang được mười phương chư Phật hộ niệm. Tóm lại, mỗi ngày, tôi vừa chạy xe và vừa nghe được tiếng nhạc niệm Phật bao phủ cả trời, làm cho thân tâm của tôi lúc nào cũng cảm thấy mát mẻ và an lạc không thể tả. Ngôn ngữ không đủ để giải thích, chỉ có ai tu nấy hiểu mà thôi. Cũng như mình uống nước nóng hay lạnh chỉ riêng mình hiểu. Tôi chỉ có một câu để kết luận rằng: ***“Pháp môn Tịnh độ cao siêu không thể nghĩ bàn”***. (Nghĩ, là không thể nghĩ tới; bàn, là không thể bàn luận được).

III. Phần lưu ý

Sau khi được nhất tâm, chúng ta chỉ dùng tâm để nghe tiếng nhạc niệm, không nên dùng đầu để nghe. Nghĩa là ta chỉ dùng tánh nghe để nghe tiếng nhạc niệm từ tâm phát ra, không phải dùng tánh nghe để nghe tiếng nhạc niệm Phật ở trong đầu. Nếu chúng ta không hiểu dùng tánh nghe để nghe trong đầu, thì lâu ngày ta sẽ bị nhức đầu và khó chịu. Tại sao? Vì một niệm tam muội này quá lớn, lớn đến mức độ vượt khỏi không gian và thời gian, nên đầu của ta không thể chứa nổi. Chỉ có tâm Phật của ta mới chứa nổi một niệm siêu việt này và niệm này không phải chỉ thoát ra một lần rồi hết, mà nó sẽ phát ra như dòng suối tuôn chảy trong tâm không cùng tận và sẽ theo ta cho tới ngày vãng sanh, nếu ta không thoái chuyển.

GIẢI TỎA BA NGHI VẤN SAU KHI ĐƯỢC NHẤT TÂM

Sau khi được nhất tâm, tôi có ba điều nghi vấn và ba điều nghi vấn này đã làm cho tôi phải ngẫm nghĩ hết mấy tháng mới tìm ra được chân tướng. Ở đây, tôi xin chia sẻ từng phần để quý bạn dễ hiểu.

1. Tại sao trước một ngày được nhất tâm, đầu của tôi bị cứng như một khối đá đặc? Là vì câu niệm Phật lâu năm đã ăn sâu vào đầu, đóng thành một khối và đúc thành một niệm, nên hôm đó tôi không thể khởi niệm Phật trong đầu. Một niệm này quá lớn, lớn đến mức độ vượt khỏi không gian và thời gian. Đầu của tôi không thể nào chứa nổi một niệm cao siêu này, vì vậy mà niệm này phải thoát ra ngoài. Khi thoát ra ngoài thì nó lan rộng khắp hư không. Vì tiếng niệm Phật lan rộng khắp hư không, nên lúc đó tôi tưởng rằng mình đang nghe được chư Phật và chư Thánh niệm Phật ở trên trời. Nhưng sau đó tôi mới hiểu, thì ra tiếng nhạc niệm Phật đó là từ trong tâm của tôi phát ra, không phải ở ngoài như tôi đã tưởng. Tuy trong tâm của tôi phát ra, nhưng nó bao trùm cả vũ trụ.

2. Tại sao cả ngày tâm tôi nóng hổi? Tôi nhớ ngài Thích Đức Niệm có nói rằng: *“Người niệm Phật muốn được nhất tâm thì phải giống như người nấu nước. Nếu muốn nấu nước được sôi, thì ta phải canh củi lửa liên tục thì nước mới được sôi”*. Ý của Ngài muốn nói người niệm Phật muốn được nhất tâm, thì phải niệm Phật mỗi ngày không được gián đoạn. Nếu chúng ta niệm Phật một ngày mà bỏ cả tháng thì sẽ khó được nhất tâm. Cũng như ta nấu nước mà củi lửa

không được đầy đủ hoặc bị tắt nửa chừng, thì nước sẽ không được sôi. Sau khi được nhất tâm, tôi mới hiểu được câu nói của Ngài bao hàm một ý nghĩa rất sâu. Nhờ tôi niệm Phật nhiều năm không gián đoạn, nên đã thâm nhiếp được thần lực của Phật A Mi Đà và mười phương chư Phật gia trì. Nhờ có thần lực của chư Phật gia trì, mà tôi mới có đủ thần lực để chuyển hóa tâm si mê của tôi thành tâm sáng suốt.

3. Tại sao sau khi nhất tâm thì tôi chỉ nghe được nhạc niệm bốn chữ? Sau khi được nhất tâm có một điều làm cho tôi luôn thắc mắc, đó là: *“Tại sao bao nhiêu năm tôi niệm Phật sáu chữ, nhạc niệm Phật trong nhà cũng chỉ có sáu chữ. Nhưng khi được nhất tâm thì tôi chỉ nghe được nhạc niệm Phật bốn chữ và có giọng nam, nữ niệm chung, như vậy nghĩa là sao?”*. Nhưng sau đó, thì tôi hiểu được nguyên nhân tại sao. Chuyện là như vậy, trước một đêm được nhất tâm thì tôi có xem một cuộn băng **“Kinh Vô Lượng Thọ”** do Ngài Tịnh Không thuyết giảng. Tới cuối của cuộn băng thì có một đoạn nhạc niệm bốn chữ **A Mi Đà Phật** do một nhóm nam, nữ niệm chung nghe rất hay. Vì nghe thấy hay nên tôi đã niệm theo tiếng niệm Phật đó cho đến khi tôi đi ngủ. Nhưng không ngờ những câu niệm Phật mà tôi niệm theo đó, lại là những niệm cuối cùng để tôi được nhất tâm. Cũng giống như ly nước tới lúc đã đầy, ta chỉ cần bỏ thêm vài giọt thì nước sẽ bị tràn ra. Có một điều mà làm cho tôi không thể ngờ, đó là: Những câu niệm Phật cuối cùng mà tôi niệm theo đó, chúng có khả năng chuyển hóa hết tất cả những câu niệm Phật lâu năm của tôi, thật là vi diệu.

Sau khi được nhất tâm, nhận thức được những niệmc cuối cùng đã chuyển hóa toàn bộ những câu niệmc Phật lâu năm của tôi, làm cho tôi kinh hoàng và sợ hãi. Lúc đó, tôi mới cảm nhận được những lời Phật dạy ở trong Kinh, Phật dạy rằng: *“Nếu thần thức của ta phút cuối (khi chết) nghĩ ác thì sẽ đọa vào đường ác. Nếu nghĩ thiện thì sẽ sanh vào cõi thiện. Tất cả đều tùy vào một niệmc thiện ác của ta mà dẫn ta đi lên hay đi xuống”*.

CẢM XÚC SAU KHI ĐƯỢC NHẤT TÂM

Sau khi được nhất tâm khoảng hơn một tháng, tự nhiên có một ngày trí tuệ của tôi bừng sáng, tôi thấy rõ hết pháp của thế gian (*tâm tôi thấy không phải mắt tôi thấy*). Trước kia học Kinh Phật tôi hiểu thế gian là giả tạm. Hiểu thì hiểu vậy thôi nhưng tôi không biết sợ. Giờ chân tướng sự thật đã hiển bày ở trước mắt. Những thứ mà trước kia tôi cho là trân quý nguy nga, mỹ lệ tình nồng thì bây giờ tất cả chỉ là cát bụi. Quá xúc động nên tôi bật khóc, thương cho thân tôi lâu nay sống mà như chết, có mắt mà như mù, lặn hụp bao nhiêu kiếp mãi đến bây giờ mới thấy được bờ giác. Tôi khóc cho tôi và cho đấng Từ phụ. Ngài đã hy sinh vô lượng kiếp để cứu độ chúng sanh, vậy mà thương cho chúng sanh vẫn còn mãi nghi ngờ, để rồi phải chịu đắm chìm trong biển khổ, không biết đâu là bờ giác. Khiến cho chư Phật và Bồ tát phải bồn ba đây đó không thể nhập Niết bàn.

Bây giờ tôi xin chia sẻ những cảm xúc sau khi được nhất tâm để quý bạn tìm hiểu thêm. Vì sau khi được nhất tâm, chúng ta sẽ có những cảm xúc giống nhau không khác. Sau khi được nhất tâm, tôi vô cùng xúc động không cầm được nước mắt. Lúc đó, trong tôi

có nhiều cảm xúc lẫn lộn, như là: Có lúc tôi cảm thấy giải thoát, có lúc tôi cảm thấy đau lòng, hối hận và xót xa. Rồi những cảm xúc vui buồn lẫn lộn đó làm cho tôi khóc mãi tới gần ba tháng mới được nguôi. Khi đọc tới đây, tôi biết quý bạn sẽ thắc mắc rằng: *“Tại sao một người niệm Phật đã đạt đến nhất tâm tam muội, mà vẫn còn có nhiều cảm xúc và khóc lâu như vậy?”*

Kính thưa quý bạn! Cái khóc trước khi được nhất tâm và sau khi được nhất tâm hoàn toàn khác nhau. Tại sao? Vì cái khóc trước khi được nhất tâm là cái khóc của tham, sân, si. Còn cái khóc sau khi được nhất tâm là cái khóc từ bi và thương xót từ trong chân tâm tuôn chảy ra. Nhờ có được những dòng nước mắt từ trong chân tâm tuôn chảy ra, mà chư Phật và Bồ tát mới có đủ can đảm nhảy vào biển lửa, để cứu chúng sanh đời đời, kiếp kiếp. Bây giờ tôi xin chia sẻ từng phần cảm xúc để quý bạn tìm hiểu thêm.

1. Cảm xúc giải thoát: Lúc đó, tôi cảm thấy hạnh phúc và giải thoát không thể tả. Cái hạnh phúc và giải thoát đó, còn hơn vạn lần so với cái hạnh phúc và giải thoát của một người bị nhốt ở trong căn nhà lửa nhiều năm, nay được giải thoát bay bổng nhẹ nhàng và dạo chơi khắp mười phương. Tóm lại, cái hạnh phúc và giải thoát đó khó có thể giải thích bằng lời, chỉ có ai chứng ngộ mới hiểu được thôi.

Trước kia, tôi thường hay thắc mắc rằng: Không hiểu tại sao chư Cổ đức chỉ ẩn tu một nơi không đi đâu hết, vậy mà quý Ngài lại nói rằng: *“Thường hay du hành đi khắp mười phương và luôn sống trong niềm an lạc và giải thoát”*. Sau khi được nhất tâm, tôi mới hưởng được niềm an lạc và giải thoát đó. Cái hạnh phúc và giải thoát

mà tôi đang hưởng được, cho dù có ai đem cả thế giới vàng bạc châu báu, hay quyền uy hạnh phúc nhất ở trên thế gian này để đổi với tôi, thì tôi cũng không chịu. Tại sao? Vì những thứ đó chỉ là giả tạm như bọt nước. Còn cái hạnh phúc và giải thoát mà tôi đang hưởng được, mới là chân thật và vĩnh cửu.

2. Cảm xúc đau lòng: Khi tôi càng được hạnh phúc và giải thoát bao nhiêu, thì tôi lại càng cảm thấy đau lòng và tan nát bấy nhiêu. Cái cảm xúc đau lòng đó, còn hơn vạn lần so với cái cảm xúc bị mất cha mẹ, vợ chồng hay con cháu. Tại sao? Vì khi cha mẹ, vợ chồng hay con cháu mất đi, thì ta chỉ đau lòng vì sự mất mát và thương nhớ thôi. Còn cái đau lòng sau khi được nhất tâm, là cái đau lòng khi phải chứng kiến cảnh thân bằng, quyến thuộc của mình từ vô lượng kiếp đến nay, họ đang bị đọa đày trong biển lửa luân hồi không thể thoát ra. Vì vậy mà tôi đau lòng tan nát.

3. Cảm xúc hối hận: Khi tôi càng đau lòng tan nát bao nhiêu, thì tôi càng hối hận và sám hối tội lỗi của mình nhiều hơn bấy nhiêu. Cái cảm xúc hối hận đó, còn hơn vạn lần so với cái cảm xúc hối hận của người con bất hiếu bỏ nhà, bỏ cha mẹ ra đi. Tại sao? Vì cho dù ta có bất hiếu bỏ nhà, bỏ cha mẹ ra đi, thì cha mẹ cũng chỉ khổ vì ta có một đời thôi. Còn sự si mê, điên đảo của ta từ vô lượng kiếp đến nay, đã làm cho chư Phật và Bồ tát khổ vì ta trong vô lượng kiếp rồi. Vì vậy mà tôi hối hận và sám hối nhiều như vậy.

4. Cảm xúc xót xa: Khi tôi càng hạnh phúc, đau lòng và hối hận bao nhiêu, thì tôi càng cảm thấy xót xa bấy nhiêu. Nỗi xót xa đó còn hơn vạn lần so với nỗi xót xa của một người mẹ đang chứng kiến cảnh các con

của mình tàn sát lẫn nhau. Tại sao? Vì cho dù ta có bất hạnh chứng kiến cảnh các con của mình tàn sát lẫn nhau, thì cũng chỉ chứng kiến chúng tàn sát lẫn nhau có một đời thôi. Còn sau khi được nhất tâm, ta sẽ chứng kiến được cảnh ông bà, cha mẹ, vợ chồng và con cháu của ta từ vô lượng kiếp đến nay; họ đang hành hạ, tàn sát và ăn nuốt lẫn nhau đời đời, kiếp kiếp không cùng tận, vì vậy mà tôi tan nát cả tâm can.

Sau khi được nhất tâm, tôi thấy được chân tướng của luân hồi sanh tử. Lúc đó, tôi chỉ muốn hét cho thấu tận mười phương, để nói cho tất cả chúng sanh mọi loài biết rằng: *“Chúng ta vốn là thân bằng quyến thuộc, là huynh đệ một nhà...”*. Lúc đó, tôi chỉ muốn hét thật lớn để van xin tất cả chúng sanh mọi loài hãy mau thức tỉnh và phát tâm niệm Phật để được giải thoát. Lúc đó, tôi chỉ muốn đến từng người quỳ xuống lạy để xin họ phát tâm niệm Phật. Nhưng hỡi ôi! Không ai chịu nhận 100 lạy của tôi để niệm một câu A Mi Đà Phật mà ngược lại, họ còn cho tôi là một kẻ điên khùng. Vì vậy, lúc đó tôi chỉ còn biết đau lòng thương khóc ngày đêm và cầu xin mười phương chư Phật và chư Bồ tát gia hộ cho chúng sanh mau được thức tỉnh hồi đầu.

Sau đó, nhờ chư Phật gia hộ mà tôi mới hoàn thành được cuốn sách **“Kinh nghiệm niệm Phật và những chuyện luân hồi”**. Cũng nhờ hoàn thành được cuốn sách đó mà tâm của tôi mới nguôi đi được phần nào thương xót. Rồi bốn năm sau đó, tôi lại hoàn thành được thêm cuốn sách **“Ý nghĩa Hoàng pháp và Hộ pháp”**. Mỗi khi hoàn thành được một cuốn sách hay một băng đĩa thuyết pháp nào đó, thì tâm của tôi cảm thấy nhẹ đi phần nào.

Tóm lại, sau khi được nhất tâm chúng ta sẽ trải qua giai đoạn khóc thật nhiều. Rồi nhờ giai đoạn khóc thật nhiều đó, mà ta mới có đủ từ bi và can đảm phát ra đại nguyện để cứu độ chúng sanh đời đời, kiếp kiếp. Một khi đại nguyện từ bi của ta được phát khởi, thì cũng là lúc ta được giải thoát như như bất động. Ý nghĩa như như bất động ở đây, không phải là ta trở thành gỗ đá vô tri vô giác, mà là tâm của ta không còn bị đau khổ và phiền não của thế gian trói buộc nữa.

Lúc đó, cho dù ta có muốn đau khổ cũng không được. Tại sao? Vì sự đau khổ của ta đã chuyển thành biển nguyện độ tha rồi. Nói như vậy không có nghĩa là ta không còn biết đau, biết khóc, biết khổ hay biết sầu. Dĩ nhiên là ta vẫn còn, nhưng tất cả những cảm xúc đau khổ, buồn vui đó đều là vì chúng sanh, không còn là vì bản thân ta nữa. Tóm lại, nếu chúng sanh hạnh phúc thì ta hạnh phúc, nếu chúng sanh đau khổ thì ta đau khổ. Nhưng cái hạnh phúc và đau khổ đó, không phải là cái hạnh phúc, đau khổ của phàm phu, mà là cái hạnh phúc, đau khổ của Bồ tát. Tức là khổ mà như không khổ, không khổ mà khổ. Hạnh phúc mà như không hạnh phúc, không hạnh phúc mà hạnh phúc. Tóm lại, khó có thể giải thích được, chỉ có ai chứng ngộ mới hiểu được thôi.

5. Chuyển biến tâm lý: Ở đây, tôi xin chia sẻ một chút về sự chuyển biến tâm lý sau khi được nhất tâm, để quý bạn tìm hiểu thêm. Sau khi được nhất tâm, tôi thấy được chân tướng giả tạm của thế gian. Trong mắt tôi khi đó, tất cả vạn pháp chỉ là cát bụi. Nếu nói trên **tâm**, thì lúc đó tôi không còn muốn ở đây thêm một giây một phút nào cả, mà chỉ muốn được vãng sanh càng

nhanh càng tốt. Tại sao? Vì tôi đã thấy được tất cả vạn pháp chỉ là cát bụi, thì còn nuối tiếc ở lại đây để mà làm gì. Còn nói trên **sự**, thì lúc đó tôi cảm thấy như bị cực hình. Vì mỗi sáng thức dậy tôi phải lo chụng diện đi làm để kiếm tiền, phải lo đi chợ, nấu nướng, ăn uống,... Tất cả những thứ đó đều là phiền phức, làm mất thời gian tu hành và độ tha của tôi. Lúc đó, tôi chỉ muốn buông xả hết, tìm một nơi ẩn tu để thành tựu đạo nghiệp tự độ và độ tha. Nhưng nghiệp tội của tôi còn quá nặng, vẫn còn bị ràng buộc bởi gia đình, con cái,... vì vậy, thời gian đó tôi cảm thấy khổ sở vô cùng. Nhưng qua một thời gian thì tôi không còn cảm thấy đau khổ nữa. Tại sao? Vì tôi đã thấy được những việc mà tôi đang làm hằng ngày, đều là đang cúng dường cho tất cả chúng sanh. Nhờ vậy mà từ đó mỗi sáng thức dậy, tôi đều vui vẻ chụng diện, vui vẻ đi làm, đi chợ, nấu nướng, ăn uống, tập thể dục... Vì nếu không có sức khỏe, thì tôi sẽ không duy trì được mạng sống để tu hành và cứu độ chúng sanh lâu dài. Còn nếu không có tiền, thì tôi sẽ không lưu thông được Kinh sách đi khắp mười phương. Tóm lại, sau khi được nhất tâm chúng ta sẽ trải qua hai giai đoạn chuyển biến tâm lý khác nhau, đó là:

Một: Chúng ta sẽ cảm thấy chán nản và không muốn làm gì cả, mà chỉ muốn thoát ra khỏi cái thế giới Ta bà đau khổ này càng nhanh càng tốt. Tại sao? Vì đâu có ai thấy được biển lửa mà còn muốn ở trong biển lửa để làm gì.

Hai: Chúng ta sẽ hăng hái tinh nguyện làm tất cả mọi chuyện, mà trong tâm lúc nào cũng cảm thấy hạnh phúc và an lạc. Tại sao? Vì không có gì hạnh phúc và sung sướng cho bằng, khi biết rõ mỗi hành động của

mình đang làm hằng ngày, đều đang cứu được vô lượng đời ông bà, cha mẹ và chúng sanh thoát khỏi luân hồi sanh tử.

THỨC TỈNH

Ước chi tôi tu thành chánh quả
 Khai thông trí tuệ mở chân tâm
 Đời đời, kiếp kiếp chuyên hoằng nguyện
 Phổ độ mười phương, cứu chúng sanh.

KHÔNG NIỆM

Sau khi chứng được nhất tâm, thì tôi càng tin sâu vào pháp môn Tịnh độ và tôi niệm Phật tinh tấn hơn. Không ngờ qua một thời gian, thì tôi chứng được **không niệm**. Trước kia, khi nào tôi khởi niệm thì tôi mới nghe được tiếng niệm Phật. Còn bây giờ tôi không cần khởi niệm chi cả mà tiếng niệm Phật trong tâm tôi tự nhiên trỗi lên. Còn một điều kỳ lạ, đó là: *“Nhạc niệm Phật ở trong tôi có linh tánh”*. Có linh tánh nghĩa là khi nào tôi thật sự suy nghĩ hay nói chuyện thì tiếng niệm Phật trong tôi tạm ngưng, còn khi nào đầu óc của tôi rảnh thì nó sẽ tự nhiên khởi tiếng niệm Phật. Sự hoạt động của tay chân không làm trở ngại đến tiếng niệm Phật ở trong tâm tôi. Nếu tôi suy nghĩ ít thì tiếng niệm vẫn tiếp tục. Chỉ khi nào tôi suy nghĩ thật sự thì tiếng niệm Phật mới tạm ngưng. Tóm lại, nhạc niệm Phật trong đầu và trong tâm của tôi không bao giờ ngưng. Nếu tôi ngủ mê thì không nghe được tiếng niệm Phật trong tâm, nhưng nếu nửa đêm thức giấc thì tôi lại nghe được tiếng niệm Phật từ trong tâm tôi phát ra và bao trùm cả trời.

Ở trên, tôi nói tiếng niệm Phật có linh tánh là để cho quý bạn dễ hiểu, nhưng trên thực tế thì không phải nhạc niệm Phật có linh tánh, mà là khi ta niệm Phật tới cảnh giới không niệm, thì ông Phật trong ta sẽ niệm hoài không dứt. Chẳng qua khi suy nghĩ hay tức giận, thì ta không còn tập trung để nghe câu niệm Phật ở trong tâm mình. (*Tức giận ở đây không phải là tham, sân, si*). Chắc có lẽ quý bạn sẽ nghĩ rằng: Nếu nghe tiếng niệm Phật cả ngày lẫn đêm như vậy thì chán chết. Thật ra không phải vậy, mà tiếng niệm Phật trong tâm rất là an lạc và thanh tịnh, không chi sánh bằng. Ở trên đời này, không có âm thanh nào hay bằng âm thanh niệm Phật ở trong tự tánh (*chân tâm*) của mình. Trước kia, tôi rất thích nghe nhạc vì nhạc là một phần sự sống của tôi. Nhưng từ khi được nhất tâm cho đến nay, tôi không còn thích nghe nhạc đời nhiều nữa, mà tôi chỉ thích nghe nhạc niệm Phật ở trong tâm tôi phát ra. Tại sao? Vì nhạc niệm Phật ở trong tâm tôi là một dòng suối mát làm cho thân tâm của tôi cảm thấy an lạc và giải thoát, giống như là tôi đang ở cõi Cực Lạc vậy.

Còn một điều kỳ diệu nữa, đó là: Khi chúng ta đã niệm tới cảnh giới "**không niệm**" thì có thể thay đổi nhạc niệm Phật trong tâm. Cũng như ta nghe một điệu nhạc niệm hoài thấy chán và muốn thay đổi thì ta chỉ cần nghe nhạc niệm Phật khác cho thâm nhập vào tâm là sẽ có thêm nhạc niệm mới. Thậm chí, ta có thể nghe một lúc hai hay ba loại nhạc niệm khác nhau, tùy theo tâm khởi. Nhưng nếu muốn giữ được tiếng nhạc niệm mới trong tâm rõ ràng, thì ta nên thường xuyên nghe bằng niệm Phật. Nếu không, ta chỉ còn lại một loại nhạc niệm Phật nguyên thủy mà thôi. Đó là nói thời gian mới

được nhất tâm. Nhưng qua một thời gian, thì ta không cần nghe bằng niệm Phật mà vẫn thay đổi được nhạc niệm Phật ở trong tâm theo ý thích. Ở đây, tôi chỉ nêu thêm vài điều nhiệm màu của Phật pháp để quý bạn hiểu thêm. Nhưng trên thực tế, khi ta tu tới cảnh giới không niệm thì sẽ không còn phân biệt.

KHÔNG

Miệng tôi khoe, tâm tôi không động
 Ý độ người, mặc kệ chê khen
 Khen chê, chửi trách chuyện của đời
 Đời là giả, cần chi chấp trước.

Bút giả tôi đặt kệ viết bài
 Đã chấp nhận khen chê, chửi trách
 Vốn thế gian tất cả là không
 Lời phỉếm dị nhẹ hơn gió thoảng.

CẢNH GIỚI NỘI TÂM

Ở đây, tôi xin chia sẻ một chút kinh nghiệm về những cảnh giới nội tâm mà tôi đã trải qua để quý bạn tìm hiểu thêm. Vì sự tìm hiểu này rất là quan trọng, nếu không hiểu ta sẽ bị thoái tâm. Nói về cảnh giới nội tâm thì là đa dạng, vì mỗi người đều có nghiệp tội và có tâm ma khác nhau. Ở đây, tôi chỉ nói lên vài điều căn bản, chỉ cần nắm được căn bản thì ta sẽ có cách điều phục nội tâm và biết cách đối phó với tâm ma của mình. Muốn khôi phục lại ông Phật trong ta có đủ thần thông, thì ta phải luôn bảo vệ cho ông Phật của mình. Nghĩa là ngoài chuyên tâm niệm Phật ra, thì ta phải có đủ trí tuệ và nghị lực để đối phó với tâm ma của mình.

Sau đây là những biến chuyển căn bản mà chúng

ta sẽ phải gặp. Trong thời gian đầu niệm Phật, ta sẽ cảm thấy thân tâm yên ổn và thoải mái. Niệm một thời gian (*ngắn hay dài tùy theo nghiệp và tâm ma của mình*) thì ta sẽ thường nằm mơ thấy ma hoặc thú dữ rượt đuổi. Nếu không hiểu, ta sẽ cho rằng vì mình niệm Phật nên mới nằm mơ gặp ác mộng. (*Sự hiểu lầm này đã xảy ra với những người thân của tôi*).

Thật ra, không phải vậy mà vì công phu niệm Phật của ta có kết quả. Vì có kết quả nên ông Phật trong ta mới được thức tỉnh. Khi ông Phật trong ta được thức tỉnh thì tâm ma, tâm thú trong ta sẽ hoảng sợ. Vì hoảng sợ nên chúng mới hợp sức để đánh ông Phật trong ta (*tức là đánh ta*). Trong khoảng thời gian này rất là quan trọng, là thời gian quyết định ta thắng hay bại. Nếu chúng ta vì sợ tâm ma của mình mà bỏ niệm Phật, thì ta sẽ bị tâm ma dẫn dắt luân hồi tiếp tục. Muốn thắng được tâm ma, thì ta phải quyết tâm tu niệm Phật tinh tấn hơn, để ông Phật trong ta có nhiều thần lực. Khi ông Phật trong ta có nhiều thần lực, thì sẽ thu nhiếp được nhiều thần lực của Phật A Mi Đà và mười phương chư Phật. Lúc đó, ta sẽ có đủ trí tuệ và thần thông để đánh đuổi ma ra khỏi người của ta. Khi ma trong người ta được tiêu diệt sạch thì ta sẽ được thành Phật.

Sau khi vượt qua giai đoạn đánh đuổi tâm ma, thì ta sẽ bước vào giai đoạn nhất tâm. Sau khi được nhất tâm thì ta sẽ thấy được cảnh giới nội tâm và cảnh giới bên ngoài. Cảnh giới nội tâm là những gì khi ta ngủ mà thấy, còn cảnh giới bên ngoài là khi ta đang thức mà thấy. Nếu nói về cảnh giới nội tâm thì là đa dạng, nhưng ở đây tôi chỉ nêu ra vài điều mà tôi đã thấy để quý bạn có thể hình dung, còn tin hay không là tùy quý

bạn.

Trong giấc mơ tôi thường thấy nhiều cảnh đẹp như là: “*Bầu trời có màu ngũ sắc và mưa ngũ sắc; sông núi xanh tươi mát rượi; mặt nước yên tĩnh trong suốt; ánh nắng vàng nhu nhuyễn lấp lánh; chim đủ loại và đủ màu to lớn; tượng rồng, chuỗi, chuông, ... đều làm bằng ngọc báu và to lớn cả một góc trời*”. Tóm lại, khó có thể giải thích bằng lời, vì cảnh giới đó không có ở thế gian chúng ta, chỉ người nào chứng ngộ thì mới thấy được thôi.

Trước kia, tôi thường mơ ước được đi xem danh lam thắng cảnh của thế gian. Nhưng từ khi thấy được cảnh giới nội tâm, thì tôi không còn mơ ước nữa. Vì trên thế gian này không có cảnh nào đẹp bằng cảnh giới của nội tâm. Nhưng không phải vì vậy mà chúng ta tham đắm. Vì cảnh giới nội tâm tuy là có, nhưng ta không nên chấp có hoặc chấp không, vì cảnh giới nội tâm vốn có cũng vốn không.

Có: Là nói trên công phu tu niệm của ta đã có sự chứng đắc, nên ta mới thấy được một phần cảnh giới của nội tâm. Nghĩa là ta thấy được một phần biến hóa của diệu tâm.

Không: Là nói trên cảnh giới của nội tâm. Cảnh tuy có nhưng không tồn tại, vì khi ta thức giấc thì cảnh đó cũng tan. Tóm lại, chúng ta hãy để chúng tự nhiên không nên phân biệt, mà hãy xem như mình đang trên đường đi tìm về cõi Phật. Mỗi đoạn đường mà chúng ta đi qua sẽ thấy được nhiều cảnh lạ khác nhau. Chúng ta vừa đi vừa ngắm không sao, nhưng đừng để cảnh làm mê hoặc. Nếu để cảnh mê hoặc thì đường tu của ta sẽ lạc vào ma đạo. Tóm lại, dù trong hoàn cảnh nào thì ta

cũng phải giữ thân tâm của mình thanh tịnh và phải can đảm tiến bước đi nhanh về nhà để gặp Phật A Mi Đà. Khi gặp được Phật A Mi Đà rồi thì ta sẽ được thành Phật và có vô lượng quang và vô lượng thọ.

I. Cảnh giới xuất hồn

Kính thưa quý bạn! Có một chuyện này rất là quan trọng, tôi kể ra đây là mong quý bạn có thêm kinh nghiệm trên đường tu hành. Có một đêm tôi nằm mơ, tuy nói là mơ nhưng không phải. Vì sau khi thức dậy tâm của tôi vẫn còn hồi hộp cho tới gần một tuần mới được định tâm. Trong giấc mơ tôi thấy mình bước vào một căn phòng có tấm gương lớn. Tôi nhìn vào gương, nhưng không thấy thân của tôi. Lúc đó, tôi chưa kịp hoảng hốt, thì thần thức (*thần hồn*) của tôi tự nhiên xuất ra bay xuyên qua nóc nhà, qua xóm, qua phố và bay vào hư không. Trong lúc thần thức xuất ra, tôi nhìn xuống thì thấy thân của tôi vẫn còn đứng ở đó. Lúc đó, tôi lo sợ lỡ có ai vào phòng đó đem thân xác của tôi đi, thì thân đâu để cho tôi nhập thần thức vào. Trong lúc lo sợ thì thần thức của tôi bay vun vút vào hư không, làm cho tôi chói với và sợ hãi vô cùng. Sau đó, tôi dùng hết sức để niệm Phật. Niệm được một hồi thì thần thức của tôi tự nhiên đứng lại giữa hư không. Rồi tự nhiên tôi giật mình thức dậy và thấy miệng của tôi đang còn niệm Phật.

Nếu nói về cảm giác thì trong khoảng thời gian xuất thần thức, tôi thấy mình bị rơi vào một cơn xoáy giữa hư không, không điểm tựa, không phương hướng và hoang mang sợ hãi. Nhưng khi niệm Phật thì tâm của tôi liền cảm thấy an toàn, như người sắp chết đuối

gặp được cái phao. Cảm giác đó khó có thể giải thích bằng lời.

Qua lần xuất thần thức đó tôi thấu hiểu được nhiều điều. Trước kia, tôi không hiểu tại sao quý ngài Sư Tổ bên Thiên tông, cuối cùng đều khuyên Phật tử nên tu pháp niệm Phật? Nhưng sau lần xuất thần đó thì tôi mới hiểu, thì ra quý ngài Sư Tổ đã từng xuất thần thức nên quý Ngài mới hiểu được thần thức rất nhẹ và bay rất nhanh. Thêm vào, quý Ngài còn hiểu được cho dù một người tu hành có định lực cao thì cũng không thể khống chế, đó là chưa nói đến bị oan gia báo thù hay gặp chướng duyên.

Sau lần xuất thần thức đó, tôi còn hiểu thêm một điều quan trọng nữa, đó là: Nếu hằng ngày chúng ta niệm Phật được ăn sâu vào tâm thức, đến phút lâm chung không may gặp chướng duyên làm cho thể xác bị đau đớn, sanh tâm sân hận quên đi niệm Phật và không được Phật đến nơi tiếp dẫn ngay lúc đó. Nhưng sau khi chết, cho dù thần thức của ta có bị lưu lạc tứ phương hay bị chúng ma níu kéo, trong lúc sợ hãi ta sẽ nhớ đến câu niệm Phật. Chỉ cần niệm Phật thì cho dù ta có ở trong địa ngục thì cũng được chư Phật phóng quang đến tiếp dẫn ta về Cực Lạc. Nếu hằng ngày ta không lo niệm Phật để thấm sâu vào tâm thức, thì sau khi chết ta sẽ bị đọa lạc vào những đường ác để chịu muôn vàn đau khổ.

II. Chuyển biến thân tâm

Còn điều này rất là quan trọng, đó là: Khi bắt đầu niệm Phật thân tâm của ta sẽ cảm thấy yên tĩnh. Tuy nhiên, niệm một thời gian thì thân tâm của ta sẽ cảm

thấy hồi hộp và khó chịu mỗi khi nhìn thấy những cảnh đau lòng hay xem những phim sợ hãi. Lâu ngày, chúng ta sẽ không còn muốn xem những phim sợ hãi nữa. Tại sao? Vì một khi ông Phật trong ta đã được thức tỉnh, thì thân tâm và hành vi của ta cũng theo đó mà được từ bi và thanh tịnh. Trí tuệ của ta cũng được khai mở và buông xả tham đắm theo thời gian, mà chính bản thân không thể ngờ. Đây là sự nhiệm màu của câu A Mi Đà Phật.

Sau khi qua giai đoạn hồi hộp, thì ta sẽ bước vào giai đoạn **định** (*tức định trên tâm vọng*). Sau khi được định, ta sẽ bước qua giai đoạn **nhất tâm** (*tức được chánh định*). Sau khi được nhất tâm, cho dù ta có đi, đứng hay nằm, ngồi thì đều được an vui và tự tại. Đặc biệt là những lúc tĩnh tọa niệm Phật, ta sẽ quên hết thân tâm, cảnh vật và quên cả không gian và thời gian, chỉ còn lại mỗi câu A Mi Đà Phật là hiện hữu.

Kính thưa quý bạn! Nói về cảnh giới nội tâm thì là đa dạng và biến hóa không thể nghĩ bàn. Nhưng cho dù chúng có biến hóa như thế nào, thì cũng không ra ngoài bốn nguyên nhân chính sau đây, đó là: **Một**, có những giấc mơ từ trong **tự tánh** hiển lộ ra; **hai**, có những giấc mơ từ trong **tàng thức** hiển lộ ra; **ba**, có những giấc mơ **từ ngoài** tác động vào; **bốn**, có những giấc mơ vì ban ngày ta **vọng tưởng** mà ban đêm ta mộng thấy. Tóm lại, tuy chỉ có bốn nguyên nhân chính tạo nên những giấc mơ, nhưng trong mỗi nguyên nhân chính đó còn có vô lượng nguyên nhân phụ khác. Vì vậy mà chúng ta, ai cũng có vô lượng giấc mơ giả thật, đẹp xấu khác nhau và không ai giống ai. Nhưng cho dù giả hay thật, đẹp hay xấu thì ta cũng không nên xem trọng hay

chấp trước. Vì đa số những giấc mơ mà ta đang thấy hằng ngày đều là do tâm vọng của ta biến hiện ra. Vì vậy, ta không nên lo sợ hay vui mừng mà chỉ để tự nhiên. Nếu trên đường tu hành mà ta thấy được những cảnh giới đặc biệt nào đó, thì nên để chúng qua một bên và tìm hiểu sau. Vì sự tìm hiểu về những giấc mơ đặc biệt sẽ giúp ta có thêm kinh nghiệm trong việc tu hành và độ tha. Tóm lại, người tu hành điều quan trọng là phải luôn giữ thân tâm thanh tịnh. Có như vậy thì ta mới không bị chúng ma mê hoặc.

ĐÁNH ĐUỔI TÂM MA

Kính thưa quý bạn! Trong chúng ta, ai cũng có vô số tâm ma và tâm thú khác nhau. Có người thì tâm ma mạnh, có người thì tâm ma yếu. Nhưng cho dù mạnh hay yếu thì cũng không quan trọng, mà điều quan trọng là tâm Phật của ta có đủ mạnh để đánh đuổi được tâm ma và tâm thú ra khỏi người của ta hay không?

Ở đây, tôi xin kể cho quý bạn nghe một câu chuyện mà tôi đã trải qua khi đánh đuổi tâm ma và tâm thú. Chỉ cần hiểu rõ thì quý bạn sẽ không sợ khi phải đối diện với chúng. Tuy mỗi người đều có tâm ma, tâm thú khác nhau, nhưng cách đánh đuổi tâm ma, tâm thú trong ta thì chỉ có một, đó là: ***“Ý chí dũng mãnh và quyết tâm niệm Phật để thành Phật”***.

Có một đêm tôi nằm mơ (*giấc mơ của nội tâm*), thấy mình đi vào một khu rừng có nhiều cây cối âm u rất lớn. Lúc đó, trong tâm tôi cho biết ở đây có nhiều rắn độc. Ý nghĩ trong tâm chưa kịp dứt, thì tự nhiên có ba con rắn độc rất lớn nhào tới, chúng muốn giết hại tôi. Lúc đó, trong tay tôi tự nhiên có một sợi dây thừng rất

lớn, trong tâm tôi cho biết chỉ có sợi dây thừng này mới đối phó được với chúng. Tôi liền dùng dây thừng quất chúng tới tấp. Trong lúc đánh nhau với chúng, tôi nghĩ thầm: *“Tôi phải tiêu diệt chúng, nếu không chúng sẽ hại tôi và hại vô số người”*. Đánh nhau một hồi thì chúng sợ bỏ chạy và tôi đã rượt theo đến hang của chúng. Hang của chúng rất lớn ở trong một hang núi. Lúc đó, tôi đứng núp ở ngoài và quan sát những hành động của chúng. Trong hang của chúng rất âm u và có một ngọn đèn lập lòe. Khi chúng vừa bò vào trong thì liền biến thành người. Sau đó, chúng kê tai to nhỏ và bày mưu để đối phó với tôi. Lúc đó, tôi đứng ở ngoài cảm thấy sợ hãi và lo lắng, nhưng trong tâm tôi cho biết mình phải tiêu diệt chúng, nếu không chúng sẽ hại mình và hại vô số người. Vì vậy, tôi đứng ở ngoài chờ chúng bò ra. Một lát sau, chúng biến thành rắn bò ra ngoài. Chúng vừa ló đầu thì tôi liền dùng dây thừng quất chúng tới tấp. Dây thừng quất tới đâu thì chúng đứt ra từng khúc tới đó. Nhưng chúng rất mạnh và có phép thuật, cho dù bị đứt khúc nhưng chúng tự biết nối và trở lại nguyên hình. Lúc đó, tôi càng đánh chúng thì tâm tôi càng sợ, nhưng ý chí của tôi nói rằng: *“Không được thua mà nhất định phải thắng. Nếu thắng không được thì bất quá ôm nhau chết chung”*. Lúc đó, ý nghĩ trong tôi chưa kịp dứt, thì bỗng nhiên sợi dây thừng trên tay tôi liền biến thành con rắn. Tôi hốt hoảng vứt con rắn đó xuống đất và trong tâm tôi nói với chúng rằng: *“Cho dù không có dây thừng, tao vẫn chết sống với tụi bây”*. Không ngờ con rắn tôi vừa vứt xuống đất, nó liền lăn tới quấn chặt ba con rắn kia để chết chung. Sau đó, thân xác của chúng từ từ tan rã. Rồi tự nhiên có một dòng nước trong mát

từ đâu chảy đến, làm tiêu tan hết những chất dơ bẩn, tanh hôi và cây cối cỏ hoa cũng bắt đầu từ từ mọc lên xanh tươi hết cả khu rừng. Tâm của tôi cũng từ từ mát rượi, nhẹ nhàng và thoải mái.

Lúc đó, tôi vui mừng là đã thoát được một cơn sống chết, nhưng tôi buồn và hối hận vì đã hiểu lầm sợi dây thừng. Tôi tưởng nó biến thành rắn để hại tôi, nhưng không ngờ nó vì tôi mà liều mạng chết chung với ba con rắn kia. Trong lúc thương tiếc thì bỗng nhiên tôi nghe có một giọng nói của người đàn bà nhẹ nhàng thoảng qua tai: *“Con đã thắng rồi! Con đã thắng rồi!”*. Tôi giật mình thức dậy và thấy mồ hôi ướt đẫm cả người. Sau khi thức dậy tim của tôi vẫn còn hồi hộp và suy nghĩ về câu chuyện đó mãi. Qua mấy ngày sau thì tôi được nhất tâm. Sau khi được nhất tâm, tôi mới hiểu được chân tướng của giấc mơ đó, thì ra ba con rắn độc đó là ba tâm độc **tham, sân, si** của tôi. Trong mỗi chúng ta, ai cũng đều có ba tâm độc này, vì vậy mà ta mới bị chúng hành hạ đau khổ luân hồi vô số kiếp. Còn sợi dây thừng trong tay tôi chính là tôi. Vì vậy, trong lúc tôi nghĩ đến là sẽ ôm chúng để chết chung, thì sợi dây thừng đó liền biến thành con rắn lăn tới ôm chúng để chết chung. Còn khu rừng trước đó là âm u, nhưng sau khi tiêu diệt được ba con rắn độc thì khu rừng liền trở lại sáng sủa, xanh tươi và mát rượi. Khu rừng là biểu tượng cho tâm thanh tịnh của tôi (*tức tâm Phật*). Tâm Phật của ta lúc nào cũng trong sáng và thanh tịnh. Chẳng qua ba tâm độc tham, sân, si trong ta quá mạnh, nên đã chôn vùi tâm Phật của ta, khiến cho ta phải bị lặn hụp đau khổ luân hồi vô số kiếp. Nhờ tôi niệm Phật nhiều năm không gián đoạn, nên tâm Phật của tôi mới

có đủ thần lực và ý chí để tiêu diệt ba tâm độc tham, sân, si để tôi được nhất tâm. (*Nhất tâm nghĩa là tôi đã làm chủ được tâm thanh tịnh của mình*).

Kính thưa quý bạn! Muốn đánh đuổi được tâm ma và tâm thú trong ta, thì ta phải tinh tấn niệm Phật thì chúng sẽ tự nhiên tiêu tan biến mất. Nếu muốn tâm ta niệm Phật được thuần thực, thì ta phải siêng năng niệm Phật mỗi ngày không gián đoạn. Có như vậy thì tâm Phật của ta mới có đủ thần lực để đánh đuổi tâm ma và tâm thú ra khỏi người chúng ta. Niệm Phật không gián đoạn, nghĩa là tùy theo hoàn cảnh mà tự đặt ra thời khóa cho mình. Khi đã đặt ra rồi thì ta không nên bỏ, như vậy gọi là niệm Phật không bị gián đoạn. Nếu ta niệm Phật một ngày mà bỏ cả tháng thì gọi là bị gián đoạn.

Quý bạn nên biết rằng: Trong mỗi chúng ta, ai cũng có bốn chủng tử tâm làm căn bản, đó là: **Tâm Phật, tâm người, tâm ma** và **tâm thú**. Khi ta chết, tâm nào trong ta mạnh hơn, thì tâm đó sẽ dẫn ta đi tái sanh làm thân đó. Nghĩa là nếu tâm thú của ta mạnh hơn thì sẽ dẫn ta đi tái sanh làm thân thú. Tại sao? Vì tâm thú phải đi làm thú, đó là điều đương nhiên. Cũng như trong cuộc sống hằng ngày chúng ta thường thấy: Người có **tâm tốt** (*tâm người*) thì đi tới những nơi làm việc từ thiện giúp người. Người có **tâm tham** (*tâm thú*) thì đi lường gạt, trộm cướp. Người có **tâm ác** (*tâm ma*) thì đi hãm hại, giết người. Người có **tâm từ bi** (*tâm Phật*) thì đi tu hành độ chúng. Tóm lại, khi còn sống thì tâm của ta dẫn dắt ta đi. Sau khi chết thì tâm của ta cũng dẫn dắt ta đi, chớ không có Phật, Trời hay một đấng Thiêng Liêng nào có thể xếp đặt cho ta.

Nếu chúng ta biết tu hành và độ chúng sanh, thì chư Phật và Bồ tát lúc nào cũng gia hộ cho ta. Gia hộ không có nghĩa là xếp đặt việc tái sanh của ta, mà là trợ lực cho ta có đủ phương tiện, khả năng tự độ và độ tha. Cho dù Phật, Trời có muốn xếp đặt việc tái sanh của ta cũng không được. Tại sao? Vì tạo hóa có luật của tạo hóa. Nếu Phật, Trời có thể xếp đặt thì quý Ngài đã biến cõi Ta bà đau khổ này thành Thiên đàng vĩnh cửu hết rồi. Quý Ngài không cần phải cực nhọc thị hiện xuống đây để dạy cho ta cách tu hành để giải thoát.

CHUYỂN BIẾN KHI KHÔI PHỤC SÁU CĂN

Ở đây, tôi xin chia sẻ một chút kinh nghiệm khi khôi phục được sáu căn thanh tịnh, để quý bạn tìm hiểu thêm. Chúng ta ai cũng có sáu căn, đó là: **Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân** và **ý**. Tuy có, nhưng chúng ta không biết làm chủ sáu căn của mình. Ngược lại, chúng ta còn để cho chúng điều khiển và hại ta bị luân hồi không thể thoát ra. Chúng ta xưa nay vì không biết làm chủ sáu căn của mình, nên để cho chúng tự làm chủ, như là: **Mắt**, thì làm chủ của cái thấy; **tai**, thì làm chủ của cái nghe; **mũi**, thì làm chủ của cái ngửi; **lưỡi**, thì làm chủ của cái nếm; **thân**, thì làm chủ của cảm thọ và **ý**, thì làm chủ của tư tưởng. Vì mỗi căn đều có bản lĩnh riêng, nên chúng không chịu dung thông và hợp nhất với nhau. Ngược lại, chúng lúc nào cũng đố kỵ và tranh chấp với nhau, như là: Mắt của ta thì thấy món ăn đó ngon, nhưng lưỡi của ta thì không thích vì quá đắng; hoặc mắt của ta không thích màu sắc của chiếc áo đó, nhưng thân của ta thì thích vì nó mát mẻ và thoải mái... Tóm lại, sáu căn của ta lúc nào cũng đố kỵ và tranh chấp lẫn nhau không

ngừng, nên mới hại ta bị luân hồi sanh tử mãi. Tại sao chúng lúc nào cũng đổ kỵ và tranh chấp lẫn nhau? Là vì chúng không có người chỉ dạy. Nay được thức tỉnh, chúng ta phải biết làm chủ sáu căn của mình và dạy cho chúng biết dung thông, hợp nhất với nhau.

Thay vì trước kia chúng ta để cho chúng khống chế, nên mắt của ta chỉ thấy nhưng không thể nghe, ngửi, nếm, cảm giác hay khởi ý. Các căn khác cũng vậy, đều bị hạn chế. Nay ta trở về điều khiển sáu căn của mình cho được dung thông, hợp nhất với nhau, thì mắt của ta có thể thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm giác và khởi ý. Các căn khác cũng vậy, đều có chức năng giống nhau. Nói như vậy không có nghĩa là ta không cần dùng đến chức năng đặc biệt của mỗi căn. Dĩ nhiên là ta vẫn dùng sáu căn của mình như cũ, không thay đổi. Chúng chỉ có khác ở chỗ là sáu căn của ta bây giờ được sáng suốt và hòa thuận với nhau, không còn si mê chạy theo sáu trần để tranh chấp với nhau nữa. Sáu trần đó là: **Sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp** (*phần này tôi đã giải thích rõ trong bài “Tâm là gì?” rồi*). Sáu căn của ta không còn bị khống chế, nghĩa là: Mắt của ta bây giờ nhìn thấy sắc, nhưng không bị sắc làm mê hoặc; tai nghe âm thanh, nhưng không bị âm thanh cám dỗ; lưỡi nếm vị nhưng không để vị đắm nhiễm. Các căn khác cũng vậy, nên gọi là sáu căn thanh tịnh. Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta trở thành gỗ đá, không còn biết thưởng thức hay chiêm ngưỡng. Nếu tu để rồi trở thành gỗ đá thì ai còn dám tu. Quý bạn nên biết rằng tu hành là bỏ cái ta giả để trở về với cái ta thật, không phải tu để rồi không còn có cái ta nào. Nếu tu để

rồi không còn cái ta nào, vậy ai thành Phật? Nếu không có ai thành Phật thì làm sao có chư Phật?

Kính thưa quý bạn! Qua sự phân tích tóm gọn ở trên, quý bạn đã hiểu được ý nghĩa dung thông sáu căn rồi, bây giờ tôi xin chia sẻ vào kinh nghiệm. Khi chúng ta niệm Phật có đủ thần lực, thì thần lực của ta sẽ dung thông được với sáu căn. Lúc đó, ta sẽ thấy có một luồng khí lực trong người, từ đan điền (*dưới lỗ rốn*) đột phá và chạy lên qua khỏi đỉnh đầu của mình. Khi luồng khí lực đó chạy từ lỗ rốn lên tới gần giữa lồng ngực, thì nó sẽ tự động chẻ ra làm hai như chữ “V” và từ từ mở lớn ra. Luồng khí lực đó càng đột phá lên cao thì độ chẻ của nó càng mở ra lớn hơn, nó chẻ lớn tới đâu thì sáng rực tới đó. Nghĩa là ở giữa hai đường chẻ ra thì sáng rực, còn hai bên bị chẻ ra thì tối đen. Nó cũng giống như một tấm màn đen che cửa sổ, bị ta dùng kéo cắt nó ra làm đôi. Cắt tới đâu thì độ rách của nó càng lớn và ánh sáng Mặt Trời càng chiếu vào nhà sáng hơn. Khi luồng khí lực đó đột phá lên tới đỉnh đầu, thì ta sẽ không còn thấy thân, mặt và đầu của mình ở đâu nữa, mà chỉ thấy cảnh vật xung quanh và cảm giác hai luồng khí lực tuôn ra hai bên lỗ tai kêu rét rét và làm cho tai của ta cảm thấy đau buốt. Luồng khí lực đó đột phá khoảng gần một phút. Trong thời gian gần một phút đó, ta có thể dùng sáu căn để thay thế cho nhau. Nghĩa là lúc đó ta có thể dùng thân để thấy, dùng mắt để cảm nhận, dùng mũi để nghe... Tóm lại, ta có thể dùng một căn để thay thế cho sáu căn, thật là vi diệu không thể nghĩ bàn. Khi luồng khí lực đó đột phá đến đâu, ta sẽ cảm nhận được sự an lạc và thông suốt đến đó. Sự an lạc và thông suốt đó không thể giải thích bằng lời, chỉ có

ai chứng ngộ mới cảm nhận được thôi. Cảnh giới này bên Thiên tông gọi là “**Lãng Nghiêm Đại Định**”.

Sau khi khôi phục được sáu căn thanh tịnh, chúng ta lúc nào cũng cảm thấy từ lỗ rốn lên tới đỉnh đầu của mình, trống rỗng như không có vật gì. Trống rỗng tới mức độ, ta có thể cảm nhận được mỗi hơi thở của mình từ trên thông xuống tới lỗ rốn mát rượi, thoải mái và từ lỗ rốn thông lên qua đỉnh đầu rất là an lạc. Từ đó, mỗi khi nhắm mắt, ta sẽ không còn cảm thấy thân của mình hiện hữu nữa. Sáu căn của ta lúc nào cũng được thanh tịnh và sáng suốt, không còn chạy theo sáu trần. Rồi qua vài ngày sau, ta sẽ không còn thấy hơi thở của mình thông xuống lỗ rốn hay thông lên đỉnh đầu nữa, mà cảm thấy thông cả toàn thân trên dưới và trong ngoài đều thanh tịnh.

Kính thưa quý bạn! Người tu Thiên trước hết là phải khôi phục được sáu căn thanh tịnh, rồi sau đó mới khôi phục được thần thông thanh tịnh của sáu căn. Còn người tu Tịnh thì hoàn toàn khác hẳn. Chúng ta có thể khôi phục sáu căn và thần thông thanh tịnh cùng một lúc. Tại sao? Vì mỗi một niệm của ta đang niệm, một bên là khôi phục lại thần thông của sáu căn, còn một bên là khôi phục lại sáu căn thanh tịnh. Nghĩa là cho dù hiện tại ta chưa khôi phục được sáu căn dung thông hợp nhất với nhau, nhưng ta có thể khôi phục được từng phần thần thông thanh tịnh của sáu căn.

Ở đây, chúng tôi xin lấy sự thành tựu của hai chị em tôi để phân tích thì quý bạn dễ hiểu hơn. Chị Diệu Ngọc của tôi thì khôi phục được sáu căn thanh tịnh trước, rồi sau đó mới khôi phục được một phần Thần túc thông (*chỉ mới khôi phục được Thần túc thông thôi*).

Còn tôi thì khôi phục được một phần **Nhĩ thông**, **Nhãn thông** và **Thần túc thông** thanh tịnh trước. Rồi sau đó mới khôi phục được **sáu căn** thanh tịnh. Tại sao? Vì sự tu hành và **Túc mạng** của hai chị em tôi có chỗ khác nhau. Túc mạng, nghĩa là sự tu hành và hạnh nguyện của chị em tôi trong quá khứ có khác nhau, nên kiếp này sự chứng ngộ cũng khác nhau. Tuy sự chứng ngộ của hai chị em tôi trước sau có khác nhau, nhưng sự chuyển biến của chứng ngộ thì giống nhau không khác. Cũng như sự chuyển biến khi khôi phục được “Thần túc thông” và sự chuyển biến khi dung thông được “sáu căn” của hai chị em tôi đều giống nhau. Tôi chỉ khác với chị tôi ở chỗ là: Vì tôi khôi phục được một phần “Thần túc thông”, “Nhĩ thông” và “Nhãn thông” thanh tịnh trước, nên sự đột phá khi thông “sáu căn” của tôi mạnh hơn của chị tôi. Mạnh hơn nghĩa là: Trong thời gian luồng khí lực trong tôi đột phá từ lỗ rốn lên tới đỉnh đầu, thì thần thức của tôi cũng xuất ra, Nhĩ thông và Huệ nhãn của tôi cũng chuyển biến. Tóm lại, lúc đó tôi thấy được bốn cảnh giới chuyển biến khác nhau, đó là:

1. Tôi thấy có một luồng khí lực từ lỗ rốn chạy lên đỉnh đầu, chẻ người tôi ra làm hai và tuôn ra hai bên tai như là thác lũ.

2. Tôi thấy trong tôi có một cơn lốc rất mạnh vụt khỏi đỉnh đầu và bay lên hư không (*tức thần thức của tôi xuất ra, tuy xuất mà như không xuất, không xuất mà xuất*).

3. Tôi nghe được nhiều tiếng người và vạn vật xung quanh (*tức Nhĩ thông của tôi mở ra*).

4. Tôi thấy bạch hào quang ở giữa hai chân mày tôi xoay nhanh như cái chong chóng và biến hóa đủ màu (*tức Huệ nhãn của tôi chuyển biến*).

Lúc đó, vì bốn sự việc biến chuyển cùng một lúc quá mạnh và quá nhanh, nên làm cho tôi hơi bị chói với. Nhưng sau đó thì tôi cảm thấy toàn thân trống rỗng và an lạc không thể tả. Tóm lại, chị tôi khi khai thông sáu căn rất là nhẹ nhàng, còn tôi thì mạnh như cơn lốc và biến hóa đủ dạng.

Kính thưa quý bạn! Nhiều năm qua có nhiều vị Tu sĩ và Cư sĩ gửi email hoặc gọi phone để chia sẻ sự chứng ngộ với chúng tôi. Qua những lời chia sẻ của chư vị đó, chúng tôi thấy sự chứng ngộ của họ không có khác với chị em tôi nhiều. Trong số những chư vị đó, có vị thì thông được sáu căn, nhưng chưa khôi phục được thần thông thanh tịnh của sáu căn. Còn có vị thì khôi phục được thần thông thanh tịnh của một vài căn, nhưng chưa thông được sáu căn. Tóm lại, tuy mỗi người đều có sự chứng ngộ trước sau không đồng, nhưng sự chuyển biến và cảnh giới của họ thì tương tự không sai biệt lắm. Họ chỉ khác nhau ở chỗ là: Có người thì khôi phục được thần thông thanh tịnh ít, có người thì khôi phục được thần thông thanh tịnh nhiều (*thần thông của tâm thanh tịnh, không phải là thần thông biến hóa*). Nhưng cho dù khôi phục được nhiều hay ít, khi về Cực Lạc chúng ta sẽ thành Phật giống nhau không khác.



NHỮNG DẤU HIỆU KHI CÓ LỤC THẦN THÔNG THANH TỊNH

Ở đây, chúng tôi xin chia sẻ vài sự chuyển biến thân tâm khi có lục thần thông thanh tịnh, để quý bạn tìm hiểu thêm. Nói về sự chứng đắc nội tâm thì là đa dạng, vì mỗi người đều có căn cơ cao thấp và hạnh nguyện tu hành khác nhau. Nên sự chứng đắc của mỗi người cũng có nhanh chậm và cao thấp khác nhau, khó mà giải thích được chân tướng tuyệt đối. Tuy biết sự chứng đắc khó có thể giải bày, nhưng tôi vẫn cố gắng dùng hết khả năng và kinh nghiệm của mình để chia sẻ cùng quý bạn. Mong là một chút kinh nghiệm này, có thể giúp quý bạn phần nào trên con đường tu tập. Vì đây là những bằng chứng nhiệm màu sẵn có ở trong Diệu tâm chúng ta.

Tôi chỉ mới bước vào được ngưỡng cửa của lục thần thông thanh tịnh, nên kinh nghiệm của tôi vẫn còn non kém chưa được sâu dày. Nhưng tôi không thể ích kỷ ngồi đây hưởng pháp lạc một mình. Trong khi ngoài kia xung quanh tôi mỗi giây, mỗi phút trôi qua có biết bao nhiêu chúng sanh đang bị đi làm đường lạc bước, đang lần lượt chết đi và đang lần lượt bị đọa vào biển lửa luân hồi sanh tử. Mỗi khi nghĩ đến là tâm của tôi cảm thấy se thắt không cầm được nước mắt. Tôi thà chấp nhận hết những lời khinh chê, chửi trách của quý bạn, còn hơn là không cứu được chúng sanh. Tâm nguyện của tôi chỉ mong thành tựu được bước nào, thì chia sẻ với huynh đệ đồng tu cùng đi bước đó. Để chúng ta cùng nhau niệm Phật, cùng nhau chứng đắc, cùng nhau vãng sanh thành Phật và cùng nhau trở lại

để cứu độ hết thảy chúng sanh mọi loài. Ở đây, chúng tôi xin chia sẻ từng phần tóm gọn để quý bạn dễ hiểu.

I. Nhãn thông (mắt)

Khi bắt đầu có Nhãn thông, ta sẽ thấy ở giữa hai chân mày (*gọi là tam tinh*), có một vòng tròn hào quang nhỏ như tròng mắt mở ra sáng như vàng trắng. Đây là dấu hiệu con mắt trí tuệ của ta bắt đầu mở ra. Lúc đó, ta nhắm mắt mới thấy còn mở mắt thì không thấy. Qua một thời gian thì ta nhắm mắt cũng thấy mà mở mắt cũng thấy, nhưng hai cái thấy hoàn toàn khác nhau. Cái thấy khi nhắm mắt là cái thấy bên trong tự tánh, còn cái thấy khi mở mắt là cái thấy hào quang phản chiếu bên ngoài. Ở đây, tôi xin chia sẻ từng phần để quý bạn dễ hiểu.

1. Cái thấy khi nhắm mắt: Khi bắt đầu có Nhãn thông, mỗi khi nhắm mắt ta sẽ thấy ở giữa tam tinh (*tức con mắt trí tuệ*) có một cái vòng quang minh nhỏ mở ra. Sau đó, cái vòng quang minh nhỏ này sẽ từ từ mở lớn ra. Sau khi mở lớn ra, thì lại có một vòng quang minh nhỏ khác hiện ra ở giữa. Rồi cứ như vậy mà hết vòng quang này mở lớn, đến vòng quang kia mở lớn. Trong thời gian những vòng hào quang này chuyển biến từ nhỏ tới lớn, thì màu sắc của chúng cũng biến chuyển theo. Qua một thời gian, thì những sự chuyển biến của màu sắc và vòng hào quang đó sẽ không còn, mà chỉ còn lại một khoảng trống như hư không, trong suốt vắng lặng và một bạch hào quang ở giữa tam tinh luôn xoay chuyển như cái đèn pha. Rồi qua một thời gian rất lâu, bạch hào quang đó tự nhiên từ từ chuyển thành màu vàng kim. Sau đó, nó chuyển thành màu xanh, màu xanh lá cây đậm, rồi đến màu đỏ, màu cam đậm,...

Rồi cứ như vậy mà các màu sắc này hợp lại thành bảy sắc hào quang xoay chuyển không ngừng. Màu bảy sắc đó không thô xấu như màu cầu vồng, mà nó trong sáng quang minh đẹp hơn ngàn lần so với màu kim cương hạng nhất. Rồi qua một thời gian, ta sẽ thấy “Huệ nhãn” của mình rút từ từ vào trung tâm của hào quang bảy sắc đó. Trong thời gian Huệ nhãn rút vào trung tâm của bảy sắc hào quang, thì ta sẽ thấy mình đi vào một thế giới lưu ly, có vô lượng hào quang đủ màu trong suốt thật là đẹp, không thể nghĩ bàn. Sau khi vào tới trung tâm thì hào quang bảy sắc đó sẽ tự nhiên biến mất, chỉ còn lại khoảng trống quang minh lưu ly trong sáng như Mặt Trăng và phủ khắp thân mình an lạc không thể tả (*ánh sáng quang minh đó đẹp hơn ánh sáng Mặt Trăng cả vạn lần*). Từ đó, mỗi khi nhắm mắt ta sẽ không còn cảm giác thân của mình hiện hữu nữa, mà thấy mình hòa nhập thành một thể với vùng quang minh trong sáng đó. Rồi qua vài ngày sau, ta sẽ thấy trong vùng quang minh trong sáng đó lại hiện lên nhiều màu sắc quang minh lưu ly và xoay chuyển không ngừng (*sự xoay chuyển của quang minh rất nhẹ nhàng và thanh tịnh*). Rồi qua một thời gian rất lâu, ta sẽ thấy con mắt thứ ba của mình mở lớn ra bằng cái mặt của mình và bao phủ cả hư không. Nghĩa là lúc đó ta sẽ thấy con mắt thứ ba của mình mở lớn ra bằng cái mặt của mình. Khi con mắt thứ ba này được mở ra, thì ta sẽ cảm nhận cả vũ trụ này đều nằm trong con mắt của mình. Rồi qua một thời gian, ta sẽ thấy ở giữa tam tinh của mình lại có một con mắt thứ ba khác mở ra. Nhưng hình dạng và màu sắc của con mắt thứ ba này hoàn toàn khác hẳn với những con mắt trước kia. Có một điều tôi xin chia

sẽ thêm, đó là: Khi con mắt thứ ba của ta được mở ra, thì có những lúc ta nhìn thấy được nhiều cảnh vật xung quanh ở xa hoặc ở gần, như là: Trời, đất, rừng, núi, biển, hồ, thành phố, chợ... Nhưng những cảnh vật này chỉ thoáng qua một chút rồi mất. Nghĩa là trong những lúc ngồi hay nằm niệm Phật, ta chỉ cần nhắm mắt lại và giữ tâm an định, thì sẽ thấy được những cảnh vật ẩn hiện ở trước mắt của mình. Nhiều khi chỉ trong một phút mà ta có thể nhìn thấy được nhiều cảnh vật khác nhau, nhưng chúng chỉ thoáng qua rất nhanh.

Tính từ ngày tôi mở được con mắt thứ ba đến nay là khoảng mười ba năm. Trong mười ba năm đó, có những giai đoạn tôi thường thấy được những cảnh vật ẩn hiện thoáng qua ở trước mắt. Tuy nhiên, có những giai đoạn tôi không nhìn thấy được cảnh vật chi cả, mà tôi chỉ nhìn thấy được những ánh sáng quang minh chuyển biến ở trong tâm thức của tôi mà thôi. Tóm lại, khi con mắt thứ ba của ta được mở ra thì nó sẽ chuyển biến đa hình, đa dạng khác nhau, tùy theo công phu tu hành của ta. Tôi chỉ mới mở được Huệ nhãn, còn Thiên nhãn thì tôi chưa mở được. Vì chưa mở được Thiên nhãn, nên tôi chưa làm chủ được cái thấy của mình, mà tôi chỉ thấy vạn vật thoáng qua thôi.

2. Cái thấy khi mở mắt: Khi bắt đầu có Nhãn thông, mỗi khi mở mắt ta nhìn đâu đâu cũng thấy có những đốm hoặc những tia màu hào quang xanh, vàng, đỏ, cam khi ẩn khi hiện ở trước mặt. Rồi qua một thời gian, ta nhìn đâu đâu cũng thấy có một vòng hào quang trong suốt với vài màu sắc lợt bao quanh và lớn bằng cái đĩa lớn. Rồi qua một thời gian, cái vòng hào quang đó từ từ mở lớn ra bằng cái bánh xe.

Tại sao ta có thể thấy được như vậy? Là vì khi con mắt trí tuệ của ta bắt đầu mở ra, thì những ánh sáng quang minh ở trong tự tánh sẽ tự nhiên lưu xuất ra ngoài và phản chiếu lại, tạo thành những đốm sáng và hào quang như vậy. Đến khi con mắt Huệ nhãn của ta mở ra được lớn hơn, thì quang minh ở trong tự tánh sẽ lưu xuất ra được tròn đầy và rõ ràng hơn, nên mới tạo thành một vòng tròn hào quang có nhiều màu sắc xanh, vàng, đỏ, cam... lợt bao quanh như vậy.

Rồi qua một thời gian, ta sẽ không còn nhìn thấy những đốm và vòng hào quang đó nữa. Tại sao? Vì vòng hào quang đó đã được dung thông hợp nhất với chân tâm, mà chân tâm của ta thì bao trùm cả vũ trụ. Khi vòng hào quang đó được hợp thành một thể với chân tâm, thì từ đó mỗi khi nhắm mắt ta sẽ thấy có một bạch hào quang ở giữa tam tinh luôn xoay chuyển và sáng như đèn pha vậy. Rồi qua một thời gian, ta nhìn đâu đâu cũng thấy có những đốm vàng kim ẩn hiện ở trước mắt. Sau đó, lại có màu xanh và màu xanh lá cây đậm ẩn hiện, rồi đến màu đỏ đậm, màu cam đậm... ẩn hiện. Rồi sau đó, các màu này sẽ hợp lại với nhau và ẩn hiện ở trước mắt của mình. Tóm lại, con mắt Huệ nhãn của mình bên trong đổi màu sắc gì, thì nó sẽ hiện ra ngoài màu sắc đó. Chúng hiện được một thời gian thì chúng hòa nhập vào hư không, tức hợp thành một thể Diệu tâm. Rồi cứ như vậy mà những màu sắc này hết ẩn rồi lại hiện lên không ngừng.

Kính thưa quý bạn! Khi có Nhãn thông, mỗi khi nhắm mắt ta sẽ không còn thấy mình nhắm mắt, mà thấy như là mình đang mở mắt. Tại sao? Vì trước kia mỗi khi nhắm mắt ta thấy tối đen như là kẻ bị mù. Còn

sau khi có Nhãn thông, mỗi khi nhắm mắt ta sẽ thấy được quang minh của tự tánh luôn xoay chuyển không ngừng. Lúc đó, ta sẽ nhìn suốt được vạn pháp từ giả tới chân. Cái thấy ở đây không có hình tướng, vì không có hình tướng nên vạn tướng đều được hiển hiện.

Còn một điểm đặc biệt là khi con mắt thứ ba mở ra, thì ta sẽ thấy cảnh vật và muôn loài ở xung quanh mình đẹp hơn trước kia. Tại sao? Vì trước kia ta chỉ nhìn thấy cảnh vật qua hình tướng thô kệch của chúng, mà ta không nhìn thấy được thể tánh của chúng. Vì không nhìn thấy được thể tánh của chúng, nên ta không thấy được sự linh động và phát quang của chúng. Sau khi con mắt thứ ba mở ra, ta sẽ thấy được thể tánh linh động và phát quang của chúng. Những vật thể phát quang mà ta thấy được rõ nhất là những vật có ánh sáng như: Đèn, Mặt Trời, Mặt Trăng,... Tóm lại, những vật thể nào mà có ánh sáng, thì ta sẽ thấy quang minh của chúng rõ hơn. Còn những vật không có ánh sáng thì ta chỉ thấy chúng mờ. Bây giờ tôi xin dùng viên kim cương để làm ví dụ thì quý bạn dễ hiểu hơn.

Ví dụ: Trước kia, ta chỉ nhìn thấy viên kim cương có đủ màu sắc lấp lánh, nhưng ta không nhìn thấy được viên kim cương phát quang. Sau khi con mắt thứ ba mở ra, ta sẽ nhìn thấy viên kim cương phát quang rất đẹp. Như vậy, tạm gọi là thấy luôn thể tánh của viên kim cương.

Bây giờ tôi xin diễn tả về những ngọn đèn thì quý bạn dễ hiểu hơn. Khi con mắt thứ ba mở ra, ta sẽ thấy mỗi một ngọn đèn dù lớn hay nhỏ, chúng đều có một vòng quang minh với đủ màu sắc bao quanh và tỏa ra rất sáng giống như là pháo bông vậy. Nói pháo bông là

để cho quý bạn dễ hiểu, trên thực tế thì chúng phát quang đẹp hơn pháo bông cả ngàn lần. Tại sao? Vì pháo bông tuy nó tỏa ra rất sáng và rất đẹp, nhưng nhìn chúng rất thô. Còn quang minh phát ra từ những ngọn đèn thì rất đẹp, rất lung linh và trong suốt như lưu ly. Nhưng không phải ngọn đèn nào cũng tỏa ra như là pháo bông, mà có những ngọn đèn chỉ có vòng quang đủ màu bao quanh và có ánh sáng trong suốt thôi. Những ngọn đèn tỏa ra đẹp nhất là những ngọn đèn có ánh sáng mạnh như là đèn của xe hơi, xe gắn máy,... Có những cái đèn xe, ánh sáng của chúng tỏa ra xung quanh đến nhiều mét và màu sắc của chúng tỏa ra rất đẹp. Tóm lại, là mỗi loại đèn đều có hình dạng, màu sắc và độ sáng tỏa ra khác nhau.

Có một lần tôi đi đến thành phố New York và thành phố Las Vegas của nước Mỹ vào ban đêm. Nơi đó có nhiều đèn đường, có nhiều tòa cao ốc và có nhiều xe chạy qua lại. Khi tới đó, tôi cảm giác như mình đang đứng ở giữa một biển pháo bông để nhìn chúng đua nhau nhảy múa. Lúc đó, tôi cũng có cảm giác như mình đang đứng ở giữa một biển vàng bạc, châu báu để nhìn chúng đua nhau khoe sắc lấp lánh. Tóm lại, chúng rất là đẹp và khó diễn tả được hết những vẻ đẹp của chúng bằng lời. Nhưng cho dù chúng có phát quang đẹp như thế nào, thì so với thế giới Cực Lạc chúng chỉ là rác mà thôi. Nói như vậy thì quý bạn đủ hiểu cõi Cực Lạc đẹp như thế nào? Có một điều đặc biệt là: Tùy theo công phu tu hành cao thấp của ta mà nhìn thấy chúng thay đổi khác nhau.

Ví dụ: Hôm nay, ta thấy chúng có những màu sắc và hình dạng này nhưng qua vài ngày hoặc vài tuần sau, ta sẽ thấy chúng có màu sắc và hình dạng khác, dù cùng

một ngọn đèn không khác. Tại sao? Là vì cảnh giới trong tâm ta luôn có sự biến đổi không ngừng. Mỗi khi tâm ta có biến đổi, thì ta sẽ thấy cảnh vật xung quanh cũng biến đổi. Tóm lại, nếu công phu tu niệm của ta tiến triển chậm, thì ta sẽ thấy màu sắc của cảnh vật biến đổi chậm. Nếu công phu của ta tiến triển nhanh, thì ta sẽ thấy màu sắc của cảnh vật biến đổi nhanh. Nhưng những sự biến đổi của màu sắc và hình dạng đó đều là do tâm thức của ta biến đổi, không phải là do cảnh vật biến đổi. Đó là nói trên sự thấy biết của con mắt chúng ta. Còn nói trên vạn vật muôn loài ở trong vũ trụ này, thì chúng lúc nào cũng có sự biến đổi không ngừng. Cũng như thân của ta lúc nào cũng có sự biến đổi không ngừng. Vì nó có sự biến đổi không ngừng, nên ta mới có sanh, già, bệnh, chết. *(Tôi chỉ mới thành tựu được tới đây nên chỉ chia sẻ được bấy nhiêu thôi).*

II. Nhĩ thông (tai)

Khi mới bắt đầu có Nhĩ thông, tai của ta sẽ có những luồng khí lực uyển chuyển trong màng nhĩ, làm cho tai của ta khi thì nghe rõ, khi thì nghe không rõ. Khi thì nghe được cả hai bên, khi thì nghe được một bên. Khi thì nghe được hơi thở của mình thông ra ngoài tai như là lỗ mũi. Lúc đó, ta sẽ hiểu lầm cho rằng màng nhĩ của mình có vấn đề. Rồi qua một thời gian, ta sẽ nghe được tiếng nhịp đập của tim mình rõ ràng như tiếng tích tắc của kim đồng hồ chạy. Nhưng tiếng nhịp tim nghe thanh tịnh hơn tiếng tích tắc của kim đồng hồ nhiều. Lúc đó, ta không biết lại tưởng lầm rằng tim của mình có vấn đề. Rồi qua một thời gian, ta sẽ nghe được tiếng vang bao phủ xung quanh, như là tiếng của những con

ve kêu mãi không ngừng. Nhưng tiếng vang đó rất là thanh tịnh, chỉ riêng mình biết và nghe được thôi.

Đến khi được nhất tâm, thì những luồng khí lực trong tai không còn nữa, mà chỉ còn lại tiếng nhịp tim, tiếng niệm Phật và tiếng vang như chuông ngân càng lúc càng rõ ràng và thanh tịnh hơn. Rồi qua một thời gian, tiếng nhịp tim và tánh biết của ta cũng tự nhiên dứt bật, chỉ còn lại tánh A Mi Đà sáng suốt của ta niệm Phật và tiếng vang như chuông ngân bao trùm cả vũ trụ.

Sau khi được nhất tâm, tôi mới hiểu thời gian màng nhĩ của tôi bị khác thường là thời gian chuyển biến của tánh nghe. Nghĩa là thần thức của ta lúc đó đang rút về để nhập thành một thể với chân tâm, nên mới phát ra luồng khí lực làm cho tánh nghe của ta bị xáo trộn. Đến khi thần thức của ta được hợp thể với chân tâm, thì những luồng khí lực đó cũng tự nhiên biến mất. Còn tại sao ta có thể nghe được tiếng nhịp tim rõ ràng? Là vì một khi thần thức và chân tâm của ta được hợp nhất với nhau, thì tánh nghe của ta sẽ được thông suốt trong ngoài không còn chướng ngại, nên ta mới nghe được tiếng nhịp tim và tiếng niệm Phật trong ngoài rõ ràng như vậy.

Lúc mới có Nhĩ thông, ta chưa nghe được nhịp tim và hơi thở của mình niệm Phật. Nhưng qua một thời gian thì mỗi nhịp tim, mỗi hơi thở, mỗi lỗ chân lông của ta đều phát ra tiếng niệm A Mi Đà Phật. Rồi qua một thời gian, ta sẽ không còn nghe nhịp tim, hơi thở và lỗ chân lông của mình niệm Phật nữa, mà chỉ còn nghe tánh sáng suốt của ta niệm A Mi Đà Phật bao trùm cả vũ trụ. Khi có Nhĩ thông, mỗi khi nghe nhạc ta sẽ thấy

âm thanh của chúng hay hơn trước kia rất nhiều. Tại sao? Vì lúc đó ta không còn nghe bằng tánh nghe của ta, mà nghe bằng thể tánh nghe của ta. Vì nghe bằng thể tánh, nên ta mới nghe xuyên qua được thể tánh của người hát và thể tánh của âm thanh. Tóm lại, ta sẽ nghe xuyên qua được thể tánh âm thanh của vạn vật muôn loài ở trong vũ trụ này. Nhưng không phải âm thanh nào cũng làm cho ta cảm thấy dễ chịu hoặc nghe hay hơn, mà có những âm thanh làm cho ta cảm thấy rất là khó chịu và không muốn nghe. Tóm lại, âm thanh nào thanh tịnh, thì ta sẽ cảm nhận hay hơn trước kia, còn âm thanh nào ồn ào thì ta sẽ cảm thấy khó chịu hơn trước kia. Vì vậy, những người tu hành càng cao, thì họ càng thích sống ở những nơi thanh vắng như non cao, núi thẳm... Họ không thích ở những nơi đô thị ồn ào, náo nhiệt. *(Tôi chỉ mới thành tựu được tới đây nên chia sẻ được bấy nhiêu thôi).*

III. Thần túc thông

Khi có Thần túc thông, thân tâm của ta lúc nào cũng được nhẹ nhàng và thanh tịnh. Trong giấc ngủ, ta thường tự nhiên nhập định xuất thần thức bay đi khắp nơi an nhiên và tự tại. Tự nhiên, nghĩa là ta không cố ý nhập định để xuất thần thức, mà thần thức của ta tới một giai đoạn nào đó, nó sẽ tự động xuất ra trong lúc ta đang ngủ. Khi thần thức mới xuất ra lần đầu, ta sẽ bị chói với và hết hồn. Tại sao? Vì thần thức của ta xưa nay chưa bao giờ xuất ra và bay đi như vậy *(thần thức mà người đời thường gọi là linh hồn hay thần hồn)*. Khi thần thức xuất ra ta biết rất rõ như mình đang thức vậy. Lúc đó, ta có thể bay được xuyên tường, xuyên núi,

độn biển, độn thổ,... Tóm lại, ta có thể bay xuyên qua được vạn vật muôn loài không chướng ngại. Cũng vì bay xuyên qua được vạn vật muôn loài, nên ta mới bị chói với và hết hồn. Nhưng qua vài lần xuất hồn thì ta sẽ quen đi và cảm thấy an lạc không chi sánh bằng.

Khi mới có Thần túc thông, thần thức của ta chỉ bay được thấp và thời gian rất ngắn. Nhưng qua một thời gian, thì thần thức của ta sẽ bay được xa và thời gian sẽ lâu hơn. Khi mới có Thần túc thông, ta sẽ không biết điều khiển sự thăng bằng, nên thường bị bay đi tán loạn và đảo lộn tứ tung. Nhưng qua một thời gian thì ta sẽ biết điều khiển sự thăng bằng. Lúc đó, ta muốn bay cao, bay thấp hay muốn ngừng đều tùy ý (*có giới hạn*). Rồi qua một thời gian, ta sẽ không còn thấy thần thức của mình xuất ra khỏi thân và bay đi như trước nữa, mà thấy toàn thân của mình bay đi. Toàn thân bay đi nghĩa là trong những lúc nhập định, ta sẽ không còn thấy thần thức của mình xuất ra khỏi thân bay đi, mà sẽ thấy mình đang đi hay đang ở một nơi nào đó, rồi tâm thức của mình tự nhiên muốn bay. Khi tâm thức của mình muốn bay, thì thân của ta sẽ tự nhiên bay bổng nhẹ nhàng theo tư tưởng. (**Tự**, là *tự tánh của ta muốn bay; **nhiên**, là bản nhiên của ta tự nhiên biến hóa*). Tóm lại, lúc đó không phải ta khởi tâm muốn bay mà tự tánh của ta tự nhiên biến hóa, nên mới gọi là thần thông của tâm thanh tịnh. Tuy tự tánh của ta tự nhiên biến hóa, nhưng tâm thức của ta làm chủ và điều khiển. (*Tôi chỉ mới thành tựu tới đây nên chỉ chia sẻ được bấy nhiêu thôi*).

Nếu chúng ta tu hành có đủ thần lực và trí tuệ để điều khiển Thần túc thông, thì sau khi mạng chung ta sẽ có đủ sáng suốt để bay thẳng về Tây phương Cực Lạc.

Tại sao ta có thể bay thẳng về Cực Lạc? Là vì hoa sen ngàn cánh và báo thân Phật của ta đã được sanh ra ở trên đó lâu rồi.

IV. Tha tâm thông

Khi có Tha tâm thông, ta sẽ cảm nhận được mỗi niệm vi tế thiện, ác khởi lên trong tâm mình. Nhờ có Tha tâm thông mà ta mới cảm nhận được lòng từ bi và hoài bão của chư Phật, chư Bồ tát và cảm thông được nỗi đau khổ của chúng sinh mọi loài. Nhờ có Tha tâm thông, mà ta mới nghe được Diệu âm A Mi Đà phát ra từ tâm của chư Phật, tâm của chúng sanh và tâm của ta. Tóm lại, nhờ có Tha tâm thông mà ta mới sống được với tâm của chư Phật, tâm của chúng sanh và tâm của ta. Nhờ sống được mà ta mới thấy tâm của chư Phật, tâm của chúng sanh và tâm của ta là một thể không hai.

V. Túc mạng thông

1. Nói trên tâm: Khi chúng ta thấy được Phật tánh là thấy được vô lượng kiếp quá khứ, hiện tại và vị lai của mình. Nghĩa là khi thấy được Phật tánh, thì ta sẽ thấy được vô lượng kiếp quá khứ của mình chỉ là giả, không thật. Còn hiện tại thì ta biết rõ mình sẽ thành Phật tương lai. Vì vậy, trong Kinh Phật nói: *“Một khi chúng sanh thấy được chân tâm, thì sẽ thấy được hết quá khứ, hiện tại và vị lai của mình”*.

2. Nói trên thân: Khi có Túc mạng thông, trong giấc ngủ hay trong những lúc nhập định, ta sẽ thấy được một số kiếp trong quá khứ của mình rõ như ban ngày. Tại sao? Vì những chủng tử tốt xấu, thiện ác mà ta đã tạo trong vô lượng kiếp đến nay, chúng vẫn còn tồn trữ ở trong tàng thức của ta. Nay thần thức của ta

rút về chiếu soi tàng thức, thì những hình tượng chùng tử thiện ác, tốt xấu đó sẽ tự nhiên phản chiếu lại trong giấc mơ hoặc trong những lúc ta nhập định.

VI. Lậu tận thông

Khi có Lậu tận thông, tâm thức của ta sẽ được giải thoát, không còn bị đau khổ vì những thứ dục vọng của thế gian. Lúc đó, thân tâm và thế giới ta đều buông xả hết, chỉ còn một niệm vì tất cả chúng sanh. Ngoài cái niệm này ra, ở trên đời này không còn có gì để cho ta lưu luyến cả.

Kính thưa quý bạn! Chúng ta tu hành mục đích là khôi phục lại Diệu tâm thanh tịnh, vì chỉ có tâm thanh tịnh của ta mới sanh ra được thân kim Phật. Vì vậy, người tu Tịnh độ từ khi khởi tu cho tới khi chứng đắc, không nên khởi niệm tu luyện thần thông biến hóa. Nếu ta còn khởi niệm tu luyện thần thông biến hóa, thì sẽ không bao giờ được chứng đắc. Tóm lại, tu tâm thanh tịnh là hướng nội không phải hướng ngoại và sáu loại thần thông mà ta có được đó, đều là từ trong chân tâm của ta tự nhiên hiển lộ ra. Nói một cách khác cho dễ hiểu là: Sáu loại thần thông thanh tịnh mà ta chứng được đó, vốn sẵn có ở trong Diệu tâm của ta. Chẳng qua trước kia ta như kẻ si mê, bỏ nhà ra đi và cam tâm chịu khổ, ăn xin bần cùng khắp nơi. Nay nhờ có Phật đến chỉ điểm, nên ta mới biết quay về để hưởng thụ những gì mà ta đã có sẵn, chỉ đơn giản vậy thôi.

VII. Phần nhắc nhở

Nếu trên đường tu hành ta được chứng đắc, thì không nên xem nặng mà hãy xem chúng như những phần thưởng khuyến khích, để giúp cho ta tu hành thêm

ting tấn. Chúng ta không nên khởi tâm ham thích thần thông. Còn nói riêng về Thần túc thông: Tuy là trong giấc ngủ thần thức của ta thường tự nhiên xuất ra bay đi khắp nơi, nhưng ta không nên tham chấp. Nghĩa là tùy theo công phu tu hành của ta tới một giai đoạn nào đó, thì thần thức của ta sẽ tự nhiên xuất ra, không phải tự ta nhập định để điều khiển thần thức xuất ra, nên mới gọi là thần thông của tâm thanh tịnh. Tóm lại, trong thời gian thần thức xuất ra, ta không nên khởi tâm bay đây hay bay đó để tìm hiểu tứ tung, mà trong tâm chỉ tưởng nhớ đến Phật A Mi Đà. Tại sao? Vì mục đích của ta tu hành là đi về Cực Lạc để gặp Phật A Mi Đà, nên mỗi khi thần thức được xuất ra, thì ta phải biết nắm lấy cơ hội để huấn luyện cho Thần túc thông của mình. Có như vậy thì đến phút lâm chung, thần thức của ta mới có đủ trí tuệ sáng suốt để bay thẳng về Tây phương Cực Lạc.

Tóm lại, cho dù thần thức của ta trong lúc xuất ra có bay đi dạo chơi khắp nơi cũng không sao. Điều quan trọng là trong lúc bay, ta phải luôn có trí tuệ sáng suốt để điều khiển thần thức và tưởng nhớ đến Phật A Mi Đà. Nói như vậy không có nghĩa là ta ham làm Phật mà bỏ mặc chúng sanh. Nếu ai nghĩ như vậy thì người đó không hiểu gì về ý nghĩa tu hành và độ tha cả. Tại sao? Vì muốn cứu được chúng sanh đời đời, kiếp kiếp thì bản thân ta phải lo tu thành Phật trước. Nếu không, ta lấy cái gì để mà cứu chúng sanh đây? Muốn cứu chúng sanh thì ta phải dùng hành động thực tế, không phải dùng những lời nói suông. Huống chi, mỗi một niệm của ta đang tu niệm hằng ngày, đều là đang độ chúng sanh và chuyển hóa cái vũ trụ này.

Kính thưa quý bạn! Chúng ta tu hành mục đích là phải khôi phục lại chân tâm (*Phật tánh*) để đi làm Phật, không phải tu hành để mong có được thần thông biến hóa của A-la-hán. Nếu chúng ta tu hành mà mong có được thần thông biến hóa của A-la-hán, vậy thì tu làm gì. Tại sao? Vì thần thông biến hóa của A-la-hán không thể giúp ta thành Phật. Duy chỉ có thần thông của tâm thanh tịnh mới giúp ta thành Phật được thôi.

Xưa kia, Phật đã làm gương cho chúng ta xem. Lúc đó, Ngài đã thành Phật và có thần thông biến hóa nhiệm mầu, vậy mà Ngài cũng không cứu được dòng họ Thích của Ngài. Cuối cùng dòng họ Thích của Ngài cũng bị vua Lưu Ly giết sạch. Tại sao? Vì dòng họ Thích của Ngài đã có oan nghiệp với vua Lưu Ly. Câu chuyện này cho chúng ta thấy, một khi quả báo kéo đến thì dù ta có chạy đường trời cũng không thoát. Còn nói về hàng đại đệ tử của Phật thời đó, thì Ngài Mục Kiền Liên là có thần thông đệ nhất. Ngài có thể dời sông, lấp biển hoặc hóa thân đi khắp các cõi Trời. Vậy mà cuối cùng Ngài cũng bị ngoại đạo đánh đập cho tới chết. Câu chuyện này cũng cho thấy nghiệp báo của chúng ta thật là đáng sợ và thần thông biến hóa cũng không cứu được ta và chúng sanh. Duy chỉ có thần thông của tâm thanh tịnh mới cứu được ta và chúng sanh thoát khỏi luân hồi mà thôi. Nếu là đệ tử Phật, thì ta phải biết tâm nguyện của chư Phật chỉ mong chúng ta khôi phục lại tự tánh A Mi Đà để đi làm Phật. Quý Ngài không có dạy chúng ta tu luyện để có thần thông biến hóa như A-la-hán.

Ở đây, tôi xin nhắc lại ý nghĩa của tự nhiên là: **Tự**, là tự tánh của ta phát ra; **nhiên**, là bản nhiên của ta tự

nhiên biến hóa. Tức là nói sự tu niệm của ta tới một giai đoạn nào đó, thì sẽ thấy được thần thông và trí tuệ của mình tự nhiên hiển lộ. Nếu sự thành tựu từ chân tâm tự nhiên hiển lộ, thì ta không nên khởi tâm mong cầu. Vì làm như vậy chỉ tạo thêm chướng ngại cho tâm thanh tịnh của ta mà thôi.

Kính thưa quý bạn! Vì cuộc sống của tôi luôn bận ba và bận rộn, nên tôi không có nhiều thời gian và sức khỏe để ngồi nhập định. Vì vậy, tôi chưa có dịp nhập định để xuất thần thức trong lúc ngồi, mà tôi chỉ nhập định xuất thần thức trong những lúc ngủ thôi. Tôi viết thêm phần này là để quý bạn không bị hiểu lầm, rồi cho rằng chỉ có ngủ mới nhập định xuất hồn được, còn thức thì không thể nhập định xuất hồn. Tôi chỉ mới bước vào được ngưỡng cửa của lục thần thông thanh tịnh, nên khả năng chỉ chia sẻ được bấy nhiêu thôi. Mong là một chút kinh nghiệm này, có thể giúp quý bạn phần nào trên con đường tu tập và cũng xin quý bạn tin sâu vào pháp môn Tịnh độ: “Có tu là có chứng”.

VIII. Phần thời gian thành tựu

Nói về sự thành tựu, thì mỗi giây, mỗi phút thân tâm của ta đều có sự thành tựu tương tục không gián đoạn. Chẳng qua khi công phu còn yếu thì ta không thấy rõ. Tuy không thấy rõ, nhưng ta đều cảm nhận được sự hạnh phúc và an lạc ở trong tâm mình phát triển mỗi ngày.

Bây giờ tôi xin chia sẻ vào thời gian thành tựu để quý bạn tìm hiểu thêm. Khi bắt đầu có lục thần thông thanh tịnh, cứ khoảng từ ba cho đến sáu tháng, thì ta sẽ thấy được sự tu hành của mình thăng lên một bậc.

Rồi qua một thời gian, tùy theo công phu tu niệm của mình, mà thời gian thành tựu được rút lại ngắn hơn. Rút lại ngắn hơn, nghĩa là thay vì trước kia khoảng từ ba đến sáu tháng, thì ta mới thấy được sự thành tựu của mình thăng lên một bậc. Nhưng khi tu hành cao hơn, thì khoảng một hay hai tháng thì ta sẽ thấy mình thăng lên một bậc. Mỗi lần được thăng lên một bậc, thì ta đều biết rõ ràng và sự thăng tiến đó chính là tâm ấn tâm. Tâm ấn tâm, nghĩa là trong thời gian tu hành ta sẽ cảm nhận được tâm của mình và tâm của chư Phật càng lúc càng được dung thông và hợp nhất với nhau. Sự dung thông và hợp nhất đó chỉ có tâm Phật của mình tự thâm biết thôi. Vì vậy, Tịnh độ được gọi là: ***“Pháp môn tâm ấn tâm, dứt bật ngôn từ đối đãi”***.

Kính thưa quý bạn! Tịnh độ là pháp môn **nhân quả đồng thời**, nên trong thời gian tu hành ta sẽ thấy được hai mặt thành tựu. Hai mặt thành tựu, đó là: Một, ta sẽ thấy thần thức của mình từ từ rút về chân tâm; hai, ta sẽ thấy tâm Diệu minh của mình được khôi phục lại từng phần. Tóm lại, trong tiến trình tu hành, ta sẽ thấy được một bên là thần thức của mình đang phá từng ám để trở về chân tâm. Tức là phá năm ám vô minh **sắc, thọ, tưởng, hành** và **thức**. Còn một bên, ta sẽ thấy sáu loại thần thông và trí tuệ của mình đang được khôi phục lại từng phần rất là vi diệu, không thể nghĩ bàn.

Giờ chúng tôi xin lấy thời gian thành tựu của **Thần túc thông** để phân tích thì quý bạn dễ hiểu hơn. Chỉ cần hiểu được sự chuyển biến của một loại thần thông, thì các loại thần thông khác cũng tương tự như vậy.

Ví dụ: Hôm nay, thần thức của ta tự nhiên xuất ra bay đi khắp nơi, rồi ngưng không xuất ra nữa. Qua vài

tháng sau, thần thức của ta lại xuất ra vài lần rồi lại ngưng. Rồi cứ như vậy, tùy theo công phu tu niệm của ta mà thần thức được xuất ra nhiều hay ít. Mỗi lần thần thức được xuất ra như vậy, thì ta lại có thêm thần lực và trí tuệ để điều khiển Thần túc thông của mình. Thật ra mỗi giây, mỗi phút thân tâm của ta đều có sự thành tựu tương tục, chẳng qua ta không để ý nên không thấy đó thôi. Cũng như cây cam khi được nở hoa kết trái thì ta mới thấy, nhưng trên thực tế thì quả cam đó đã được thành tựu tương tục từ khi ta gieo hạt cam xuống đất.

Chúng tôi viết thêm phần thời gian thành tựu, là để giải tỏa những thắc mắc và hiểu lầm trong tâm của quý bạn. Vì xưa nay có nhiều bạn thành tựu được một cảnh giới tốt nào đó, rồi sau đó vài tháng, không thấy được chuyển biến gì nên sanh tâm lo lắng hoặc nghĩ rằng: *“Vì mình chia sẻ sự thành tựu đó cho bạn đồng tu nghe, nên chư Phật không còn gia hộ nữa”*. Thật ra, không phải vậy, xin quý bạn chớ hiểu lầm về chư Phật. Quý bạn nên biết rằng làm bất cứ việc gì cũng phải cần có thời gian hun đúc. Điều quan trọng là bạn phải luôn cố gắng tu niệm Phật ngày đêm, còn sự thành tựu nó sẽ tự nhiên đến, dù cho bạn có mong cầu hay ngăn cản cũng không được. Nếu bạn vẫn còn khởi tâm mong cầu thì sẽ gặp chướng ngại lớn đấy. Xin quý bạn ghi nhớ hai câu Phật dạy: ***“Buông xả tất cả là có tất cả. Phật hay phàm chỉ cách nhau một niệm chấp trước mà thôi”***.



HIỂU LẦM LỤC THẦN THÔNG GIỮA THIỀN VÀ TỊNH

Kính thưa quý bạn! Đa số chúng ta vẫn còn hiểu lầm về lục thần thông biến hóa của A-la-hán bên Thiền tông và lục thần thông thanh tịnh của người tu Tịnh độ. Vì hiểu lầm, nên chúng ta thường nghĩ rằng người tu Tịnh độ khi được **Sự** hay **Lý** nhất tâm, thì phải có thần thông biến hóa như A-la-hán. Cũng vì sự hiểu lầm này mà chúng ta đã tạo ra không biết bao nhiêu là tội khẩu nghiệp.

Ở đây, chúng tôi xin phân tích tóm gọn từng phần để quý bạn dễ hiểu. Nếu nói về thần thông thì là đa dạng, nhưng chung quy chỉ có sáu loại thần thông làm căn bản, đó là: **Nhãn thông, Nhĩ thông, Tha tâm thông, Thần túc thông, Túc mạng thông và Lưu tận thông**. Sáu loại thần thông căn bản này còn có ba bậc cao thấp khác nhau, đó là: Lục thần thông của Tiểu thừa **A-la-hán**, lục thần thông của Đại thừa **Bồ tát** và lục thần thông của **Như Lai (Phật)**. Bây giờ tôi xin phân tích từng bậc để quý bạn tìm hiểu thêm.

I. Thần thông của A-la-hán (Tiểu thừa)

A-la-hán có sáu loại thần thông. Trong đó, năm loại nhờ tu thiền định mà có được, đó là: **Nhãn thông, Nhĩ thông, Tha tâm thông, Thần túc thông và Túc mạng thông**. Còn một loại nhờ tu tâm thanh tịnh mà có được đó là **Lưu tận thông**. Trong sáu loại thần thông của A-la-hán thì “Lưu tận thông” là cao nhất, vì nó thuộc về trí tuệ. Nhờ có trí tuệ mà A-la-hán đoạn được luân hồi sanh tử. Còn năm loại thần thông biến hóa chỉ là hữu lậu (*hữu là có, lậu là vọng, tức chưa thanh tịnh*). Vì

vậy, trong năm loại thần thông biến hóa của A-la-hán thì tà ma và ngoại đạo cũng có thể tu luyện được. A-la-hán chỉ hơn tà ma và ngoại đạo có một loại “**Lậu tận thông**” trí tuệ mà thôi. Tại sao? Vì A-la-hán là đệ tử của Phật nên mới biết tu trí tuệ **Bát nhã**. Còn tà ma và ngoại đạo thì họ không biết tu trí tuệ **Bát nhã**, nên cho dù họ có tu luyện được năm loại thần thông biến hóa như A-la-hán, thì họ vẫn phải bị luân hồi sanh tử. Tại sao? Vì họ không có đủ trí tuệ sáng suốt để nhìn thấu vạn pháp. Vì không nhìn thấu được vạn pháp, nên tâm của họ vẫn còn tham đắm dục trần, còn tham đắm dục trần thì còn luân hồi sanh tử.

II. Thần thông của bậc Bồ tát (Đại thừa)

Sáu loại thần thông của bậc Bồ tát là thuộc về trí tuệ thanh tịnh, nên không có thần thông biến hóa như A-la-hán. Người tu Tịnh độ thì không có, nhưng người tu Thiền thì có, nếu quý Ngài muốn tu luyện. Tại sao? Vì người tu Thiền chứng từng bậc từ thấp đến cao. Nếu quý Ngài đã chứng được tới lục thần thông thanh tịnh của Bồ tát, thì dĩ nhiên quý Ngài có đủ khả năng để luyện năm loại thần thông biến hóa của A-la-hán.

Còn người tu Tịnh độ không đi từng bước từ thấp lên cao, mà trực chỉ khôi phục Diệu tâm thanh tịnh. Nếu là trực chỉ khôi phục Diệu tâm thanh tịnh, thì làm gì có chuyện khởi niệm tu luyện thần thông biến hóa. Nếu còn khởi niệm tu luyện thần thông biến hóa, thì làm gì có chuyện chứng được lục thần thông của tâm thanh tịnh (*tức tam muội*). Nói như vậy không có nghĩa là người tu Tịnh độ không có thần thông biến hóa. Dĩ nhiên là có, nhưng chúng ta phải đợi đến khi vãng sanh

về cõi Cực Lạc, thì mới có sáu loại thiên thần thông biến hóa thanh tịnh. (*Thiên thần thông, nghĩa là thiên biến vạn hóa. Lúc đó, sáu loại thiên thần thông mà ta có được, đều là từ Diệu tâm thanh tịnh biến hoá ra, không phải từ vọng tánh biến hóa ra*).

Còn hiện tại chúng ta vẫn ở trong thế giới Ta bà này tu hành, cho dù ta có chứng được tới Lý nhất tâm tam muội hay là cao hơn đi nữa, thì ta cũng chỉ có sáu loại thiên thần của tâm thanh tịnh mà thôi, chớ không có thần thông biến hóa như A-la-hán. Mà cho dù có, thì ta cũng chẳng cần dùng tới vì chỉ làm chướng ngại cho thân tâm thanh tịnh của ta mà thôi. Tại sao? Vì tâm thanh tịnh là tâm vắng lặng không phân biệt, lúc nào cũng sáng suốt như như bất động. Nếu là như như bất động, thì làm gì có chuyện khởi vọng niệm thi triển thần thông để tìm hiểu tứ tung. (*Ý nghĩa như như không phải là ta thành gỗ đá, mà là ta không còn khởi tâm tham, sân, si*). Nếu còn động tâm để tìm hiểu tứ tung, thì làm gì có chuyện chứng được Lý nhất tâm tam muội. Nói như vậy không có nghĩa là khi ta thành Phật, có được năm loại thiên thần thông biến hóa thì sẽ làm cho thân tâm của ta bị động. Thật ra không phải vậy, mà khi được thành Phật rồi thì ta chỉ cần khởi tâm thì muốn biến hóa gì cũng được, không cần phải dùng sức của mình để thi triển thần thông.

III. Thần thông của Như Lai (Phật)

Sáu loại thiên thần thông của chư Phật thì cao siêu bất khả tư nghì, phạm tình như chúng ta không thể nào nghĩ đến hay bàn luận được. Nhưng nhờ có Kinh Phật mà chúng ta mới hiểu được vài phần căn bản, đó là: Tất cả chư Phật đều có **3 thân, 4 trí, 6 loại thiên thần**

thông, 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Thiên thần thông nghĩa là: Trong mỗi loại thần thông của Phật còn có vô lượng thần thông; trong mỗi trí còn có vô lượng trí; trong mỗi thân còn có vô lượng thân; trong mỗi tướng còn có vô lượng tướng; trong mỗi vẻ đẹp còn có vô lượng vẻ đẹp; trong mỗi hào quang còn có vô lượng hào quang... Tóm lại, thiên thần thông của chư Phật rất là nhiệm mầu, không thể nghĩ bàn. Bây giờ chúng ta tìm hiểu vào lục thần thông biến hóa của A-la-hán ở bên Thiên tông (*chỉ bàn về Tiểu thừa*) và lục thần thông thanh tịnh của người tu Tịnh độ khác nhau ở chỗ nào, để chúng ta không còn nhầm lẫn.

1. Lục thần thông Tiểu thừa A-la-hán (Thiền)

a. Nhãn thông: Họ có thể nhập định để nhìn thấy vạn vật xuyên tường dù cách họ rất xa (*có giới hạn không được như Phật và Bồ tát*).

b. Nhĩ thông: Họ có thể nhập định để nghe tiếng nói, tiếng động xuyên tường dù cách họ rất xa (*có giới hạn*).

c. Tha tâm thông: Họ có thể nhập định để biết rõ từng niệm trong tâm của người khác dù cách họ rất xa (*có giới hạn*).

d. Thần túc thông: Họ có thể nhập định để hóa thân hay đi xuyên tường, xuyên núi... (*có giới hạn*).

e. Túc mạng thông: Họ có thể nhập định để thấy được 500 kiếp quá khứ, 500 kiếp tương lai của họ và của chúng sanh (*chỉ nói con số căn bản, vì có người thấy được ít hơn hoặc nhiều hơn*).

f. Lộ tận thông: Họ có trí tuệ sáng suốt thấy được chân tướng của vạn pháp sanh diệt. Nghĩa là họ thấy được vạn vật hữu tình và vô tình ở trên thế gian

này là giả, không thật. Nhờ thấy mà họ đoạn được luân hồi sanh tử. Nhưng cho dù họ có tu hành được tới đây, thì họ cũng chưa có đủ trí tuệ để thấy được chân tướng của vạn pháp không sanh, không diệt (*tức là chưa thấy được chân tướng của Diệu pháp*). Vì vậy, A-la-hán chỉ mới giác ngộ có 50%, tức là họ chỉ mới đi được có nửa đoạn đường thôi.

2. Lục thần thông của Lý nhất tâm (Tịnh)

a. Nhãn thông: Tất cả chúng ta ai cũng có con mắt trí tuệ thứ ba ở giữa hai chân mày, gọi là tam tinh (*tức là Huệ nhãn*). Con mắt Huệ nhãn này mới là con mắt thật của ta. Còn hai con mắt mà ta đang thấy hằng ngày là giả, nên gọi là Nhục nhãn (*Nhục là thịt, nhãn là mắt*). Vì nó là giả nên ta không biết phân biệt đâu là chân giả, thiện ác. Sau khi được nhất tâm, Huệ nhãn của ta sẽ được mở ra từ từ. Trong **Huệ nhãn** này còn có ba con mắt trí tuệ khác, đó là: **Thiên nhãn**, **Pháp nhãn** và **Phật nhãn**. Chúng ta có tất cả là năm con mắt, đó là: Bốn con mắt trí tuệ và một con mắt **Nhục nhãn**.

Khi con mắt “Huệ nhãn” được mở ra thì con mắt “Nhục nhãn” của ta cũng trở thành con mắt trí tuệ. Tại sao? Vì cái thấy của ta sau khi được nhất tâm là cái thấy của trí tuệ giác ngộ, không còn là cái thấy si mê, điên đảo của phàm phu, nên gọi chung là ngũ nhãn (*ngũ tức là năm, nhãn tức là mắt, Huệ tức là trí tuệ*). Nhưng không phải Huệ nhãn vừa được mở ra thì ta có được ngũ nhãn liền đâu, mà ta cần phải tu tiếp tục để khai mở chúng từ từ. Còn vấn đề mở được nhanh hay chậm, thì phải tùy thuộc vào công phu tu tập của mỗi người. Khi Huệ nhãn được mở ra, thì ta sẽ thấy được

chân tướng của vạn pháp từ vọng tới chân, từ “**Thế giới duyên sanh**” cho tới “**Nhất chân pháp giới**”. Cái thấy ở đây không có hình tướng, vì không có hình tướng nên vạn tướng đều được hiển hiện. Lúc đó, ta nhìn vào Kinh Phật sẽ hiểu được thông suốt, không còn chướng ngại. Tại sao? Vì những gì Phật thuyết trong 49 năm đều đã có sẵn ở trong Diệu tâm thanh tịnh của ta.

b. Nhĩ thông: Tất cả chúng ta ai cũng có Nhĩ thông. Tức là tánh nghe của chân tâm Diệu tánh, còn hai cái tai mà ta đang nghe hằng ngày là giả, nên chúng chỉ biết hướng ngoại không biết hướng nội. Vì không biết hướng nội, nên ta không nghe được tiếng huyền diệu A Mi Đà ở trong tự tánh của mình.

Sau khi được nhất tâm, ta sẽ nghe được tiếng huyền diệu A Mi Đà từ trong Diệu tâm của mình lưu xuất ra ngoài và hợp thành một thể với Diệu tâm của mười phương chư Phật và tâm của chúng sanh. Nhờ tâm-tâm hợp thành một thể mà ta mới nghe được cả trời niệm Phật. Không những là nghe được cả trời niệm Phật, mà ta còn nghe được vạn vật hữu tình và vô tình ở trong vũ trụ này đều phát ra tiếng niệm A Mi Đà Phật. Tại sao? Vì tất cả loài hữu tình đều có Phật tánh và vạn vật vô tình đều có tánh, nên ta mới nghe được thể tánh của chúng niệm Phật. Nhưng không phải là chúng niệm Phật, mà vì thể tánh của ta bao trùm luôn cả chúng, nên ta mới nghe được chúng niệm Phật.

c. Tha tâm thông: Tất cả chúng ta ai cũng có Tha tâm thông. Nghĩa là chúng ta ai cũng có trí tuệ sáng suốt để hiểu được tâm mình, tâm của chư Phật và tâm của chúng sanh. Chẳng qua ta si mê, điên đảo nên

không còn đủ trí tuệ sáng suốt để hiểu được tâm mình, tâm của chư Phật và tâm của chúng sanh.

Sau khi được nhất tâm, ta sẽ hiểu suốt được mỗi niệm khởi lên trong tâm mình. Đồng thời, ta sẽ hiểu suốt được tâm niệm từ bi của chư Phật, chư Bồ tát và hiểu suốt được tâm niệm si mê của chúng sanh. Lúc đó, ta sẽ biết thương mình, thương chư Phật, Bồ tát và thương chúng sanh vô bờ bến. Ta thương đến mức độ mỗi niệm vui khổ của chúng sanh đều là mỗi niệm vui khổ của mình. Mỗi niệm từ bi độ tha của chư Phật và Bồ tát, đều là mỗi niệm từ bi độ tha của ta. Lúc đó, ta sẽ cảm nhận được tâm của chư Phật, tâm của chúng sanh và tâm của ta là đồng một thể không hai.

d. Thần túc thông: Chúng ta ai cũng có Thần túc thông. Nhờ có Thần túc thông mà ta mới bay được đến thế giới này và đến thế giới kia, hết mang thân giả này, rồi mang thân giả kia. Tuy chúng ta ai cũng có Thần túc thông, nhưng không có đủ trí tuệ để điều khiển Thần túc thông của mình. Ngược lại, ta còn để cho nó bay đi tán loạn và đày đọa ta đau khổ trong sáu ngã luân hồi, không thể thoát ra.

Sau khi được nhất tâm, ta sẽ có đủ trí tuệ sáng suốt để điều khiển Thần túc thông của mình. Chúng ta sẽ không để cho nó si mê chạy theo vọng tưởng, mà đem nó trở về hòa nhập thành một thể với chân tâm. Một khi điều khiển được Thần túc thông, thì ta sẽ không để cho nó bay vào lục đạo luân hồi sanh tử nữa, mà điều khiển nó bay thẳng về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà.

e. Túc mạng thông: Chúng ta vốn không có kiếp quá khứ, hiện tại và vị lai. Chỉ vì si mê, điên đảo mà ta đã tạo ra sáu ngã luân hồi, rồi phân chia ra có quá khứ,

hiện tại và vị lai. Nói như vậy không có nghĩa là ta không có sự sống tồn tại. Dĩ nhiên là tâm thức của ta luôn tồn tại vĩnh cửu và sự tồn tại vĩnh cửu đó gọi là sự sống “**hiện tiền**”. Hiện tiền nghĩa là không có khoảng cách của không gian và thời gian. Vì không có khoảng cách của không gian và thời gian, nên chúng ta không có quá khứ, hiện tại và vị lai. Tóm lại, chúng ta vốn chỉ có cuộc sống “hiện tiền” mà thôi.

Sau khi được nhất tâm, ta sẽ thấy tâm của mình vốn không đến, cũng không đi, lúc nào cũng hiện diện ở khắp mọi nơi như như bất động. Nếu tâm của ta lúc nào cũng như như bất động thì làm gì có kiếp quá khứ, hiện tại hay là vị lai. Tất cả quá khứ, hiện tại và vị lai đều là do tâm vọng tưởng của ta tạo tác và phân biệt mà có. Sau khi giác ngộ, ta sẽ chuyển được tâm vọng thành tâm chân thì quá khứ, hiện tại và vị lai của ta làm gì còn tồn tại. Nếu quá khứ, hiện tại và vị lai không còn tồn tại, thì ta cần gì phải động tâm để tìm hiểu về quá khứ, hiện tại và vị lai của mình.

Cũng như trong giấc mơ, ta thấy những cảnh vật đang xảy ra là thật, nên ta mới đau khổ, buồn vui và sợ hãi, nhưng sau khi thức giấc ta biết chúng chỉ là giấc mơ. Khi biết chúng chỉ là giấc mơ, thì ta đâu còn bận tâm để tìm hiểu về quá khứ, hiện tại và vị lai của những giấc mơ đó để làm gì, có phải vậy không? Vì vậy mà người tu Tịnh độ không có khởi tâm tu luyện thần thông biến hóa để tìm hiểu tứ tung.

f. Lộ tận thông: Chúng ta vốn không có vô minh và luân hồi sinh tử, chỉ vì si mê mà chúng ta đã tạo ra cái vòng vô minh của sáu ngã luân hồi. Sau khi được nhất tâm, ta sẽ khai mở được trí tuệ **Bát nhã** và nhìn

suốt được chân tướng của vạn pháp từ giả tới chân. Nhờ thấy được chân tướng của vạn pháp mà ta đoạn được sanh tử luân hồi.

Kính thưa quý bạn! Qua sự phân tích ở trên cho chúng ta thấy sáu loại thần thông của A-la-hán, chỉ có một loại “Lậu tận thông” là hướng nội, còn năm loại thần thông biến hóa là hướng ngoại (*ngoại nghĩa là ngoài*). Còn sáu loại thần thông của người tu Tịnh độ đều là hướng nội, đều là trở về Diệu tâm thanh tịnh của mình (*nội tức là trong*). Chúng ta tu hành mục đích là phải khôi phục lại tâm thanh tịnh của mình, không phải tu để mong có thần thông biến hóa của A-la-hán.

Phật nói chứng đắc là để cho chúng ta dễ hiểu, nhưng trên thực tế thì chúng ta không có chứng đắc chi cả (*chứng đắc tức là có được*). Tại sao? Vì những gì mà chúng ta chứng được vốn đã sẵn có ở trong **Diệu tâm** của ta, chẳng qua trước kia ta không biết quay về để hưởng thụ đó thôi. Cũng như ta có một kho vàng được chôn ở trong nhà mà không hề hay biết. Nay nhờ có chư Phật đến chỉ điểm, nên ta mới biết và đào nó lên để hưởng thụ, chỉ đơn giản vậy thôi.

Còn về vấn đề tại sao có một số bạn hiểu lầm cho rằng: Người tu Tịnh độ khi được nhất tâm tam muội thì phải có thần thông biến hóa như A-la-hán. Quý bạn hiểu lầm là vì không hiểu được ý của chư Phật, chư Tổ và không hiểu được chân tướng của pháp môn Tịnh độ. Bây giờ tôi xin phân tích tóm gọn về sáu loại thần thông biến hóa của Tiểu thừa A-la-hán và sáu loại thần thông thanh tịnh của người tu Tịnh độ khác nhau ở chỗ nào, để quý bạn không còn nhầm lẫn.

Kính thưa quý bạn! Tịnh độ là pháp môn **Nhân quả đồng thời**. Nghĩa là mỗi một niệm của ta đang tu niệm hằng ngày đều là đang gieo nhân và gặt quả, nên sự thành tựu không có khoảng cách của không gian và thời gian (*nói trên lý*). Vì không có khoảng cách của không gian và thời gian, nên chúng ta không thể phân chia bậc thứ. Vì không thể phân chia bậc thứ, nên chư Tổ miễn cưỡng chia ra làm hai bậc **Sự** và **Lý** nhất tâm, để làm phương tiện giúp cho Phật tử tu Tịnh độ dễ hiểu. Trên thực tế thì pháp môn Tịnh độ chỉ có một bậc **Lý, sự** dung thông mà thôi. Tuy pháp môn Tịnh độ miễn cưỡng chia ra làm hai bậc Sự và Lý nhất tâm, nhưng cũng khó giải thích cho Phật tử hiểu. Vì vậy mà chư Tổ phải tạm dùng bậc thứ chứng đắc của Thiên tông, để làm phương tiện giúp cho Phật tử tu Tịnh độ hiểu được phần nào sự thành tựu trên tâm thanh tịnh của mình. Quý Ngài hoàn toàn không đề cập gì đến thần thông biến hóa của A-la-hán. Chẳng qua chúng ta không có đủ trí tuệ để hiểu pháp môn Tịnh độ và không hiểu được ý của chư Tổ, nên mới sanh ra hiểu lầm.

Tịnh độ là pháp môn **Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác**. Tức là nói chúng ta phải trở về với sáu căn **Thanh tịnh**, trở về với tâm từ bi **Bình đẳng** và trở về với tri **Giác** Phật tánh. Vì chỉ có trở về với tâm Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác thì ta mới có thể thành Phật. Còn thần thông biến hóa của A-la-hán không giúp được gì cho tâm thanh tịnh của ta. Nên quý bạn đừng cho rằng người tu hành phải có thần thông biến hóa như A-la-hán, thì mới là người chứng đắc thật sự. Bởi vì, nếu vậy thì tại sao A-la-hán, Trời, Thần, Ma vương và ngoại đạo, họ cũng có năm loại thần thông biến hóa rất cao

mà không thể thành Phật? Điều này chúng ta phải cần tham cứu Kinh Phật kỹ lại, không nên dùng sự hiểu biết nông cạn của mình, để đi phỉ báng chư Phật, chư Tổ và hại chúng sanh phải bị hoang mang thì không tốt.

Thưa quý bạn! Đạo Phật là đạo dạy chúng sanh tu hành để trở về với tâm **Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác**. Đạo Phật không có dạy chúng sanh tham đắm tu luyện thần thông biến hóa. Chư Phật và Bồ tát từ xưa đến nay chỉ dùng trí tuệ thanh tịnh của mình để khai mở tri kiến Phật cho chúng sanh. Quý Ngài hoàn toàn không dùng đến thần thông biến hóa để dẫn dắt chúng sanh. Thậm chí, cho dù có người đến giết, quý Ngài cũng không dùng đến thần thông để lẩn trốn hay đối phó. Chỉ trừ những trường hợp đặc biệt vì muốn cứu độ chúng sanh, nên quý Ngài mới thi triển một chút thần thông mà thôi. Ý nghĩa thần thông ở trong nhà Phật là: **Thần**, là thần lực từ chân tâm của ta phát ra; **thông**, là nhờ có thần lực từ chân tâm phát ra mà trí tuệ của ta được thông. Đây mới là thần thông chân thật của đạo Phật.

Kính thưa quý bạn! Tịnh độ là pháp môn trực chỉ khôi phục Diệu tâm thành Phật diệu giác. Vì vậy, người tu Tịnh độ xưa nay khi được nhất tâm tam muội, không cần phải đi tìm Thầy để ấn chứng cho mình. Tại sao? Vì ngoài ta ra không ai có thể ấn chứng cho ta (*chỉ trừ Phật*). Cũng như ta ăn no tới đâu tự ta biết rõ tới đó, còn người khác không phải là ta thì không thể nào biết được ta đã ăn no tới đâu. Tóm lại, chúng ta tu chứng tới đâu tự mình sẽ hiểu rõ tới đó, hiểu 100% không sai và không nhầm lẫn. Khi đọc đến đây tôi biết quý bạn sẽ hỏi rằng: "*Làm sao chúng ta có thể biết chắc là mình không bị nhầm lẫn?*". Là vì khi được nhất

tâm tam muội, chúng ta sẽ thấy được Phật tâm của mình dung thông với Phật tâm của mười phương chư Phật; tâm-tâm hợp nhất, tâm-tâm hộ niệm và tâm-tâm tổng trì. Tóm lại, tâm ấn tâm dứt bật ngôn từ đối đãi. Cũng như ta uống nước nóng hay lạnh tự ta hiểu rõ, không thể nào giải thích cho người khác hiểu được về độ nóng, lạnh mà ta đang cảm thọ.

Tuy pháp môn Tịnh độ cao siêu không thể nghĩ bàn, nhưng nếu ta không dùng phương tiện để tìm hiểu, thì sẽ không hiểu rõ. Bây giờ chúng ta dùng một phương tiện đơn giản nhất để thử nghiệm, thì sẽ hiểu được phần nào chân tướng. Chúng ta thử đi tìm một căn “chung cư” có nhiều tầng. Rồi sau đó, ta dùng cầu thang đi bộ để đi từ tầng một lên tới tầng cao nhất. Trong lúc đi ta đếm thử xem, từ tầng một lên tới tầng cao nhất có bao nhiêu nấc thang và mất bao nhiêu thời gian công sức? Sau đó, ta dùng cầu thang máy và cũng đi từ tầng một lên tới tầng cao nhất. Trong lúc đi ta cũng đếm thử xem từ tầng một lên tới tầng cao nhất, có bao nhiêu bậc và mất bao nhiêu thời gian công sức? Sau khi thử xong hai cầu thang bộ và máy, thì ta sẽ thể hội được phần nào khác biệt giữa hai pháp môn **Tịnh** và **Thiền**. Lúc đó, chúng ta sẽ hiểu được tại sao pháp môn Thiền tông có thể phân chia bậc thứ, còn pháp môn Tịnh độ thì không thể phân chia bậc thứ. Chúng ta sẽ hiểu được tại sao các pháp môn khác phải cần tu đến ba đại A Tăng kỳ kiếp, còn pháp môn Tịnh độ có thể vãng sanh ngay trong một đời. Tuy cách thử nghiệm này rất là đơn giản, nhưng có hiệu quả vô cùng. Nếu quý bạn không tin thì cứ thử đi, chỉ có lợi chớ không có hại. Chúc quý bạn tìm được câu trả lời thỏa

đáng. *(Pháp môn Tịnh độ thì ví như cầu thang máy, còn pháp môn Thiên thì ví như cầu thang đi bộ).*

Kính thưa quý bạn! Nói về sự tu hành thì mỗi người đều có sự thành tựu cao thấp khác nhau, tùy theo ta đang tu Tiểu thừa, Đại thừa hay Như Lai thừa. Còn nói về pháp môn thì có đường dài và đường tắt. Có pháp môn phải cần tu đến ba đại A Tăng kỳ kiếp, có pháp môn thì chỉ cần tu một đời là được vãng sanh về cõi Phật. Điều quan trọng là ta có đủ trí tuệ sáng suốt để lựa chọn cho mình một con đường thẳng tắt, dễ tu và dễ thành Phật hay không? Nếu quý bạn vẫn còn cố chấp không chịu đi đường tắt mà muốn đi đường dài, thì tự làm khổ mình thôi. Xin quý bạn hãy suy nghĩ cho chín chắn, đừng để mất thân này rồi hối tiếc sẽ không còn kịp nữa. Tại sao? Vì có mấy ai trên đời này dám bảo đảm rằng mình ngủ mà nắm tay được từ tối cho tới sáng. Có mấy ai dám bảo đảm rằng kiếp sau mình không bị thoái đạo. Một đêm, một kiếp chúng ta còn chưa dám bảo đảm, thì nói chi đến ba đại A Tăng kỳ kiếp *(tức là vô lượng kiếp)*.

THẦN THÔNG

Thần thông thanh tịnh mới cao
 Thần thông A-la-hán làm sao sánh bằng
 Thần thông thanh tịnh nhiệm màu
 Thần thông A-la-hán thêm sâu ích chi
 Thần thông thanh tịnh từ bi
 Thần thông A-la-hán thêm nghi ích gì.
*(Nói thần thông biến hóa của A-la-hán,
 không phải nói trí tuệ của A-la-hán).*

GIẢI TỎA NGHI VẤN GIỮA THIỀN VÀ TỊNH

I. Sự ấn chứng giữa Thiền và Tịnh

Kính thưa quý bạn! Chúng ta xưa nay thường nghĩ người tu hành chứng đắc phải cần có một vị đắc đạo để ấn chứng, nếu không, thì không thể tự cho mình là người chứng đắc. Ý nghĩ của chúng ta xưa nay rất đúng, nhưng chỉ đúng trên các pháp môn tu khác, còn trên pháp môn Tịnh độ thì ý nghĩ này hoàn toàn sai lầm. Bây giờ chúng tôi xin phân tích từng phần từ cạn tới sâu thì quý bạn dễ hiểu hơn. Ở đây, chúng tôi không bàn đến sự khác nhau của các tông phái khác, mà chúng tôi chỉ bàn đến sự khác nhau giữa Thiền và Tịnh thôi. Chỉ cần hiểu được Thiền và Tịnh khác nhau ở chỗ nào thì ta sẽ không còn bị lẫn lộn.

Thiền: Người tu Thiền là tự lực và sự tu hành của họ là từ cửa **Không** đi vào, nên khi được chứng đắc họ phải cần có một bậc đắc đạo để ấn chứng cho họ. Tại sao? Vì người tu Thiền là tự lực, mà tự lực thì khó được thành tựu, nhưng dễ bị vấp ngã. Thêm vào, sự tu hành của họ là từ cửa “Không” đi vào nên dễ bị làm đường lạc bước. Vì vậy, khi được chứng đắc, họ phải cần có một bậc đắc đạo để ấn chứng, nếu không, họ dễ bị rơi vào lầm lạc không chứng, mà tưởng lầm rằng mình đã chứng. Làm như vậy sẽ có hại đến bản thân, hại Phật pháp và hại chúng sanh. Đó là nói đến những vị tu Thiền chứng quả “Tiểu thừa”.

Còn những bậc tu Thiền chứng quả “Đại thừa” hay “Như Lai thừa” thì tự quý Ngài có khả năng để ấn chứng cho mình, không cần phải đi tìm ai để ấn chứng. Tại sao? Vì ngoài Phật ra không ai có thể ấn chứng cho quý Ngài. Huống chi, thời nay là thời “Mạt pháp” không phải là thời “Thượng pháp” hay “Trung pháp”. Thời nay, muốn tìm một bậc đắc đạo để ấn chứng cho người đắc quả Tiểu thừa tìm cũng không ra, thì nói chi đến tìm bậc ấn chứng cho quả Đại thừa.

Tịnh độ: Người tu Tịnh độ thì có nhị lực: **Một**, là dùng tự lực của mình; **hai**, là nương vào tha lực của Phật A Mi Đà và mười phương chư Phật. Thêm vào, sự tu hành của ta là từ cửa **Diệu tướng** đi vào, nên khi được chứng đắc ta không cần phải đi tìm bậc đắc đạo để ấn chứng. Vì ngoài chư Phật và ta ra, thì không ai có thể ấn chứng cho ta. Tại sao? Vì mỗi một niệm mà ta đang tu niệm đều là trực chỉ khôi phục lại Diệu tâm và trực chỉ thâm nhiếp thần lực của Phật A Mi Đà và mười phương chư Phật. Nên sự tu hành của ta chỉ có thành tựu, không có vấp ngã.

Thêm vào, sự tu hành của ta là từ cửa “Diệu tướng” đi vào, nên không có chuyện đi làm đường lạc bước được. Huống chi, Tịnh độ là pháp môn “**nhân quả đồng thời**”, nghĩa là ngay giây phút ta gieo nhân, thì cũng là giây phút ta gặt được quả liền. Nếu vừa gieo nhân vừa gặt được quả liền, thì sự thành tựu của ta đã được phơi bày rõ ràng ngay trước mắt. Nếu kết quả đã được phơi bày ngay trước mắt, thì ta cần gì phải chạy đông, chạy tây để tìm người ấn chứng cho ta. Làm như vậy không phải là uổng công phí sức hay sao? Cũng như ta ăn cơm, ăn no tới đâu tự ta biết rõ tới đó, cần gì

phải chạy đi hỏi người khác rằng mình đã ăn no chưa? Làm như vậy có khác gì với người si mê, điên đảo. Thêm vào, pháp môn Tịnh độ chỉ có Phật mới ấn chứng cho ta được thôi. Vì vậy, trong Tịnh độ tông xưa nay, không có chuyện Sư tổ này ấn chứng cho Sư tổ kia, hay là sư phụ này ấn chứng cho đệ tử kia.

Kính thưa quý bạn! Tuy pháp môn Tịnh độ không cần người để ấn chứng, nhưng khi được chứng đắc một cảnh giới nào đó, thì ta có thể tìm những vị chân tu đã chứng đạo cao hơn mình để chia sẻ và học hỏi thêm kinh nghiệm. Tuy pháp môn Tịnh độ chứng tới đâu tự ta hiểu rõ tới đó, nhưng nếu ta có được vị Thầy chân tu đắc đạo chỉ dẫn thêm, thì sự tu hành của ta sẽ mau được thành tựu hơn.

II. Sự chứng đắc giữa Thiên và Tịnh

Ở đây, chúng tôi xin phân tích thêm để quý bạn hiểu tại sao người tu Tịnh độ khi được chứng đắc, không cần phải tìm bậc đắc đạo để ấn chứng. **Thứ nhất**, vì ngoài ta ra, không ai có thể ấn chứng cho ta. **Thứ hai**, vì sự tu hành của ta đã có Phật A Mi Đà ấn chứng cho ta rồi. Khi đọc đến đây tôi biết quý bạn sẽ hỏi rằng: *“Phật A Mi Đà ấn chứng cho ta ở đâu?”*

Kính thưa quý bạn! Nếu nói trên lý, thì Phật A Mi Đà đang ở ngay trước mặt để ấn chứng cho ta, còn nói trên sự, thì Phật đã ấn chứng cho ta ở ngay trong bộ **“Kinh Vô Lượng Thọ”**. Chẳng qua ta chưa khai mở được trí tuệ, nên chưa thấy được Ngài ấn chứng đó thôi. Nếu ta chịu buông xả tham, sân, si và phát tâm niệm Phật để thành Phật, thì ta sẽ thấy được Ngài ấn chứng cho ta, từ khi phát tâm cho đến khi thành Phật.

Thật ra, Phật A Mi Đà chưa có nhập diệt và giáo pháp của Ngài cũng chưa hề gián đoạn. Chỉ khi nào trong vũ trụ này không còn một chúng sanh nào, thì Ngài mới nhập diệt và giáo pháp của Ngài mới không còn.

Trong Kinh Phật nói: **“Bất luận chúng sanh nào ở trong mười phương thế giới phát được cái tâm niệm Phật để thành Phật, thì đều là bậc Bồ tát sơ phát tâm”**. (Sơ, tức là bậc tiểu Bồ tát đang bước vào dòng Phật). Khi đọc đến đây tôi biết quý bạn sẽ không dám tin mình là tiểu Bồ tát, nhưng đây là sự thật. Vì trong Kinh Phật nói rằng: **“Chúng sanh nào ngày nay phát được cái tâm niệm Phật để thành Phật, thì chúng sanh đó trong nhiều kiếp quá khứ đã có tu, nên kiếp này nhân duyên làm Phật mới được chín muồi”**. Thật ra, quả tiểu Bồ tát mà chúng ta đang có không phải mới được thành tựu đây, mà nó đã được ta vun trồng và tích lũy công đức qua nhiều kiếp tu tập rồi. Chẳng qua kiếp này ta không biết, nên không dám nhận mình là tiểu Bồ tát đó thôi. Nhưng cho dù ta có dám nhận hay không, thì sự thật này cũng không thể thay đổi. Vì vậy, chúng ta hãy can đảm nhận mình là tiểu Bồ tát đi. Nếu không, ta sẽ không có đủ trí tuệ và can đảm để tiến tu đến quả Phật cứu cánh.

Nếu quý bạn chịu quán xét, thì sẽ thấy mỗi giây, mỗi phút thân tâm của ta đều có sự chuyển biến tương tục. Sự chuyển biến tương tục đó, chính là sự chứng đắc từng phần từ cạn đến sâu. Chỉ khi nào ta bỏ tu niệm, thì sự chuyển biến tương tục đó mới tạm ngưng. Tuy sự tu hành của ta mỗi giây, mỗi phút đều có sự chứng đắc tương tục không ngưng, nhưng trong thời gian chuyển biến tương tục đó, có ba giai đoạn chứng

đặc đặc biệt mà ta có thể thấy biết rõ ràng, đó là: **Sự nhất tâm, Lý nhất tâm và Đà Ra Ni**. Bây giờ chúng tôi xin chia sẻ một chút kinh nghiệm về ba cảnh giới chứng đặc đặc biệt đó, để quý bạn tìm hiểu thêm.

1. Sự nhất tâm tam muội: Khi nào bạn thấy được chân tướng của vạn vật hữu tình và vô tình ở trong thế gian này là giả, không thật, rồi tự nhiên bật khóc và giận ghét mình si mê điên đảo, là bạn đã chứng được **Sự nhất tâm** rồi đó. Muốn biết mình có chứng được **Sự nhất tâm** hay không, thật dễ thôi. Nếu bạn vẫn còn tranh chấp danh lợi, bòn xén và hơn thua thì bạn chỉ chứng được sự tưởng tượng thôi. Còn nếu tâm của bạn buông xả được mọi thứ nhẹ nhàng và an lạc, thì bạn đã chứng được **Sự nhất tâm tam muội** rồi đó.

2. Lý nhất tâm tam muội: Khi nào bạn thấy được quang minh của tự tánh, là bạn đã chứng được **Lý nhất tâm tam muội** rồi đó. Muốn biết mình có thật chứng được **Lý nhất tâm tam muội** hay không, thật dễ thôi. Có hai căn bản chính để cho bạn đối chiếu, đó là:

a. Khi nào bạn thấy được tất cả chúng sanh đều là ông bà, cha mẹ và là Phật sẽ thành, rồi bạn xúc động bật khóc và phát ra đại nguyện từ bi để cứu họ đời đời, kiếp kiếp;

b. Khi nào bạn đọc “**Kinh Vô Lượng Thọ**” mà hiểu được thông suốt thể tánh của Kinh và thấy được mỗi chữ trong Kinh đều tỏa ra hào quang biến hóa vô lượng (*tâm thấy không phải mắt thấy*). Rồi bạn xúc động bật khóc và chỉ muốn quỳ xuống ôm chân của chư Phật và Bồ tát để sám hối tội lỗi của mình đời đời, kiếp kiếp.

Khi nào bạn có được hai cảnh giới ở trên, là đã chứng được “**Lý nhất tâm tam muội**” rồi đó.

3. Đà Ra Ni tam muội: Khi nào bạn nghe được âm thanh huyền diệu A Mi Đà, từ trong Diệu tâm thanh tịnh của mình lưu xuất ra và hòa nhập vào tâm của mười phương chư Phật và hòa nhập vào tâm của chúng sanh và bao trùm cả vũ trụ là bạn đã chứng được **Đà Ra Ni tam muội** rồi đó. Đà Ra Ni tam muội tức là Mật Chú đại tổng trì Kim cang tam muội.

Mật: Tức là bí mật ẩn tàng ở trong Diệu tánh;

Chú: Tức là hồng danh A Mi Đà Phật;

Đại: Tức là rộng lớn bao trùm khắp hư không, pháp giới;

Tổng: Tức là tổng hợp chân tâm của chư Phật và chân tâm của chúng sanh;

Trì: Tức là trì niệm tự tánh;

Kim cang: Tức là bất hoại;

Tam muội: Tức là chánh định, thanh tịnh và tịch diệt.

Tóm lại, “Đà Ra Ni” tức là Mật Chú A Mi Đà sẵn có ở trong Diệu tâm (*Diệu tánh*) chúng ta. Muốn nghe được Mật Chú A Mi Đà ở trong tự tánh, thì ta phải biết quay vào để sống với Diệu tâm của mình. Khi sống được với Diệu tâm, thì ta sẽ nghe được tiếng niệm A Mi Đà Phật từ Diệu tâm của ta, Diệu tâm của chư Phật và Diệu tâm của chúng sanh bao trùm cả vũ trụ. Muốn biết mình có chứng được “Đà Ra Ni tam muội” hay không, thật dễ thôi. Có hai căn bản chính để cho bạn đối chiếu, đó là:

Một: Tâm của ta 24/24 lúc nào cũng phát ra diệu âm **A Mi Đà Phật** bao trùm cả vũ trụ. Điều đặc biệt là ta muốn nghe nhạc niệm Phật nào cũng được, tùy tâm khởi. Nghĩa là ta muốn nghe nhạc niệm Phật bốn chữ hay sáu chữ, nhanh hay chậm, tiếng Hoa hay tiếng

Việt... đều tùy ý. Chúng ta chỉ cần khởi lên một niệm thì nghe bao lâu cũng được. Còn khi ta không khởi ý nghe các loại nhạc niệm Phật khác, thì tâm của ta chỉ phát ra loại niệm Phật nguyên thủy mà thôi (*tức là tiếng niệm Phật đầu tiên mà ta có được*).

Hai: Chúng ta lúc nào cũng sống trong chánh định (*tức sống trong tánh giác của ta*). Cho dù ta có đi đứng, nằm ngồi, vui buồn hay tức giận thì sự an định và sáng suốt trong ta sẽ không bao giờ mất. Tại sao? Vì ta đã sống được với Phật tánh của ta rồi. Một khi sống được với Phật tánh, thì sự thanh tịnh trong tâm ta là vĩnh cửu bất hoại.

Khi nào chúng ta có được hai cảnh giới trên là ta đã chứng được “Đà Ra Ni” rồi đó. (*Xin bạn chớ nhầm lẫn tiếng niệm Phật thuần thực trong tâm và tiếng niệm Phật bao phủ khắp vũ trụ*). Tóm lại, khi nào ta thấy được chân tướng của vạn pháp sanh diệt là chứng được **Sự** nhất tâm. Khi nào ta thấy được thể tánh của vạn pháp giả và chân là chứng được **Lý** nhất tâm. Khi nào ta sống được với Diệu tâm của ta là chứng được **Đà Ra Ni** tam muội.

Giờ chúng tôi xin phân tích thêm, để quý bạn hiểu **tam muội** và **Đà Ra Ni tam muội** khác nhau ở chỗ nào. Tam muội thì ví như cái ly đã được nắn thành hình. Tuy đã nắn thành hình nhưng chưa thể dùng, vì nó chưa được nung qua lửa nóng. Còn Đà Ra Ni tam muội, thì ví như cái ly đã được nung qua lửa nóng, nên ta có thể dùng nó để uống nước nóng hay lạnh đều tùy ý. Tóm lại, tam muội thì thấp hơn Đà Ra Ni tam muội, vì nó lúc có lúc không. Tức là khi nào tâm ta định thì nó đến, khi nào tâm ta động thì nó đi. Còn Đà Ra Ni tam muội thì theo ta như

bóng với hình, không thể tách rời nhau. Cho dù ta có tức giận, ngủ mê hay là thay hình đổi dạng ra vào trong sáu ngã luân hồi, để cứu độ chúng sanh đời đời, kiếp kiếp thì tánh sáng suốt và tâm thanh tịnh của ta sẽ không bao giờ mất. Nó ví như một cái áo giáp **Kim cang** vô hình luôn bảo vệ huệ mạng và tâm Bồ đề của ta.

Kính thưa quý bạn! Tam muội cũng có cao thấp khác nhau. Nếu một người tu Thiền và một người tu Tịnh cùng chứng được tam muội, thì tam muội của người tu Thiền thấp hơn của người tu Tịnh. Tại sao? Vì tam muội của người tu Tịnh được thành tựu từ **Diệu tánh**, còn Tam muội của người tu Thiền được thành tựu từ **Định tánh**. Diệu tánh thì cao hơn Định tánh nhiều lắm. *(Xin lỗi chúng tôi không có đủ thời gian để phân tích, xin quý bạn tìm các Kinh Tịnh độ để tìm hiểu thêm).*

Còn nói về mặt chứng đắc, thì có người đắc trước định sau hoặc có người định trước đắc sau. Nghĩa là cho dù công phu tu hành của ta chưa đạt đến định, nhưng tâm của ta buông xả được rốt ráo thì sẽ được đắc đạo. Còn nếu công phu tu niệm của ta đã đạt đến định, mà tâm của ta chưa buông xả được rốt ráo thì không thể đắc đạo. Tóm lại, đắc đạo được hay không, thì phải coi tâm của ta có biết buông xả hay không? Còn định được hay không, thì phải coi công phu tu hành của ta có tinh tấn hay không? Đó là nói về những người tu Thiền và những người tu theo các pháp môn khác. Còn nói về người tu Tịnh độ thì hoàn toàn khác hẳn. Tại sao? Vì ngay trong mỗi niệm mà ta đang tu niệm, đều thành tựu được cả hai mặt **định** và **đắc** đi song song. Tuy trong mỗi niệm của ta, đều có được đắc và định đi song song, nhưng sự chứng đắc của mỗi người thì có nhanh

chậm khác nhau. Vì vậy, có người chứng được **Sự** nhất tâm trước, rồi sau đó mới chứng đến **Lý** nhất tâm. Nhưng cũng có người chứng được một lúc cả **Sự** và **Lý** nhất tâm. Thậm chí, có người chứng được một lúc luôn cả **Sự**, **Lý** và **Đà Ra Ni**. Tại sao? Vì chúng ta ai cũng có “túc mạng” khác nhau. *(Túc mạng nghĩa là chúng ta ai cũng đều có thiện căn, phước đức, nhân duyên và hạnh nguyện tu hành khác nhau trong vô lượng kiếp)*. Nên sự thành tựu của chúng ta trong kiếp này, cũng có sự sai biệt cao thấp và nhanh chậm khác nhau. Vì vậy, có người tu cả đời mà thành tựu không được bao nhiêu, còn có người mới tu được vài năm, vài tháng hoặc vài tuần thì liền được đắc đạo. Nếu là đệ tử của Phật, thì ta phải hiểu rõ chân tướng này. Chúng ta không nên chấp rằng: Ta chưa đắc đạo thì không ai có thể đắc đạo, hoặc nghĩ rằng người xuất gia mới có thể đắc đạo, còn người tại gia thì không thể đắc đạo. Nếu quý bạn tu hành mà vẫn còn ôm cái tâm chấp trước và trọng khinh như vậy, thì cho dù tu cả đời cũng chỉ luống công thôi.

III. Sự thành tựu giữa Thiên và Tịnh

Ở đây, chúng tôi xin phân tích thêm về hai cửa **Không** và **Tướng** của Thiên và Tịnh khác nhau ở chỗ nào để quý bạn tìm hiểu thêm. Trước khi tìm hiểu vào hai cửa “Không” và “Tướng”, chúng tôi xin phân tích sơ lược về thể tánh của năm bộ Kinh chính mà Phật đã dạy trong 49 năm, đó là: **Kinh Lăng Nghiêm**, **Kinh Bát Nhã**, **Kinh Hoa Nghiêm**, **Kinh Vô Lượng Thọ** và **Kinh A Mi Đà**. Trong 49 năm, Phật dạy 12 bộ Kinh, nhưng ở đây chúng ta chỉ bàn đến 5 bộ Kinh chính mà thôi. Vì sự tìm hiểu này rất là quan trọng, nếu chúng ta chưa

nắm được bản thể của năm bộ Kinh này, thì sẽ không hiểu được ý nghĩa của hai cửa “Không” và “Tướng” khác nhau ở chỗ nào?

1. Kinh Lăng Nghiêm: Ví như **tám bản đồ** giúp cho ta đi tìm kho tàng. Nghĩa là nhờ có bộ “Kinh Lăng Nghiêm” mà ta mới biết mình có tâm Phật và có đầy đủ đức tướng như Phật. Có bộ “Kinh Lăng Nghiêm” mà ta mới biết mình là người si mê, điên đảo đã tạo ra sáu ngã luân hồi và cam tâm tình nguyện ở trong cái vòng sanh tử đó, để chịu đau khổ đời đời, kiếp kiếp không thể thoát ra.

2. Kinh Bát Nhã: Ví như **ngọn đuốc** soi đường giúp cho ta đi tìm kho tàng. Nghĩa là nhờ có bộ “Kinh Bát Nhã” mà ta mới khai mở được trí tuệ, để thấy được chân tướng của vạn pháp giả và chân.

3. Kinh Hoa Nghiêm: Giúp cho ta có thêm **niềm tin** để đi tìm kho tàng. Nghĩa là nhờ có bộ “Kinh Hoa Nghiêm” mà ta mới hiểu được trí tuệ, thần thông và cảnh giới thù thắng của mười phương chư Phật và cõi Phật. Nhờ hiểu rõ mà ta mới hạ quyết tâm buông xả thế giới chúng sanh, về thế giới chư Phật để hưởng vô lượng quang và vô lượng thọ.

4. Kinh Vô Lượng Thọ: Là **phơi bày** cho ta thấy được **báu vật** ở trong kho tàng. Nghĩa là nhờ có bộ “Kinh Vô Lượng Thọ” mà ta mới biết được mình có vô lượng trí tuệ, vô lượng đức tướng, vô lượng thần thông và vô lượng thọ giống như chư Phật không khác.

5. Kinh A Mi Đà: Là **chìa khóa** giúp cho ta mở cửa kho tàng. Nghĩa là nhờ có bộ “Kinh A Mi Đà” mà ta mới biết thể tánh Diệu tâm của mình là A Mi Đà và câu

A Mi Đà Phật chính là **Phật Chú** giúp cho ta khôi phục lại Diệu tâm để thành Phật.

Kính thưa quý bạn! Qua năm thể tánh của năm bộ Kinh cho thấy, trong mỗi bộ Kinh Phật đều khai thị cho chúng ta một cảnh giới khác nhau. Nếu chúng ta đem năm bộ Kinh này để so sánh cao, thấp với nhau thì thật là khó. Tại sao? Vì cao hay thấp còn tùy vào căn cơ và trí tuệ của mỗi người nhận định và còn tùy vào chúng ta đang tu pháp môn nào. Ở đây, chúng ta không bàn đến sự nhận định cao thấp của các môn, tông, phái khác mà chúng ta chỉ bàn đến sự nhận định cao thấp của hai phái Thiền và Tịnh thôi.

Nếu nói về mặt tu hành, thì người tu Thiền cho hai bộ **Kinh Lăng Nghiêm** và **Kinh Bát Nhã** là cao nhất. Tại sao? Vì hai bộ Kinh này khai triển về mặt “chân không” rất là tường tận, nên đối với người tu Thiền từ cửa **Không** đi vào rất là có lợi. Nếu không có hai bộ Kinh này, thì người tu Thiền sẽ không cách chi trở về chân tâm của mình được.

Còn nói về người tu Tịnh độ thì cho hai bộ **Kinh Vô Lượng Thọ** và **Kinh A Mi Đà** là cao nhất. Tại sao? Vì hai bộ Kinh này khai triển về hai mặt “Diệu tánh” và “Diệu tướng” rất là tường tận. Nên đối với người tu Tịnh từ cửa **Diệu tướng** đi vào rất là có lợi. Nếu không có hai bộ Kinh này, thì người tu Tịnh độ sẽ không thành Phật được.

Còn nói về mặt “trí tuệ” thì tất cả các môn, tông, phái đều cho bộ **Kinh Hoa Nghiêm** là vua trong các Kinh. Vì bộ Kinh này khai triển được tổng quát về sự thành tựu của cảnh giới: Diệu tướng, Diệu tánh, thần

thông, trí tuệ... nhiệm màu của mười phương chư Phật và cõi Phật.

Kính thưa quý bạn! Ở trên chỉ mới bàn đến sự nhận định cao thấp của chúng ta thôi, còn nếu bàn đến sự nhận định của ba đời mười phương chư Phật, thì quý Ngài cho bộ **Kinh A Mi Đà** là cao nhất. Tại sao? Vì bốn bộ Kinh kia chỉ là phương tiện, để giúp cho chúng sanh thấy được giá trị bí mật của bộ “Kinh A Mi Đà”. Vì bộ “Kinh A Mi Đà” là chìa khóa Kim cang để mở cửa **Diệu tâm** của chư Phật và chúng sanh. Quý bạn thử nghĩ xem: Nếu chúng ta có bản đồ, có đuốc, có phương tiện và có niềm tin để đi tới kho tàng, mà không có chìa khóa để vào được kho tàng thì cũng luống công thôi.

Trong Kinh Phật có huyền ký rằng: *“Tới cuối thời kỳ Mạt pháp, Kinh Phật đều bị tận diệt, duy chỉ có bộ **Kinh A Mi Đà** và **Kinh Vô Lượng Thọ** là còn tồn tại. Rồi sau đó, nhờ oai lực của chư Phật gia hộ mà bộ **Kinh A Mi Đà** và **Kinh Vô Lượng Thọ** được tồn tại thêm 100 năm và cuối cùng chỉ còn lại bốn chữ hồng danh A Mi Đà Phật”*. Thật ra, lời huyền ký của Phật trong Kinh là nói trên **sự** không phải nói trên **lý**. Trên **sự**, nghĩa là Phật đã thấy trước đến thời kỳ Mạt pháp chúng sanh sẽ có đầy đủ thiện căn, phước đức và nhân duyên để tin sâu pháp môn Tịnh độ, nên không còn tu các pháp môn khác. Vì vậy, những bộ Kinh khác không còn được lưu thông, mà không còn lưu thông thì đồng nghĩa với tận diệt. Còn trên **lý**, thì Kinh Phật là vĩnh cửu bất hoại. Tại sao? Vì Kinh Phật là nói lên cái chân tướng của **vũ trụ, nhân sinh, đạo tâm** và **giải thoát** thì có gì để mà tận diệt hay không tận diệt. Nếu là đệ tử Phật, thì chúng ta phải hiểu rõ thời vận

biến hóa của Phật pháp. Chúng ta không nên chấp chặt, để rồi tranh chấp hơn thua trong hàng đệ tử Phật, hại huynh đệ mất đi lục hòa và hại chúng sanh phải bị hoang mang thì không tốt.

Kính thưa quý bạn! Qua sự phân tích ở trên, chúng ta đã hiểu được phần nào căn bản lợi ích của năm bộ Kinh rồi. Bây giờ chúng ta tìm hiểu tóm lược vào cửa “Không” của Thiền và cửa “Diệu tướng” của Tịnh khác nhau ở chỗ nào?

Thiền: Người tu Thiền từ cửa **Không** đi vào. Nghĩa là ta phải quán tất cả vạn pháp là không để trở về chân tâm (*Phật tánh*). Vì vậy, ở trong nhà Thiền thường có một câu nói rằng: “*Gặp Phật thì giết Phật, gặp ma thì giết ma*”. Vì đối với người tu Thiền thì tất cả pháp có hình tướng đều là giả không thật, duy chỉ có chân không vắng lặng, thanh tịnh tịch diệt mới là Niết bàn, nên Thiền tông được gọi là từ cửa **Không** đi vào.

Tịnh Độ: Người tu Tịnh độ từ cửa **Diệu tướng** đi vào. Nghĩa là ta phải quán tưởng đến hình tướng để trở về chân tâm (*Phật tánh*). Quán tưởng hình tướng ở đây không phải là quán tưởng vào hình tướng giả tạm của duyên sanh diệt, mà là quán tưởng vào **Diệu tướng** không sanh không diệt, sẵn có ở trong **Diệu tâm** thanh tịnh của ta. Diệu tướng không sanh không diệt, đó là: **Tướng hảo của Phật A Mi Đà và cảnh đẹp bảy báu trang nghiêm nhiệm mầu của Tây phương Cực Lạc**. Ngay giây phút ta phát nguyện sanh về Cực Lạc của Phật A Mi Đà, thì cũng là giây phút ta phát nguyện trở về với Diệu tánh A Mi Đà của ta. Vì tướng quang minh của Phật A Mi Đà, chính là tướng Phật của ta. Còn cảnh đẹp bảy báu trang nghiêm của Tây phương Cực

Lạc, chính là cảnh đẹp bảy báu sẵn có ở trong tâm ta. Vì vậy, khi thành Phật ta mới có thân quang minh như Phật A Mi Đà và có thần thông để biến hóa ra vô lượng Diệu pháp không sanh không diệt như cõi Cực Lạc. Nên Tịnh độ được gọi là từ cửa **Diệu tướng** đi vào. (*Cửa “Diệu tướng” thì cao hơn cửa “Không” rất xa*).

Kính thưa quý bạn! Đa số chúng ta vẫn còn hiểu lầm nên cho rằng Thiền tông là pháp môn cao siêu trực chỉ thành Phật, còn Tịnh độ là pháp môn cầu phước hoặc đi vòng. Chúng ta là phàm phu nên mới thấy như vậy, nhưng đối với mười phương chư Phật, thì quý Ngài cho Tịnh độ là pháp môn cao siêu trong cao siêu, là pháp môn trực chỉ thành Phật của chư Phật ba đời. Bây giờ tôi xin phân tích thêm về cách chuyển tâm của người tu Thiền và tu Tịnh khác nhau ở chỗ nào, để quý bạn thấy lời của chư Phật và chư Tổ dạy là vạn lần chân thật. Trước khi phân tích về cách chuyển tâm của hai pháp môn Thiền và Tịnh, chúng tôi xin phân tích tóm gọn về bốn tâm căn bản của chúng ta trước, để quý bạn dễ hiểu hơn.

Tất cả chúng ta ai cũng có bốn tâm làm căn bản, đó là: **Tâm Diệu minh, tâm Phật, tâm vô minh và tâm vọng tưởng**. Tuy chúng ta ai cũng có bốn tâm làm căn bản, nhưng hiện tại thì chúng ta chỉ có ba tâm mà thôi, đó là: **Tâm Phật, tâm vô minh và tâm vọng tưởng**. Còn **tâm Diệu minh** khi nào thành Phật thì ta mới có. Đó là nói với những người tu các môn, tông, phái khác và những người không tu. Còn riêng người tu Tịnh độ, thì tất cả chúng ta ai cũng đang có được một phần tâm Diệu minh rồi. Nếu không, thì ta làm sao mà sanh ra được hoa sen ngàn cánh và báo thân Phật của mình ở

trên cõi Cực Lạc. Bây giờ chúng tôi xin phân tích sơ lược từng tâm để quý bạn dễ hiểu.

1. Tâm Diệu minh: Là tâm có vô lượng quang và vô lượng thọ của chư Phật. Nhờ có tâm Diệu minh mà quý Ngài mới biến hóa ra được vô lượng Diệu pháp, Diệu trí tuệ, Diệu thần thông,... Tâm này tròn đầy và phát quang viên mãn, ví như trăng rằm của đêm mười lăm (*người tu Tịnh độ thì ai cũng đang có được một phần tâm này*).

2. Tâm Phật: Là tâm sáng suốt, thanh tịnh sẵn có của ta và tâm này có thể sanh ra vạn pháp. Tuy tâm Phật của ta có thể sanh ra vạn pháp, nhưng chưa sanh ra được Diệu pháp như chư Phật. Tại sao? Vì thần thức và chân tâm của ta chưa hợp thành một thể Diệu minh, nên không sanh ra được Diệu pháp. Còn thần thức và chân tâm của chư Phật, thì đã hợp thành một thể Diệu minh, nên quý Ngài mới sanh ra được vô lượng Diệu pháp. Vì vậy, tâm của chư Phật thì được gọi là **tâm Diệu minh**. Còn tâm chúng ta chỉ gọi là **tâm Phật**. Thật ra tâm “Phật” và tâm “Diệu minh” vốn là một không hai. Nó chỉ khác ở chỗ nếu tâm Phật của ta phát quang thì ta làm Phật. Nếu tâm Phật của ta chưa phát quang thì ta làm chúng sanh. Tóm lại, tâm Phật của ta tuy là tròn đầy, nhưng nó vẫn còn khiếm khuyết như Mặt Trăng của đêm mười bốn chưa thể phát quang (*chúng ta ai cũng có tâm Phật, còn sống được với tâm Phật hay không, thì tùy vào công phu tu hành của mỗi người*).

3. Tâm vô minh: Là tâm ma, tâm thú trong ta. Tâm này dơ bẩn và đen tối ví như Mặt Trăng của đêm ba mươi (*tâm này thì chúng ta ai cũng có và đang sống với nó*).

4. Tâm vọng tưởng: Là tâm vọng động si mê, điên đảo. Tâm này chạy nhảy như con khỉ chuyền cây không ngừng và lúc nào cũng rối nùi cuồn cuộn, ví như đám mây đen đang che phủ Mặt Trăng (*tâm này tất cả chúng ta ai cũng có và đang sống với nó*).

Kính thưa quý bạn! Qua sự phân tích tóm lược ở trên, chúng ta đã hiểu được phần nào cảnh giới của bốn tâm rồi. Bây giờ chúng tôi xin phân tích tóm lược, để quý bạn hiểu tại sao người tu Tịnh độ ai cũng đang khôi phục được một phần tâm Diệu minh. Còn những người tu các môn, tông, phái khác thì chưa khôi phục được (*ở đây chúng ta chỉ bàn đến Thiền và Tịnh thôi*).

Thiền: Người tu Thiền thì phải chuyển tâm từ ngoài vào trong. Nghĩa là trước hết ta phải dùng Thiền định để đoạn tâm vọng. Tâm vọng gồm có hai lớp đó là “Kiến hoặc” và “Tư hoặc”: **Kiến hoặc**, nghĩa là cái thấy si mê, điên đảo của ta; **tư hoặc**, nghĩa là tư tưởng si mê, điên đảo của ta. Sau khi đoạn được Kiến hoặc và Tư hoặc, thì tánh biết của sáu căn mới được khai mở. Sáu căn đó là: **Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân** và **ý**. Khi tánh biết của sáu căn được khai mở, thì ta mới thấy được thần thức của mình đang bị năm ám vô minh che lấp. Năm ám vô minh đó là: **Sắc, Thọ, Tưởng, Hành** và **Thức**.

Sắc ám: Tức là thân của ta gồm có đất, nước, gió và lửa.

Thọ ám: Tức là vô lượng cảm giác và cảm thọ của ta.

Tưởng ám: Tức là vô lượng tư tưởng và ý nghĩ của ta.

Hành ám: Tức là vô lượng ý chí và hành nghiệp của ta.

Thức ám: Tức là vô lượng ý nghĩ và hành nghiệp của ta đã được cất giữ ở trong tàng thức.

Khi năm ám này có đủ nhân duyên thì sẽ tạo thành một thân chúng sanh. Vì vậy, chúng ta ai cũng có năm ám này và cũng chính năm ám này đã đưa ta trôi mãi trong sáu ngã luân hồi không thể thoát ra. Sau khi thấy được thân thức của ta đang bị năm ám vô minh khống chế, thì ta dùng Thiền định và trí tuệ để tiêu phục thân thức trở về chân tâm. Muốn rút được thân thức trở về chân tâm, thì trước hết ta phải rút thân thức trở về từ **Sắc ám**, rồi sau đó rút về **Thọ ám**, **Tưởng ám**, **Hành ám** và cuối cùng là đi vào **Thức ám**.

Khi phá được tới Thức ám, thì tánh biết của sáu căn liền chuyển thành **tánh thấy** của sáu căn. Rồi nhờ tánh thấy của sáu căn, mà ta mới đoạn được vô minh của Thức ám (*tức đoạn được A-lại-da thức*). Sau khi đoạn sạch được Thức ám, thì tánh thấy của sáu căn liền chuyển thành **Tánh trí** (*tức tánh A Mi Đà sáng suốt*). Sau khi tánh sáng suốt A Mi Đà của ta được khôi phục tròn đầy, thì ta thành **Đẳng giác Bồ tát**. Sau khi thành Đẳng giác Bồ tát, thì ta mới có đủ sáng suốt để thấy mình vẫn còn một phẩm **thân tướng vô minh** chưa đoạn. Vì còn một phẩm thân tướng vô minh chưa đoạn, nên tâm Phật của ta chưa phát ra được Diệu quang như Phật A Mi Đà. Lúc đó, ta sẽ phát nguyện sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà. Ngay giây phút ta phát nguyện sanh về Cực Lạc thì ta liền được sanh về Cực Lạc. Ngay lúc đó, ta sẽ gặp được Phật A Mi Đà và hoa sen của ta cũng liền được nở ra và ta thành Phật A Mi Đà.

Tóm lại, người tu Thiền trước hết là phải dùng Thiền định để khôi phục lại **tánh biết** của sáu căn; sau đó, dùng tánh biết của sáu căn để khôi phục lại **tánh thấy** của sáu căn; sau đó, dùng tánh thấy của sáu căn để khôi phục lại **tánh sáng suốt** của sáu căn (*tức tánh A Mi Đà sáng suốt*); sau đó, dùng tánh sáng suốt của sáu căn để khôi phục lại **tánh Diệu minh** của sáu căn (*tức tánh Diệu minh A Mi Đà*). Khi tánh Diệu minh A Mi Đà được khôi phục tròn đầy thì ta thành Phật.

Qua sự phân tích tóm gọn ở trên cho thấy, tu Thiền không phải là chuyện dễ. Vì vậy, người tu Thiền phải cần tu đến ba đại A Tăng kỳ kiếp, thì mới có thể thành Phật (*tức là vô lượng kiếp không thể tính đếm*). Chúng tôi biết quý bạn sẽ nói rằng: “*Nếu tu Thiền lâu được thành Phật như vậy, thì tại sao từ xưa tới nay có nhiều vị tu Thiền được chứng quả và được tôn làm Tổ sư ngay trong một đời*”.

Kính thưa quý bạn! Những vị tu Thiền chứng quả và được tôn làm Sư tổ ngay trong một đời đó, đều là những vị đã tích lũy được công đức tu hành trong vô lượng kiếp rồi. Nên kiếp này họ mới có đủ thượng căn và trí tuệ, để tu hành chứng quả và được tôn là Sư tổ. Nhưng thành Sư tổ không có nghĩa là thành Phật liền đâu. Vì sau khi bỏ báo thân này, thì quý Ngài phải tu hành tiếp tục thêm nhiều kiếp nữa thì mới được thành Phật (*chỉ trừ chư Phật và đại đại Bồ tát thị hiện*).

Quý bạn hãy bình tâm mà suy nghĩ lại xem: Ngày nay trong chúng ta có mấy ai có đủ đại thượng căn và đại trí tuệ để tu Thiền đốn ngộ? Chỉ trong Kiến hoặc và Tư hoặc chúng ta đoạn còn không nổi, thì nói chi đến đoạn Vô minh hay Kiến tánh. Nếu quý bạn muốn biết tu

Thiền dễ hay khó, thì hãy đi tìm bộ **“Kinh Lăng Nghiêm”** để tìm hiểu cho kỹ về 52 ngũ âm ma. Quý bạn cũng có thể tìm sách hay đĩa có tên là **“Ma chướng trên đường tu”** của Ngài “Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng” để tìm hiểu thêm về chướng ma.

Kính thưa quý bạn! Cho dù chúng ta có tích lũy được công đức tu hành từ vô lượng kiếp đến nay, để tu Như Lai thiền và thành Đẳng giác Bồ tát ngay trong đời này đi chăng nữa, thì chúng ta cũng phải phát nguyện sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà. Tại sao? Vì ngoài cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà ra, thì không còn cõi nào để cho ta thành tựu Phật quả. Nếu có, thì những vị Đẳng giác Bồ tát ở “Hoa Tạng thế giới” như là: Ngài Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền,... không cần phải phát nguyện sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà để thành tựu Phật quả. Nếu quý bạn không tin thì hãy tham cứu kỹ lại bộ **Kinh Hoa Nghiêm** trong phẩm **Hạnh nguyện Phổ Hiền** quy hướng Cực Lạc thì sẽ rõ.

Còn về Mật tông, chúng tôi biết quý bạn sẽ nói rằng: *“Trong các pháp môn mà Phật dạy cho chúng ta, đâu phải chỉ có pháp môn Tịnh độ mới có tha lực, mà pháp môn Mật tông cũng có tha lực”*. Quý bạn nói đúng, không sai. Nhưng tha lực của Mật tông và tha lực của Tịnh độ tông có chỗ khác nhau. Sự khác nhau đó là: Tha lực của Mật tông thì thuộc về **Thần lực**, còn tha lực của Tịnh độ tông thì thuộc về **Diệu thần lực**. Thần lực thì thuộc về sức mạnh, còn Diệu thần lực thì thuộc về trí tuệ thanh tịnh. Vì vậy, xưa nay chư Tổ thường nói rằng: *“Mật tông là pháp tu rất cao, chỉ có những vị có thượng thượng căn thì mới tu được”*. Ý nghĩa cao ở đây là so với tám vạn bốn ngàn pháp môn, không phải là so

với pháp môn Tịnh độ. Vì Tịnh độ là pháp môn đặc biệt ở ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn (*tức bao trùm hết tám vạn bốn ngàn pháp môn*). Còn tại sao người tu Mật tông phải cần có thượng thượng căn? Là vì Mật tông là pháp tu thành Phật rất nhanh, mà bị rơi vào địa ngục cũng rất là nhanh. Nó ví như con dao bén có hai lưỡi. Một lưỡi có thể giúp ta đoạn đi vô minh và vọng tưởng, còn lưỡi khác thì có thể đoạn đi huệ mạng của ta. Nên người tu Mật lúc nào cũng phải giữ định tâm, thì mới thâm nhập được tha lực và phải có đủ trí tuệ sáng suốt để soi chiếu nội tâm. Nếu trên đường tu hành mà chúng ta bị sơ hở một chút, thì sẽ bị rơi vào đường tà ngay. Vì vậy, pháp môn Mật tông tuy là có tha lực, nhưng nó vẫn còn nằm trong vòng của tự lực. (*Xin lỗi, chúng tôi không có đủ thời gian để giải thích, xin quý bạn hãy đi tìm Kinh sách của Mật tông và Tịnh độ tông để đối chiếu với nhau thì sẽ rõ*). Bây giờ chúng ta tìm hiểu vào người tu Tịnh độ chuyển tâm như thế nào?

Tịnh Độ: Người tu Tịnh độ thì hoàn toàn khác hẳn với người tu Thiền. Tại sao? Vì người tu Thiền trước hết phải chứng được **sự** rốt ráo rồi mới chứng được đến **lý** (*cho dù Thiền đốn ngộ cũng không ngoại lệ*). Còn người tu Tịnh độ thì thành tựu được một lúc cả hai mặt **lý** và **sự** đi song song. Nghĩa là mỗi một câu A Mi Đà Phật mà ta đang tu niệm, trong thì trực chỉ khôi phục lại Diệu tánh A Mi Đà (*tức thành tựu lý*), còn ngoài thì trực chỉ đoạn vô minh và vọng tưởng (*tức thành tựu sự*). Tóm lại, **lý** là nói trên mặt thành tựu của lý tánh, còn **sự** là nói trên sự đoạn vô minh và vọng tưởng.

Kính thưa quý bạn! Đối với người tu Thiền thì đoạn vô minh và vọng tưởng rất là quan trọng. Nhưng đối với

người tu Tịnh độ thì không quan trọng. Tại sao? Vì người tu Thiền nếu chưa đoạn sạch vô minh và vọng tưởng, thì sẽ không thoát khỏi luân hồi và không thể thành Phật. Còn người tu Tịnh độ cho dù chưa đoạn được vô minh và vọng tưởng, thì vẫn được vãng sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà ngay trong một đời. Tại sao? Vì sự tu hành của ta là dùng ngay Phật tánh A Mi Đà, để khôi phục lại Diệu tánh A Mi Đà. Nếu ta biết dùng ngay Phật tánh để khôi phục lại Diệu tánh, thì vô minh và vọng tưởng của ta làm gì còn tồn tại? Vì vậy, người tu Tịnh độ về mặt đoạn vô minh và vọng tưởng không còn quan trọng, mà khôi phục lại Diệu tánh A Mi Đà mới là quan trọng. Cũng như ta đốn cây mà đốn từ gốc thì cần lo chi đến ngọn.

Giờ chúng tôi xin phân tích thêm, để quý bạn hiểu tại sao khi chúng ta phát tâm niệm Phật để thành Phật, thì liền sanh ra được hoa sen và báo thân Phật của mình ở trên cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà? Ở đây, chúng ta không bàn đến **sự** thành tựu (*tức không bàn đến đoạn vô minh và vọng tưởng*), mà chúng ta chỉ bàn đến **lý** thành tựu thôi (*tức bàn đến khôi phục Diệu tâm*).

Khi chúng ta phát tâm niệm Phật để thành Phật, thì ngay mỗi niệm A Mi Đà Phật mà ta đang niệm, đều là trực chỉ khôi phục lại từng phần **Phật tánh A Mi Đà**. Ngay giây phút khôi phục từng phần Phật tánh A Mi Đà, thì cũng là giây phút ta khôi phục từng phần **Diệu tánh A Mi Đà**. Ngay giây phút khôi phục từng phần Diệu tánh A Mi Đà, thì cũng là giây phút ta thành tựu từng phần **hoa sen ngàn cánh**. Ngay giây phút thành tựu từng phần hoa sen ngàn cánh, thì cũng là giây phút ta thành tựu từng phần **báo thân Phật** của ta. Rồi cứ như vậy

mà ta thành tựu cho đến khi nào hoa sen được nở ra, thì ta thành Phật A Mi Đà. Khi thành Phật A Mi Đà, thì ta sẽ có vô lượng thần thông và trí tuệ để biến hóa ra vô lượng Diệu pháp bảy báu trang nghiêm theo ý muốn. Tóm lại, mỗi một niệm của ta đang tu niệm, đều là trực chỉ thành Phật từng phần. Vì vậy, Tịnh độ được gọi là pháp môn **nhân quả đồng thời**.

IV. Sự khôi phục tâm Diệu minh giữa Thiên và Tịnh

Giờ tôi xin dùng Mặt Trăng làm ví dụ, để quý bạn hiểu “tâm Phật” và “tâm Diệu minh” của mình khác nhau ở chỗ nào? Mỗi khi đến ngày rằm, chúng ta thường thấy xung quanh Mặt Trăng có một vòng quang lớn bao quanh. Vòng quang đó là ví cho **tâm Diệu minh** của ta. Còn Mặt Trăng trong sáng tròn đầy là ví cho **tâm Phật** của ta. Nếu nhìn trên **sự** thì ta thấy vòng quang là vòng quang, còn Mặt Trăng là Mặt Trăng. Nhưng nếu nhìn trên **lý** thì ta thấy vòng quang và Mặt Trăng là một không hai. Vì vòng quang đó có được là nhờ ánh sáng từ Mặt Trăng tỏa ra. Nếu không có ánh sáng từ Mặt Trăng tỏa ra, thì vòng quang đó sẽ không bao giờ có.

Nếu nói trên **lý**, thì tâm của chư Phật và tâm của chúng ta vốn đồng một thể không hai. Nhưng nếu nói trên **sự**, thì tâm của chư Phật và tâm của ta có sự khác nhau. Sự khác nhau ở chỗ là phát quang và không phát quang. Tức là nói chư Phật thì biết làm cho tâm Phật của quý Ngài phát ra Diệu quang. Còn chúng ta thì vẫn còn si mê, nên không biết làm cho tâm Phật của mình phát ra Diệu quang. Ngược lại, chúng ta còn làm cho tâm Phật của mình càng thêm u tối. Vì tâm u tối, nên

chúng ta chỉ chiêu cảm được thân giả tạm của đất, nước, gió, lửa và tạo ra sáu ngã luân hồi sanh tử.

Bây giờ chúng ta trở lại tìm hiểu thêm tại sao người tu Tịnh độ thì ai cũng đang khôi phục được một phần tâm Diệu minh, còn những người tu theo các pháp môn khác thì chưa khôi phục được. Ở đây, chúng ta chỉ bàn đến sự khác nhau giữa Thiền và Tịnh thôi. Chỉ cần hiểu được sự khác nhau giữa Thiền và Tịnh, thì ta sẽ hiểu thông được các pháp môn tu khác.

Thiền: Người tu Thiền muốn khôi phục được tâm Diệu minh, thì trước hết phải đoạn sạch vô minh và vọng tưởng, để khôi phục lại tự tánh A Mi Đà. Sau khi khôi phục được tự tánh A Mi Đà tròn đầy rồi, thì lúc đó mới khôi phục được tâm Diệu minh. Tức là khi nào chúng ta thành Đẳng giác Bồ tát, thì lúc đó ta mới có đủ thần lực và trí tuệ để khôi phục lại tâm Diệu Minh của mình để thành Phật.

Tịnh độ: Người tu Tịnh độ thì không cần phải đoạn sạch vô minh và vọng tưởng, không cần phải khôi phục tự tánh A Mi Đà, mà vẫn có thể khôi phục được tâm Diệu minh của mình ngay trong mỗi niệm. Tại sao? Vì mỗi niệm A Mi Đà Phật mà ta đang tu niệm, đều là dùng ngay thể tánh A Mi Đà tròn đầy để khôi phục lại Diệu tánh A Mi Đà. Nếu chúng ta biết dùng ngay thể tánh A Mi Đà tròn đầy của mình, để khôi phục lại Diệu tánh A Mi Đà, thì vấn đề đoạn vô minh, vọng tưởng và khôi phục lại thể tánh A Mi Đà làm gì còn quan trọng? Điều quan trọng của người tu Tịnh độ là phải khôi phục lại tâm Diệu minh của mình càng nhanh càng tốt. Vì chỉ có tâm Diệu minh của ta mới tương ứng được với tâm Diệu minh của chư Phật và

chỉ có tâm Diệu minh của ta mới sanh ra được hoa sen ngàn cánh và báo thân Phật của ta.

Giờ chúng tôi xin dùng Mặt Trăng và đám mây đen để làm ví dụ thêm một lần nữa, thì quý bạn dễ hiểu hơn.

1. Đám mây đen đang che lấp Mặt Trăng là ví cho **tâm vọng tưởng**.

2. Mặt Trăng tối đen của đêm ba mươi là ví cho **tâm vô minh**.

3. Mặt Trăng sáng tròn đầy của đêm mười bốn là ví cho **tâm Phật**.

4. Mặt Trăng phát quang của đêm mười lăm là ví cho **tâm Diệu minh**.

Người tu Thiền muốn được thành Phật thì phải cần trải qua bốn giai đoạn: **Một**, là phải phá tan đám mây đen đang che phủ Mặt Trăng (*tức đoạn vọng tưởng*); **hai**, là phải phá tan màng đen ở trong Mặt Trăng (*tức đoạn vô minh*); **ba**, là phải khôi phục lại Mặt Trăng sáng tròn đầy của đêm mười bốn (*tức khôi phục lại thể tánh A Mi Đà*); **bốn**, là phải khôi phục lại ánh trăng sáng và vòng quang minh của đêm mười lăm (*tức viên tròn Diệu tánh A Mi Đà*). Nếu chúng ta tu Thiền mà không thành tựu được bốn giai đoạn ở trên, thì không thể thành Phật.

Còn người tu Tịnh độ muốn thành Phật, thì không cần phải trải qua bốn giai đoạn ở trên, mà chỉ cần trải qua một giai đoạn, đó là: Chúng ta chỉ cần dùng thể tánh tròn đầy của Mặt Trăng, để khôi phục lại vòng quang minh của Mặt Trăng là được. Nghĩa là chúng ta dùng ngay thể tánh A Mi Đà sẵn có của mình, để khôi phục lại Diệu tánh A Mi Đà. Tóm lại, chúng ta chỉ cần khôi phục được một phần Diệu tánh A Mi Đà, thì sẽ

được vãng sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà. Khi về Cực Lạc rồi thì ta sẽ không còn bị rơi vào luân hồi sanh tử nữa, mà chỉ có tiến tu đến quả vị Phật. Mới nghe qua thật là khó tin, nhưng đây là vạn lần chân thật, vì vậy mà mười phương chư Phật đều tán thán rằng: ***“Tịnh độ là pháp môn cao siêu khó tin và chỉ có Phật mới hiểu được Phật mà thôi”***.

Giờ tôi xin dùng thêm một ví dụ khác nữa, để quý bạn dễ hiểu hơn. **Ví dụ:** Chúng ta cùng nhau đi tìm **kho tàng**. Khi chưa biết kho tàng ở đâu thì ta phải lo đi tìm **bản đồ**. Sau khi có bản đồ thì ta phải lo đi tìm **phương tiện** và **ẩm thực**. Sau khi có đầy đủ phương tiện và ẩm thực thì ta phải lo đi tìm kho tàng. Sau khi tìm được kho tàng thì ta phải lo đi tìm **chìa khóa** để mở cửa kho tàng. Như vậy, chúng ta cần phải trải qua bốn giai đoạn thì mới mở được cửa kho tàng. Nhưng nếu ta biết được kho tàng và chìa khóa mà ta đang đi tìm, chúng đang ở ngay trong nhà của mình, thì ta có còn chạy đông, chạy tây để tìm bản đồ, tìm phương tiện, tìm ẩm thực và tìm chìa khóa nữa không? Chắc chắn là không, mà ta chỉ cần dùng ngay chìa khóa để mở cửa kho tàng là được rồi.

Người tu Tịnh độ cũng như vậy đó. Nếu chúng ta biết tâm Diệu minh của mình là kho tàng có vô lượng quang và vô lượng thọ và biết câu A Mi Đà Phật là chìa khóa mở cửa kho tàng Diệu tâm, thì ta chỉ cần niệm A Mi Đà Phật là sẽ khôi phục được Diệu tánh A Mi Đà của mình. Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta không cần đoạn vô minh và vọng tưởng để khôi phục lại thể tánh A Mi Đà. Dĩ nhiên là chúng ta phải cần, nhưng đó chỉ là phần phụ. Tại sao? Vì người tu Tịnh độ được vãng sanh thành Phật hay không là phải

tính ở chỗ tâm “Diệu minh” của mình có được tương ứng với tâm “Diệu minh” của chư Phật hay không, không phải tính ở chỗ chúng ta có đoạn được vô minh và vọng tưởng hay không?

CHUYỂN ĐỔI THÂN TƯỚNG

Ở đây, tôi xin chia sẻ một số kinh nghiệm mà tôi đã phục hồi được thân tướng Phật như thế nào, vì đây là những bằng chứng nhiệm màu sẵn có ở trong tâm ta. Giờ tôi xin chia sẻ từng phần để quý bạn tìm hiểu thêm.

I. Chuyển đổi thân thể

Nếu chúng ta niệm Phật có công phu, thì mỗi khi tắm rửa ta sẽ thấy thân của mình có nhiều đất hơn trước kia (*là đất bần và da chết bám trên người*). Lúc đầu, chúng ta sẽ không hiểu và nghĩ rằng: “*Vì thời tiết thay đổi hay là vì mình ở dơ*”. Rồi ngày qua ngày, chúng ta sẽ thắc mắc và tự hỏi rằng: “*Tại sao thời tiết, cách sống và cách vệ sinh của mình lâu nay không thay đổi, nhưng tại sao thân của mình mỗi ngày lại có thêm nhiều đất?*”. Tóm lại, lúc đó quý bạn sẽ thắc mắc, nhưng lại không hiểu lý do tại sao?

Lúc đầu tôi cũng có nhiều thắc mắc và tự hỏi mình như vậy, nhưng qua một thời gian tìm hiểu tôi mới biết lý do tại sao? Là vì mỗi một niệm mà chúng ta đang tu niệm hằng ngày, đều là trực chỉ thâm nhiếp được Phật quang của mười phương chư Phật. Nhờ thâm nhiếp được Phật quang của chư Phật, mà ta mới chuyển hóa được những tế bào dơ bần ở trong thân ta. Khi những tế bào dơ bần ở trong thân ta được chuyển hóa, thì chúng sẽ trở thành những tế bào chết bám trên thân của ta. Vì vậy mà mỗi khi tắm rửa, ta mới thấy có nhiều

đất bám trên thân của mình như vậy. Nếu chúng ta tu hành càng cao thì sẽ thấy trên thân của mình càng có nhiều da chết. (*Da chết mà người đời thường gọi là đất, ghét, hòm, bợn,...*). Tóm lại, nếu bạn nào tu hành mà thấy trên thân của mình có những dấu hiệu này, thì nên vui mừng vì sự tu hành đã có kết quả. Rồi qua một thời gian, nếu chúng ta tu hành cao hơn, thì mỗi khi tắm rửa ta sẽ không còn thấy trên thân của mình có nhiều đất nữa, mà chúng sẽ trở lại bình thường. Tại sao? Vì những tế bào dư thừa ở trong thân ta đã được tống ra ngoài gần hết. Nói như vậy không có nghĩa là ta không còn có tế bào chết thay đổi mỗi ngày. Dĩ nhiên là vẫn còn, nhưng chúng thay đổi lại bình thường như trước kia. Lúc đó, ta sẽ thấy da của mình mỗi ngày càng thêm tươi trẻ, hồng hào, mịn màng và trong sáng. Thậm chí, những vết nhăn, tàn nhang, nám... đang có ở trên thân mình cũng được giảm đi rất nhiều, hoặc có khi chúng còn biến mất hồi nào mà chính mình cũng không hay. Thêm vào, nếu thân của ta có bị thương hay bị giải phẫu, thì những vết thương ở trên thân sẽ được mau lành và những vết sẹo cũng được mờ nhanh hơn.

II. Chuyển đổi của mắt

Chúng ta sẽ thấy hai con mắt của mình mỗi ngày chuyển đổi từ mờ tới sáng, từ đục tới trong. Chuyển đổi từ mờ tới sáng ở đây không phải là nói mắt của ta đang bị cận chuyển thành hết cận, hay là đang bị mù chuyển thành hết mù. Thật ra không phải vậy, mà ý nghĩa chuyển mờ tới sáng ở đây là:

1. Nếu ta chưa bị cận thì sẽ lâu bị cận hơn.

2. Nếu ta đang bị cận thì độ cận sẽ tăng chậm hơn bình thường.

3. Tròng mắt đen của ta mỗi ngày sẽ được long lanh, trong sáng và có thần lực hơn.

4. Tròng trắng của ta sẽ giữ được trong trẻo, không bị đục hay cườm khi mình lớn tuổi.

5. Nếu chúng ta tu hành cao hơn, thì sẽ có thêm một tròng trắng nữa (*tức là mình sẽ có hai tròng trắng*). Khi có được hai tròng trắng thì trí tuệ của ta sẽ tăng lên rất cao. Lúc đó, nhìn vào mọi sự việc ta sẽ biết phân biệt thiện ác và đúng sai rất là rõ ràng.

Nói như vậy không có nghĩa là người nào có hai tròng trắng thì mới có trí tuệ cao, còn người không có hai tròng trắng thì trí tuệ không cao. Thật ra không phải vậy mà tất cả chúng ta ai tu niệm Phật, thì đều khai mở được trí tuệ sáng suốt. Chỉ có điều là tùy vào công phu tu hành của mỗi người mà khai mở được nhiều hay ít. Tóm lại, nếu ta tu niệm Phật có công phu, thì sẽ giữ được hai con mắt của mình trong sáng lâu hơn. Không những là trong sáng lâu hơn, mà chúng còn được long lanh và có thần lực hơn. Vì vậy, xưa nay chúng ta thường thấy những vị cao Tăng và cao Ni, dù tuổi của họ đã cao 80-90, nhưng ánh mắt của họ vẫn còn linh hoạt, trong sáng và có thần lực. Đây cũng là một trong 32 tướng tốt của chư Phật và cũng là 32 tướng tốt sẵn có của ta. Nếu chúng ta chịu tu niệm Phật, thì sẽ khôi phục được từng phần mắt Phật của mình ngay trong mỗi niệm.

III. Chuyển đổi âm thanh

Chúng ta sẽ thấy âm thanh của mình mỗi ngày được chuyển đổi khác hơn, như là:

1. Lúc đó, chúng ta vẫn nói chuyện bình thường như trước kia không khác, nhưng âm thanh của ta nghe lớn, mạnh mẽ và vang xa hơn trước kia, mà chính mình cũng không hay. Đến khi có người xung quanh than phiền thì ta để ý mới biết. Nếu bạn là người có tập khí nói chuyện lớn tiếng, thì phải biết kiềm chế âm thanh của mình lại, không nên làm phiền đến những người xung quanh. Còn nếu bạn là người có tánh nhút nhát và nói chuyện nghe không được rõ, khi âm thanh chuyển đổi thì bạn nói chuyện sẽ được tự tin, rành mạch và không còn nhút nhát như trước kia.

2. Lúc đó, chúng ta sẽ thấy âm thanh của mình mỗi ngày thêm trong trẻo, vang xa như là tiếng chuông ngân và có thần lực. Nếu bạn là ca sĩ hay mơ ước trở thành ca sĩ, thì nên niệm Phật càng nhiều càng tốt. Tại sao? Vì khi niệm Phật bạn sẽ khôi phục được “Phật âm” sẵn có của mình. Đây cũng là một trong 32 tướng tốt của chư Phật và cũng là 32 tướng tốt sẵn có của ta.

Xưa kia lúc Phật còn tại thế, mỗi khi Ngài thuyết pháp thường có 1.250 đệ tử xuất gia và có rất đông đại chúng tại gia đến để nghe Phật thuyết pháp. Vào thời đó, ở Ấn Độ chưa có microphone như bây giờ, nhưng mỗi lời của Phật thuyết ra, mọi người ở trong pháp hội đều nghe được rõ ràng. Tại sao? Vì lúc đó Phật dùng Phật âm của Ngài để thuyết pháp, nên âm thanh của Ngài nghe hùng hồn và vang xa bao phủ khắp cả vùng. Đây gọi là “Phật âm” lưu xuất từ chân tâm. Nếu bạn chịu niệm Phật một

thời gian, thì sẽ thấy được Phật âm của mình khôi phục từng phần rất là rõ ràng. Đây là vạn lần chân thật.

IV. Chuyển đổi máu huyết

Nói về chuyển đổi máu huyết của người tu hành, thì nam và nữ đều có sự chuyển đổi. Ở đây, tôi chỉ chia sẻ sự chuyển đổi máu huyết của phái nữ thôi, còn phái nam thì tôi không thể chia sẻ, vì tôi không phải là phái nam. Nhưng cho dù nam hay nữ, thì sự chuyển hóa trong thân chúng ta đều giống nhau không khác.

Nói về phái nữ, nếu chúng ta tu hành có công phu thì mỗi khi có chu kỳ, ta sẽ thấy máu huyết trong người của mình tiết ra nhiều hơn và hôi hơn bình thường. Tại sao? Vì đây là dấu hiệu máu huyết trong người của ta đang được thay đổi, để thanh lọc đi những chất dơ bẩn ra ngoài. Nhờ máu huyết trong người được thanh lọc, mà ta mới chuyển hóa được những tế bào cũ thành những tế bào mới và chuyển hóa được nhiều bệnh tật... Nhờ vậy mà thân thể của ta mới được khỏe mạnh và chậm lão hóa hơn những người không biết tu hành.

Rồi qua một thời gian, khi máu huyết ở trong người ta được thanh lọc sạch, mỗi khi có chu kỳ thì đường kinh của ta sẽ trở lại bình thường và không còn bị hôi nữa. Còn một điều đặc biệt nữa là: Khi người phụ nữ tới thời kỳ mãn kinh, không ít thì nhiều đều bị thay đổi tính tình và thường hay bị nóng lạnh bất thường. Đó là vì khí huyết và kích thích tố (hormone) trong người bị xáo trộn. Nhất là sau khi mãn kinh, người phụ nữ phải đối diện với sự đau yếu và lão hóa rất nhanh, ví như cây khô bị thiếu nước. Muốn tránh được những sự lão hóa nhanh về tâm lý và thể chất sau khi mãn kinh, thì ta

nên phát tâm niệm Phật từ bây giờ để kéo dài tuổi thọ và sức khỏe của mình. Không chỉ như vậy, mà niệm Phật còn giúp cho ta tương lai được thành Phật sống mãi không chết và hạnh phúc vĩnh cửu. Nếu quý bạn không tin thì thử đi vào chùa nhìn quý Tăng, Ni và Phật tử nào đã tu pháp niệm Phật lâu năm, thì sẽ thấy diện mạo của họ rất là hồng hào, khỏe mạnh, tươi sáng và trẻ trung hơn chúng ta rất nhiều.

Kính thưa quý bạn! Từ nhỏ thì tôi đã có khí huyết không được tốt, nên lúc nào cũng dễ bị lạnh mà nhất là vào mùa đông, thì tay chân của tôi dễ bị tê cóng và lạnh như nước đá. Tay tôi lạnh đến nỗi mỗi khi đụng tay vào ai, thì đều làm cho họ phải giật mình. Nhưng từ khi biết tu hành niệm Phật cho đến nay, thì thân thể và tay chân của tôi không còn bị lạnh, mà lúc nào cũng tỏa ra hơi ấm và da của tôi mỗi ngày thêm hồng hào và khỏe mạnh.

Trước kia, mỗi khi tôi đụng tay vào ai thì họ đều kêu lên rằng: *“Sao tay gì mà lạnh như nước đá vậy!”*. Còn bây giờ, tôi đụng tay vào ai thì họ đều nói rằng: *“Sao tay gì mà ấm quá vậy!”*. Từ ngày có nguồn năng lượng của Phật quang lưu chuyển trong thân, tôi lúc nào cũng cảm thấy an lạc, khỏe mạnh và có trí tuệ hơn trước kia rất nhiều. Nếu nhiều năm qua không nhờ niệm Phật, thì tôi sẽ không có đủ sức khỏe và trí tuệ để làm Phật sự cho đến ngày hôm nay. Tôi chia sẻ phần này là mong quý bạn tin: Tất cả chúng ta đều có thể khôi phục lại Phật quang của mình ngay trong mỗi niệm, không phải đợi đến khi thành Phật thì chúng ta mới khôi phục được Phật quang của mình.

V. Chuyển đổi tướng mạo

1. Chúng ta sẽ thấy thân tâm của mình mỗi ngày được thanh thản và nhẹ nhàng hơn, dù mình là người có nặng ký. Nhất là những lúc làm việc hay tập thể thao, ta sẽ cảm thấy thân của mình nhẹ nhàng, linh hoạt và khỏe khoắn hơn trước khi chưa tu rất nhiều. Rồi qua một thời gian, nếu ta tu hành cao hơn thì có những lúc làm việc... ta sẽ quên thân của mình đang còn hiện hữu. Nghĩa là lúc đó ta vẫn thấy thân của mình, nhưng vì nó quá nhẹ nên không còn cảm giác là mình đang có thân. Ở trong nhà Phật gọi đây là: *“Thân thể khinh an”*. Nhờ thân thể được khinh an mà quý Tăng, Ni và Phật tử ở trong chùa, họ làm việc ngày đêm rất là cực nhọc và ngủ rất ít, nhưng họ lúc nào cũng cảm thấy khỏe mạnh, không có bị mệt mỏi nhiều như chúng ta.

2. Ngoài thân thể được nhẹ ra, ta còn thấy được tướng mạo của mình biến đổi hiền lành, trang nghiêm và trong sáng hơn. Thêm vào, ta còn thấy thân của mình mỗi ngày được thơm hơn. Vì vậy, những bậc tu hành cao, họ không tắm rửa mấy ngày mà thân của họ vẫn không bị hôi như chúng ta. Những tướng hảo này chuyển đổi một cách tự nhiên mà chính mình cũng không hay, đến khi có người khen thì ta để ý mới thấy. Nếu quý bạn là người hay soi gương thì sẽ thấy tướng mạo của mình thay đổi mỗi ngày. Tại sao? Vì đây là 32 tướng Phật sẵn có ở trong tâm ta. Chẳng qua chúng ta si mê nên không biết trở về để sống với 32 tướng Phật sẵn có của ta đây thôi.

Trong Kinh Phật nói: ***“Tất cả chúng sanh đều có sẵn đức tướng như Phật không khác và tất cả chúng sanh đều là Phật sẽ thành”***. Vì chúng ta ai

cũng có sẵn đức tướng của Phật, nên khi niệm Phật ta mới khôi phục được từng phần tướng Phật của ta. Tóm lại, nếu ta tu niệm Phật nhiều thì tướng Phật của ta sẽ khôi phục được nhanh. Nếu ta tu niệm Phật ít thì tướng Phật của ta sẽ khôi phục chậm. Tất cả đều do ta tự quyết định.

VI. Chuyển đổi tâm

Chúng ta sẽ thấy tâm của mình an lạc không còn tham, sân, si nhiều như trước kia. Mọi thứ ta sẽ buông xả được nhẹ nhàng và tự nhiên mà chính mình cũng không ngờ. Lúc đó, tâm của ta sẽ biết thương yêu mọi loài, biết nhẫn nhịn, bố thí, phóng sanh và biết ăn chay. Lúc đó, tâm của ta sẽ phát khởi một cách tự nhiên mà không cảm thấy miễn cưỡng.

Ví dụ: Trước kia, bố thí cho ai ta đều cảm thấy tiếc, hay ăn chay một ngày ta cũng cảm thấy khổ cực, hoặc có ai đó chửi ta một câu thì ta cảm thấy tức giận và ôm chúnng trong lòng ăn ngủ không yên. Thậm chí, ta còn tìm đủ cách để trả thù... Còn bây giờ, ta cũng bố thí và ăn chay như trước kia không khác, nhưng trong tâm không thấy tiếc hay khổ, mà ngược lại ta còn cảm thấy rất là hoan hỷ. Còn nói về bị người phỉ báng hay hãm hại cũng vậy, ta cũng buông xả được nhẹ nhàng mà chính mình cũng không ngờ. Đó là nhờ tu hành niệm Phật mà tâm ta buông xả được nhẹ nhàng và giải thoát.

VII. Chuyển đổi trí tuệ

Chúng ta sẽ thấy trí tuệ của mình mỗi ngày khai mở được sáng hơn. Lúc đó, ta sẽ thấy được những tội lỗi của mình đã làm trong quá khứ và sẽ biết hổ thẹn với lương tâm của mình. Lúc đó, ta sẽ biết sám hối với

chư Phật và sám hối với chúng sanh. Tại sao trước kia ta không thấy được tội lỗi, mà sau khi tu hành ta mới thấy được tội lỗi của mình? Là vì trước kia ta bị vô minh che lấp nên không biết phân biệt đúng sai, nay nhờ tu hành mà trí tuệ của ta mới được khai mở. Nhờ trí tuệ khai mở mà ta mới biết phân biệt đâu là thiện ác, đúng sai. Nhờ biết mà ta mới bỏ ác, hành thiện để chuyển đổi thân tâm của mình.

Kính thưa quý bạn! Nếu muốn được thành công trong mọi lĩnh vực của xã hội, thì không có cách nào hay hơn là cách tu niệm tự tánh của mình. Tại sao? Vì tất cả giáo học ở trên thế gian này chỉ giúp cho ta có được thông minh, kiến thức và kinh nghiệm thôi, nhưng không giúp cho ta khai mở được trí tuệ. Chỉ có pháp của Phật mới giúp cho ta khai mở được trí tuệ mà trí tuệ thì cao hơn thông minh gấp vạn lần. Tại sao? Vì cho dù ta có thông minh nhất thế gian đi chăng nữa, thì ta cũng không phân biệt được đâu là thiện ác, đúng sai. Vì không phân biệt được thiện ác, đúng sai nên ta mới còn tham, sân, si. Vì còn tham, sân, si nên ta mới có mặt ở thế giới này. Nếu chúng ta biết phân biệt rõ ràng thì đã làm Phật lâu rồi, không còn gọi là chúng sanh.

Điều đáng thương là: Có rất nhiều người trong chúng ta vì nghĩ mình thông minh, nên đã trở thành những kẻ thế chí biện thông si mê, điên đảo. Chúng ta thông minh mà không có trí tuệ, nên mới trở thành những kẻ ngông cuồng và ngông cuồng đến nỗi Phật, Trời ta cũng không tin. Vì không tin nên ta mới bị trôi lăn mãi trong luân hồi không thể thoát ra. Trong Kinh Phật nói: *“Hạng người thông minh mà không có trí tuệ, là hạng người si mê khó độ và đáng thương nhất”*. Nếu

chúng ta là loại người thông minh mà không có trí tuệ, thì hãy mau thức tỉnh hồi đầu. Nếu không, thì ta sẽ bị thông minh hại ta luân hồi tiếp tục.

VIII. Chuyển đổi tính tình

Chúng ta sẽ thấy tính tình của mình mỗi ngày thay đổi, như là:

1. Chúng ta thích trầm lặng, thích sống ở những nơi thiên nhiên và yên tĩnh. Chúng ta không thích sống ở những nơi có đông người và ồn ào.

2. Chúng ta không thích nói chuyện nhiều, mà nhất là những chuyện thị phi thì lại càng không muốn nghe và cũng không muốn nói.

3. Chúng ta thích sống đơn giản, không thích bon chen và cũng không thích giao thiệp nhiều. Chúng ta chỉ thích niệm Phật và làm những chuyện lợi ích cho chúng sanh.

Nếu chúng ta tu hành mà có được những dấu hiệu ở trên thì nên vui mừng, vì tâm của ta đã được giải thoát rồi đấy. Tuy sự giải thoát của ta chưa được viên mãn, nhưng ít ra ta đã sống được với tâm thanh tịnh của mình rồi. Lúc đó, ta sẽ không còn lo sợ tâm tham, sân, si của mình khống chế và cũng không còn lo sợ mình bị cô đơn hay bị ai đó bỏ rơi. Chúng ta sẽ không còn lo sợ hay buồn phiền về những lời khen chê, chửi trách của người đời. Lúc đó, ta sẽ cảm thấy cuộc sống của mình nhẹ nhàng và an lạc. Sự nhẹ nhàng và an lạc đó chỉ tự mình hiểu rõ thôi. Còn gia đình, bạn bè và những người xung quanh thì họ sẽ không hiểu mà ngược lại, họ còn hiểu lầm cho rằng vì chúng ta tu hành

mà trở nên trầm cảm. Nhưng họ lại không biết chúng ta đang sống trong sự an lạc và giải thoát.

IX. Chuyển đổi nghiệp

Nếu chúng ta tu hành có công phu, thì sẽ chuyển đổi được nhiều bệnh tật đang có và sẽ có. Ý nghĩa chuyển được nhiều bệnh tật sẽ có ở đây là: Tất cả chúng ta không ai có thể biết trước ngày mai quả báo của mình phải trả là như thế nào?

Ví dụ: Năm sau quả báo của mình phải trả là bị đụng xe hay bị bệnh ung thư chết. Nhưng nhờ công đức niệm Phật và làm phước trong một năm qua, mà quả báo của mình được chuyển đổi nhẹ hơn. Nhẹ hơn nghĩa là lúc đó ta cũng sẽ bị đụng xe hay bị bệnh ung thư, nhưng ta chỉ bị nhẹ thôi không bị mất mạng. Các bệnh và các tai nạn khác của ta cũng được chuyển đổi như vậy. Chỉ có điều là tùy vào công phu tu hành của mình mà chuyển được nhiều hay ít mà thôi.

Ngoài ra, còn có một loại người nhờ tu cao mà được trả đôn nghiệp. Đôn nghiệp nghĩa là hiện tại sự tu hành của ta đã có đủ công đức để được sanh về Cực Lạc sau khi chết, nhưng vì trong quá khứ ta đã tạo nghiệp tội quá nhiều, nên kiếp này ta phải bị trả nhiều hơn so với những người khác. Tại sao? Vì kiếp này là kiếp cuối cùng ta còn ở đây. Sau khi chết ta sẽ được vãng sanh về cõi Phật để thành Phật. Vì là kiếp cuối cùng, nên oan gia của ta trong quá khứ và hiện tại họ sẽ kéo đến để đòi nợ ta. Nếu chúng ta là người chưa giác ngộ, khi nghe nói đến vấn đề này thì sẽ sanh tâm lo sợ hoặc không tin. Nhưng đối với những

người đã giác ngộ, thì họ sẽ tin và vui lòng trả nợ mà không hề oán trách.

Cũng như ở ngoài đời, nếu bạn còn mắc nợ nhiều người, mà bây giờ bạn có ý định ra nước ngoài để định cư luôn, khi những con nợ của bạn hay tin, thì dĩ nhiên là họ sẽ tìm đến để đòi nợ bạn. Khi họ kéo đến đòi nợ, dĩ nhiên là bạn không lo sợ mà còn vui vẻ trả nợ hết cho họ, có phải vậy không? Người tu hành trả nghiệp cũng như vậy đó. Nếu hiểu được đạo lý này thì khi còn sống, ta phải cố gắng tu hành và tạo thêm nhiều phước đức, để phút lâm chung ta mới được vãng sanh nhẹ nhàng. Còn nếu bây giờ ta không lo tu hành và tạo phước để đến phút lâm chung, thì ta sẽ bị oan gia tìm đến níu kéo và xô đẩy ta vào lục đạo để luân hồi tiếp tục.

Kính thưa quý bạn! Ở trên, tôi chỉ chia sẻ một chút kinh nghiệm để quý bạn hiểu được sự chuyển đổi thân tâm như thế nào thôi. Nhưng trên thực tế, không phải chỉ có bấy nhiêu mà chúng ta còn chuyển đổi được nhiều tướng đẹp khác nữa, vì chúng ta có tất cả là 32 tướng tốt của Phật. Tóm lại, chúng ta niệm Phật không phải đợi đến khi chết thì mới được thành Phật thôi đâu, mà ngay trong hiện tại ta có thể khôi phục lại từng phần trí tuệ và tướng Phật sẵn có của ta. Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta không bị bệnh, già, chết. Dĩ nhiên là chúng ta ai cũng phải bị chết, vì thân của ta là do **đất, nước, gió** và **lửa** hợp thành. Nếu do tứ đại hợp thành, thì thân của ta cuối cùng phải trả về cho tứ đại. Chỉ có điều nếu ta biết tu hành, thì thân của ta sẽ được trẻ và sống lâu hơn để có đủ thời gian tu hành thành Phật.

PHỤC HỒI PHẬT QUANG

Ở đây, tôi xin chia sẻ một chút kinh nghiệm về phục hồi Phật quang để quý bạn tìm hiểu thêm. Trong Kinh Phật nói: **“Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và Phật quang như chư Phật không khác”**. Trước khi chia sẻ vào phần chi tiết, tôi xin giải thích sơ qua về ý nghĩa của “Phật quang”. **Phật**, nghĩa là Phật lực có khả năng thiên biến vạn hóa và nhiệm màu không thể nghĩ bàn; còn **quang**, là có vô lượng hào quang, có vô lượng quang minh chiếu soi và chiếu sáng. Phật quang có nhiều danh tên gọi khác nhau, như là: **Ánh sáng chân tâm, Hào quang Phật, Thanh điện**,... Tóm lại, Phật quang có nhiều cách gọi khác nhau, nhưng cùng một ý nghĩa. Phật quang rất là thanh tịnh, trong sáng và biến hóa nhiệm màu không thể nghĩ bàn và chúng ta ai cũng có sẵn Phật quang ở trong tâm. Tuy chúng ta ai cũng có sẵn Phật quang, nhưng không biết trở về để sống với Phật quang của mình. Cho dù chúng ta có biết hay không, thì Phật quang trong tâm ta sẽ không bao giờ mất. Chỉ có điều là nếu ta biết tu hành, thì sẽ khôi phục được từng phần Phật quang của ta. Còn nếu ta không biết tu hành thì sẽ không khôi phục được. Bây giờ tôi xin dùng ba hạng người để phân tích thì quý bạn dễ hiểu hơn. Chỉ cần hiểu rõ thì quý bạn sẽ không còn thắc mắc.

I. Người có công phu cao

Nếu chúng ta là người tu hành có công phu cao, thì có những lúc Phật quang chiếu vào người, làm cho thân của ta bị chuyển động và đau buốt. Nếu Phật quang chiếu vào càng nhiều, thì thân của ta càng bị chuyển động và đau buốt càng nhiều. Khi đọc đến đây

tôi biết quý bạn sẽ hỏi rằng: “*Tại sao Phật quang chiếu vào người, mà làm cho thân của ta bị chuyển động và đau buốt, như vậy nghĩa là sao?*”.

Kính thưa quý bạn! Nếu nói trên **tâm**, thì mỗi khi có Phật quang chiếu vào, tâm của ta sẽ cảm thấy an lạc không chi sánh bằng. Nhưng nếu nói trên **thân**, thì có những lúc Phật quang chiếu vào, làm cho thân của ta bị chuyển động và đau buốt. Tại sao? Là vì khi chúng ta vào được định sâu, thì Phật quang ở trong người ta sẽ phát ra càng mạnh. Khi Phật quang trong ta phát ra càng mạnh, thì ta sẽ thấm nhiếp được Phật quang của chư Phật càng nhiều. Lúc đó, chúng ta sẽ thấy trong người của mình luôn có một nguồn Phật quang lưu chuyển rất mạnh. Nghĩa là lúc đó, ta sẽ cảm nhận được nguồn Phật quang của chư Phật và Phật quang của ta đang dung thông và hợp nhất với nhau. Trong lúc Phật quang của hai bên đang được dung thông và hợp nhất với nhau, thì sẽ tạo ra một nguồn năng lượng chuyển động trong ta rất mạnh và sự chuyển động đó sẽ giúp chuyển hóa thân tâm của ta. Nguồn năng lượng đó rất là nhiệm màu, nó có khả năng chuyển hóa những tập khí tham, sân, si và thanh lọc đi những tế bào dơ bẩn ở trong người ta ra. Vì Phật quang có khả năng thanh lọc và chuyển hóa rất mạnh, nên mới làm cho thân của ta bị đau buốt trong thời gian chuyển hóa.

Nhưng quý bạn hãy yên tâm, vì mỗi lần Phật quang chuyển hóa chỉ có vài giây thôi và lâu lâu mới đột phá một lần, không phải là thường xuyên. Tại sao? Vì sự đột phá đó chỉ đến trong những lúc ta vào được định sâu mà thôi, nhưng không phải mỗi lần vào được định sâu thì đều có. Thêm vào, sự đột phá của Phật

quang không có nhất định, vì không có nhất định nên đôi khi làm cho ta hơi bị chói với. Nhưng qua vài lần thì chúng ta sẽ quen đi và không còn bị chói với nữa. Còn tại sao thân của ta bị đau buốt mỗi khi có Phật quang đột phá? Là vì thân của ta chưa đủ trong sạch, để dung thông hợp nhất với Phật quang của chư Phật. Vì thân chưa đủ trong sạch nên thân ta mới bị đau, chứ không phải Phật quang của chư Phật làm cho thân của ta bị đau. Điều này chúng ta cần phải hiểu cho rõ, không nên hiểu lầm. Thêm vào, sự đột phá đó chỉ đến với ta trong một giai đoạn nào đó thôi, không phải là mãi mãi. Tại sao? Vì một khi ta đã chuyển hóa được thân tâm thanh tịnh, thì thân của ta sẽ không còn bị đau buốt nữa. Tại sao? Vì lúc đó thân, tâm của ta đã được tương ưng với Phật quang của chư Phật rồi. Lúc đó, ta sẽ cảm thấy thân tâm của mình lúc nào cũng được an lạc và thanh tịnh.

Kính thưa quý bạn! Nếu trên đường tu hành mà quý bạn có được những dấu hiệu kể trên, thì nên vui mừng không nên lo lắng. Tại sao? Vì những sự đột phá đó chỉ đến với những ai tu hành có công phu cao mà thôi. Cũng như ở ngoài đời nếu ta muốn xây lại căn nhà mới, thì trước hết ta phải đập bỏ đi căn nhà cũ. Trong thời gian đập bỏ đi căn nhà cũ, thì ta phải chịu đựng một thời gian với những sự đổ nát và dơ bẩn của căn nhà. Nhưng qua một thời gian, thì ta sẽ có lại được căn nhà mới khang trang và sạch sẽ. Khi chúng ta tu hành cũng vậy. Muốn có được thân tâm trong sạch, thì ta phải chịu đựng qua một thời gian thanh lọc thân tâm. Có một điều nhiệm mầu mà tôi xin chia sẻ thêm, đó là: Mỗi khi có Phật quang chuyển hóa thì thân của ta sẽ có

thêm “hào quang”. Nghĩa là Phật quang trong ta chuyển hóa càng nhiều, thì thân của ta càng có thêm hào quang. Lúc đó, ta sẽ thấy trên thân của mình lúc nào cũng có hào quang đủ màu trong suốt như lưu ly tỏa ra và xung quanh đầu của mình sẽ có một vòng tròn hào quang. Nhưng những chỗ Phật quang phát ra mạnh nhất là ở trên đỉnh đầu, ở hai bàn tay và hai bàn chân của mình. Lúc đó, ta sẽ thấy trên đỉnh đầu của mình luôn có một luồng Phật quang trong suốt và sáng chiếu thẳng lên trời. Thêm vào, ta sẽ thấy được mỗi đầu ngón tay và đầu ngón chân của mình, đều có một luồng ánh sáng trong suốt với đủ màu sắc chiếu ra như những cái đèn pha nhỏ. Lúc đó, ta sẽ cảm nhận được hai bàn tay và hai bàn chân của mình luôn có những nguồn năng lượng phóng ra rất mạnh và rất ấm. Nếu chúng ta tu hành cao hơn, thì sẽ thấy hai lòng bàn tay và hai lòng bàn chân của mình hiện ra hình “bánh xe pháp”. Nghĩa là lúc đó, ta sẽ thấy ở giữa hai lòng bàn tay và hai lòng bàn chân của mình có một hình tròn như bánh xe hiện ra. Vì chúng có hình tròn như bánh xe, nên chư Phật gọi chúng là “**bánh xe pháp**”. Đây cũng là một trong 32 tướng tốt của chư Phật và của chúng ta. Khi có dấu hiệu bánh xe pháp hiện ra, thì ta sẽ cảm thấy hai lòng bàn tay và hai lòng bàn chân của mình luôn có một nguồn năng lượng xoáy tròn và tuôn ra, giống như là mình đang ra chưởng vậy. Khi mới bắt đầu có dấu hiệu này, thì nguồn năng lượng xoáy tròn và tuôn ra không mạnh. Nhưng qua một thời gian, khi hình bánh xe pháp càng hiện ra rõ bao nhiêu, thì nguồn năng lượng xoáy tròn và tuôn ra càng mạnh hơn bấy nhiêu. Rồi cứ như vậy mà chúng biến đổi hình dạng không ngừng. Khi

mới có dấu hiệu này thì tay chân của ta không có cảm giác tê buốt. Nhưng khi hình bánh xe pháp trong ta hiện ra càng rõ, thì tay chân của ta càng cảm thấy tê buốt và sự tê buốt đó lúc nào cũng có 24/24. Tại sao chúng ta có cảm giác tê buốt? Là vì tay chân của ta đang trong thời gian được Phật quang chuyển hóa.

Kính thưa quý bạn! Nếu nói đến sự chuyển hóa của Phật quang thì là đa dạng. Vì vậy, trong thời gian được Phật quang chuyển hóa, có những chỗ ta cảm thấy đau buốt, nhưng có những chỗ ta cảm thấy ngứa. Nếu chỗ nào Phật quang chuyển hóa mạnh thì ta sẽ cảm thấy đau buốt. Còn nếu chỗ nào Phật quang chuyển hóa nhẹ thì ta sẽ cảm thấy ngứa.

Ví dụ: Khi con mắt thứ ba của ta mới được mở ra, thì ta sẽ cảm thấy ở giữa hai chân mày của mình thường bị ngứa. Ngứa cho đến khi nào con mắt thứ ba của mình được mở ra rõ thì nó mới hết ngứa. Còn có một lý do khác cũng làm cho ta cảm thấy ngứa ở giữa hai chân mày, đó là: Những vết nhăn ở giữa chân mày của mình đang được chuyển hóa cho hết bị nhăn. Tóm lại, nếu trên thân của ta chỗ nào có tướng tốt hiện ra hay vết nhăn được chuyển hóa, thì ta sẽ cảm thấy chỗ đó bị ngứa hoặc bị đau buốt.

II. Người có công phu thấp

Khi công phu còn thấp, chúng ta sẽ không thâm nhiếp được Phật quang của chư Phật nhiều. Vì không thâm nhiếp được nhiều, nên thân tâm của ta không chuyển hóa được nhiều. Vì không chuyển hóa được nhiều, nên thân của ta không có cảm giác đau buốt. Nhưng cho dù công phu cao hay thấp, thì ta đều thâm

nhiếp được Phật quang của chư Phật ngay trong mỗi niệm. Chỉ có điều là khi công phu còn thấp, ta không cảm nhận được Phật quang chuyển hóa, vì sự đột phá của Phật quang quá nhẹ nhàng. Chỉ khi nào ta để ý thì mới cảm nhận được phần nào sự đột phá của hào quang trong ta. Nếu không có Phật quang chuyển hóa âm thầm trong ta mỗi ngày, thì ta sẽ không bao giờ khai mở được trí tuệ và hưởng được an lạc.

III. Người không tu hành

Nếu người không tu hành, mỗi khi có Phật quang chiếu vào ta sẽ cảm thấy vui vẻ và an lạc. Tại sao? Vì lúc đó chỉ có Phật quang của chư Phật chiếu vào người của ta, mà không có Phật quang của ta dung thông hợp nhất với Phật quang của chư Phật. Vì hai bên không có sự dung thông hợp nhất với nhau, nên không có sự giao thoa với nhau. Vì không có sự giao thoa với nhau, nên không có sự đột phá. Vì không có sự đột phá, nên thân của ta không bị giao động và cảm thấy đau buốt.

IV. Phân đặc biệt

Khi chúng ta tu hành có công phu cao, thì sẽ thấy trong người của mình luôn có một nguồn năng lượng rất mạnh. Nguồn năng lượng này sẽ luôn điều chỉnh thân của ta ngay thẳng trong những lúc đi, đứng và ngồi. Nghĩa là mỗi khi đi, đứng hay ngồi thì thân của ta đều được điều chỉnh ngay thẳng tự nhiên mà không cần mình phải điều chỉnh. Nhất là mỗi khi ngồi niệm Phật, chúng ta sẽ cảm nhận được có một nguồn năng lượng rất mạnh, từ trên đỉnh đầu đi xuống xương chậu và đẩy thân của mình ngồi thẳng lên. Lúc đó, ta có muốn ngồi khòm lưng cũng không được. Tại sao? Vì một khi Phật quang

của chư Phật và Phật quang của ta được dung thông hợp nhất với nhau, thì sẽ tạo ra một nguồn năng lượng rất mạnh ở trong thân ta. Nguồn năng lượng đó lúc nào cũng điều chỉnh thân và lưng của ta ngồi ngay thẳng như là pho tượng và lực hút của năng lượng Phật quang rất mạnh, giống như sức hút của khối đá nam châm.

Mỗi khi được Phật quang điều chỉnh, ta đều cảm thấy thân tâm của mình nhẹ nhàng như muốn bay lên hư không. Tại sao? Vì Phật quang của chư Phật là ở trên trời, nên thân tâm của ta cũng phải theo Phật quang mà hướng thẳng lên trời. Vì vậy mà ta có muốn ngồi khòm lưng cũng không được. Vì Phật quang luôn hướng thẳng lên trời, nên thần thức của những người được vãng sanh về Cực Lạc đều xuất ra từ nơi đỉnh đầu và sau khi chết nhiều tiếng đồng hồ, mà trên đỉnh đầu của họ vẫn còn để lại hơi ấm.

Bây giờ tôi xin chia sẻ vài kinh nghiệm để quý bạn tìm hiểu thêm. Có một ngày trong lúc ngồi niệm Phật, tôi cảm thấy lưng bị đau, nên tôi ngồi chùng xuống một chút để cho đỡ đau. *(Thật ra, xương chậu của tôi xưa nay rất yếu, nên bác sĩ đã nhiều lần khuyến cáo không cho tôi ngồi lâu quá một tiếng đồng hồ. Hơn nữa, tôi còn có thêm căn bệnh thấp khớp và giãn tĩnh mạch. Tuy biết sức khỏe của tôi không cho phép ngồi lâu, nhưng vì ham tu nên có khi tôi ngồi tới bảy tám tiếng đồng hồ mà không hay. Lúc ngồi trong định, tôi không có cảm giác đau và không cảm thấy lâu. Nhưng khi xả định, tôi mới cảm giác toàn thân đau đớn và có khi tôi phải bị nằm liệt trên giường tới một hai ngày mới đi lại được. Sau những lần bị như vậy tôi không còn dám ngồi lâu nữa).* Hôm đó, khi lưng của tôi vừa bị chùng xuống, thì tự

nhiên có một nguồn năng lượng vô hình đẩy xương chậu của tôi ngồi thẳng lên. Lúc đó, tôi thấy lạ và nghĩ thầm: *“Không lẽ chư Phật thấy mình ham tu, nên mới âm thầm gia hộ cho mình ngồi được lâu hơn?”*. Nhưng sau đó tôi lại nghĩ: *“Chắc không phải, mình phải thử thêm vài lần nữa để xem có đúng như mình đã nghĩ hay không?”*. Sau đó, tôi lại ngồi khòm lưng xuống. Nhưng hôm đó, cho dù tôi có thử đi thử lại bao nhiêu lần, thì nguồn năng lượng vô hình đó cũng đẩy lưng của tôi ngồi thẳng lên. Điều đặc biệt là: Mỗi khi nguồn năng lượng đó đẩy lưng của tôi ngồi thẳng lên, thì tướng ngồi của tôi rất trang nghiêm và ngay thẳng hơn trước kia rất nhiều và tâm của tôi cảm thấy rất là an lạc. Sau đó, tôi tìm hiểu thì mới biết nguồn năng lượng thường đẩy lưng của tôi ngồi thẳng lên, chính là Phật quang của chư Phật và Phật quang của tôi hai bên hợp lại để điều chỉnh thân của tôi. Nói điều chỉnh là để cho quý bạn dễ hiểu, nhưng trên thực tế thì không có điều chỉnh chi cả, mà đó là nguyên lý tự nhiên của Phật quang.

Khi mới bắt đầu có dấu hiệu này, tôi cảm giác lưng của mình được đẩy lên rất nhẹ. Nhưng qua một thời gian, thì lưng của tôi được đẩy lên mạnh và nhanh hơn. Từ ngày có dấu hiệu đó đến nay đã trải qua nhiều năm, nhưng nguồn Phật lực đó vẫn mãi lưu chuyển trong người của tôi 24/24 và mỗi ngày thêm mạnh. Tôi thích nhất là mỗi khi vừa ngồi xuống niệm Phật, thì thân của tôi liền được điều chỉnh ngay thẳng và nhẹ như muốn bay lên hư không. Thân của tôi nhẹ đến mức độ có lúc tôi phải dùng sức để kiềm giữ thân của mình lại. Nhờ vậy mà bây giờ, mỗi khi ngồi xuống thì tôi vào định được rất

nhanh. Từ ngày dung thông được với Phật quang của chư Phật, thân và lưng của tôi bớt đau rất nhiều.

V. Phần nhắc nhở

Khi chúng ta tu hành được đến đây hoặc chứng được nhất tâm, thì ta nên đi tới nha sĩ đặt một cái máng răng, để bảo vệ quai hàm và răng của mình. Cái máng răng này làm bằng chất nhựa trong và cứng. Chúng có nhiều loại mỏng, vừa và dày khác nhau tùy theo chúng ta lựa chọn. Chúng giống như những máng răng, để dùng cho những người bị bệnh nghiêng răng. Sau khi có máng răng thì ta nên mang chúng mỗi đêm trước khi đi ngủ hay những lúc ta ngồi niệm Phật. Tại sao? Vì khi chúng ta tu tới cảnh giới này, thì trong giấc ngủ hay trong những lúc nhập định, ta sẽ thường gặp những tình huống đưa đến, như là: Xuất thần thức, Phật quang dung thông, thanh lọc cơ thể, chúng ma đánh phá,... Tóm lại, khi tu tới cảnh giới này thì ta sẽ thường đối diện với nhiều cảnh giới xấu, tốt hiện ra. Tại sao? Vì khi ta tu tới cảnh giới này thì Phật quang của ta sẽ làm rung động đến các cõi Trời, mà nhất là làm rung động đến cõi Trời "**Tha Hóa Tự Tại**" của Ma vương. Khi Ma vương, Quỷ, Thần hay oan gia của ta biết được, thì họ sẽ tìm đến để ngăn cản không cho ta tu thành Phật.

Cũng như xưa kia lúc Phật Thích Ca còn tại thế. Khi Ngài sắp đắc quả vị Phật, Ngài đã bị chúng ma kéo đến đánh phá không cho Ngài thành Phật. Vì thấy được những sự đánh phá của chúng ma rất là mạnh và vì thế nên trong Kinh Phật thường luôn nhắc nhở chúng ta rằng: "*Muốn thành Phật thì chúng sanh phải cần có đầy*

đủ **Bi, Trí, Dũng**. Nếu thiếu một trong ba điều này thì chúng sanh sẽ không thành Phật được”.

Khi chúng ta tu hành còn thấp, thì Ma vương sẽ không chiếu cố đến. Nhưng khi chúng ta tu hành hơi cao và trên thân có hào quang tỏa ra, thì con cháu của Ma vương sẽ kéo đến để ngăn cản. Mỗi khi chúng hiện thân hay phóng ám khí từ trên trời xuống, thì ta phải dùng hết sức để niệm Phật hay là trì Chú. Trong những lúc ta dùng hết sức để niệm Phật hay trì Chú để đối phó với chúng ma, thì cũng là lúc ta làm cho toàn bộ những dây thần kinh ở trong người bị chuyển động. Trong đó, những dây thần kinh bị chuyển động mạnh nhất, là những dây thần kinh của quai hàm. Khi những dây thần kinh của quai hàm bị chuyển động mạnh, thì sẽ làm cho hai hàm răng của ta bị nghiền chặt vào nhau. Khi hai hàm răng bị nghiền chặt vào nhau lâu ngày, thì sẽ làm cho những dây thần kinh của quai hàm bị yếu hoặc bị tê liệt. Khi những dây thần kinh bị yếu hoặc tê liệt, thì sẽ không còn đủ sức mạnh để giữ vững quai hàm của ta. Vì vậy, bệnh này có tên là bệnh “sái quai hàm”.

Nếu quý bạn có con cháu bị bệnh nghiền răng, thì nên dẫn chúng đến nha sĩ để khám và cho chúng mang máng răng càng sớm càng tốt. Nếu không, chúng sẽ bị bệnh sái quai hàm sau này và sẽ hại hàm răng của chúng bị mòn và không đều. Tóm lại, nếu quý bạn không lo đặt máng răng để bảo vệ quai hàm của mình từ bây giờ, thì sẽ bị bệnh sái quai hàm hoặc bị bệnh nghiền răng. Một khi bị bệnh sái quai hàm, bạn sẽ bị đau đớn rất nhiều và không thể chữa khỏi. Tôi là người mang căn bệnh này đã nhiều năm, nên tôi không muốn quý bạn bị đau giống như tôi. Tôi bị căn bệnh này nặng,

một phần là sau khi chứng đạo tôi không biết mang máng răng để bảo vệ quai hàm của tôi. Còn đa phần là vì trong cuộc đời tôi đã trải qua quá nhiều sóng gió, nên làm cho những dây thần kinh của tôi bị căng thẳng quá nhiều, nên mới đưa đến bệnh sái quai hàm. Nếu nhiều năm qua không có chư Phật gia hộ, thì chắc có lẽ tôi sẽ không còn nói chuyện được như ngày hôm nay. *(Cuốn sách sau, tôi sẽ chia sẻ về chư Phật gia hộ như thế nào?)*.

Người Việt Nam gọi bệnh này là bệnh “sái quai hàm”, còn người Mỹ gọi tắt bệnh này là “TMJ”. Người mang căn bệnh này nếu nặng sẽ bị đau 24/24, nhất là mỗi khi ăn uống hoặc nói chuyện thì ta sẽ bị đau nhiều hơn. Tại sao? Vì mỗi khi nói chuyện hay ăn uống, thì hai xương hàm của ta sẽ bị va chạm vào nhau và phát ra những tiếng kêu kít kít. Vì hai xương hàm luôn bị va chạm vào nhau, nên mới làm cho quai hàm của ta luôn bị đau đớn và mỏi. Nếu quý bạn muốn biết tiếng kêu kít kít của những người bị sái quai hàm như thế nào, thì xin tìm nghe những đĩa mà tôi đã đọc *(tức sách nói)*. Khi nghe những đĩa của tôi đọc, quý bạn chỉ cần chú ý một chút thì sẽ nghe được những tiếng kêu kít kít lồng chung với tiếng nói của tôi. Tóm lại, người nào mang căn bệnh này sẽ rất khổ và sẽ bị mất sức khỏe rất nhiều và sẽ bị mang căn bệnh này suốt đời không thể chữa khỏi. Vì vậy, xin quý bạn hãy lo bảo vệ quai hàm của mình từ bây giờ. Ngoài ra, quý bạn không nên để cho mình bị căng thẳng quá nhiều mà hãy xem nhẹ mọi chuyện. Thêm vào, quý bạn nên hạn chế ăn những thức ăn dai hoặc cứng như là khô mực, khô bò, thịt bò, mía,... Vì những thức ăn cứng và dai sẽ hại quai hàm và răng của ta rất nhiều. Căn bệnh này chỉ có châm cứu, bấm

huyệt và tập Yoga thì mới có hiệu quả cao. Quý bạn có thể tìm hiểu thêm bệnh này trên mạng internet.

Ý NGHĨA CÂU NHẤT TÂM BẤT LOẠN

Nói riêng về người tu Tịnh độ, thì đa số chúng ta xưa nay thường thắc mắc về câu: **“Nhất tâm bất loạn”** của ngài Cư Ma La Thập dịch. Thậm chí, có nhiều người còn hiểu lầm cho rằng Ngài dịch không được chính xác. Bây giờ tôi sẽ giải thích ý nghĩa của câu này để cho quý bạn không còn thắc mắc.

Câu **“Nhất tâm bất loạn”** của Ngài Cư Ma La Thập dịch là hoàn toàn chính xác! Không những là chính xác mà còn có dụng ý thâm sâu nên khiến chúng ta hiểu lầm cho rằng Ngài dịch không được chính xác. Chúng ta xưa nay thường nghĩ rằng: *“Làm sao người niệm Phật có thể đạt đến **“Nhất tâm bất loạn”** vì điều này vô cùng khó khăn và nếu như mình niệm Phật cả đời mà vọng tưởng vẫn còn, thì làm sao có cơ hội được vãng sanh...?”*. Tóm lại, chúng ta lo lắng rất nhiều về câu **“Nhất tâm bất loạn”** của ngài Cư Ma La Thập dịch. Thật ra, ý của Ngài dịch rất là đơn giản, nhưng vì chúng ta không hiểu nên nó mới trở thành phức tạp.

Thưa bạn! Ngài Cư Ma La Thập dịch: **“Nhất tâm bất loạn”** là nói trên **chân tâm** của ta, không phải nói trên tâm vọng tưởng của ta. Quý bạn nên biết rằng: Vọng tưởng và nghiệp chướng của ta không bao giờ hết. Nếu có thể thì Phật không cần dạy chúng ta pháp tu niệm Phật để **đóí nghiệp vãng sanh**. (*Đóí nghiệp, nghĩa là mang theo nghiệp tội của mình; vãng sanh, nghĩa là ta sanh về cõi Phật để tu thành Phật*). Chúng ta xưa nay không dùng tâm Phật của mình để nhìn sự

việc, mà chỉ dùng tâm chấp trước của mình để nhìn sự việc nên mới hiểu lầm ý của Ngài. Bây giờ tôi sẽ phân tích tóm gọn về câu “**Nhất tâm bất loạn**” để quý bạn dễ hiểu. Ý của câu này muốn nói rằng:

1. Ngay giây phút ta phát tâm niệm Phật để thành Phật, thì cũng là giây phút ta dùng **tâm Phật** của mình để niệm Phật.

2. Khi mới phát tâm tu niệm, ta sẽ thấy vọng tưởng kéo đến dồn dập. Niệm một thời gian thì tâm Phật của ta mới được thức tỉnh. Khi tâm Phật được thức tỉnh thì ta mới biết phân biệt đâu là thiện ác, chánh tà.

3. Niệm tinh tấn lâu ngày thì trí tuệ của ta sẽ được khai mở. Khi trí tuệ được khai mở thì ta sẽ thấy được tâm tham, sân, si của mình (*tức là thấy được tâm loạn của mình*). Nhờ thấy mà ta mới hàn phục được **tâm loạn** của mình. (*Tâm loạn, không phải vọng tưởng loạn*).

4. Khi hàn phục được tâm loạn thì ta sẽ quyết tâm niệm Phật để thành Phật, cho dù vật đổi sao dời hay vũ trụ có sụp đổ, thì ta vẫn kiên định giữ câu A Mi Đà Phật cho tới ngày vắng sanh. Tóm lại, câu này có nghĩa là:

Nhất = là một lòng;

Tâm = là chuyên tâm niệm Phật;

Bất = là không thoái chuyển;

Loạn = là không bị loạn tâm mê hoặc.

Qua sự phân tích ở trên, cho chúng ta thấy câu “**Nhất tâm bất loạn**” của ngài Cư Ma La Thập dịch là hoàn toàn chính xác và đúng với ý nghĩa Kinh Phật.

Còn nói về ngài Huyền Trang, tại sao Ngài lại dịch thành “**Nhất tâm hệ niệm**”? Thật ra, câu này là Ngài

dịch trên **căn cơ** hiểu biết của chúng sanh, Ngài hoàn toàn không dịch trên sự hiểu biết của Ngài. Đây là khổ tâm và dụng ý của Ngài. Tại sao? Vì ngài Huyền Trang thấy câu “**Nhất tâm bất loạn**” của ngài Cưu Ma La Thập dịch quá cao sâu, nên Ngài lo căn cơ của chúng sanh không hiểu thấu. Vì muốn độ chúng sanh nên Ngài dịch thành “**Nhất tâm hệ niệm**”. Vì Ngài biết rõ chỉ cần chúng sanh “Nhất tâm hệ niệm” thì chúng sanh sẽ đạt đến “Nhất tâm bất loạn”.

Tóm lại, ngài Cưu Ma La Thập dịch “**Nhất tâm bất loạn**” là dịch trên **tâm** của chúng sanh, còn ngài Huyền Trang dịch “**Nhất tâm hệ niệm**” là dịch trên **căn cơ** của chúng sanh. Nếu nhập hai câu dịch của hai Ngài chung lại với nhau, thì chúng ta sẽ thấy thập toàn và thập mỹ vì hai câu này bổ túc và tương trợ cho nhau. Giúp chúng ta hiểu biết từ khi phát tâm cho tới khi thành Phật. Công đức của hai ngài Sư Tổ thật là vô lượng vô biên.

HIỂU LẦM VỀ XÁ LỢI

Kính thưa quý bạn! Chúng ta xưa nay thường tranh chấp với nhau về vấn đề Xá lợi. Ở đây, chúng tôi xin phân tích một chút để quý bạn tìm hiểu thêm. Phật dạy chúng ta niệm Phật là để đánh thức tâm Phật của mình thức tỉnh. Khi tâm Phật được thức tỉnh, thì ta sẽ dung thông được với tâm của mười phương chư Phật. Ánh sáng của chư Phật lúc nào cũng bao phủ khắp cả hư không. Chỉ cần tâm Phật của ta được thức tỉnh, thì sẽ thâm nhiếp được Phật lực gia trì. Phật nói: “**Tâm Phật và tâm của chúng sanh vốn đồng một thể không hai. Nếu tâm Phật của chúng sanh được thức**

tinh thì sẽ cảm ứng được Ngài đang ở cạnh bên”.

Điều này cũng như một cục nam châm bị đóng đất lâu năm sẽ mất đi sức hút, nhưng nếu ta rửa sạch cục nam châm, thì nó sẽ thu hút được cục nam châm đối diện. Tâm Phật và tâm của chúng ta cũng giống như hai cục nam châm đối diện. Ánh sáng của chư Phật lúc nào cũng bao phủ khắp hư không, chẳng qua tâm Phật của ta đã bị chôn vùi từ vô thủy kiếp, nên không thâm nhiếp được ánh sáng Phật quang của chư Phật.

Câu Phật hiệu A Mi Đà có thần lực nhiệm màu, giúp cho ta tẩy rửa đi nghiệp tội và khôi phục lại Phật tâm. Chúng ta niệm một ngày là một ngày rửa bớt tâm ma xấu ác của ta. Khi ta niệm càng nhiều thì tâm ma của ta càng bớt, tâm Phật càng tăng. Khi tâm Phật càng tăng thì ta sẽ thâm nhiếp được Phật quang càng nhiều. Nhờ thâm nhiếp được nhiều Phật quang mà tâm ta mới được định. Định lâu ngày sẽ tích lũy thành Xá lợi đủ màu. Màu sắc của Xá lợi là nhờ thâm nhiếp được Phật lực và Phật quang đủ màu của chư Phật.

I. Vấn đề Xá lợi

Đa số chúng ta vẫn còn hiểu lầm về vấn đề Xá lợi, nên tranh chấp với nhau không ngừng. Chúng ta tranh chấp là vì có bạn thì cho rằng: Người để lại Xá lợi là người được vãng sanh về Cực Lạc. Còn có bạn thì cho rằng: Người để lại Xá lợi chưa hẳn là được vãng sanh về Cực Lạc. Thật ra hai ý nghĩ trên đều đúng cả, nhưng phải tùy vào người để lại Xá lợi đó là người tu Thiên hay tu Tịnh. Ở đây, chúng ta chỉ bàn đến sự khác nhau giữa Thiên và Tịnh thôi.

Nếu người tu Thiền để lại Xá lợi thì không được vãng sanh về Cực Lạc. Tại sao? **Thứ nhất**, vì người tu Thiền là tự lực; **thứ hai**, vì họ không nương vào thần lực và nguyện lực của Phật A Mi Đà; **thứ ba**, vì họ không có phát nguyện sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà, nên họ không được vãng sanh về Cực Lạc, mà họ chỉ được sanh lên bốn cõi Thánh và Bồ tát, đó là: **Sắc giới, Vô sắc giới, Phi phi tướng và Phi phi tướng xứ**. Sau khi được sanh lên bốn cõi này rồi, thì họ phải tu hành tiếp tục cho đến khi nào thành Đẳng giác Bồ tát (*khi thành Đẳng giác Bồ tát thì quý Ngài có thể tự tại ra vào mười phương cõi Phật, để cúng dường và nghe pháp*). Sau khi thành Đẳng giác Bồ tát, nếu quý Ngài muốn thành Phật, thì phải phát nguyện sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà để thành tựu Phật quả.

Còn người tu Tịnh độ để lại Xá lợi là người chắc chắn sẽ được vãng sanh về Cực Lạc. Tại sao? Vì người tu Tịnh độ nhờ có tự lực và tha lực. Nghĩa là một bên nhờ vào sự tu niệm và phát nguyện của ta mà sanh ra được hoa sen ngàn cánh ở cõi Cực Lạc. Còn một bên là nhờ vào nguyện lực của Phật A Mi Đà tiếp dẫn, mà ta mới được vãng sanh thẳng về Cực Lạc của Phật A Mi Đà. Tại sao ở đây chúng tôi dám khẳng định người nào để lại Xá lợi thì chắc chắn sẽ được vãng sanh? Vì người để lại Xá lợi là những người niệm Phật đã được sâu dày. Cho dù phút lâm chung họ không may gặp phải chướng duyên, không được vãng sanh ngay khi tắt thở, nhưng sau khi chết họ sẽ dùng thân trung ấm của họ để niệm Phật tiếp tục, cho đến khi nào được Phật đến rước thì họ mới thôi. Vấn đề này chỉ có chư Phật và họ mới biết rõ thôi; còn chúng ta là phàm phu, sự

thấy biết không được bao nhiêu thì đừng vội quyết đoán rằng họ không được vãng sanh.

Còn nói về sự kết tinh của Xá lợi, thì Xá lợi của người tu Thiền và tu Tịnh có chỗ khác nhau. Xá lợi của người tu Thiền được kết tinh là nhờ tu **giới, định, huệ** sâu dày qua nhiều kiếp mà có được, nên Xá lợi của họ rất là rắn chắc và có thần lực. Còn Xá lợi của người tu Tịnh độ thì được kết tinh bởi hai mặt lý và sự. **Lý**, là nói trên sự kết tinh của hoa sen ngàn cánh. Hoa sen ngàn cánh mới là Xá lợi thật sự của người tu Tịnh độ, vì nó được kết tinh từ **diệu giới, định, huệ** thanh tịnh của ta. Còn **sự**, là nói trên sự kết tinh của xương tủy. Xương tủy Xá lợi là nhờ thâm nhiếp được Phật lực và Phật quang của Phật A Mi Đà và mười phương chư Phật, nên Xá lợi xương tủy của người tu Tịnh độ thường có nhiều màu sắc và có nhiều hình dạng vi diệu không thể nghĩ bàn.

Còn tại sao có một số Xá lợi của người tu Tịnh độ không được rắn chắc như Xá lợi của những bậc tu Thiền? Là vì Xá lợi của người tu Tịnh độ chỉ mới được thành tựu trong một đời này thôi, còn Xá lợi của những vị tu Thiền thì đã được kết tinh qua nhiều kiếp tu tập Thiền định. Nhưng không phải vì vậy mà chúng ta vội cho Xá lợi xương tủy của người tu Tịnh độ không phải là Xá lợi. Tuy có một số Xá lợi của người tu Tịnh độ không được rắn chắc, nhưng so với Xá lợi của người tu Thiền, thì Xá lợi của người tu Tịnh độ thù thắng hơn nhiều. Tại sao? Vì Xá lợi của người tu Tịnh độ được kết tinh từ hai mặt Diệu tánh định. Tức là nhờ Diệu tánh của ta và Diệu tánh của chư Phật kết tựu thành. Còn Xá lợi của người tu Thiền chỉ được kết tinh từ tự tánh

định của mình mà thôi. Diệu tánh định thì cao hơn tự tánh định nhiều lắm. Nếu không, thì người tu Tịnh độ làm sao có thể sanh ra được hoa sen và báo thân Phật của mình ở Tây phương Cực Lạc.

Ở trên, chúng tôi phân tích tại sao có một số Xá lợi của những người tu Tịnh độ không được rần chắc, là để cho quý bạn hiểu rõ thôi. Nhưng không phải vì vậy mà chúng ta vội cho rằng người tu Tịnh độ không ai có Xá lợi rần chắc. Nếu chúng ta tu niệm được định sâu dày, thì sẽ có Xá lợi rần chắc không thua gì những bậc tu Thiên. Tóm lại, người tu Tịnh độ có hai loại Xá lợi: **Một**, là Xá lợi hoa sen ngàn cánh được kết tinh từ **diệu giới, định, huệ** thanh tịnh của ta; **hai**, là Xá lợi xương tủy được kết tinh từ nơi thâm nhiếp được **Phật quang** của Phật A Mi Đà và mười phương chư Phật.

Kính thưa quý bạn! Không phải người nào để lại Xá lợi thì mới được vãng sanh, còn người không để lại Xá lợi thì không được vãng sanh. Thật ra không phải vậy, cho dù sự tu niệm của ta chưa được sâu dày để kết tinh thành Xá lợi, thì ta cũng được vãng sanh về cõi Cực Lạc. Tại sao? Vì Xá lợi hoa sen của ta ở trên cõi Cực Lạc mới là phần chính, còn xương tủy Xá lợi chỉ là phần phụ. Chỉ có điều là phẩm vãng sanh của ta không được cao như những vị để lại Xá lợi mà thôi.

Trong Kinh Phật nói: *“Cho dù có những chúng sanh đã tạo ngũ nghịch thập ác. Đến phút lâm chung biết ăn năn sám hối và thành tâm niệm Phật, thì trong vòng mười niệm cũng được Phật A Mi Đà và Thánh chúng đến nơi tiếp dẫn đưa về Cực Lạc”*. Mới nghe qua thật là khó tin, nhưng đây là vụn lặt chân thật. Tại sao? Vì ngay giây phút ta thành tâm sám hối niệm Phật, thì

cũng là giây phút **Diệu tâm** của ta sanh ra được hoa sen ngàn cánh ở cõi Cực Lạc. Nhờ có hoa sen của ta mà Phật A Mi Đà mới đem đến để tiếp dẫn ta về. Một người làm ác cả đời, đến phút lâm chung biết niệm Phật sám hối, mà còn sanh ra được hoa sen để cho Phật mang đến tiếp dẫn. Còn chúng ta cả đời không làm gì ác chỉ biết niệm Phật ngày đêm, dĩ nhiên là chúng ta sẽ có hoa sen để Phật mang đến tiếp dẫn. Xin quý bạn không nên nghi ngờ mà tự làm chướng ngại cho mình.

II. Lời khuyên

Nhiều năm qua có một số bạn hiểu lầm về vấn đề Xá lợi, nên buông lời phỉ báng cho rằng: *“Xá lợi xương tủy của người tu Tịnh độ không phải là Xá lợi, mà chỉ là xương cốt sau khi thiêu đốt còn sót lại”*. Ở đây, tôi không muốn tranh luận đúng hay sai, mà chỉ xin quý bạn hãy bỏ thêm thời gian, để đi nghiên cứu kỹ lại độ nóng của các lò thiêu và đi tìm hiểu thêm tro cốt của những người không tu niệm Phật, thì sẽ hiểu rõ chân tướng.

Mong rằng sau khi hiểu rõ, quý bạn sẽ phát tâm niệm Phật để sám hối. Còn nếu quý bạn vẫn còn cố chấp, thì cho dù bao nhiêu cái địa ngục cũng không chứa hết nghiệp tội của quý bạn đâu. Tại sao? Vì những vị mà quý bạn đang phỉ báng đó, đều là chư Phật và Bồ tát hiện đang ở cõi Cực Lạc đấy. Đó là chưa nói đến tội của quý bạn đang hại chúng sanh mất đi tín tâm với Phật A Mi Đà và pháp môn Tịnh độ.

Còn nếu quý bạn cho rằng Xá lợi nào mà dùng búa đập bể thì không phải là Xá lợi, vậy thì bạn nên suy nghĩ lại. Bởi vì, bạn nên biết rằng Xá lợi có nhiều loại

non, già và có đa hình đa dạng khác nhau. Cũng như vàng thì có nhiều loại vàng cao, thấp (*non, già*) khác nhau. Nhưng dù vàng cao hay thấp, thì chúng cũng được người đời công nhận chúng là vàng, có phải vậy không? Tại sao? Vì thể chất của chúng vốn là vàng, chỉ có khác ở chỗ chất lượng cao, thấp mà thôi.

Cũng như chúng ta dùng đậu nành để làm ra nhiều loại đậu hủ mềm, cứng khác nhau. Tuy đậu hủ có nhiều loại mềm, cứng khác nhau, nhưng chúng cũng được người đời công nhận chúng là đậu hủ có phải vậy không? Tại sao? Vì thể chất của chúng vốn làm từ đậu nành mà ra. Chúng chỉ khác ở chỗ độ mềm, cứng mà thôi. Nhưng không phải vì vậy mà chúng ta vội phủ nhận vàng thấp không phải là vàng, hoặc đậu hủ non không phải là đậu hủ. Nếu quý bạn phủ nhận được vàng thấp không phải là vàng và phủ nhận được đậu hủ non không phải là đậu hủ, thì sự phủ nhận về Xá lợi của quý bạn mới được đứng vững. Còn nếu ngược lại thì không đứng vững. Không những là không đứng vững, mà còn hại mình mang tội phỉ báng chư Phật và Bồ tát.

Còn nếu quý bạn cho rằng những người để lại xương cốt có nhiều màu sắc, đều là những người vì trước khi chết bị bệnh ung thư và chữa bệnh bằng hóa chất, thì sau khi chết, xương cốt của họ mới có nhiều màu sắc như vậy. Nếu thật sự như vậy, thì xin quý bạn hãy trả lời cho chúng tôi hiểu những thắc mắc ở dưới đây:

1. Nếu bạn cho rằng những hóa chất trị bệnh ung thư thì sẽ làm cho xương cốt có nhiều màu sắc sau khi thiêu đốt. Vậy thì tại sao từ xưa đến nay, có vô số người được vãng sanh không bị bệnh ung thư, mà họ vẫn để lại rất nhiều Xá lợi có nhiều màu sắc và có nhiều

hình dạng vi diệu khác nhau? Vậy thì quý bạn phải giải thích sao đây?

2. Nếu có Tăng, Ni hay Phật tử nào đó tu niệm Phật cả đời không may tới cuối đời họ bị bệnh ung thư và trị liệu bằng hóa chất, vậy thì Xá lợi mà họ kết tinh được cả đời đó, không phải là Xá lợi ư? Bạn nói như vậy không cảm thấy rằng mình quá đáng ư? Bạn nên biết rằng những hóa chất trị bệnh ung thư cũng làm cho xương cốt của chúng ta bị đổi màu, nhưng chỉ một phần nào thôi, không phải là tất cả. Xin quý bạn chớ vội đưa cả nắm.

3. Nếu quý bạn cho rằng những loại Xá lợi có đủ màu sắc và đập bể được thì không phải là Xá lợi. Nếu không phải là Xá lợi, vậy thì tại sao có những loại Xá lợi biết biến đổi màu sắc và biết biến đổi hình dạng khác nhau? Thậm chí, có những trường hợp cùng một nhóm người đến xem Xá lợi nhưng mỗi người đều thấy được màu sắc và hình dạng của Xá lợi biến đổi khác nhau và sự cảm ứng cũng khác nhau. Vậy thì quý bạn phải giải thích sao đây?

Kính thưa quý bạn! Những vật thể thuộc về tâm linh, thì thường có sự biến hóa và cảm ứng không thể nghĩ bàn. Cũng vì chúng có sự biến hóa và cảm ứng vi diệu không thể nghĩ bàn, nên những nhà khoa học từ xưa đến nay không thể giải thích được. Nếu có giải thích chẳng, thì họ chỉ giải thích một cách mù mờ không căn cứ. Tại sao? Vì họ cũng chỉ là phàm phu si mê, điên đảo.

Nếu nói về Xá lợi thì có nhiều hình thể, màu sắc và độ non, già khác nhau không thể tính đếm. Nhưng chung quy chỉ có hai loại Xá lợi non và già làm căn bản:

Non thì ta gọi là **xương tủy Xá lợi**, còn già thì ta gọi là **ngọc Xá lợi**. Ý nghĩa ngọc ở đây, không phải chỉ gọi riêng cho những viên Xá lợi có hình dạng tròn như viên ngọc, mà ý nghĩa ngọc ở đây là nói chung cho tất cả loại Xá lợi rắn chắc như ngọc, búa đập không bể.

Kính thưa quý bạn! Trước kia lúc chưa chứng đạo, tôi cũng thường phán xét nhiều sự việc theo suy nghĩ si mê của mình. Nhưng sau khi được chứng đạo, tôi thấy được chân tướng của vạn vật muôn loài biến hóa đa hình, đa dạng không thể nghĩ bàn. Nhất là về mặt tâm linh, thì chúng biến hóa còn vi diệu và thần tốc hơn vạn lần so với những sự biến hóa của vạn vật muôn loài. Tóm lại, những sự biến hóa của vạn pháp và tâm linh, phàm phu như chúng ta không thể nào mà suy nghĩ hay bàn luận được.

Tôi xin nói thật cho quý bạn biết rằng: Sau khi được chứng đạo tôi rất là xấu hổ và sám hối rất nhiều với chư Phật về những hành vi và tội lỗi của tôi đã tạo ra trong vô lượng kiếp. Ở đây, tôi xin khuyên quý bạn một điều, đó là: Không nên vội phủ nhận hay phỉ báng bất cứ một điều gì thuộc về tâm linh. Tại sao? Vì chúng ta chưa phải là Phật. Nếu phải lựa chọn thì tôi xin khuyên quý bạn một điều, đó là: *“Thà tin còn hơn là không”*. Tại sao? Vì nếu bây giờ chúng ta có tin vào một sự việc tâm linh nào đó, mà sau này hiểu ra sự việc đó không có thật, thì ta cũng không bị rơi vào tội phỉ báng chư Phật và hại chúng sanh. Còn nếu bây giờ ta không tin mà vội đi phỉ báng khắp nơi, sau này khi hiểu ra sự việc đó là có thật, thì ta sẽ hối hận và không thể cứu vãn. Rốt cuộc chỉ hại mình bị mang tội khẩu nghiệp mà thôi. Nói như vậy không có nghĩa là tôi khuyên quý bạn

tin mọi chuyện một cách mê tín không có trí tuệ. Thật ra không phải vậy, vì tin có chánh tín và mê tín. Nếu điều gì mà có hại cho người và hại cho mình như là lên đồng, lên bóng, hay là bùa ngải... thì ta không nên tin và cũng không nên khuyên người tin. Còn điều gì không có hại cho người và không có hại cho mình, thì ta không nên vội phỉ báng mà nên giữ im lặng để tìm hiểu. Nhất là những chuyện liên quan đến Phật, Trời, pháp giới và tâm linh thì ta phải hết sức thận trọng. Tại sao? Vì ta vẫn là phàm phu si mê, điên đảo. Nếu là điên đảo thì không nên tin vào sự suy đoán của mình. Nếu quý bạn thích phán đoán như vậy thì hãy lo tu cho thành Phật trước đi vì khi thành Phật rồi thì quý bạn tha hồ mà phán đoán.

TỊNH ĐỘ PHẬT THỪA

Kính thưa quý bạn! Ngoài phát tâm niệm Phật để thành Phật ra, ta còn phải làm những hạnh nguyện như Phật đã dạy đó là tự độ và độ tha. Tự độ là tự cứu mình, độ tha là cứu người. Chúng ta đang tu Tịnh độ là pháp môn cao siêu thuộc về Phật thừa. **Tịnh**, là tịnh nghiệp và tịnh tâm; còn **độ**, là tự độ và độ tha. **Phật thừa**, là bao la vô cùng tận. Ý nói rằng khi chúng ta tu pháp môn Tịnh độ, thì phải có tấm lòng bao la vô cùng tận như Phật.

Độ người là công đức, không phải là phước đức. Nếu chúng ta có tiền thì nên đem ra bố thí để tạo phước đức. Còn nếu chúng ta nghèo không có tiền thì nên đi khuyên người tu hành niệm Phật. Công đức thì lớn hơn phước đức. Nhưng công đức mà thiếu phước đức thì cũng không được viên mãn. Không phải ta bố

thí nhiều tiền thì mới có nhiều phước đức, mà phải tính ở chỗ ta có làm hết sức của mình hay không? Cũng như những người giàu có, họ chỉ biết bố thí tiền bạc nhưng lại không biết tu hành, nên họ không thể thành Phật. Họ chỉ được kiếp sau làm người giàu có mà thôi, nhưng họ vẫn phải bị luân hồi tiếp tục. Thời nay nhiều người chỉ lo tu phước mà không lo tu giải thoát, đây mới thật là đáng thương.

Khi phát tâm niệm Phật để thành Phật, thì chúng ta phải một lòng buông xả và quyết tâm tu hành để lấy được phẩm cao nhất. Quý bạn không nên hiểu lầm cho rằng, nếu mình nghĩ như vậy là cống cao ngã mạn hay là tham. Thật ra không phải vậy, mà đây là dũng khí giúp cho ta đi đến quả vị Phật. Vì nếu không có quyết tâm kiên cố thì ta sẽ bị thoái chuyển. Còn nói về phẩm vị thì trên cõi Cực Lạc có chín phẩm vãng sanh: Ba phẩm **Thượng sanh**, ba phẩm **Trung sanh** và ba phẩm **Hạ sanh**. Nếu chúng ta tu hành được “Thượng thượng phẩm” thì sẽ biết trước được ngày giờ vãng sanh. Tới phút lâm chung, ta sẽ thấy Tam Thánh đem hoa sen ngàn cánh đến để tiếp dẫn ta về cõi Phật. Khi về đến cõi Phật thì hoa sen của ta liền được nở ra và ta sẽ thấy Phật A Mi Đà. Ngay lúc đó, ta sẽ có thân kim sắc to lớn, có 32 tướng tốt, có 80 vẻ đẹp và có 6 loại thiên thần thông biến hóa nhiệm màu giống y như Phật A Mi Đà.

Còn nếu chúng ta chỉ tự độ mà không có tấm lòng độ tha, không chịu bố thí để tạo phước đức, thì ta chỉ được “hạ hạ sanh”. Chúng ta sẽ không có được nhiều ưu điểm như người chứng quả “thượng thượng phẩm”. Tuy nhiên, chúng ta cũng được vãng sanh về cõi Cực

Lạc, duy chỉ có điều là chúng ta phải sống ở trong hoa sen của mình một thời gian rất lâu để tu tập. Tuy ở trong hoa sen tu tập, nhưng chúng ta cũng được sung sướng như là ở cõi Trời và ở đó luôn có chư đại Bồ tát ngày đêm chỉ dạy cho ta tu hành. Sau khi tu hành có đủ công đức, thì hoa sen của ta sẽ được nở ra và ta sẽ thấy Phật A Mi Đà. Ngay giây phút thấy Phật A Mi Đà, thì cũng là giây phút ta được thành Phật A Mi Đà.

Ở cõi Cực Lạc không có thai sanh, không có luân hồi sanh tử mà chỉ có hoa sen hóa sanh. Khi hoa sen được nở ra thì cũng là ngày ta thành Phật. Vì vậy, trong Kinh Phật nói: *“Bất luận chúng sanh nào phát tâm niệm Phật để thành Phật, thì đều sanh ra được hoa sen ngàn cánh ở trên cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà”*. Còn nói về hoa sen của chúng ta ở cõi Cực Lạc được lớn hay nhỏ và được phát quang nhiều hay ít, thì phải xem công phu tu hành và hạnh nguyện của ta. Khi chư Phật nhìn hoa sen thì sẽ biết được công phu tu hành của ta.

Cũng giống như ta trồng một chậu hoa ở trong nhà, nếu ta siêng tưới nước và chăm bón nó hằng ngày thì nó sẽ mọc được tươi tốt. Còn nếu ta bỏ bê thì nó sẽ bị khô héo và chết. Khi ta niệm Phật cũng vậy. Một câu A Mi Đà Phật là một giọt nước thần tưới cho hoa sen của ta thêm tươi tốt. Vì vậy, khi niệm Phật ta phải niệm tinh tấn mỗi ngày, không nên niệm một ngày mà bỏ cả tháng. Nếu chúng ta bỏ nửa chừng thì hoa sen của ta sẽ bị chết và biến mất trong ao bấu. Nếu hoa sen bị chết thì công phu tu niệm của ta cũng bị mất theo. Tại sao? Vì công đức khác với phước đức. Phước đức mình tạo bao nhiêu là có bấy nhiêu không bao giờ mất, nhưng công đức mà bỏ nửa chừng thì ta sẽ mất hết tất

cả. Mất hết tất cả nghĩa là mất hết công phu tu tập của ta trước kia, nhưng chủng tử A Mi Đà Phật trong ta thì vẫn còn. Chỉ cần ta quyết tâm tu niệm trở lại, thì chủng tử A Mi Đà sẽ nảy mầm mọc lại. Tuy nói là nói vậy, nhưng thử hỏi mạng sống con người rất là ngắn ngủi. Nếu chúng ta không lo trồng hoa sen của mình từ bây giờ, lỡ mai thân này mất đi thì ta làm sao có được hoa sen để cho chư Phật đem đến tiếp dẫn ta về Cực Lạc. Chúng ta có thể bỏ ăn, bỏ ngủ và bỏ làm, nhưng không thể bỏ câu niệm Phật. Tại sao? Vì đây là tương lai vĩnh cửu của ta, còn cuộc sống hiện tại chỉ là tạm thời, nên ta phải biết phân nặng nhẹ, không nên tham đắm thân giả mà bỏ mất thân Phật, sau này hối tiếc sẽ không kịp.

Kính thưa quý bạn! Phật A Mi Đà thương chúng ta vô bờ bến. Ngài biết chúng ta si mê không có đủ trí tuệ để tự tu giải thoát, nên Ngài mới dạy cho ta pháp môn Tịnh độ để đỏi nghiệp vãng sanh. Đỏi nghiệp nghĩa là mang theo nghiệp tội của mình để sanh về cõi Cực Lạc. Chỉ cần được sanh về Cực Lạc thì ta sẽ có đủ trí tuệ để tu thành Phật. Trong Kinh Phật nói rằng: *“Tịnh độ là pháp môn cao siêu và khó tin. Nếu ai tin được là người đó đã có tu hành trong vô lượng kiếp, nên kiếp này cơ duyên làm Phật mới được chín muồi, mới có đủ trí tuệ và thiện căn để tin sâu pháp môn Tịnh độ”*.

Ngài Tịnh Không cũng nói rằng: *“Kiếp này chúng ta gặp được pháp môn Tịnh độ là may mắn còn hơn là trúng số bạc tỷ. Gặp đã là khó mà tin sâu tu niệm thì lại càng khó hơn, quý cũng như mò kim đáy biển ngàn năm một thuở”*.

Phát Bồ đề tâm: Trước kia vì không hiểu đạo, nên tôi chỉ biết niệm Phật để cầu siêu cho ông bà, cha mẹ

và chúng sanh. Sau này nhờ có nhân duyên, tôi mới biết đến pháp môn Tịnh độ và hiểu được nếu muốn thành Phật thì ta phải phát Bồ đề tâm. Tuy lúc đó tôi tin Kinh và tin Phật, nhưng tôi lại không tin bản thân và tôi lúc nào cũng nghĩ rằng: *“Tội chướng của tôi quá nặng, đường tu kiếp này không được toại nguyện, thì nào dám phát nguyện niệm Phật để thành Phật”*. Cũng vì suy nghĩ như vậy mà nhiều năm tôi không dám phát nguyện niệm Phật để thành Phật.

Rồi có một ngày nhân duyên hội đủ, tôi được một người bạn đem đến tặng cho tôi một cuốn sách có tên là **“Niệm Phật lưu Xá lợi”** của Cư sĩ Tịnh Hải. Khi mở cuốn sách đó ra, tôi xem các hình màu Xá lợi và lòng của tôi sung sướng lạ thường. Sau đó, tôi đọc một câu chuyện nói về một bác Phật tử tại gia. Bác chỉ niệm Phật ở nhà, không có thời gian đến chùa để tụng Kinh hay là tham thiền, vậy mà bác cũng được vãng sanh và để lại nhiều Xá lợi. Sau khi đọc xong câu chuyện của bác Phật tử đó, tôi vô cùng xúc động, không cầm được nước mắt. Tôi khóc, là vì tôi không ngờ niệm Phật mà có thể vãng sanh ngay trong một đời.

Sau khi đọc xong cuốn sách đó, tôi liền phát nguyện niệm Phật để thành Phật. Lúc đó, tôi buông xả hết trần duyên và quyết tâm niệm Phật tinh tấn ngày đêm. Không ngờ sau đó vài tuần thì tôi được nhất tâm. Nếu như tôi không phát tâm dũng mãnh, thì tôi khó được nhất tâm. Qua quá trình của bản thân tôi hiểu rõ, sự tín, nguyện và quyết tâm rất là quan trọng. Trong Kinh Phật nói: *“Chúng sanh muốn được thành Phật thì phải có đầy đủ **tín, nguyện** và **tri danh**. Nếu thiếu một trong ba điều này thì chúng sanh sẽ không thành Phật được”*.

Tín: Là tin sâu không một chút hoài nghi (*tin Phật A Mi Đà và tin bản thân ta sẽ thành Phật A Mi Đà*);

Nguyện: Là nguyện niệm Phật để thành Phật (*nguyện với tâm ta, không phải nguyện với chư Phật*);

Trì danh: Là niệm danh hiệu A Mi Đà Phật cho tới ngày vãng sanh (*trì danh tức là Hạnh, vì khi ta niệm Phật thì đức hạnh của ta sẽ sanh ra*).

BÁO THÂN TRONG HOA SEN

Kính thưa quý bạn! Người tu Tịnh độ ai cũng hiểu khi phát tâm niệm Phật, thì ta sẽ sanh ra được hoa sen ngàn cánh ở trên cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà. Tuy hiểu là hiểu vậy, nhưng chúng ta vẫn còn thắc mắc rằng: “*Tại sao người tu Tịnh độ chỉ sanh hoa sen ở cõi Phật A Mi Đà, mà không sanh hoa sen ở các cõi Phật khác?*”. Bây giờ tôi xin phân tích tóm gọn để quý bạn hiểu tại sao?

Một, là vì mười phương chư Phật, chỉ có Phật A Mi Đà là người phát ra 48 đại nguyện để tiếp dẫn chúng sanh và chỉ có Ngài mới có đủ thần thông và trí tuệ để xây dựng cõi Cực Lạc, giúp cho chúng sanh đời nghiệp vãng sanh.

Hai, là vì Diệu tâm của chúng ta có cùng tần số với Diệu tâm của Phật A Mi Đà và có cùng tần số với Tây phương Cực Lạc. Vì có cùng tần số, nên hoa sen của ta mới sanh ra ở trên đó. Chân tướng này chỉ có Phật A Mi Đà (*tức Phật Tổ*) mới có đủ trí tuệ để hiểu rõ thôi. Vì hiểu rõ, nên Phật mới khuyên dạy chúng ta phải tu niệm tự tánh A Mi Đà, để trở về làm Phật giống y như Ngài.

Khi đọc đến đây tôi biết quý bạn sẽ không dám tin, nhưng đây là vạn lần chân thật. Cũng như ở ngoài đời, nếu chúng ta muốn gọi phone cho ai thì phải gọi đúng

số. Nếu gọi thiếu một số, thì cho dù người đó có ở bên cạnh cũng không nhận được tín hiệu của ta. Nhưng nếu ta gọi đúng số, thì cho dù người đó có ở bên kia Trái Đất hay ở trên Mặt Trăng thì cũng nhận được tín hiệu của ta. Tại sao? Là vì ta gọi đúng tần số của họ.

Chúng ta là phàm phu mà còn tìm ra được những tần số của vũ trụ và phát minh ra được những công cụ để giao tiếp với nhau. Vậy thử hỏi trí tuệ và thần thông của Phật A Mi Đà còn cao siêu biết dường nào. Ở trong **“Kinh Hoa Nghiêm”** có một đoạn Phật nói rằng: *“Chư Phật có thể đem tất cả vũ trụ này để gọn vào trong lòng bàn tay; có thể thấy mọi sự việc đang biến chuyển; có thể dời đổi những thế giới đi tới đi lui; có thể làm cho những thế giới này nhỏ lại hay lớn ra theo ý muốn... mà chúng sanh ở trong vũ trụ này không hề hay biết”*. Mới nghe qua thật là khó tin, nhưng đây là vạn lần chân thật. Trước kia, khi tôi đọc tới đoạn Kinh này, thật sự là tôi không hiểu và cũng không dám tin. Nhưng sau này khi tôi cầm cái “iPhone” ở trong tay, thì tôi mới giật mình và giác ngộ ra được những lời Phật nói trong Kinh là vạn lần chân thật. Quý bạn thử nghĩ xem: Hiện tại, chúng ta chỉ là phàm phu nên không có thần thông chi cả, vậy mà khi chúng ta chỉ cần có một cái iPhone hay smart phone (những loại điện thoại thông minh) thì ta có thể nắm gọn cả thế giới này trong lòng bàn tay của mình. Không những vậy, mà chúng ta còn thấy được mọi sự việc đã và đang xảy ra ở trên thế giới này. Thêm vào, ta có thể dời các nước trong Trái Đất này đi tới, đi lui và có thể làm cho chúng nhỏ lại hay lớn ra theo ý muốn, mà những chúng sanh đang ở trong Trái Đất này không hề hay biết.

Ở trên, tôi chỉ nêu ra một ví dụ nhỏ để cho quý bạn tự suy ngẫm mà thôi. Nhưng cho dù kỹ thuật và khoa học của chúng ta có tiến bộ như thế nào, thì cũng chỉ mới tìm ra được có một phần tỷ như những gì mà Phật đã nói ở trong Kinh.

I. Báo thân trong hoa sen

Có một điều quan trọng mà đa số chúng ta vẫn chưa hiểu rõ, đó là: Trong hoa sen mà chúng ta sanh ra ở trên cõi Cực Lạc, còn có báo thân Phật của mình ở trong đó nữa. Khi đọc đến đây tôi biết quý bạn sẽ không dám tin và nghĩ rằng: *“Chúng ta đang còn ở đây, thì làm sao có thể sanh ra được hoa sen và báo thân Phật của mình ở trên cõi Phật, thật là khó tin quá”*.

Kính thưa quý bạn! Nếu chúng ta ai nấy cũng tin được thì chư Phật đâu có nói: **“Tịnh độ là pháp môn cao siêu và khó tin”**. Thật ra, trước kia tôi cũng không dám tin như quý bạn, nhưng sau khi được chứng đạo thì tôi mới tin. Còn lý do tại sao chúng ta đang còn ở đây, mà có thể sanh ra được hoa sen và báo thân Phật của mình ở trên cõi Phật? Là vì trong Kinh Phật có nói rằng: **“Tất cả vạn pháp đều từ tâm tưởng sanh”**. Từ tâm tưởng sanh, nghĩa là tất cả thân trời, thân người, thân thú... mà chúng ta đã có từ vô lượng kiếp đến nay, đều là do tâm tưởng của ta tự sanh ra. Thêm vào, tất cả vạn vật có tình và không tình ở trong vũ trụ này, cũng đều do tâm tưởng của chúng ta biến hóa ra. Tóm lại, hằng ngày ta tưởng niệm cái gì thì ta sẽ thành cái nấy. Nếu ta niệm Phật thì sẽ thành Phật; ta niệm súc sanh thì sẽ thành súc sanh; ta niệm ngựa quý thì sẽ thành ngựa quý... Tất cả đều là do tâm thức thiện, ác

của ta tự tạo ra. Chỉ có điều là khi ta còn sống, thì báo thân vô hình mà ta đang tạo hằng ngày, nó sẽ tạm ẩn ở trong tâm thức của ta. Nhưng sau khi chết, báo thân vô hình của ta sẽ chiêu cảm cho ta có một báo thân có hình tướng tương ứng với báo thân mà ta đã tạo trong tâm thức khi ta còn sống (*phần này tôi đã giải thích rất rõ ở trong bài “Tâm là gì?” rồi*).

Kính thưa quý bạn! Qua sự phân tích ở trên, quý bạn đã hiểu được phần nào về “báo thân” của mình rồi. Bây giờ chúng ta tìm hiểu xem tại sao người niệm Phật có thể sanh ra hoa sen và báo thân Phật của mình cùng một lúc ở trên cõi Phật? Khi chúng ta phát tâm niệm Phật để thành Phật, thì tâm của ta chỉ nghĩ đến Phật A Mi Đà. Ngay giây phút ta nghĩ đến Phật và chỉ muốn thành Phật A Mi Đà, thì cũng là giây phút ta đang tạo ra hình tướng Phật A Mi Đà ở trong tâm thức (*tức là tạo ra “báo thân Phật” ở trong tâm thức của mình*). Ngay giây phút ta tạo tướng Phật ở trong tâm thức, thì cũng là giây phút ta sanh ra được hoa sen và báo thân Phật của mình ở trên cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà.

Bây giờ tôi xin dùng bào thai để làm ví dụ thì quý bạn dễ hiểu hơn. Khi người mẹ mang thai thì trong bào thai phải có sinh mạng. Vì có sinh mạng nên bào thai mới có sự phát triển và lớn lên theo thời gian. Khi bào thai được chín tháng mười ngày thì sinh mạng mới có đủ hình hài. Khi có đủ hình hài thì sinh mạng đó mới được sanh ra làm người. Tiến trình thành tựu của hoa sen và báo thân Phật của ta ở trên cõi Cực Lạc, cũng giống như sự phát triển của bào thai và sinh mạng vậy đó. Chúng chỉ có khác ở chỗ là: Khi đầu thai làm người thì ta phải sinh ra từ bào thai của người mẹ; còn khi

thành Phật thì ta phải hóa sanh ra từ hoa sen ngàn cánh và hoa sen này là do công đức niệm Phật của ta đã tạo ra ở trên cõi Cực Lạc. Vì vậy, xưa nay chúng ta thường thấy tranh, ảnh, tượng Phật và Bồ tát đều có hoa sen ở dưới. Hoa sen là biểu tượng cho sự hóa sanh của chư Phật và Bồ tát.

Tóm lại, hoa sen và báo thân Phật của ta đang có ở trên cõi Phật, đều là do công đức niệm Phật của ta hóa sanh ra, không phải do Phật A Mi Đà ban cho. Nếu chúng ta tu hành tinh tấn, thì hoa sen và báo thân Phật của ta sẽ phát triển được nhanh. Nếu chúng ta lười biếng, thì hoa sen và báo thân Phật của ta sẽ phát triển chậm. Rồi cứ như vậy mà chúng phát triển không ngừng cho đến ngày ta được vãng sanh. Sau khi được vãng sanh về Cực Lạc, thì ta phải ở trong hoa sen để tu hành tiếp tục, tu cho đến khi nào công đức được viên mãn. Khi công đức được viên mãn, thì hoa sen của ta sẽ được nở ra và ta sẽ thành Phật A Mi Đà. Lúc đó, ta sẽ có thân kim sắc to lớn, có 32 tướng tốt, có 80 vẻ đẹp, có 4 trí và có vô lượng thần thông biến hóa nhiệm màu giống y như Phật A Mi Đà.

Kính thưa quý bạn! Nếu nói trên **lý**, thì hoa sen và báo thân Phật của ta là một không hai; cũng như bào thai và sinh mạng của ta là một không hai. Nhưng nếu nói trên **sự**, thì hoa sen và báo thân Phật của ta có sự diệu dụng khác nhau. Vì vậy, tuy hai mà một, tuy một mà hai. Tuy hai mà một nghĩa là: Nếu không có hoa sen thì sẽ không có báo thân Phật. Nếu không có báo thân Phật thì sẽ không có hoa sen. Vì vậy, hoa sen và báo thân tuy hai mà một, không thể tách rời nhau giống như chữ **V**. Còn tuy một mà hai nghĩa là: Tuy hoa sen và

báo thân Phật của ta không thể tách rời nhau, nhưng chúng lại có sự diệu dụng biến hóa khác nhau. Diệu dụng của hoa sen là bảo vệ cho báo thân Phật của ta. Nó ví như căn nhà để bảo vệ che nắng, che mưa cho ta. Còn diệu dụng của báo thân Phật, thì sống mãi không chết và hạnh phúc vĩnh cửu. Thêm vào, báo thân Phật của ta có thể đi đến mười phương cõi Phật, để giao du hay đàm luận và có thể ứng hóa ra vô lượng thân đi đến mười phương thế giới để cứu độ chúng sanh mọi loài. Tóm lại, báo thân Phật của ta rất là nhiệm mầu không thể nghĩ bàn.

II. Tiến trình vãng sanh

Ở đây, tôi xin phân tích về tiến trình vãng sanh để quý bạn tìm hiểu thêm. Trên cõi Cực Lạc có chín phẩm vãng sanh: Ba phẩm **Thượng sanh**, ba phẩm **Trung sanh** và ba phẩm **Hạ sanh**. Tức là nói ở cõi Cực Lạc có chín phẩm vãng sanh cao thấp khác nhau. Phật nói chín phẩm là để cho chúng ta dễ hiểu, nhưng trên thực tế thì trong mỗi phẩm căn bản đó, còn có nhiều phẩm sai biệt khác nhau. Nhờ có những phẩm vị cao thấp của chúng sanh, mà Phật A Mi Đà dùng **báo thân** hay **hóa thân** của Ngài để tiếp dẫn chúng sanh. Nghĩa là tùy theo phẩm vị của mỗi chúng sanh mà Phật tiếp dẫn khác nhau. Nói như vậy không có nghĩa là Phật A Mi Đà phân biệt phẩm vị, mà vì Ngài phải hiện thân cho tương đồng với tần số tâm thức của chúng sanh. Nếu Phật hiện thân không tương đồng, thì chúng sanh sẽ không thấy được Phật và Thánh chúng đến nơi tiếp dẫn.

Ở đây, tôi không có thời gian để giải thích từng phẩm, mà tôi chỉ giải thích về tiến trình vãng sanh của

“thượng thượng phẩm” thôi. Chỉ cần hiểu được tiến trình vãng sanh của thượng thượng phẩm, thì ta sẽ hiểu ra được tiến trình vãng sanh của những phẩm thấp hơn. Bây giờ chúng ta tìm hiểu vào người vãng sanh “thượng thượng phẩm”.

1. Thượng thượng phẩm: Nếu chúng ta tu hành được “thượng thượng phẩm”, thì tới phút lâm chung báo thân Phật của ta sẽ tự đem hoa sen đến để tiếp dẫn thần thức của ta về Cực Lạc. Lúc đó, Phật A Mi Đà và Thánh chúng sẽ không đến tiếp dẫn ta. Tại sao? Vì khi ta tu đến bậc cao nhất, thì báo thân Phật của ta đã có đủ thần thông và trí tuệ để thâm nhiếp thần thức của ta bay về Cực Lạc. Nếu báo thân Phật của ta đã có đủ thần thông và trí tuệ để thâm nhiếp thần thức của ta bay về Cực Lạc, thì Phật A Mi Đà và Thánh chúng sẽ không cần hiện thân đến đây để tiếp dẫn ta. Tuy lúc đó Phật A Mi Đà và Thánh chúng không hiện thân đến đây để tiếp dẫn ta, nhưng quý Ngài đều biết rất rõ và chờ đợi ta về Cực Lạc để thọ ký cho ta thành Phật.

Có một sự thật mà chúng ta cần phải biết, đó là: Tuy lúc đó Phật A Mi Đà và Thánh chúng không hiện thân đến nơi nhưng phút lâm chung, ta sẽ thấy có Phật A Mi Đà, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí và Thánh chúng đem hoa sen đến để tiếp dẫn ta về Cực Lạc. Nhưng trên thực tế thì Phật A Mi Đà mà ta thấy trong giờ phút vãng sanh đó, không phải là Phật A Mi Đà, mà chính là **báo thân Phật** của ta đến để tiếp dẫn thần thức ta về. Còn Bồ tát và Thánh chúng mà ta thấy trong thời khắc đó, cũng không phải đến để tiếp dẫn ta mà quý Ngài đến để chúc mừng cho ta. Khi đọc đến đây tôi biết quý bạn sẽ hỏi rằng: *“Tới lúc đó, chúng ta làm sao biết được*

ai là Phật A Mi Đà và ai là báo thân Phật của ta?”. Về vấn đề này thì quý bạn không nên lo lắng. Tại sao? Vì tới lúc đó, quý bạn sẽ tự nhiên biết được 100% cũng giống như là mình đang soi gương vậy. Thêm vào, lúc đó chúng ta sẽ nhìn ra được những vị Bồ tát và Thánh chúng đến để chúc mừng cho ta trong thời khắc đó, cũng không ai xa lạ mà đa số họ đều là thân bằng quyến thuộc của ta trong vô lượng kiếp. Ngoài ra, trong số đó còn có nhiều vị đã từng được ta cứu độ trong quá khứ. Nay nghe tin ta được thành Phật, nên họ hiện thân đến để chúc mừng và cũng để cảm ơn, vì nhờ ta mà họ mới được thành Phật. Ngay lúc đó, Phật A Mi Đà cũng hiện thân đến nơi để chúc mừng và thọ ký cho ta. Sau khi được Phật thọ ký xong, thì hoa sen của ta liền được nở ra và ta thành Phật A Mi Đà viên mãn.

Còn một sự thật mà chúng ta cần phải biết, đó là: Phật A Mi Đà và Thánh chúng mà ta thấy trong thời khắc vãng sanh vốn không hề đến đây, mà tất cả quý Ngài đều ở tại Cực Lạc. Nghĩa là trong thời khắc vãng sanh, chỉ có **thần thức** của ta ở đây tự bay về Cực Lạc để hợp thành một thể với **báo thân Phật** của ta mà thôi. Tóm lại, tất cả những hình ảnh hoa sen, Phật, Bồ tát... mà ta thấy trong thời khắc cuối cùng, đều là do thần thức của ta ở đây thấy trực tiếp trên cõi Cực Lạc.

Vì vậy, trong Kinh Phật nói: **“Chư Phật đến mà như không đến, không đến mà đến”**. Nghĩa là lúc đó ta thấy Phật và Thánh chúng đem hoa sen đến để tiếp dẫn ta về Cực Lạc rất là rõ ràng. Nhưng trên thực tế thì quý Ngài vẫn ở tại Cực Lạc không hề dời gót đến đây. Tóm lại, lúc đó Phật A Mi Đà chỉ dùng thần lực của Ngài để cảm ứng cho ta thấy trực tiếp trên cõi Cực Lạc.

Đó là tiến trình vãng sanh của người được “thượng thượng phẩm”.

Thật ra, không phải đợi đến khi vãng sanh, thì ta mới thấy được báo thân Phật của mình, mà ngay trong hiện đời ta có thể thấy được báo thân Phật của mình ít nhất là một lần. Nhưng muốn thấy được báo thân Phật của mình ở trên cõi Cực Lạc, thì ta phải tu cho được chứng đạo. Vì chỉ có chứng đạo cao, thì ta mới thấy được báo thân Phật của mình ngay trong hiện đời. Lúc đó, chúng ta sẽ thấy báo thân Phật của mình màu vàng kim có pha lẫn sắc hồng và trong suốt như lưu ly rất là đẹp và to lớn bao phủ cả một góc trời. Nói cho dễ hiểu là lúc đó, ta sẽ thấy thân người hiện tại của mình thì nhỏ như con kiến, còn báo thân Phật của mình ở trên cõi Cực Lạc thì lớn như con người. Nếu thân con kiến mà đem so với thân con người, thì thân con kiến không là gì cả. Nói như vậy thì quý bạn đủ hiểu báo thân Phật của chúng ta to lớn biết dường nào. Đó là tôi chỉ ví dụ để quý bạn dễ hiểu thôi, nhưng trên thực tế thì báo thân Phật của ta còn to lớn hơn nhiều. Thêm vào, không phải đợi đến khi thành Phật, thì thân thể của ta mới có màu vàng kim, mà ngay trong hiện đời nếu ta tu hành có công phu cao, thì sẽ khôi phục được màu vàng kim ở trên thân của mình. Nhưng những nơi mà màu vàng kim hiện rõ nhất, là ở trong hai lòng bàn tay và hai lòng bàn chân của mình. Nếu chúng ta tu càng cao thì màu vàng kim sẽ hiện trên thân của mình càng rõ.

2. Những phẩm vị thấp: Qua sự phân tích ở trên, quý bạn đã hiểu được tiến trình vãng sanh của người có phẩm cao nhất rồi. Thật ra, tiến trình vãng sanh của những phẩm vị cao và thấp không khác biệt nhau

nhiều. Chỉ có điều là nếu ta thuộc về những phẩm vãng sanh thấp, thì tới phút lâm chung ta sẽ thấy được **hóa thân** của Phật A Mi Đà và Thánh chúng đem hoa sen đến để tiếp dẫn ta về Cực Lạc. Sau khi về đến Cực Lạc thì ta phải ở trong hoa sen để tu hành tiếp tục. Còn vấn đề được thành Phật nhanh hay chậm thì phải tùy vào công phu tu hành của mỗi người. Nhưng dù cao hay thấp, thì cuối cùng tất cả chúng ta đều được thành Phật A Mi Đà giống nhau.

Kính thưa quý bạn! Nếu nói trên **lý**, thì tất cả chư Phật đều là Phật A Mi Đà. Tại sao? Vì thể tánh của tất cả chư Phật và thể tánh của tất cả chúng sanh là **A Mi Đà**. Nếu thể tánh A Mi Đà đồng nhau, thì tất cả chư Phật và chúng sanh đều được thành Phật A Mi Đà đồng nhau. Cũng như ở ngoài đời, nếu ta trồng nhân gì thì sẽ ra quả nấy. Nếu ta trồng giống cam thì sẽ ra quả cam, trồng giống xoài thì sẽ ra quả xoài, đó là nguyên lý của tạo hóa. Còn nói trên **sự**, thì tất cả chư Phật đều có vô lượng danh tên khác nhau. Tại sao? Vì sau khi thành Phật A Mi Đà, quý Ngài tùy theo hạnh nguyện của mình mà ứng, hóa thân đi đến mười phương thế giới để cứu độ chúng sanh. Mỗi lần ứng, hóa đến một nơi nào đó thì quý Ngài đều lấy danh tên khác nhau, để giúp cho chúng sanh dễ phân biệt.

Cũng như Phật Thích Ca thị hiện đến Trái Đất này gần ba ngàn năm trước. Trước khi thị hiện đến đây thì danh tên Thích Ca của Ngài không có. Chỉ sau khi đắc quả thành Phật, thì Ngài mới lấy danh hiệu là Thích Ca. Ngài lấy danh hiệu Thích Ca là để cho chúng sanh ở trong thế giới Ta bà này dễ phân biệt. Nhưng trên thực tế thì Ngài đã thành Phật A Mi Đà trong vô lượng kiếp

rồi. Tóm lại, chư Phật lấy nhiều danh tên khác nhau là vì chúng sanh, không phải là vì quý Ngài. Vì quý Ngài không có danh tên gì cả, xin quý bạn chớ có hiểu lầm.

Kính thưa quý bạn! Trong Kinh Phật nói: **“Cõi Tây phương Cực Lạc của Phật A Mi Đà cách cõi Ta bà chúng ta là mười vạn ức Phật độ”**. Phật nói như vậy là để cho chúng ta dễ hiểu và dễ định hướng thôi. Nhưng trên thực tế, thì cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà là bao trùm hết cả vũ trụ. Nói cho dễ hiểu là: Cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà là ở trên tầng trời cao nhất của vũ trụ và tầng trời này bao phủ khắp nơi, không chỗ nào mà không có. Chúng ta chỉ cần hiểu như vậy, thì đến phút lâm chung ta sẽ không còn lo lắng về hướng Tây hay hướng Đông... Đến phút lâm chung, ta chỉ cần nhìn thẳng lên trời và nhiếp tâm niệm Phật, thì ta sẽ thấy Phật A Mi Đà, Thánh chúng và cõi Cực Lạc hiện ra ở ngay trước mắt của mình.

THÀNH TÂM GÓP Ý

Bởi chúng sanh nay lắm nghi tình
 Nền Phật, Bồ tát hiện đến đây
 Phơi bày bằng chứng muôn vạn pháp
 Thức tỉnh sanh linh sớm quay về.

Những pháp không tin, bạn gắng đợi
 Mười năm chưa muộn, nói không tin
 Bây giờ càng nói càng sai quấy
 Ân hận về sau chẳng ích chi.

Thế trí biện thông chỉ hại mình
 Cái ta che lấp trí chân tâm
 Quay về thức tỉnh mau kéo trễ

Bởi trí mê mờ vẫn chưa thông.

ĐẠI NGUYỆN 18 CỦA PHẬT A MI ĐÀ

Kính thưa quý bạn! Vì thương chúng sanh nên Phật A Mi Đà đã phát ra 48 đại nguyện (*nghĩa là đại thề*). Ở đây, chúng tôi chỉ nêu ra đại nguyện thứ 18 của Phật mà thôi. Vì trong 48 đại nguyện thì đại nguyện thứ 18 là quan trọng nhất. Nếu quý bạn muốn tìm hiểu về 48 đại nguyện của Phật A Mi Đà, thì xin đi tìm cuốn “**Kinh Vô Lượng Thọ**” để tìm hiểu thêm.

Đây là đại nguyện 18 của Phật A Mi Đà. Ngài nói rằng: ***“Khi tôi thành Phật, nếu chúng sanh ở mười phương hết lòng tin ưa, mong muốn sanh về cõi nước của tôi, xưng danh hiệu tôi cho đến mười niệm, mà chẳng được sanh thời tôi không giữ ngôi Chánh đẳng Chánh giác. Chỉ trừ những kẻ tạo nghiệp tội chê bai chánh pháp”***.

Kính thưa quý bạn! Đó là đại nguyện thứ 18 của Phật A Mi Đà. Ý của Ngài muốn nói rằng: ***“Nếu chúng sanh trước khi chết mà niệm được mười niệm liên tục (nghĩa là mười hơi, không cần hơi dài hay ngắn), mà Ngài không đến nơi tiếp dẫn chúng sanh đó về Cực Lạc, thì Ngài thề không làm Phật”***. Còn câu cuối Ngài nói: ***“Chỉ trừ những kẻ tạo nghiệp tội chê bai chánh pháp”***. Câu này chúng ta không nên hiểu lầm cho rằng Phật không có lòng từ bi hay có tâm phân biệt. Thật ra không phải vậy, mà vì Phật biết những chúng sanh tạo nhiều tội ác này sẽ không chịu sám hối và sẽ không chịu phát nguyện niệm Phật để thành Phật, thì Phật làm sao mà cứu được họ. Vì vậy mà Phật nói chỉ trừ những kẻ tạo nghiệp tội chê bai chánh pháp.

Qua 48 đại nguyện của Phật cho thấy Ngài thương chúng ta vô bờ bến. Cha mẹ của ta còn chưa thể thốt với ta, vậy mà Ngài thể với chúng ta. Điều này cho thấy nỗi khổ tâm và lòng từ bi của Ngài còn lớn hơn trời biển. Chúng ta là phàm phu mà còn xem nặng lời thề và không dám thề bừa bãi. Không lẽ lời thề của Phật A Mi Đà mà chúng ta không dám tin sao? Vì thương chúng sanh si mê không có đủ lòng tin, nên Ngài mới lập lời thề là để giúp chúng ta có vững lòng tin. Ngài đã làm hết sức của Ngài rồi, chẳng qua chúng ta không có đủ thiện căn và phước đức để tin sâu pháp môn Tịnh độ. Có nhiều người nghi ngờ rằng: *“Nếu trước khi chết mà người nào niệm mười niệm cũng được vãng sanh về Cực Lạc, vậy thì trên thế gian này sẽ không còn ai”*. Tóm lại, chúng ta vẫn còn nghi ngờ đủ điều.

Kính thưa quý bạn! Khi nghe qua mười niệm thì tưởng là dễ, nhưng trên thực tế thì không dễ. Vì có mấy ai trên đời này trước khi chết mà niệm được mười niệm liên tục. Tại sao? Vì một người trước khi sắp chết, thần thức sẽ bị hoảng sợ, mê loạn, thân thể đau đớn, luyến tiếc mạng sống, vợ chồng, con cháu, tiền bạc, danh vọng,... Đó là chưa nói đến trước phút lâm chung, không may bị oan gia (*người âm và người sống*) kéo đến đòi nợ, làm cho thân thể bị đau đớn, sanh tâm oán hận thì làm sao mà giữ được chánh niệm.

Quý bạn nên biết rằng: Một người trước khi chết mà có thể niệm được mười niệm liên tục, là người này đã có công phu tu niệm Phật nhiều năm. Vì có công phu nhiều năm nên câu Phật hiệu mới được thuần thục in sâu vào tâm thức của họ. Nhờ vậy mà tâm của họ mới được an định, xem nhẹ sống chết và buông xả tất

cả. Cho dù trước khi chết, thân thể của họ có bị đau đớn, thì họ cũng không bị phân tâm. Nhờ vậy mà họ mới có đủ sáng suốt và an định để niệm liên tục mười niệm.

Có một điều mà chúng ta nên ghi nhớ, đó là: Cho dù ta niệm Phật đã nhiều năm, nhưng đến phút lâm chung, không may bị chướng duyên làm cho thân thể bị đau đớn, sanh tâm oán hận thì cũng khó được vãng sanh. Điều này ta phải hết sức thận trọng.

Ví dụ: Ta không may bị ai đó đâm chết, thì ngay giây phút cuối đó ta nên quán rằng: **“Đây là nghiệp tội của ta đã gieo, giờ phải trả lại cho người”**. Nếu ta quán được như vậy, thì sẽ không sanh tâm sân hận, mà chỉ giữ định tâm niệm Phật cho đến khi tắt thở, thì sẽ được Phật A Mi Đà và Thánh chúng đến nơi tiếp dẫn ta về Cực Lạc. Còn nếu phút cuối mà ta sanh tâm oán hận, thì sẽ bị chúng ma đến rước ta đi. Tóm lại, thần thức phút cuối rất là quan trọng, làm Phật hay làm ma chỉ cách nhau một niệm mê, giác của ta mà thôi. Vì thấy thần thức phút cuối rất là quan trọng, nên chư Phật luôn khuyên dạy chúng ta khi còn sống thì phải tinh tấn niệm Phật, để phút lâm chung giữ được chánh niệm sanh về Cực Lạc.

Còn lý do tại sao người tu niệm Phật trước khi chết phải cần có thân nhân hay bạn đồng tu giúp trợ niệm? Là vì tuy ta niệm Phật đã nhiều năm, nhưng có mấy ai dám bảo đảm rằng mình sẽ giữ được chánh niệm 100% trước khi chết. Nếu phút lâm chung mà có người hộ niệm, thì người chết sẽ nắm chắc 100% vãng sanh. Vì vậy mà người trợ niệm rất là quan trọng. Không những người trợ niệm có thể giúp người sắp

chết giữ được chánh niệm, mà còn giúp xua đuổi đi những oan gia trái chủ đang vây quanh người sắp chết.

Còn nói về cứu độ gia đình, nếu ta khuyên cha mẹ hay chồng con niệm Phật, mà họ không có đủ thiện căn và phước đức để tin sâu tu niệm, thì ta phải niệm Phật tinh tấn hơn. Tại sao? Vì lỡ trong gia đình có người thân sắp chết, thì ta sẽ giữ được bình tĩnh khai thị và trợ niệm để cứu thần thức của người thân. Còn nếu như ta được vãng sanh trước họ, thì sự ra đi của ta sẽ giúp người thân phát tín tâm niệm Phật. Như vậy, cho dù ta có đi trước hay đi sau, thì cũng đều cứu được thân nhân của mình. Đây mới là tình thương chân thật

PHÁP THÂN, BÁO THÂN VÀ ỨNG HÓA THÂN

Kính thưa quý bạn! Trong Kinh Phật nói: “Tất cả chúng sanh khi thành Phật, thì đều có ba thân giống như chư Phật không khác, đó là: **Pháp thân, báo thân và ứng hóa thân**”. Tuy hiểu là hiểu vậy, nhưng chúng ta chưa hiểu rõ sự thành tựu của ba thân như thế nào? Nếu nói về sự nhiệm mầu ba thân của chư Phật, thì phàm tình như chúng ta không có đủ trí tuệ để bàn luận được. Nhưng nhờ có Kinh Phật mà chúng ta mới hiểu được phần nào chân tướng.

Ở đây, chúng tôi xin phân tích tóm gọn về ba thân của ba cảnh giới **Phật, Bồ tát** và **chúng sanh** khác nhau ở chỗ nào để quý bạn tìm hiểu thêm. Chúng ta xưa nay tưởng chỉ có chư Phật, Bồ tát mới có ba thân, còn chúng sanh như chúng ta thì không có ba thân. Thật ra, tất cả chúng sanh hữu tình ở trong vũ trụ này đều đang có ba thân, chẳng qua chúng ta không biết đó thôi. Vì không biết nên chúng ta không lo bảo vệ,

ngược lại còn tự hủy hoại ba thân của mình, rồi chạy đong chạy tây van xin cầu cứu, mà không biết rằng những sự đau đớn đó đều do mình tạo ra và tự mình phải gánh chịu. Bây giờ tôi xin giải thích từng phần để quý bạn dễ hiểu.

I. Ba thân của chúng sanh

1. Pháp thân: Pháp thân tức là pháp tánh, cũng gọi là Phật tánh, cũng gọi là chân tâm, cũng gọi là thật tướng... Pháp thân có nhiều cách gọi khác nhau, nhưng có cùng một ý nghĩa. Pháp thân không có hình tướng, nhưng pháp thân thì bình đẳng sanh ra vạn pháp. Tất cả chúng ta ai cũng có Pháp thân, chẳng qua ta không biết đó thôi. Nhưng cho dù ta không biết hay là bị thay hình đổi dạng vô số kiếp, thì Pháp thân (*chân tâm*) của ta cũng không hề bị thay đổi. Nó vẫn luôn hiện diện ở khắp mười phương, bao trùm cả vũ trụ. (*Pháp thân của ta không sanh cũng không diệt. Phần này tôi đã giải thích tường tận ở trong bài “Tâm là gì?” rồi*).

2. Báo thân: Tất cả chúng ta đều có “báo thân”. Nhờ có “báo thân” mà “pháp thân” mới tạo ra được hình tướng cho ta. Báo thân tức là hình tướng của “thần thức” biến hiện ra. Nghĩa là thần thức của ta biến hiện ra hình tướng gì, thì pháp thân của ta sẽ theo hình tướng của thần thức mà tạo cho ta có báo thân đó. Nếu thần thức của ta hiện ra hình tướng con người, thì pháp thân của ta sẽ thành tựu cho ta có báo thân người. Nếu thần thức của ta hiện ra hình tướng súc sanh, thì pháp thân của ta sẽ thành tựu cho ta có báo thân súc sanh...

Tóm lại, tuy chúng ta ai cũng có báo thân, nhưng báo thân của ta được thành tựu bởi thần thức si mê

điên đảo, nên chỉ chiêu cảm được thân giả tạm của đất, nước, gió, lửa và tà tri, tà kiến mà thôi. Vì vậy, báo thân người mà chúng ta đang có là thuộc về nghiệp báo thân, không phải là báo thân thanh tịnh của Bồ tát, không phải là diệu báo thân của chư Phật (*báo thân chúng ta thì có sanh, có diệt*).

3. Ứng hóa thân: Tất cả chúng ta, ai cũng có vô lượng “ứng hóa thân” từ vô thủy kiếp đến nay. (*Ứng hóa thân là kết quả của “pháp thân” và “báo thân” ta tạo ra*). Vì vậy, có kiếp ta làm trời, có kiếp ta làm người, làm thần, làm súc sanh, làm ngựa quý,... Tuy chúng ta ai cũng có vô lượng “ứng hóa thân” khác nhau trong vô lượng kiếp đến nay nhưng ứng hóa thân của ta thuộc về si mê, điên đảo nên bị luân hồi sanh tử mãi. Chúng ta si mê thật là đáng thương, càng ứng thì càng đi xuống, càng hóa thì càng si mê điên đảo, không còn nhận ra mình là ai. (*Ứng, tức là ta đầu thai hết chỗ này đến chỗ kia; hóa, tức là ta hóa thành đủ loại hình tướng chúng sanh khác nhau*).

II. Ba thân của Bồ tát

Về phần này thì chúng tôi chỉ nói về ba thân của Bồ tát đang còn tu hành ở trong thế giới Ta bà này, không phải nói về ba thân của Bồ tát đã viên mãn quá vị, xin quý bạn chớ có hiểu lầm.

1. Pháp thân: Pháp thân của Bồ tát thì giống như pháp thân của chư Phật và của chúng sanh không khác. Pháp thân của Bồ tát chỉ khác ở chỗ là: Nếu chúng ta biết tu hành để trở về pháp thân, khi thấy được pháp thân thì ta sẽ sống được với pháp thân Bồ tát của ta (*pháp thân tức là sống với chân tâm của ta*).

2. Báo thân: Khi chúng ta thấy được quang minh của pháp thân, thì cũng là lúc báo thân Bồ tát của ta được khôi phục. Khi báo thân Bồ tát của ta được khôi phục, thì trí tuệ và lực thần thông thanh tịnh của ta cũng bắt đầu được khôi phục. Khi báo thân Bồ tát của ta được khôi phục thì sẽ là vĩnh cửu bất hoại. Tại sao? Vì báo thân Bồ tát là do thần thức và chân tâm của ta hợp nhất tạo thành, nên không bị hủy diệt. Lúc đó, ta sẽ không còn bị luân hồi sanh tử nữa, mà chỉ có tiến tu đến quả Phật cứu cánh (*báo thân Bồ tát có sanh, nhưng không có diệt*).

3. Ứng hóa thân: Khi pháp thân và báo thân của ta bắt đầu được dung thông chiếu soi lẫn nhau, thì ứng hóa thân của ta cũng bắt đầu được khôi phục. Khi ứng hóa thân được khôi phục, thì tướng mạo và hành vi của ta cũng bắt đầu được chuyển đổi tươi sáng, từ bi và thanh tịnh. Tuy hiện tại ta vẫn còn mang thân giả tạm của tứ đại nhưng thân, tâm của ta thì đã được thanh tịnh và giải thoát, không còn bị tham, sân, si mê hoặc. Lúc đó, thân tâm của ta sẽ không còn là của riêng ta nữa, mà nó thuộc về của mười phương thế giới chúng sanh. Lúc đó, ta sẽ biết quý thân tâm của mình hơn bao giờ hết. Ý nghĩa quý thân tâm ở đây không phải là ta ích kỷ tham sống sợ chết, mà là nhận thức được thân tâm của ta đối với chúng sanh rất là quan trọng. Lúc đó, cho dù ta chỉ ở một nơi, nhưng pháp âm thuyết pháp của ta, thì vang rộng khắp mười phương thế giới, giúp cho chúng sanh nơi nơi được thức tỉnh hồi đầu. Tuy hiện tại ta vẫn còn mang thân giả tạm, vẫn còn chịu đau khổ của thân bệnh, già, chết nhưng thân tâm và trí tuệ của ta đã là ứng hóa thân của Bồ tát rồi. Tại sao? Vì ta

đã có đủ trí tuệ để triển khai tri kiến Phật cho chúng sanh, giúp cho chúng sanh nơi nơi được thoát khỏi luân hồi và vãng sanh thành Phật (*ứng hóa thân của Bồ tát thì có sanh, có diệt*).

III. Ba thân của chư Phật

1. Pháp thân: Pháp thân của chư Phật là Diệu pháp thân có thể sanh ra vô lượng Diệu pháp và biến hóa nhiệm màu không thể nghĩ bàn.

2. Báo thân: Báo thân của chư Phật thì có màu vàng kim to lớn, có 4 trí, 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp và 6 loại thiên thần thông biến hóa nhiệm màu. Tóm lại, báo thân của chư Phật thì không thể nghĩ bàn (*nghĩ là không thể nghĩ đến, bàn là không thể bàn luận được*).

3. Ứng hóa thân: Ứng hóa thân của Phật thì thiên biến vạn hóa. Quý Ngài có thể **ứng** ra một lúc cả vô lượng thân đi đến vô lượng thế giới chúng sanh để thị hiện làm Phật. Quý Ngài có thể **hóa** ra vô lượng hình tướng chúng sanh đủ loại khác nhau, để cứu độ chúng sanh mọi loài. Tóm lại, ứng hóa thân của chư Phật thì thiên biến vạn hóa và bất khả tư nghĩ (*ứng hóa thân của Phật thì có sanh, có diệt*).

IV. Phân tóm lược

Ở đây, chúng tôi xin dùng vàng, người thợ bạc và nữ trang để ví dụ cho ba thân thì quý bạn dễ hiểu hơn.

Vàng: Là ví cho pháp thân;

Ý tưởng của người thợ bạc: Là ví cho báo thân;

Vòng vàng nữ trang: Là ví cho ứng hóa thân.

Nếu vàng không có người thợ bạc nghĩ tưởng chế biến, thì vàng sẽ không phát huy được thể chất vạn năng của vàng. Nếu người thợ bạc không có thể chất

của vàng, thì sẽ không phát huy được tài năng chế biến của mình. Nếu nữ trang không có thể chất của vàng, không có người thợ bạc nghĩ tưởng chế biến, thì hình tướng và danh từ nữ trang sẽ không bao giờ có. Vì vậy mà **vàng, người thợ bạc và nữ trang** có một sự liên hệ mật thiết không thể tách rời nhau. Ba thân của chư Phật và ba thân của chúng ta cũng như vậy đó, vốn không thể tách rời nhau. Nếu ba thân tách rời nhau, thì hình tướng của chư Phật và hình tướng của chúng ta sẽ không bao giờ có.

Tóm lại, pháp thân là **thể**, báo thân là **tướng**, ứng hóa thân là **dụng**. Thể, tướng, dụng cả ba không thể tách rời nhau, nên ba tức là một, một tức là ba. Ba tức là một nghĩa là: Ba thân của ta dính vào nhau như bóng với hình không thể tách rời nhau như chữ **Y**. Còn một tức là ba nghĩa là: Tuy ba thân không thể tách rời nhau, nhưng ba thân của ta đều có cảnh giới cao thấp khác nhau. Vì vậy, mới có sự khác biệt giữa ba thân của chư Phật, ba thân của Bồ tát và ba thân của chúng sanh.

V. Đặc điểm của ba thân

Nói về mặt quyền năng, thì báo thân có quyền năng điều khiển pháp thân và ứng hóa thân. Tại sao? Vì báo thân là hình tướng của thần thức ta biến hiện ra. Nếu thần thức của ta nghĩ ác thì sẽ hiện ra báo thân ác. Nếu thần thức của ta nghĩ thiện thì sẽ hiện ra báo thân thiện. Nhờ có báo thân thiện ác, đẹp xấu ở trong tâm thức mà pháp thân của ta mới thành tựu cho ta có thân thiện ác, đẹp xấu. Cũng như thân người hiện tại mà ta đang có, là nhờ thần thức của ta trước đó đã tạo ra hình dáng báo thân người ở trong tâm thức, nên sau

khi chết tâm thức của ta mới biết tìm loài người đầu thai để có báo thân người. Nếu chúng ta muốn kiếp sau được làm Phật, thì hãy mau niệm Phật để tạo ra hình tướng Phật ở trong tâm thức. Đến khi thân giả tạm này bỏ ta mà đi, thì pháp thân của ta sẽ theo hình tướng của báo thân ở trong tâm thức, mà thành tựu cho ta có báo thân Phật.

VI. Tổng kết của ba thân

1. Ba thân của chúng sanh: Ba thân của chúng sanh thì chỉ có pháp thân là thanh tịnh, còn hai thân báo và ứng hóa là thuộc về nghiệp si mê, điên đảo. Vì si mê, điên đảo nên ta chỉ mang lại sự đau khổ cho bản thân, cho chư Phật, Bồ tát và cho chúng sanh mà thôi.

2. Ba thân của Bồ tát: Ba thân của Bồ tát là thuộc về ba thân thanh tịnh, từ bi và trí tuệ, nên quý Ngài mang đến cho chúng sanh sự giác ngộ và giải thoát.

3. Ba thân của chư Phật: Ba thân của chư Phật là thuộc về Diệu thân kim cang, nên quý Ngài có vô lượng trí tuệ, có vô lượng thần thông và sống vô lượng thọ. Vì vậy, quý Ngài mang đến cho chúng sanh sự giải thoát và thành Phật.

Kính thưa quý bạn! Nếu chúng ta đang ở cảnh giới phàm phu, thì hãy chuyển ba thân phàm phu thành ba thân thanh tịnh của Bồ tát. Nếu chúng ta đang ở cảnh giới Bồ tát, thì hãy cùng nắm tay nhau để dẫn dắt chúng sanh về gặp Phật A Mi Đà và cùng nhau thành Phật.

VII. Sự diệu dụng của ba thân

Ở đây, chúng tôi xin phân tích về sự diệu dụng của ba thân khi ta thành Phật, để quý bạn tìm hiểu thêm. Xưa nay có một số người si mê nghĩ rằng: “*Làm*

Phật không có gì để hưởng thụ, suốt ngày chỉ lo đi cứu độ chúng sanh, thật là chán chết". Quý bạn nghĩ như vậy, là vì không hiểu được sự nhiệm màu ba thân của chư Phật. Khi thành Phật, chúng ta sẽ có ba thân viên mãn giống y như Phật A Mi Đà, đó là: **Pháp thân, báo thân và ứng hóa thân**.

1. Pháp thân: Pháp thân của ta thì không có hình tướng, như như bất động và luôn hiện diện ở khắp mười phương, bao trùm cả vũ trụ và tùy duyên biến hóa.

2. Báo thân: Báo thân của ta thì có màu vàng kim rất to lớn, có 4 trí, 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp và 6 loại thiên thần thông biến hóa nhiệm màu. Báo thân của ta chỉ ngự ở cõi Cực Lạc hay ở mười phương cõi Phật để hưởng lạc hạnh phúc và sống trường thọ vĩnh cửu.

3. Ứng hóa thân: Ứng hóa thân của ta thì có thể ứng hóa ra vạn hình, vạn tướng theo ý nguyện và đi đến mười phương thế giới để cứu độ chúng sanh mọi loài.

Trong Kinh Phật nói: "**Chư Phật đến mà như không đến, không đến mà đến. Nhập Niết bàn mà như không nhập, không nhập mà nhập**". Nếu nói trên **sự**, thì chư Phật có ứng thân đi đến mười phương thế giới để thị hiện làm Phật và quý Ngài có hóa thân thành đủ loại để cứu độ chúng sanh. Nhưng nói trên **lý**, thì chư Phật chưa hề đến và cũng chưa hề đi. Tại sao? Vì pháp thân của chư Phật lúc nào cũng hiện diện ở khắp mười phương và bao trùm cả vũ trụ. Nếu đã bao trùm khắp vũ trụ thì làm gì có chuyện đến hay đi.

Còn nói về **báo thân** của chư Phật thì không cần phải dời gót bên ba. Quý Ngài chỉ cần ở cõi Cực Lạc khởi ý, thì có thể ứng hóa ra vạn hình, vạn tướng theo ý muốn. Quý Ngài có thể đi đến mười phương cõi Phật

để đàm luận giao du, hay đến mười phương thế giới để cứu độ chúng sanh. Sau khi giao du hay cứu độ chúng sanh xong, thì quý Ngài thâm nhiếp thần lực trở về, chỉ đơn giản vậy thôi. Khi chúng ta thành Phật cũng biến hóa được như chư Phật không khác. Vậy quý bạn thử nghĩ xem làm Phật có sung sướng hay không? Làm Phật sung sướng và hạnh phúc hơn làm chư Thiên cả vạn tỷ lần đấy.

ĐỊNH, CHÁNH ĐỊNH VÀ DIỆU ĐỊNH

Ở đây, chúng tôi xin phân tích tóm gọn về ba cảnh giới định từ cạn tới sâu của người tu Tịnh độ, để quý bạn tìm hiểu thêm.

I. Công phu định (*trên tâm vọng*)

Khi nào câu niệm Phật trong tâm ta được thuần thực và an lạc, thì gọi là công phu đóng thành một mảng. Tức là ta đã khống chế được vọng tưởng. Công phu này đối với người tu Tịnh độ là thấp nhất, nhưng so với Thiền tông, thì công phu này ngang hàng với quả Tu-đà-hoàn cho tới quả A-na-hàm. Nếu công phu cạn thì ngang với quả Tu-đà-hoàn. Nếu vừa thì ngang với Tư-đà-hàm. Nếu sâu thì ngang với A-na-hàm.

II. Công phu chánh định (*trên chân tâm*)

Khi nào ta niệm Phật mà được chánh định (*tức tam muội*), thì câu niệm Phật trong tâm sẽ đóng thành một khối như kim cương và lúc nào cũng tỏa ra hơi mát an lạc khắp châu thân. Lúc đó, ta sẽ cảm thấy trong tâm của mình như có một cái máy chip niệm Phật mãi không ngừng và ta sẽ không còn dùng sức của mình để niệm Phật nữa, mà ta chỉ cần dùng tánh nghe để nghe

tiếng niệm Phật từ trong tâm của mình phát ra. Công phu này nếu cạn là chứng “Sự nhất tâm”. Nếu sâu thì chứng “Lý nhất tâm”. Công phu này so với Thiền tông thì ngang hàng với bậc A-la-hán cho tới Bồ tát. Nếu cạn thì ngang với bậc A-la-hán. Nếu sâu thì ngang với bậc Bồ tát minh tâm, kiến tánh.

III. Công phu Diệu định (trên Diệu tâm)

Khi nào ta niệm Phật mà được Diệu định, thì câu niệm Phật không còn phát ra từ lồng ngực như cái máy chip nữa, mà thân tâm của ta lúc nào cũng thanh tịnh, rỗng suốt và phát ra diệu âm A Mi Đà bao trùm cả vũ trụ. Lúc đó, ta sẽ nghe được tánh không, lòng đất, bầu trời và vạn vật muôn loài ở trong vũ trụ này đều phát ra diệu âm A Mi Đà (tức phát ra tiếng niệm A Mi Đà Phật). Lúc đó, ta sẽ không còn dùng tánh nghe để nghe, mà dùng thể tánh A Mi Đà sáng suốt của ta để nghe. Lúc đó, ta sẽ sống được với tâm của chư Phật và tâm của chúng sanh, tâm-tâm hợp nhất, tâm-tâm hợp niệm, thật là vi diệu không thể nghĩ bàn. Tánh A Mi Đà là tánh có đầy đủ công đức như: **Tánh nghe, tánh thấy, tánh biết, tánh nhận định, tánh cảm thọ** và **tánh ý thức**. Công phu này Tịnh độ gọi là chứng “Đà Ra Ni tam muội”. Còn so với Thiền tông thì ngang với đại Bồ tát, cho tới Đẳng giác Bồ tát. Nếu cạn thì là đại Bồ tát, còn nếu sâu thì là Đẳng giác Bồ tát.



Ý NGHĨA MINH TÂM KIẾN TÁNH, KIẾN TÁNH THÀNH PHẬT

Kính thưa quý bạn! Đa số chúng ta vẫn còn hiểu lầm về ý nghĩa “**Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật**”. Chúng ta xưa nay tưởng người tu hành khi được minh tâm là được kiến tánh liền, hoặc khi được kiến tánh là được thành Phật liền. Thật ra không phải vậy, mà chúng ta phải cần trải qua ba giai đoạn phá vô minh và vọng tưởng từ thô đến tế khác nhau. Ba giai đoạn đó là: **Minh tâm, kiến tánh và thành Phật**. Cũng như ở ngoài đời, nếu ta muốn vượt qua ba lớp cửa thành, thì trước hết ta phải cần có thời gian để đột phá từng cửa. Không phải ta phá được một cửa là qua được ba cửa thành luôn đâu. Còn về vấn đề phá được nhanh hay chậm thì phải coi sự tu hành của ta. Bây giờ tôi xin phân tích từng phần tóm gọn để cho quý bạn dễ hiểu.

1. Minh tâm: Khi nào ta đoạn được kiến hoặc và tư hoặc thì sẽ được “minh tâm” (*tức là đoạn được cái thấy và cái suy nghĩ si mê, điên đảo của mình*).

2. Kiến tánh: Khi nào ta đoạn sạch được bốn ám vô minh **sắc, thọ, tưởng, hành** và đi vào **thức ám** thì ta sẽ được “kiến tánh” (*tức thấy được Phật tánh của ta*). Nhưng cho dù ta có tu được đến đây, thì chỉ mới thấy được có một phần Phật tánh, ví như Mặt Trăng khuyết mỏng. Rồi từ chỗ thấy được một phần Phật tánh đó, ta lại tu tiếp tục để phá sạch vô minh của thức ám.

3. Thành Phật: Khi nào ta đoạn sạch được vô minh của thức ám và đoạn luôn một phẩm thân tướng vô minh cuối cùng thì ta mới được thành Phật.

Kính thưa quý bạn! Qua sự phân tích tóm gọn ở trên cho chúng ta thấy, muốn thành Phật thì ta phải cần trải qua ba giai đoạn, đó là:

Một: Ta phải khai mở trí tuệ để diệt vô minh và vọng tưởng “thô” (*thô là dễ thấy*).

Hai: Ta phải dùng đại trí tuệ để diệt vô minh và vọng tưởng “thiển” (*thiển là ở giữa khó thấy và dễ thấy*).

Ba: Ta phải dùng đại kim cương trí tuệ để diệt sạch vô minh và vọng tưởng “vi tế” thì mới được thành Phật (*vi tế là khó thấy*).

Kính thưa quý bạn! Ở trên, chúng tôi dùng hai từ **đột phá** và **diệt sạch** là để cho quý bạn dễ hiểu. Trên thực tế thì chúng ta không phá mà cũng không diệt chi cả. Chúng ta chỉ cần chuyển tâm thức dơ bẩn thành tâm thức thanh tịnh, thì ta sẽ được thành Phật. Vì tâm thức dơ bẩn và tâm thức thanh tịnh của ta chỉ là một không hai. Chẳng qua khi ta si mê, thì tâm thức thanh tịnh biến thành tâm thức dơ bẩn. Khi ta giác ngộ, thì tâm thức dơ bẩn biến thành tâm thức thanh tịnh. Nếu tâm thức dơ bẩn thì dẫn ta vào lục đạo. Nếu tâm thức thanh tịnh thì ta đi làm Phật, chỉ đơn giản vậy thôi. Trên **lý** thì thấy đơn giản, nhưng trên **sự** thì không có đơn giản. Nếu chúng ta tu theo các pháp môn khác, thì phải cần tu đến ba đại A Tăng kỳ kiếp mới được thành Phật. Tại sao? Vì các pháp môn tu khác là tự lực, nên rất khó được thành tựu, còn Tịnh độ là pháp môn có nhị lực, nên dễ được vãng sanh về Cực Lạc ngay trong một đời.

Ở trên, chúng tôi phân tích làm ba giai đoạn là để giúp quý bạn hiểu được câu: **“Minh tâm kiến tánh và kiến tánh thành Phật”** như thế nào thôi. Còn nói về pháp môn Tịnh độ, thì chúng ta không cần phải đi từ

thấp lên cao như các pháp môn tu khác. Tại sao? Vì Tịnh độ là pháp môn trực chỉ thành Phật. Chúng ta chỉ cần tin sâu và nguyện thiết, thì ngay trong mỗi niệm ta đều trực chỉ phá từng phần vô minh và trực chỉ thành Phật từng phần. Niệm tới đâu ta sẽ hưởng được sự an lạc và giải thoát tới đó, cũng giống như là ta đang uống nước vậy. Nước chảy tới đâu, nóng hay lạnh tự ta hiểu rõ tới đó, nên không có chuyện nhầm lẫn được.

BỚT VÀ THÊM

Bớt một câu thị phi
 Thêm một câu niệm Phật
 Trí tuệ liền khai mở
 Ta vào một cửa, gọi là **Minh tâm**.

Bớt một niệm tham, sân
 Thêm một câu niệm Phật
 Chân tâm liền khai mở
 Ta thông hai cửa, gọi là **Kiến tánh**.

Bớt một niệm chấp trước
 Thêm một câu niệm Phật
 Quả Phật liền hiện tiền
 Ta thông ba cửa, gọi là **Như Lai**.

Ý NGHĨA NHẤT CHÂN PHÁP GIỚI

Đa số chúng ta vẫn còn hiểu lầm giữa “Nhất chân pháp giới” và “Pháp giới duyên sanh”. Ở đây, chúng tôi xin phân tích tóm gọn để quý bạn dễ hiểu. Chỉ cần hiểu được chân tướng của hai loại thế giới này khác nhau ở chỗ nào, thì ta sẽ không còn hoang mang.

I. Nhất chân pháp giới

Nhất: Là một, tức là một thể tánh Diệu tâm thanh tịnh;

Chân: Là chân thật tướng và chân thật tánh;

Pháp: Là nói chung tất cả vạn vật hữu tình và vô tình (*cái bàn, cái ghế, con chim, con phụng, ... đều gọi là một pháp*);

Giới: Là pháp giới (*tức là cảnh giới của sự sống sinh hoạt*).

Nhất chân pháp giới là thể giới của chư Phật. Tất cả vạn vật hữu tình và vô tình ở trong mười phương cõi Phật, đều là do Diệu tâm thanh tịnh của chư Phật biến hóa ra và thu hồi lại theo ý muốn. Vì vậy, tất cả vạn pháp ở trên cõi Phật đều là chân thật tướng và chân thật tánh. Chúng lúc nào cũng tỏa ra quang minh và có nhiều màu sắc rất đẹp, không thể nghĩ bàn và ở trên đó không có sự sanh diệt của luân hồi sanh tử. Tóm lại, tất cả vạn vật hữu tình và vô tình ở mười phương cõi Phật, đều là do chư Phật dùng diệu thần lực của quý Ngài để biến hóa ra và thu nhiếp lại theo ý muốn, nên không có sự sanh, diệt.

II. Pháp giới duyên sanh

Pháp: Là nói chung tất cả vạn vật hữu tình và vô tình;

Giới: Là thể giới;

Duyên: Là nhiều thứ hợp lại thì gọi là duyên;

Sanh: Là có sự thành tựu hoại diệt và có sanh tử luân hồi.

Pháp giới duyên sanh là thể giới của chúng sanh. Thể giới “Ta bà” của ta đang ở, cũng là một thể giới duyên sanh ở trong vô lượng thể giới duyên sanh và

chúng ta cũng là chúng sanh. (*Chúng sanh là nói chung hết các loài hữu tình có sanh, có diệt*). Tất cả vạn vật hữu tình và vô tình ở trong mười phương thế giới duyên sanh, đều là do tâm vọng tưởng và vô minh kiên cố của chúng sanh biến hiện ra, nên tất cả đều là giả tướng do duyên hợp. Vì tất cả đều do duyên hợp, nên chúng mới có sự thành tựu, hoại diệt và có sanh, già, bệnh, chết.

Bây giờ chúng ta tìm hiểu vào hai mặt **lý** và **sự** của hai loại thế giới này, để xem chúng khác nhau ở chỗ nào? Chỉ cần hiểu rõ, thì chúng ta sẽ không bị rơi vào chấp lý bỏ sự hay chấp sự bỏ lý. Vì đạo Phật là đạo viên dung (*viên, là viên tròn; dung, là dung thông trung đạo*). Nếu chúng ta chấp lý bỏ sự hay chấp sự bỏ lý, thì sẽ giải sai ý của Phật và oan ức cho chư Phật ba đời.

1. Trên lý (trên tâm): Nhất chân pháp giới và Pháp giới duyên sanh đều ở ngay trong tâm chúng ta. Tức là nói tâm của ta có thể tạo ra hai loại thế giới này. Nếu ta là Phật thì sẽ tạo ra được “Nhất chân pháp giới”. Nếu ta là chúng sanh thì sẽ tạo ra được “Pháp giới duyên sanh”. Thế giới “Nhất chân” thì chúng ta chưa có khả năng tạo ra, vì chúng ta chưa phải là Phật, còn thế giới “duyên sanh” thì chúng ta đã tạo ra nhiều rồi. Không những vậy, mà chúng ta còn ở trong những thế giới duyên sanh đó từ vô lượng kiếp rồi. Chẳng qua kiếp này ta đang ở đây, nên không còn nhớ đến những thế giới ở trong quá khứ. Tóm lại, tâm của ta có khả năng tạo ra thế giới **Nhất chân** và thế giới **duyên sanh**. Nếu tất cả chúng sanh ở trong thế giới Ta bà này tu thành Phật hết, thì thế giới “Ta bà” đau khổ này sẽ lập tức biến thành “Nhất chân pháp giới”.

Còn nói về mặt **tâm linh** thì tâm của ta là Cực Lạc mà cũng là địa ngục. Nếu ta giác ngộ thì sẽ sống được hạnh phúc và an lạc như ở cõi Cực Lạc. Tâm thì như ở Cực Lạc nhưng thân thì chưa, vì ta vẫn còn mang cái thân giả tạm và vẫn còn sống ở trong thế giới Ta bà đau khổ này. Nếu tâm của ta si mê, điên đảo thì sẽ sống đau khổ như ở trong địa ngục. Tâm thì như ở trong địa ngục, nhưng thân thì chưa, vì ta vẫn còn may mắn chưa bị Quỷ sai chặt đầu, cắt lưỡi, mổ bụng, bỏ vào chảo dầu, nằm giường lửa hay ôm trụ lửa đồng...

2. Trên sự (trên pháp giới): **Nhất chân pháp giới** và **Pháp giới duyên sanh** là hai loại thế giới hoàn toàn khác nhau. Một loại thuộc về **Diệu tướng** do Diệu tâm của chư Phật biến hóa ra, còn một loại thuộc về **giả tướng** do tâm vô minh của chúng sanh biến hiện ra.

Nếu nói về khoảng cách, thì cõi Cực Lạc và mười phương cõi Phật cách mười phương thế giới duyên sanh rất xa và mỗi cõi đều có khoảng cách xa khác nhau. Còn nói về cõi Tây phương Cực Lạc của Phật A Mi Đà, thì cách xa cõi Ta bà của chúng ta là mười vạn ức Phật độ. Thế giới Ta bà mà chúng ta đang ở là một thế giới duyên sanh, ở trong vô lượng thế giới duyên sanh khác. Tức là nói xung quanh thế giới của chúng ta đang ở, còn có vô lượng thế giới của những loài chúng sanh khác. Tuy thế giới Ta bà chúng ta đang ở là thế giới của duyên sanh nhưng đồng thời cũng có vô số chư Phật và Bồ tát đang ở trong thế giới này. Quý Ngài ở đây không phải là bị đọa đến đây, mà quý Ngài đến đây vì tâm nguyện cứu độ chúng sanh. Nếu thế giới Ta bà này là hạnh phúc vĩnh cửu, thì chư Phật và Bồ tát sẽ không cần thị hiện đến đây. Ngoài chư Phật và Bồ tát

thị hiện ra, còn có vô số Bồ tát và Thánh chúng đang tu hành để tiến lên quả vị Phật.

Điều đáng thương là có một số bạn vẫn còn si mê nên cho rằng: “*Cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà và mười phương cõi Phật hoàn toàn không có*”. Nếu cõi Cực Lạc và mười phương cõi Phật không có, vậy thì những gì Phật thuyết ở trong những bộ Kinh Đại thừa như là **Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh A Mi Đà,...** là vọng ngữ ư? Quý bạn chớ quên rằng: “*Sáu cõi luân hồi sanh tử đều do nghiệp ác của chúng ta tạo ra mà có. Chúng sanh si mê như chúng ta mà còn tạo ra được sáu cõi luân hồi, không lẽ nghiệp thanh tịnh của chư Phật không tạo ra được mười phương cõi Phật ư?*”. Nghiệp có ba loại: **Ác, thiện** và **thanh tịnh**. Nếu nghiệp ác thì tạo ra sáu đạo luân hồi sanh tử. Nếu nghiệp thiện thì tạo ra bốn pháp giới của Thánh và Bồ tát. Nếu nghiệp thanh tịnh thì tạo ra mười phương cõi Phật.

Kính thưa quý bạn! Đạo Phật không phải để cho chúng ta ở đây nói huyền nói diệu, mà đạo Phật mang đến cho chúng sanh sự giải thoát **thân, tâm, mạng** và **cảnh giới** viên mãn. Nếu đạo Phật chỉ mang đến cho chúng sanh sự giải thoát về tâm linh, mà không mang đến cho chúng sanh sự giải thoát về thể xác, sinh tử và cảnh giới, thì đạo Phật đâu có khác gì với đạo hại người.

Quý bạn hãy bình tâm mà suy nghĩ thử xem: Nếu một người mù và một người sáng mắt, cùng phải sống trong một căn nhà đen tối không thể thoát ra. Vậy ai là người sống đau khổ hơn? Người sáng mắt sống đau khổ hơn có phải vậy không? Tại sao? Vì người mù xưa nay đã quen sống trong bóng tối, nên họ không còn lo sợ cảnh đen tối của căn nhà, vì vậy mà họ sống được

thoải mái và nhẹ nhàng hơn. Còn người sáng mắt xưa nay đã quen sống trong ánh sáng, mà bây giờ phải bị sống trong căn nhà đen tối không thể thoát ra, thì dĩ nhiên là họ lúc nào cũng sống trong lo âu và sợ hãi.

Nếu chúng ta là người giác ngộ, thấy được chân tướng của sanh, già, bệnh, chết và thấy được chân tướng của luân hồi sanh tử mà không thể thoát ra, vậy thì sự đau khổ của ta đâu có khác gì với sự đau khổ của người sáng mắt đang bị sống trong căn nhà đen tối. Nếu chúng ta tu hành để rồi phải bị đau khổ thảm khốc hơn, chi bằng ta làm kẻ si mê, điên đảo thì có phải tốt hơn không? Tại sao? Vì ít ra ta không bị sống trong lo âu và sợ hãi.

Nếu quý bạn nói rằng: Tu hành chỉ cần giải thoát tâm linh là đủ, không cần phải sanh về đâu cả. Vậy bạn có hạnh phúc và an lạc được không, khi thấy xung quanh bạn còn có vô lượng thân bằng quyến thuộc, họ đang lần lượt bị đọa vào những đường ác để chịu mọi đau khổ đời đời, kiếp kiếp không thể thoát ra? Quý bạn có hạnh phúc được không, khi biết mình cũng không có một thế giới thanh tịnh nào để sanh về, hầu thoát khỏi cái thân tứ đại sanh, già, bệnh, chết này? Đừng nói chuyện xa xôi mà chỉ nói chuyện hiện tại, nếu thân của bạn bị bệnh, bạn có sống được hạnh phúc và an lạc không?

Kính thưa quý bạn! Đạo Phật là đạo cứu chúng sanh giải thoát cứu cánh, không phải là đạo nói suông. Chúng ta tu hành niệm Phật là để giải thoát **tâm linh** trước. Đến khi bỏ thân xác này thì chúng ta sẽ được sanh về cõi Cực Lạc, để giải thoát luôn cả bốn thứ, đó là: **thân, tâm, mạng** và **cảnh giới**. Nếu chúng ta tu hành giải thoát mà thiếu một trong bốn sự thành tựu này, thì

chưa gọi là giải thoát cứu cánh và đạo Phật cũng chưa được gọi là đạo từ bi, cao siêu và nhiệm mầu.

III. Sự thấy sai biệt của bốn cảnh giới

Bây giờ chúng ta tìm hiểu vào sự thấy biết sai biệt của bốn cảnh giới: **Chúng sanh**, **A-la-hán**, **Bồ tát** và **Phật** khác nhau ở chỗ nào? Chỉ cần hiểu rõ, thì ta sẽ không còn hiểu lầm về “Nhất chân pháp giới” và “Pháp giới duyên sanh” mà Phật đã dạy ở trong Kinh.

1. Cái thấy của chúng sanh

Chúng sanh thì thấy tất cả vạn vật hữu tình và vô tình ở trong thế giới Ta bà này là có thật và tồn tại vĩnh cửu, nên mới sinh ra **tham**, **sân**, **si**, **mạn**, **nghi** và **ác kiến**, để rồi phải bị đau khổ luân hồi không thể thoát ra. Tại sao chúng ta không thể thoát ra? Là vì chúng ta si mê cho tất cả vạn pháp hữu tình và vô tình ở trên thế gian này là có thật. Vì tin chúng có thật, nên chúng ta không chịu tin lời Phật dạy và không chịu buông xả tu hành để giải thoát.

2. Cái thấy của A-la-hán

A-la-hán nhờ tu hành mà khai mở được trí tuệ. Nhờ có trí tuệ mà họ thấy được tất cả vạn pháp hữu tình và vô tình ở trong thế giới này là giả, không thật. Nhờ thấy mà họ buông xả không còn tham đắm. Nhờ không còn tham đắm mà họ thoát được luân hồi và nhập tiểu Niết bàn. (*Tiểu Niết bàn nghĩa là họ vẫn còn ở trong mười pháp giới chưa ra khỏi*). Tại sao A-la-hán chỉ nhập được tiểu Niết bàn mà không nhập được đại Niết bàn? Là vì họ còn chấp vào **ngoan không** quá nặng. Vì còn chấp, nên họ không chịu tin lời Phật dạy, không chịu buông xả để đi sâu vào pháp giới của Diệu hữu. Vì

vậy mà họ bị kẹt ở trong mườì pháp giới, không thể thành Phật nhập đại Niết bàn. (**Ngoan không**, nghĩa là họ chấp tất cả những gì có hình tướng đều là giả, mà họ không có đủ trí tuệ để phân biệt đâu là giả tướng và đâu là Diệu tướng, nên họ không thể thành Phật).

3. Cái thấy của Bồ tát

Bồ tát thì có đại trí tuệ, nên thấy được chân tướng của vạn pháp **duyên sanh** và vạn pháp của **Diệu hữu**. (Nghĩa là tất cả những gì do Diệu tâm của chư Phật biến hóa ra và thu nhiếp lại thì gọi là Diệu hữu). Nhờ thấy được chân tướng của hai mặt pháp giới giả và chân, mà Bồ tát không còn chấp vào cái có “duyên sanh” si mê của chúng sanh và không còn chấp vào cái “ngoan không” si mê của Tiểu thừa A-la-hán, mà Bồ tát dũng mãnh tiến tu để đi sâu vào pháp giới của “Diệu tâm” để thành Phật Diệu giác.

4. Cái thấy của chư Phật

Chư Phật thì có đại trí tuệ **Bát nhã**, nên quý Ngài thấy trong chân không có Diệu hữu, trong Diệu hữu có chân không. Trong chân không có duyên sanh, trong duyên sanh có chân không. Trong thể có dụng, trong dụng có thể. Trong lý có sự, trong sự có lý. Lý sự dung thông, sự sự vô ngại, dứt bật phân biệt, ngôn từ đối đãi. Tóm lại, cái thấy của chư Phật là cái thấy của **viên dung** và **trung đạo**. Giờ chúng ta tìm hiểu vào cái thấy của chư Phật về hai mặt **lý** và **sự** khác nhau ở chỗ nào?

a. Trên lý (trên tâm): Chư Phật thấy tận hư không khắp pháp giới đều là “Nhất chân pháp giới” tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch. (**Tịch**, nghĩa là thanh tịnh như như bất động; **thường**, nghĩa là thường hằng vĩnh cửu; **chiếu**, nghĩa là chiếu soi và chiếu

sáng). Trong mắt của chư Phật thì thấy vũ trụ này không có Phật, không có Bồ tát, A-la-hán, Trời, Người, Thần, Súc sanh, Ngạ quỷ và Địa ngục. Tóm lại, chư Phật thấy tất cả vũ trụ này đều là “Nhất chân pháp giới” thanh tịnh và tịch diệt.

b. Trên sự (trên cảnh giới): Chư Phật thấy tận hư không khắp pháp giới, có vô lượng cõi Phật thanh tịnh và có vô lượng thế giới chúng sanh luân hồi sanh tử. Chư Phật thấy có Phật, có Bồ tát, A-la-hán, Trời, Người, Thần, Súc sanh, Ngạ quỷ và Địa ngục. Tóm lại, chư Phật thấy trong vũ trụ này có vô lượng thế giới thanh tịnh, ô uế và lớn nhỏ sai biệt khác nhau.

Nói cho dễ hiểu là: Nếu chư Phật dùng trí tuệ **Bát nhã** để nhìn, thì thấy toàn thể vũ trụ này là “Nhất chân pháp giới” thanh tịnh và tịch diệt. Vì tất cả đều không ra ngoài cái thể tâm thanh tịnh của chư Phật và của chúng sanh. Còn nếu chư Phật dùng tâm **nhận định** để nhìn, thì thấy trong vũ trụ này có vô lượng cõi Phật thanh tịnh và có vô lượng thế giới chúng sanh đau khổ. Chư Phật cũng thấy chúng sanh si mê đem “Nhất chân pháp giới” biến thành vô lượng “Thế giới duyên sanh” và tình nguyện ở trong những thế giới đó để chịu luân hồi sanh tử, không thể thoát ra.

Cũng giống như chúng ta, nếu dùng con mắt **trí tuệ** để nhìn, thì ta sẽ thấy tất cả nữ trang đều làm bằng vàng không khác. Nhưng nếu chúng ta dùng con mắt để **nhận định**, thì sẽ thấy tất cả nữ trang đều có hình tướng và giá trị cao thấp khác nhau của chúng. Qua sự phân tích ở trên, cho thấy thế giới Ta bà của chúng ta đang ở chỉ có cùng thể tánh **chân không** với “Nhất chân pháp giới”, nhưng chưa phải là “Nhất chân

pháp giới”. Vì chúng ta chưa phải là Phật, xin quý bạn chớ có nhầm lẫn.

Nếu là đệ tử của Phật, thì chúng ta phải tin lời Phật dạy không nên si mê chấp vào thế giới **duyên sanh** là có thật và cũng không nên si mê như A-la-hán chấp vào **ngoan không** là đại Niết bàn. Chúng ta phải can đảm buông xả cả hai, để đi sâu vào **Diệu tâm** thành Phật Diệu giác. Chúng ta phải tin lời Phật dạy trong cái thể tánh chân không như như bất động của vũ trụ này, còn có vô lượng thế giới nhiệm màu của chư Phật. Nếu trong “chân không” mà không có thế giới của “Diệu hữu” thì chân không sẽ trở thành vô dụng. Nếu trong thế giới “Diệu hữu” mà không có “chân không” thì mười phương cõi Phật sẽ không có. Tóm lại, trong thể phải có dụng, trong dụng phải có thể. Trong lý phải có sự, trong sự phải có lý. Lý và sự, thể và dụng vốn không thể tách rời nhau. Cũng như chân tâm mà thiếu thần thức, thì sẽ không phát huy được diệu thần lực. Còn thần thức mà thiếu chân tâm, thì sẽ không phát huy được quyền năng tối thượng.

Còn trong chân không có thế giới duyên sanh, trong thế giới duyên sanh có chân không. Nghĩa là nói thế giới của ta đang ở tuy có đồng một thể tánh chân không với “Nhất chân pháp giới”, nhưng chưa phải là “Nhất chân pháp giới”. Tại sao? Vì tất cả vạn pháp hữu tình và vô tình ở trong thế giới này, đều là do tâm vọng tưởng si mê của chúng ta biến hiện ra, không phải do Diệu tâm của chư Phật biến hóa ra. Tuy tất cả vạn pháp ở trong thế giới Ta bà này đều do duyên hợp mà thành, nhưng trong mỗi một pháp đều có thể tánh của “chân không”. Nghĩa là tất cả vạn vật cũng đều do tâm chúng

ta biến hiện ra. Vì vậy, trong Kinh Phật nói: **“Tất cả chúng sanh hữu tình đều có Phật tánh và tất cả chúng sanh vô tình đều có tánh”**. Tóm lại, thế giới Ta bà của ta đang ở, tuy có cùng thể tánh chân không với “Nhất chân pháp giới”, nhưng chưa phải là “Nhất chân pháp giới”. Vì chúng ta chưa phải là Phật, xin quý bạn chớ có nhầm lẫn.

Còn câu nói: **“Nếu chúng sanh giác ngộ thì sáu đạo luân hồi không còn dấu vết”**, là nói riêng với những người tu hành đã được giác ngộ, không phải là nói với chúng ta. Tại sao? Vì người giác ngộ đã chuyển được tâm phàm thành tâm Phật, nên lục đạo luân hồi đối với họ không còn dấu vết. Tức là nói họ sẽ không còn bị rơi vào lục đạo luân hồi sanh tử nữa. Còn chúng ta chưa giác ngộ thì lục đạo luân hồi vẫn còn tồn tại và chỉ khi nào tất cả chúng sanh ở trong vũ trụ này tu thành Phật hết, thì lục đạo luân hồi mới không còn.

Nếu là đệ tử của Phật, thì chúng ta phải hiểu rõ hai mặt lý và sự. Chúng ta không nên dùng cái trí nông cạn của mình, rồi đi chấp lý bỏ sự hay chấp sự bỏ lý, hoặc bài bác lục đạo luân hồi và mười phương cõi Phật không có. *(Xin quý bạn hãy cẩn thận về lời nói của mình)*. Tóm lại, chúng ta phải tin lời Phật dạy và tin có cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà để cho chúng ta sanh về.

Kính thưa quý bạn! Ở đây, tôi xin phân tích thêm về “Thập pháp giới” và “Nhất chân pháp giới” khác nhau chỗ nào, để quý bạn không còn thắc mắc về cõi Cực Lạc làm sao có đủ chỗ để dung chứa hết chúng sanh, Thánh và đạ Bồ tát ở Thập pháp giới vãng sanh về đó.

IV. Thập pháp giới

Thập, là mười; **pháp**, là nói chung hết vạn vật hữu tình và vô tình; **giới**, là cảnh giới sinh hoạt và sự sống. Tóm lại, “Thập pháp giới” tức là mười pháp giới sai biệt của chúng sanh, Thánh, Bồ tát và đại Bồ tát (*trong mỗi pháp giới này còn có vô lượng cõi sai biệt khác nhau*). Trong mười pháp giới này thì có sáu pháp giới là thuộc về của chúng sanh, đó là: **Trời, Người, Thần, Súc sanh, Ngạ quỷ** và **Địa ngục**. Còn bốn pháp giới kia là thuộc về của Thánh, Bồ tát và đại Bồ tát, đó là: **Sắc giới, Vô sắc giới, Phi phi tưởng** và **Phi phi tưởng xứ**. Ngoài mười pháp giới này ra, còn có một pháp giới gọi là: **Nhất chân pháp giới** của chư Phật và chư đại Bồ tát. Nhất chân pháp giới là pháp giới hoàn toàn biệt lập ở ngoài mười pháp giới. Nếu ta đem diện tích của mười pháp giới để mà so sánh với Nhất chân pháp giới, thì mười pháp giới không là gì cả (*tức không thấm vào đâu cả*).

Ở đây, tôi xin dùng hoa sen, hồ nước và hư không để làm ví dụ thì quý bạn dễ hiểu hơn.

Hoa sen: Là ví cho chúng ta;

Hồ nước: Là ví cho mười pháp giới;

Lớp bùn hôi thối ở dưới đáy hồ: Là ví cho sáu đạo chúng sanh;

Nước trong ở trong hồ: Là ví cho bốn pháp giới của Thánh, Bồ tát và đại Bồ tát;

Hư không bao la không ngăn mé ở trên hồ nước: Là ví cho “Nhất chân pháp giới” của chư Phật và chư đại Bồ tát.

Qua sự phân tích tóm gọn ở trên, chúng ta đã hiểu được phần nào sự khác biệt giữa “Thập pháp giới” và

“Nhất chân pháp giới” rồi. Bây giờ chúng ta tìm hiểu vào sự thành tựu của hoa sen. Chỉ cần hiểu được sự thành tựu của hoa sen, thì ta sẽ hiểu được phần nào sự tu hành thành Phật của ta.

1. Khi hạt sen bắt đầu đâm chồi, thì nó còn ở trong một lớp bùn đặc hôi thối ở dưới đáy hồ. *(Tức ta vẫn còn ở trong sáu đạo chúng sanh).*

2. Qua một thời gian, thì cây sen đó sẽ mọc lớn lên và vượt qua được lớp bùn hôi thối để đi vào nước trong. *(Tức ta đã thoát được sáu đạo chúng sanh, để tiến lên bốn pháp giới Thánh, Bồ tát và đại Bồ tát).*

3. Rồi qua một thời gian, cây sen đó sẽ vượt qua được mặt nước để đi vào hư không. *(Tức ta đã vượt qua được mười pháp giới để đi vào pháp giới chư Phật).* Khi cây sen đó vượt lên khỏi mặt nước, thì nó liền thu hút được ánh sáng và không khí trong lành của vũ trụ. Nhờ vậy mà nó liền được nở hoa, màu sắc rực rỡ và hương thơm ngào ngạt. *(Tức ta thành Phật).*

Kính thưa quý bạn! Qua sự phân tích tóm gọn ở trên cho chúng ta thấy: **Thập pháp giới** và **Nhất chân pháp giới** hoàn toàn khác nhau. Nếu chúng ta nhìn về mặt diện tích và cảnh giới thì “Thập pháp giới” vẫn còn có giới hạn của hình tướng, không gian và thời gian. Còn “Nhất chân pháp giới” thì không có giới hạn của hình tướng, không gian và thời gian.

Nói như vậy không có nghĩa là mười phương cõi Phật không có hình tướng, sinh hoạt và sự sống. Dĩ nhiên là có, nhưng tất cả những hình tướng sinh hoạt và sự sống đó, đều là từ **Diệu tâm** thanh tịnh của chư Phật biến hóa ra và thu nhiếp lại, nên chúng hoàn toàn không có duyên hợp. Vì không có duyên hợp, nên tất

cả vạn pháp ở cõi Phật đều không có sự sanh diệt. Tóm lại, Nhất chân pháp giới là thế giới của **sát na**, không phải là thế giới của **chu kỳ**. Vì là thế giới của sát na nên ở nơi đó chỉ có sự sống **hiện tiền**, không có quá khứ, hiện tại hay là vị lai và cũng không có sự thành tựu và hoại diệt. Tóm lại, tất cả vạn pháp ở trên cõi Cực Lạc đều tỏa ra quang minh và trong suốt như lưu ly. Vì chúng trong suốt như lưu ly, nên chúng chỉ có hình mà không có tướng. Nói chúng không có tướng thì quý bạn cũng hơi khó hiểu. Bây giờ tôi xin dùng cây **cổ thụ** để làm ví dụ thì quý bạn dễ hiểu hơn.

Ví dụ: Ở thế giới này, khi nhìn cây cổ thụ ta sẽ thấy bóng của nó in xuống đất. Nhưng ở trên cõi Cực Lạc, khi nhìn cây cổ thụ ta sẽ không thấy bóng của nó in xuống đất. Tại sao? Vì cây cổ thụ ở thế giới chúng ta đang ở được tạo thành bởi **đất, nước, gió** và **lửa** nên nó phải có tướng. Vì có tướng nên nó mới có bóng in xuống đất. Còn cây cổ thụ ở cõi Cực Lạc được tạo thành bởi **Phật lực** và **Phật quang** của chư Phật, nên nó không có tướng mà nó chỉ có hình trong suốt như lưu ly và tỏa ra hào quang rất đẹp. Tóm lại, tất cả vạn vật ở cõi Cực Lạc không có tướng, mà chỉ có hình trong suốt như lưu ly và lúc nào cũng tỏa ra quang minh đủ màu rất đẹp. Vì chúng chỉ có hình trong suốt, nên người dân ở cõi Cực Lạc mới biến hóa được vạn vật muôn loài lớn nhỏ, cao thấp, ẩn hiện,... theo ý thích của mình mà không có chướng ngại nhau.

Còn thế giới của ta đang ở, tất cả vạn vật muôn loài đều có tướng của đất, nước, gió và lửa hợp thành. Vì chúng có tướng của duyên hợp, nên chúng mới có sự thành tựu hoại diệt và chướng ngại nhau. Tóm lại,

nếu quý bạn muốn biết cõi Cực Lạc đẹp và nhiệm màu như thế nào, thì hãy đi tìm **Kinh Vô Lượng Thọ** và **Quán Vô Lượng Thọ** để tìm hiểu thêm. Nhưng trong Kinh Phật chỉ diễn tả cảnh giới Cực Lạc có một phần tỷ thôi. Nếu quý bạn muốn thấy tận mắt thì phải đi về Cực Lạc mới thấy được 100%.

Kính thưa quý bạn! Qua sự phân tích tóm gọn ở trên, quý bạn đã hiểu được phần nào chân tướng của **Thập pháp giới** và **Nhất chân pháp giới** rồi, vậy thì quý bạn không nên lo về vấn đề cõi Cực Lạc không có chỗ để dung chứa chúng ta. Điều quan trọng mà quý bạn cần phải lo, đó là: Liệu sự tu hành của mình có đủ công đức để được vãng sanh về cõi Cực Lạc hay không?

Ý NGHĨA KIM CANG DIỆU THIÊN

Ở đây, chúng tôi xin phân tích về ý nghĩa Kim cang Diệu thiên của pháp môn Tịnh độ, để quý bạn tìm hiểu thêm. Kim cang Diệu thiên nghĩa là: Mỗi một niệm A Mi Đà Phật mà ta đang tu niệm hằng ngày, đều là dùng ngay tự tánh A Mi Đà để khôi phục lại Diệu tánh A Mi Đà của mình. Đồng thời, trong mỗi niệm ta đều thâm nhiếp được Phật lực và Phật quang của mười phương chư Phật gia trì. Trong Kinh Phật nói: ***“Bát luận chúng sanh nào ở trong mười phương thế giới, có duyên tiếp xúc được Phật quang của Phật A Mi Đà, thì đều được tiêu tan nghiệp tội, thoát khỏi luân hồi và vãng sanh thành Phật”***. Ý nghĩa chúng sanh có duyên ở đây, không phải là nói chúng ta có duyên gặp được Phật A Mi Đà hiện ra, hay là được Phật phóng hào quang vào thân tâm chúng ta. Nếu hào quang của chư Phật chiếu đến mà cứu được chúng ta dễ dàng như

vậy, thì chư Phật và Bồ tát sẽ không cần cực nhọc thị hiện đến đây, mà quý Ngài chỉ cần ở tại Cực Lạc phóng hào quang tới đây là sẽ cứu được hết chúng ta rồi. Do đó, câu nói có duyên được tiếp xúc với Phật quang mà Phật nói ở đây gồm có hai ý nghĩa, đó là:

1. Ý Phật muốn nói rằng: Nếu chúng ta có duyên tin được lời Phật dạy và phát tâm niệm Phật để thành Phật, thì ta sẽ thâm nhập được quang minh của Phật A Mi Đà và mười phương chư Phật vào thân tâm của ta.

2. Ý Phật muốn nói rằng: Nếu chúng ta tu niệm khai mở được chân tâm, thì sẽ tiếp xúc được quang minh của tự tánh A Mi Đà. Một khi quang minh của tự tánh A Mi Đà được khôi phục, thì ta sẽ thoát khỏi luân hồi và vãng sanh thành Phật.

Kính thưa quý bạn! Tất cả pháp môn mà Phật dạy trong suốt 49 năm đều thuộc về Thiền định. Nếu không có Thiền định, thì chúng ta sẽ không khôi phục được sáu căn thanh tịnh và sẽ không thành Phật được. Tịnh độ cũng là pháp môn thuộc về Thiền định, nhưng không phải là Thiền định bình thường như các pháp môn tu khác, mà nó thuộc về Kim cang Diệu thiên của **Như Lai**. Vì là pháp môn Diệu thiên của Như Lai, nên những vị Đẳng giác Bồ tát ở “Hoa Tạng thế giới” như là: **Ngài Đại Thế Chí, Ngài Quán Thế Âm, Ngài Phổ Hiền, Ngài Văn Thù,...** cũng đều phải phát nguyện sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà để thành tựu Phật quả. Tại sao? Vì quý Ngài tuy đã tu tới bậc Đẳng giác Bồ tát, nhưng quý Ngài vẫn còn một phẩm thân tướng vô minh chưa thể đoạn sạch. (*Đẳng giác Bồ tát tức là đại đại Bồ tát, quý Ngài chỉ thua Phật có một bậc thôi*). Muốn đoạn sạch được một phẩm thân tướng vô minh cuối cùng, thì

quý Ngài phải nương vào thần lực của Phật A Mi Đà và hoa sen ngàn cánh của mình để mà rửa sạch.

Cũng như chúng ta từ súc sanh muốn chuyển lên làm người, thì ta phải nương nhờ vào tánh khí của người. Tức là ta phải nhờ vào tinh cha, huyết mẹ để rửa sạch tánh thú và thành tựu thân người cho ta. Khi chuyển lên làm Phật cũng vậy. Chúng ta phải nương vào thần lực của Phật A Mi Đà và hoa sen ngàn cánh của mình để thành tựu thân Kim Phật. Bây giờ tôi xin dùng cái nhà kho để làm ví dụ, thì quý bạn sẽ hiểu một phẩm thân tướng vô minh như thế nào?

Ví dụ: Chúng ta có một căn nhà dùng để làm kho chứa đồ đã nhiều năm. Hằng ngày chúng ta thường tích trữ những thứ như gạo, nước mắm, rau cải, thịt cá,... ở trong đó. Nay ta đổi ý muốn dọn sạch căn nhà kho đó để làm nơi trú ngụ, nên ta dùng nước và thuốc để tẩy rửa đi những chất dơ bẩn tanh hôi ở trong căn nhà. Nhưng cho dù ta có tẩy rửa như thế nào, thì hơi hám của những thứ tanh hôi đó vẫn còn tồn đọng ở trong căn nhà, không thể hết sạch 100%. Chỉ khi nào ta làm lại căn nhà khác, thì những hơi hám tanh hôi đó mới được hết sạch 100%. Hơi hám còn tồn đọng ở trong kho chứa đồ, là ví cho một phẩm thân tướng vô minh cuối cùng của ta. Tóm lại, **trần sa** tức là hơi hám tập khí tham, sân, si của ta vẫn còn tồn đọng vi tế ở trong **tàng thức**. Một phẩm trần sa cuối cùng này rất là quan trọng. Cho dù ta có tu tới bậc Đẳng giác Bồ tát, thì cũng không thể tự mình rửa sạch hết 100%. Chỉ có Phật lực và Phật quang của Phật A Mi Đà và hoa sen ngàn cánh của ta mới rửa sạch được thôi.

Kính thưa quý bạn! Giờ tôi xin phân tích thêm về ý nghĩa bí mật của câu A Mi Đà Phật. Nếu nói về công đức nhiệm màu của câu A Mi Đà, thì phàm tình như chúng ta không thể nào suy nghĩ hay bàn luận được. Ở đây, chúng tôi chỉ giải thích tóm gọn để cho quý bạn dễ hiểu.

Kính thưa quý bạn! Phật A Mi Đà vì muốn cứu hết chúng sanh trong sáu ngã mười phương, nên Ngài đã dùng hết Phật lực của Ngài tu trong vô lượng kiếp và nhiếp thọ vào trong câu Phật hiệu A Mi Đà. Do vậy, câu A Mi Đà có rất nhiều ý nghĩa thậm thâm cao siêu và bí mật vô cùng tận. Chúng sanh như chúng ta không thể nào hiểu được hết ý nghĩa cao siêu và dụng ý của Ngài. Ở đây, tôi chỉ nêu lên vài điều căn bản mà thôi.

a. Phật muốn chúng ta niệm Phật là để đánh thức tâm Phật của ta thức dậy. Niệm Phật là để tâm thức của ta được thuần thực in sâu, tới phút lâm chung ta mới có đủ thần lực để cảm ứng chư Phật đến nơi tiếp dẫn.

b. Một câu niệm Phật A Mi Đà có thể trừ 80 ức kiếp trọng tội. Chỉ có câu Phật hiệu A Mi Đà mới giúp cho ta trừ sạch được nghiệp tội từ vô thủy kiếp. Đây là phương pháp sám hối và tu thành Phật nhanh nhất.

c. Câu Phật hiệu A Mi Đà sẽ làm cho chúng ma khiếp sợ, không dám đến gần để phá nhiễu sự tu hành của ta và giúp cho ta không bị tẩu hỏa nhập ma.

d. Câu Phật hiệu A Mi Đà có một thần lực mạnh mẽ vô biên. Khi ta niệm Phật thì thần lực của câu A Mi Đà sẽ vang rộng đến hết cả hư không, tới sáu ngã mười phương giúp cho chúng sanh nơi nơi được thức tỉnh hồi đầu.

e. Thời nay lẫn lộn chánh tà, khiến chúng ta không có đủ trí tuệ để phân biệt đâu là ma và đâu là Phật. Duy

chỉ có câu Phật hiệu A Mi Đà, sẽ giúp cho ta phân biệt được đâu là ma và đâu là Phật.

Trong Kinh Phật nói: ***“Ma vương có phép lực rất cao, chúng có thể hóa thành Phật để mê hoặc chúng ta. Nhưng Ma vương không thể giả được câu Phật hiệu A Mi Đà. Vì hễ ai niệm câu Phật hiệu A Mi Đà thì sẽ làm cho chúng ma tránh xa 40 dặm”***.

Lấy từ điểm này, ta sẽ biết nhận diện ai là đệ tử Phật và ai là đệ tử ma. Nếu như có ai tự xưng là đệ tử của Phật mà không niệm Phật (*tức là không trở về tự tánh chân tâm của mình*) thì đều là đệ tử ma giả dạng. Tại sao? Vì chỉ có đệ tử ma mới sợ niệm câu Phật hiệu A Mi Đà. Còn ai tu mà có niệm Phật thì đều là Phật tử chân chính. Nhưng quý bạn không nên hiểu lầm ý nghĩa chân chính mà tôi đang nói ở đây. Người niệm Phật chân chính là những người có tâm từ bi tự độ và độ tha. Còn người niệm Phật không chân chính, là những người chỉ biết lợi dụng Tam bảo để mua Thần bán Phật và gạt chúng sanh. Tóm lại, chúng ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác và phải có đủ trí tuệ để nhận diện ai là đệ tử Phật và ai là đệ tử ma. Chúng ta không nên tin một cách si mê, để rồi cuối cùng làm đệ tử của ma thì thật là đáng tiếc.

HIỂU LẦM PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

Trong Kinh Đại tập, Phật có huyền ký rằng: ***“Thời Mạt pháp, ỨC ỨC người tu khó có người ĐẠT ĐẠO. Duy chỉ có pháp môn Tịnh độ mới cứu được chúng sanh thoát khỏi luân hồi và vãng sanh thành Phật”***. Nếu là đệ tử Phật thì phải tin sâu lời Phật dạy, phải dùng pháp môn Tịnh độ để tu hành và cứu độ chúng sanh.

Nếu chư Phật và Bồ tát ba đời mà rời khỏi pháp môn Tịnh độ, thì sẽ không thành Phật và sẽ không cứu được chúng sanh. Còn chúng sanh mà rời khỏi pháp môn Tịnh độ thì sẽ không thành Phật được. Nhưng tiếc thay chúng ta xưa nay không có đủ trí tuệ để hiểu suốt. Ngược lại, còn hiểu lầm cho Tịnh độ là pháp môn chỉ dành riêng cho ông già, bà cả hoặc căn cơ thấp... Thậm chí, có người còn khinh chê những người tu Tịnh độ chỉ biết cầu xin, không có tinh thần tự lực...

Kính thưa quý bạn! Người tu niệm Phật phải dùng công sức của mình, để tu niệm ngày đêm mới có được thành tựu. Như vậy không phải là tự lực và Thiên định ư? Quý bạn hãy bình tâm mà suy nghĩ lại xem: *“Nếu pháp môn Tịnh độ là thấp, vậy thì tại sao Phật lại dẫn dò Bồ tát Di Lặc và chư đại Bồ tát ở mười phương, nên lấy pháp môn Tịnh độ để cứu độ chúng sanh?”*. Ngài Bồ tát Di Lặc sẽ là Phật tương lai của thế giới Ta bà này và Ngài sẽ dẫn dắt chúng sanh tu niệm A Mi Đà Phật. Không những là Phật Di Lặc, mà mười phương chư Phật sau này cũng vậy. Giờ tôi xin dẫn chứng từng phần để quý bạn xem pháp môn Tịnh độ cao hay thấp.

1. Nếu pháp môn Tịnh độ là thấp, vậy thì tại sao trong Kinh Phật lại nói rằng: *“Đến cuối thời kỳ Mạt pháp Kinh Phật sẽ bị tận diệt. Duy chỉ có bộ **Kinh A Mi Đà** và **Kinh Vô Lượng Thọ** là còn tồn tại và sẽ lưu lại trên thế gian này thêm 100 năm. Rồi sau đó, chỉ còn lại bốn chữ hồng danh A Mi Đà Phật.”*? Tức là nói chỉ có bộ Kinh A Mi Đà và Kinh Vô Lượng Thọ là được tồn tại cho đến 12.100 năm, rồi sau đó chỉ còn lại bốn chữ “A Mi Đà Phật”.

2. Nếu pháp môn Tịnh độ là thấp, thì bốn chữ hồng danh A Mi Đà Phật làm sao cứu được chúng sanh vượt

ra Tam giới và làm sao có thể đối phó với Ma vương trong thời Mạt pháp?

3. Nếu pháp môn Tịnh độ là thấp, vậy thì tại sao Phật Thích Ca, chư Phật và chư Bồ tát ở mười phương đều khuyên chúng sanh nên tu Tịnh độ? Nếu pháp môn Tịnh độ là thấp, vậy thì tại sao chư Phật, chư Bồ tát ở mười phương đều tán thán oai đức cứu chúng sanh của Phật A Mi Đà là cao siêu, bất khả tư nghĩ và còn tôn danh Ngài là Phật Trung Chi Vương?

4. Nếu pháp môn Tịnh độ là thấp, vậy thì tại sao chư Đẳng giác Bồ tát ở Hoa Tạng thế giới như là: Ngài Đại Thế Chí, Quán Thế Âm, Văn Thù, Phổ Hiền... đều phải phát nguyện sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà để thành tựu Phật quả?

5. Nếu pháp môn Tịnh độ là thấp, vậy thì tại sao quý Ngài Sư tổ bên Thiên tông như là: Ngẫu Ích Thiền sư, Thừa Viễn thiền sư, Vĩnh Minh Thọ thiền sư, Tĩnh Am Thiền sư, Triệt Ngộ Thiền sư... đều phải quay về tu Tịnh độ và còn khuyên Phật tử nên niệm Phật để cầu vãng sanh về cõi Phật A Mi Đà?

6. Nếu pháp môn Tịnh độ là thấp, vậy thì tại sao Phật lại dạy cho dòng tộc và phụ vương của Ngài niệm Phật để cầu vãng sanh về cõi Phật A Mi Đà?

Kính thưa quý bạn! Có một điều quan trọng mà chúng ta cần phải biết, đó là: Trong lịch sử của Phật giáo từ xưa đến nay, chưa có một vị Tổ sư Tịnh độ nào quay về tu Thiên, mà chỉ có những vị Tổ sư tu Thiên quay về tu Tịnh độ mà thôi. Điều này cho chúng ta thấy pháp môn Tịnh độ cao siêu và thù thắng biết dường nào. Thêm vào, quý bạn nên biết rằng **Kinh Vô Lượng Thọ** và **Kinh A Mi Đà** không có ai hỏi mà Phật tự

thuyết. Điều này cho thấy pháp môn Tịnh độ chỉ có Phật mới hiểu được Phật mà thôi. Phật vì thương và muốn cứu hết chúng sanh, nên Ngài mới dạy cho chúng ta biết về pháp môn Tịnh độ. Phật đã làm hết sức của Ngài rồi, vậy mà chúng ta còn ở đây nghi ngờ và phỉ báng. Quý bạn muốn thành Phật mà không chịu niệm tụng A Mi Đà của mình, vậy quý bạn niệm cái gì đây, không lẽ là niệm luân hồi sanh tử ư?

Chúng tôi viết bài này hoàn toàn không có ý tranh chấp hơn thua với quý bạn, vì ai tu nấy đắc, ai tội nấy mang. Chúng tôi viết bài này là dùng hết tâm can của mình, để nói lên sự hy sinh và hoài bão của chư Phật ba đời. Hầu mong quý bạn hãy buông xả cái thế trí biện thông si mê, điên đảo của mình, để học kỹ từng câu và từng ý của Phật dạy trong Kinh. Chúng ta học kỹ từng câu, từng ý của Phật dạy trong Kinh vẫn chưa có đủ, mà chúng ta còn phải thật tâm tu, thật tâm cứu chúng sanh và thật tâm chứng đạo nữa thì mới đủ. Vì chỉ có chân tâm và trí tuệ hợp nhất của ta, mới hiểu được lòng từ bi của chư Phật và chư Tổ, mới hiểu được nỗi đau thống khổ của chúng sanh mọi loài.

Kính thưa quý bạn! Từ vô thủy kiếp đến nay, không phải chỉ có Phật Thích Ca thị hiện đến thế giới Ta bà này để cứu chúng ta thôi đâu, mà đã có vô lượng chư Phật, chư Bồ tát thị hiện tới đây không ngừng nghỉ. Quý Ngài thị hiện tới đây với mọi hình tướng ẩn, hiện khác nhau để giáo hóa và làm gương cho chúng ta xem. Thật ra, quý Ngài sư Tổ bên Thiên tông quay về tu Tịnh độ nói ở trên, đều là chư Phật và chư Bồ tát hóa thân đến đây để làm gương cho chúng ta xem đấy. Chẳng qua mắt thường của chúng ta không thấy được đó thôi.

Nếu quý bạn chịu tìm hiểu quá trình tu tập và sự giáo hóa của quý Ngài, thì sẽ thấy đa số quý Ngài cuối cùng đều dẫn dắt chúng sanh hướng về tu pháp Tịnh độ. Chư Phật ba đời mười phương cũng như vậy đó. Nếu quý bạn chịu tham cứu Kinh Phật kỹ một chút thì sẽ thấy rõ chân tướng.

Quý bạn hãy suy xét lại trí tuệ và đạo hạnh của mình thử xem, có bằng trí tuệ và đạo hạnh của chư Tổ không? Nếu đem trí tuệ của chúng ta để so sánh với trí tuệ của quý Ngài, thì trí tuệ của chúng ta không bằng hạt cát giữa sa mạc. Vậy mà chúng ta không biết hổ thẹn, không biết noi gương quý Ngài để mà tu tập. Ngược lại, còn ở đây buông lời ngã mạn, cho pháp môn Tịnh độ chỉ dành riêng cho ông, bà già hoặc căn cơ thấp. Vậy có khác nào quý bạn đang phỉ báng Phật A Mi Đà, phỉ báng ba đời mười phương chư Phật, Bồ tát... Thử hỏi tội lỗi này quý bạn làm sao gánh nổi?

Có một điều quan trọng mà chúng ta không nên nhầm lẫn, đó là: Những vị Sư tổ Tịnh độ nói ở trên đều là những vị đã đắc đạo và đã thành Phật, nên mới được tôn xưng là Sư tổ Tịnh độ và đã được ghi vào lịch sử của Phật giáo. Thật ra, quý Ngài đều là chư Phật và Bồ tát hóa thân đến đây để làm gương cho chúng ta xem. Chẳng qua mắt thường của ta không thấy đó thôi. Nếu quý bạn không có đủ trí tuệ, thiện căn và phước đức để tin pháp môn Tịnh độ, thì tốt nhất là nên giữ im lặng, không nên hại thêm chúng sanh vô tội. Còn nếu quý bạn cứ si mê, đi phỉ báng chư Phật, chư Tổ và hại chúng sanh thêm lầm lạc, thì cho dù có bao nhiêu cái địa ngục cũng không chứa hết tội lỗi của bạn đâu. Xin quý bạn hãy thận trọng khẩu nghiệp của mình.

Phản nhắc nhở

Xưa nay, có một số bạn vì chưa hiểu rõ chân tướng của pháp môn Tịnh độ, nên thường đem pháp tu Tịnh độ để so sánh với pháp tu của **Thần Tú** ở trong **Lục Tổ Đàn Kinh**. Thậm chí, có một số bạn còn cho rằng: *“Tịnh độ là pháp tu tiệm, là pháp tu cầu phước hoặc đi vòng...”*. Tóm lại, quý bạn giảng sai ý chỉ của Tịnh độ tông quá nhiều, nhất là những vị giảng sư không chuyên tu Tịnh độ giảng còn sai nhiều hơn.

Kính thưa quý bạn! Tịnh độ là pháp môn thuộc về **Như Lai Diệu thiên**, là pháp môn đặc biệt nhiếp thâu hết tám vạn bốn ngàn pháp môn. Vì là pháp môn đặc biệt, nên chư Phật, Bồ tát từ vô lượng kiếp đến nay đều phải khuyên dạy chúng sanh nên tin Phật A Mi Đà và tu pháp môn Tịnh độ. Tại sao? Vì nếu chúng sanh rời khỏi pháp môn Tịnh độ thì sẽ không thành Phật được. Còn chư Phật, Bồ tát mà rời khỏi pháp môn Tịnh độ thì sẽ không cứu được chúng sanh.

Tịnh độ là pháp tu trực chỉ thành Phật (*tức Phật thừa*). Nếu là pháp tu trực chỉ thành Phật, thì quý bạn không nên so sánh với pháp tu của “Thần Tú”. Thậm chí, pháp tu của Ngài “Huệ Năng” thì quý bạn cũng không thể so sánh với pháp môn Tịnh độ. Tại sao? Vì pháp tu của Ngài Huệ Năng là thuộc về pháp tu **Đại thừa** trực chỉ thấy tánh, nhưng không phải là pháp môn **Phật thừa** trực chỉ thành Phật. Nghĩa là nếu chúng ta tu theo pháp của Ngài Huệ Năng, sau khi trực chỉ thấy được tánh thì ta phải tu tiếp tục để phá vô minh. Phá một phần vô minh, chứng một phần pháp thân. Phá cho tới khi nào ta thành Đẳng giác Bồ tát. Sau khi thành Đẳng giác Bồ tát, thì ta phải phát nguyện sanh về cõi Cực Lạc

của Phật A Mi Đà để phá luôn một phẩm thân tướng vô minh cuối cùng. Khi phá sạch được một phẩm vô minh cuối cùng, thì lúc đó ta mới được thành Phật A Mi Đà.

Còn pháp môn Tịnh độ là thuộc về **Phật thừa**. Phật thừa nghĩa là ta sẽ được thành Phật từng phần ngay trong mỗi niệm, nên Tịnh độ được gọi là pháp môn **nhân quả đồng thời**. Tại sao? Là vì mỗi một niệm mà ta đang tu niệm hằng ngày đều là trực chỉ phá từng phần vô minh, trực chỉ thấy từng phần Phật tánh và trực chỉ thành Phật từng phần. Tóm lại, người tu Tịnh độ sẽ được thành Phật từng phần ngay trong mỗi niệm. Nhờ được thành Phật từng phần ngay trong mỗi niệm, mà ta mới phục hồi được quang minh của Diệu tâm. Nhờ có quang minh của Diệu tâm, mà ta mới sanh ra được hoa sen ngàn cánh và báo thân Phật của mình ở trên cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà.

Nếu quý bạn đem pháp tu của “Thần Tú” và pháp tu của Ngài “Huệ Năng” để so sánh với các pháp môn tu khác thì được, nhưng không nên so sánh với pháp môn Tịnh độ. Cho dù bạn có nói trên lý hay trên sự cũng đều không thông. Tại sao? Vì nó hoàn toàn nghịch lý. Ở đây, tôi xin nêu ra bốn vấn đề để quý bạn tự suy ngẫm xem chúng có nghịch lý hay không?

1. Pháp môn tu của “Thần Tú” và của Ngài “Huệ Năng” là thuộc về pháp môn **tự lực**. Nếu là pháp môn tự lực thì bạn có thể đem so sánh với các pháp môn tự lực khác. Còn Tịnh độ là pháp môn có **tự lực** và **thần lực** nên không thể so sánh.

2. Bạn có thể đem vàng để so sánh với vàng, vì vàng thì có cao thấp khác nhau. Nhưng bạn không thể

nào đem vàng mà đi so sánh với kim cương được (*Tịnh độ ví như kim cương*).

3. Bạn có thể đem tốc độ của người đi bộ này để so sánh với tốc độ của người đi bộ kia. Nhưng bạn không thể nào đem tốc độ của người đi bộ để mà so sánh với tốc độ của người đi máy bay (*Tịnh độ ví như đi máy bay*).

4. Bạn có thể đem thời gian của hai ly nước tự lắng trong để mà so sánh với nhau. Nhưng bạn không thể nào đem thời gian của ly nước tự nó lắng trong, để mà so sánh với thời gian của ly nước được máy lọc trong (*Tịnh độ ví như dùng máy lọc*).

Kính thưa quý bạn! Pháp môn Tịnh độ chỉ có Phật mới hiểu được chân tướng 100%, cho dù Đẳng giác Bồ tát ở **Hoa Tạng thế giới** cũng không hiểu hết trọn vẹn. Chỉ có chư Phật và đại Bồ tát ở **Tây phương Cực Lạc** mới hiểu được chân tướng của pháp môn Tịnh độ. Vì vậy, chúng ta không nên vội tin tất cả Tăng, Ni và Cư sĩ đang thuyết về pháp môn Tịnh độ đều là đúng cả. Thật ra, có vị giảng đúng và có vị giảng sai. Vì thời nay vàng thau lẫn lộn rất nhiều, nên chúng ta phải hết sức cẩn trọng.

Nếu chúng ta là những người chuyên hoằng dương về pháp môn Tịnh độ, thì chỉ giảng dạy trong phạm vi hiểu biết của mình. Chúng ta không nên giảng những điều mà mình chưa hiểu rõ. Tóm lại, chúng ta biết một thì giảng một, biết hai thì giảng hai. Còn chỗ nào không biết thì chúng ta cứ trả lời rằng là không biết, như vậy mới là người có trí tuệ.

THỨC TỈNH

Chư Tổ ba đời là chư Phật
Thị hiện Ta bà cứu độ sanh
Hy sinh muôn kiếp chuyên hoằng nguyện
Tận cả tâm can khuyến nhủ luôn.

Pháp môn Tịnh độ là cứu cánh
Là con thuyền độ thoát chúng sanh
Tin sâu, nguyện thiết, chuyên trì niệm
Thoát khỏi luân hồi vãng sanh Tây.

Lời chư Tổ vẫn còn văng vẳng
Mỗi một lời tha thiết từ bi
Mỗi một lời nguồn tâm vắt cạn
Mỗi một lời đầm lệ hòa chung.

Sao ta mãi đảo điên, điên đảo
Không tin lời chư Tổ dạy khuyên?
Sao ta mãi trầm luân biển khổ
Không quay về Cực Lạc bình yên?

TÌM KINH PHẬT Ở ĐÂU MỚI ĐÚNG?

Kính thưa quý bạn! Thời nay vàng thao lẫn lộn, khiến chúng ta không biết phân biệt đâu là chánh, tà. Còn về Kinh Phật cũng vậy, chúng ta không biết tìm ở đâu để có được những bộ Kinh hoàn hảo 100%. Vì ba Đại Tạng Kinh của Phật hiện nay cũng có những chỗ khiếm khuyết. Vì trong mấy ngàn năm qua, vận mạng của chúng sanh ở trên Trái Đất này có nhiều sự biến đổi, nên Kinh Phật cũng bị ảnh hưởng theo vận mạng của chúng sanh. Tuy Kinh Phật trong mấy ngàn năm qua đã bị thất thoát và bị biến đổi rất nhiều lần, nhưng

lần nào cũng được chư Phật và Bồ tát thị hiện tới đây để hội tập và tu chỉnh trở lại. Nhờ vậy mà ba Đại Tạng Kinh của Phật mới được tồn tại cho đến ngày hôm nay. Tuy Kinh Phật trong mấy ngàn năm qua, luôn được chư Phật và Bồ tát gìn giữ và bảo vệ, nhưng vẫn không tránh khỏi những chỗ khiếm khuyết. Tại sao? Vì Kinh Phật trong mấy ngàn năm qua đã trải qua nhiều lần kết tập, dịch thuật và chuyển ngữ qua nhiều thứ tiếng khác nhau, nên không tránh khỏi những điều sai sót về mặt văn tự và diễn giải. Tuy ba Đại Tạng Kinh của Phật hiện nay có những chỗ khiếm khuyết nhưng chỉ khiếm khuyết về phần ngọn, còn phần gốc thì không bị khiếm khuyết. Tại sao? Vì Kinh Phật từ xưa đến nay lúc nào cũng được chư Phật, Bồ tát và chư Long thần, Hộ pháp bảo vệ, nên không có chuyện bị mất gốc được. Nếu chúng ta chịu tìm hiểu về lịch sử của Phật giáo từ xưa đến nay, thì sẽ thấy chư Phật và Bồ tát luôn đồng hành với chúng ta trong mọi thời đại. Nhờ vậy mà trong mấy ngàn năm qua, mỗi khi Phật giáo bị suy thoái, thì đều có chư Phật và Bồ tát hóa thân đến để chấn hưng lại Phật giáo. Nếu mấy ngàn năm qua, không có chư Phật và Bồ tát đồng hành và bảo hộ, thì đạo Phật làm gì mà được tồn tại cho đến ngày hôm nay.

Thêm vào, tất cả pháp mà Phật dạy trong 49 năm, chỉ là nói lên cái chân tướng của **vũ trụ, nhân sinh, đạo tâm** và **giải thoát**. Nếu những gì thuộc về chân lý, thì không ai có thể bóp méo hay thay đổi được. Chỉ cần chúng ta khai mở được trí tuệ, thì sẽ hiểu được hết những lời Phật dạy ở trong ba Đại Tạng Kinh. Khi hiểu được rồi thì ta sẽ không còn bị những văn tự làm chướng ngại. Nói như vậy không có nghĩa là ta không

coi trọng văn tự và sự diễn giải. Dĩ nhiên là chúng ta phải coi trọng, vì nếu ta dịch sai một chữ hay nói sai một câu thì sẽ hại vô số chúng sanh. Chính vì vậy mà ông bà mình có câu: **“Sai một li đi một dặm”**.

Cũng vì hiểu được tầm quan trọng của văn tự và sự diễn giải của Kinh, nên chư Tổ xưa nay đều phải suy nghĩ và đắn đo rất kỹ mỗi khi kết tập hay dịch thuật Kinh Phật. Vì quý Ngài biết nếu nói sai một chữ, thì sẽ hại huệ mạng của chúng sanh nhiều đời, nhiều kiếp. Nếu chúng sanh bị đọa thì quý Ngài cũng phải bị đọa theo. Vì vậy, quý Ngài không thể sơ suất trong việc thuyết giảng, hội tập và chú giải Kinh Phật. Tuy mấy ngàn năm qua, quý Sư tổ đã bảo vệ Kinh Phật còn hơn là bảo vệ thân mạng của mình, nhưng khổ một điều là ở đâu có Phật thì ở đó có ma. Nếu là ma thuyết, thì Kinh Phật cho dù có hoàn chỉnh 100% cũng trở thành khiếm khuyết. Nếu là Phật thuyết, thì cho dù Kinh Phật có bị khiếm khuyết cũng trở thành hoàn chỉnh. Cho nên vấn đề Kinh Phật được hoàn chỉnh hay khiếm khuyết, thì phải coi người thuyết giảng đó là Phật hay là ma. Nếu chúng ta hiểu được những đạo lý này, thì sẽ không còn chấp vào văn tự mỗi khi tham cứu Kinh Phật. Điều quan trọng của người tu hành là phải thấy được thể tánh của Kinh. Muốn thấy được thể tánh của Kinh, thì trước hết ta phải lo tu hành để khai mở trí tuệ. Khi trí tuệ được khai mở, thì ta sẽ hòa nhập vào được thể tánh của Kinh. Khi hòa nhập vào được thể tánh của Kinh, thì cho dù văn tự hay sự diễn giải của người xưa có bị thiếu sót, thì cũng không làm cho ta hiểu sai về thể tánh của Kinh.

Kính thưa quý bạn! Hiện tại, chúng ta đang sống

trong một thế giới tương đối, không phải là thế giới tuyệt đối. Nếu là thế giới tương đối, thì tất cả những lời nói của chúng ta đều có đúng và có sai. Tại sao? Vì chúng ta là phàm phu, chưa phải là Phật. Chúng ta chỉ hơn nhau ở chỗ là có người thì nói sai nhiều, có người thì nói sai ít. Nhưng dù sai nhiều hay sai ít, thì tất cả chúng ta vẫn còn si mê, điên đảo. Nếu không si mê thì chúng ta đã làm Phật lâu rồi, không còn có mặt ở đây. Ở trên đời này chỉ có chư Phật mới nói đúng 100%.

Có một điều mà chúng ta cần phải biết, đó là: Đa số Kinh sách và băng đĩa mà chúng ta thuyết giảng từ xưa đến nay đều bị khiếm khuyết. Chúng ta chỉ khác nhau ở chỗ là có người thì giảng sai ít, có người thì giảng sai nhiều. Nhưng dù sai ít hay sai nhiều, thì tất cả chúng ta đều có những phần khiếm khuyết khác nhau. Tóm lại, đa số Tăng, Ni và Cư sĩ thuyết pháp từ xưa đến nay đều bị khiếm khuyết và tôi cũng vậy, không ngoại lệ. Tại sao? Vì chúng ta là phàm Tăng, chưa phải là Phật và chỉ có chư Phật mới thuyết giảng đúng Kinh Phật 100%. Cho dù là Đẳng giác Bồ tát thuyết pháp vẫn còn một phần khiếm khuyết. Nếu chúng ta hiểu được chân tướng này, thì sẽ không còn sanh tâm ngã mạn, sẽ không còn cho mình là biết hết tất cả và sẽ không còn phỉ báng Kinh Phật. Bây giờ tôi xin phân tích vào sự khiếm khuyết giữa **đại Bồ tát Tăng, Thánh Tăng, phàm Tăng** và **tà Tăng** khác nhau ở chỗ nào, để quý bạn tìm hiểu thêm.

I. Đại Bồ tát Tăng

Khi thuyết giảng về đạo Phật, thì quý Ngài giảng được tương đối chính xác. Nhưng khi giảng về pháp

môn Tịnh độ, thì quý Ngài vẫn còn những chỗ khiếm khuyết. Tại sao? Vì Pháp môn Tịnh độ chỉ có Phật mới giảng được triệt để 100%, cho dù Đẳng giác Bồ tát vẫn còn vài chỗ khiếm khuyết. Trong Kinh Phật nói: **“Pháp môn Tịnh độ là pháp môn cao siêu khó tin và chỉ có Phật mới hiểu được Phật”**. Ý Phật muốn nói rằng: Pháp môn Tịnh độ chỉ có chư Phật mới hiểu được hết và chỉ khi nào chúng sanh thành Phật thì mới hiểu được hết. Tóm lại, đại Bồ tát Tăng vẽ cây Bồ đề vẫn còn thiếu một số lá, nên làm cho chúng sanh không thấy được cây Bồ đề hoàn hảo 100%.

II. Thánh Tăng

Khi thuyết giảng về đạo Phật, thì quý Ngài giảng tương đối được sáng tỏ. Nhưng khi giảng về pháp môn Tịnh độ, thì quý Ngài giảng vẫn còn nhiều chỗ khiếm khuyết. Nghĩa là quý Ngài vẽ cây Bồ đề mà chỉ vẽ được phần gốc, thân và cành, còn phần lá thì không trọn vẹn. Tuy quý Ngài vẽ cây Bồ đề bị thiếu phần lá, nhưng ít ra chúng sanh cũng nhận ra được đó là bóng dáng của cây Bồ đề. Vì vậy mà lỗi sai sót của Thánh Tăng không nhiều.

III. Phàm Tăng

Khi thuyết giảng về đạo Phật thì chúng ta giảng bị mất đầu, mất đuôi. Nghĩa là chúng ta vẽ cây Bồ đề mà mỗi người vẽ một góc cạnh khác nhau: Có người thì vẽ được một phần gốc mà bỏ mất phần ngọn; có người thì vẽ được một phần ngọn mà bỏ mất phần gốc, phần cành... Tóm lại, chúng ta chỉ vẽ được một vài góc cạnh của cây Bồ đề, nhưng không vẽ được trọn vẹn cây Bồ đề. Vì vậy, chúng ta càng vẽ thì càng làm cho chúng

sanh bị hoang mang, không biết đâu là cây Bồ đề. Vì vậy mà lỗi sai sót của chúng ta nhiều hơn.

IV. Tà Tăng

Khi thuyết giảng về đạo Phật, thì họ chỉ giảng phần ngọn mà bỏ mất phần gốc. Nghĩa là họ vẽ cây Bồ đề mà chỉ vẽ được vài phần thân, cành và lá, còn gốc thì họ không vẽ được. Thêm vào, vì muốn mê hoặc chúng sanh, nên họ vẽ thêm rất nhiều hoa đẹp ở trên cây Bồ đề. Họ làm như vậy là để che mắt chúng sanh lầm tưởng cây Bồ đề mà họ vẽ là hoàn hảo. Rồi từ chỗ lầm tưởng đó, mà chúng sanh tin họ là minh sư và chạy theo tu hành. Nhưng trên thực tế thì họ không phải là minh sư mà là tà sư. Điều đáng thương là những vị tà sư này không biết họ là tà sư. Tại sao? Vì họ cũng đang bị Ma vương che mắt nên không hay. Nếu chúng ta lầm tưởng chạy theo họ, thì chúng ta cũng sẽ thành con cháu của Ma vương, mà chính bản thân không hay biết.

V. Tà Tăng nguy hiểm

Khi thuyết giảng về đạo Phật thì họ bóp méo sự thật. Nghĩa là họ lấy đạo của trời, người để gạt chúng sanh hiểu lầm đó là đạo Phật cứu cánh. Còn đạo Phật cứu cánh thì họ phỉ báng... Họ mặc áo cà sa, nhưng lại làm con cháu của Ma vương. Họ không muốn chúng sanh được thành Phật, nên họ thường hay phỉ báng những bộ Kinh Đại thừa như là: Kinh Địa Tạng, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh A Mi Đà,... Thậm chí, họ còn bài bác cõi Tây phương Cực Lạc và Phật A Mi Đà là không có. Tóm lại, họ không vẽ cây Bồ đề mà ngược lại họ còn phủ nhận không có cây Bồ đề.

Kính thưa quý bạn! Qua sự phân tích tóm gọn ở trên, quý bạn đã hiểu được phần nào giữa chánh và tà rồi. Thêm vào, quý bạn cũng đã hiểu được lý do tại sao Kinh Phật bị khiếm khuyết. Nhưng không phải vì vậy mà chúng ta bỏ hết, không tham cứu Kinh Phật. Nếu chúng ta bỏ hết thì trên đời này sẽ không còn có Kinh, sách nào để cho ta tham cứu cả.

VI. Phần nhắc nhở

Ông bà mình có một câu nói rằng: **“Một con sâu làm rầu nồi canh”**. Tuy chúng ta ai cũng biết con sâu nó làm rầu cả nồi canh, nhưng trong thời Mạt pháp này nếu ta vì một con sâu mà bỏ luôn nồi canh thì ta sẽ bị chết đói. Tại sao? Vì thời nay là thời Mạt pháp, nên trong tất cả nồi canh của chúng ta đều phải bị có sâu. Nếu nồi canh nào có nhiều sâu độc, thì ta phải bỏ đi không nên ăn vì sẽ bị bệnh chết. Còn nồi canh nào có ít sâu, thì ta nên gắp chúng ra và cố gắng ăn hết nồi canh đó. Vì chỉ có cách này thì chúng ta mới được tồn tại ở trong thời Mạt pháp này. Khi chúng ta tìm hiểu Kinh Phật cũng như vậy đó. Chúng ta phải biết gạn lọc Kinh sách và bằng đĩa nào không bị sai nhiều để mà tu học. Chúng ta không nên gắp Kinh sách nào cũng cho là đạo Phật, rồi học hay chạy theo họ để tu hành thì sẽ bị luân hồi tiếp tục.

Còn một điều quan trọng mà chúng ta cần phải biết, đó là: Nếu muốn được thành Phật thì chúng ta không nên dựa vào những thứ như là địa vị, bằng cấp, giấy khen hay là du học nước ngoài... để mà đặt niềm tin. Vì những thứ đó không có liên quan gì đến việc tu hành và thành Phật của ta. Nếu quý bạn dựa vào những người có những thứ đó, để mà tin đạo Phật và

tu hành theo họ thì sẽ bị gạt đẩy.

Quý bạn nên biết rằng: **Pháp thế gian** và **pháp xuất thế gian** hoàn toàn khác nhau. Nếu quý bạn muốn tìm hiểu về những chuyện ở ngoài đời (*pháp thế gian*), thì bạn có thể nương theo những người có địa vị, bằng cấp, giấy khen... để mà học hỏi. Chỉ có thể thôi không phải là tuyệt đối, vì ngày nay bằng cấp giả và sự phán đoán si mê của con người rất là đáng sợ. Còn ở trong đạo Phật (*pháp xuất thế gian*) mà quý bạn dựa vào những người có những thứ đó thì hãy cẩn thận. Tại sao? Vì đa số những người có nhiều những thứ đó, là những người chuyên về Phật học nhiều hơn là học Phật. Nếu là người chuyên về Phật học thì chúng ta không nên tin tưởng. Vì đa số họ chỉ biết nói lý thuyết suông, mà không nói được chân tướng của đạo Phật. Thêm vào, những người này họ nói chuyện rất hay. Hay đến nỗi có biệt danh là **thế trí biện thông**. Thế trí biện thông, nghĩa là họ dùng cái trí của thế gian để biện minh đủ cách và làm cho những lời nói của họ nghe được thông. Nhưng trên thực tế thì họ phỉ báng đạo Phật nhiều hơn là hoằng dương đạo Phật. Điều đáng thương là họ thế trí biện thông lâu ngày, rồi trở thành con cháu của Ma vương mà chính họ cũng không hay biết. Vì không hay biết nên họ cho đạo trời, người là đạo Phật cứu cánh, còn đạo Phật thì họ phỉ báng cho là đạo mê tín... Tóm lại, họ là những người bỏ gốc lấy ngọn. Họ bỏ gốc lấy ngọn chưa đủ mà họ còn muốn kéo theo nhiều chúng sanh bỏ gốc lấy ngọn như họ, để chúng sanh mãi bị luân hồi không thể thoát ra. Tóm lại, họ không khác gì với những người chỉ biết nhai lại bã mía của người khác, mà bản thân của họ thì chưa hề

nếm được mùi vị của mía. Vì chưa nếm được mùi vị của mía, nên họ không nói được chất ngọt của mía. Ngược lại, họ còn phủ nhận trên đời này không có mía. Thử hỏi như vậy có si mê, điên đảo không?

Kính thưa quý bạn! Tuy chúng ma đã trà trộn vào Tăng đoàn Phật giáo rất đông, nhưng cho dù chúng ma có đánh phá như thế nào thì pháp của Phật vẫn mãi được trường tồn không thay đổi. Đạo Phật là đạo của trí tuệ, không phải là đạo nói lý thuyết suông, không phải là đạo tu khẩu đầu thiền. Muốn có được trí tuệ thì chúng ta phải biết quay vào tìm lại ông Phật trong tâm mình. Muốn thấy được ông Phật trong tâm mình, thì trước hết ta phải tin Phật và tin tâm Phật của mình. Dưới đây là ba điều tối quan trọng, mà Phật đã khuyên dạy chúng ta nên tin và tu hành ở trong thời “Mạt pháp” này, đó là:

1. Phật khuyên chúng ta phải tin Phật A Mi Đà và tin có cõi Tây phương Cực Lạc.

2. Phật khuyên chúng ta phải tin 48 đại nguyện của Phật A Mi Đà và tin Phật A Mi Đà xây dựng cõi Cực Lạc là để tiếp dẫn chúng ta vãng sanh về đó để tu thành Phật.

3. Phật khuyên chúng ta nên phát tâm niệm A Mi Đà Phật và phát nguyện cầu vãng sanh về Cực Lạc của Phật A Mi Đà để thành tựu Phật quả.

Nếu quý bạn muốn hiểu rõ ba điều tối quan trọng của Phật dạy ở trên, thì xin đi tìm những bộ Kinh **Tịnh độ** để tìm hiểu thêm. Khi tìm hiểu rõ rồi thì quý bạn mới phát được tín tâm kiên cố. Quý bạn chỉ cần tin sâu và nguyện thiết thì sẽ khai mở được trí tuệ. Khi trí tuệ được khai mở thì quý bạn sẽ thấy lại được ba kho tàng quý

báu, mà chúng ta đã bỏ quên từ vô thì kiếp đến nay, đó là:

a. Ta sẽ thấy lại ông Phật trong ta (*ta thành Phật*);

b. Ta sẽ thấy lại ngôi nhà bảy báu của ta (*đạo tràng của ta*);

c. Ta sẽ thấy lại kho tàng trí tuệ của ta (*Kinh Phật*).

Tóm lại, nếu quý bạn muốn thấy được **ông Phật thật**, thấy được **đạo tràng thật** và thấy được **Kinh Phật thật**, thì quý bạn phải biết quay vào tâm của mình để tìm. Vì tất cả những thứ đó đều có sẵn ở trong tâm chúng ta. Xin quý bạn đừng chạy lang thang nữa, vì chúng ta vốn không còn nhiều thời gian. Thêm vào, thân người khó có nhưng dễ mất.

VII. Lược thuật hai tấm gương tu hành

Ở đây, tôi xin kể tóm gọn hai câu chuyện nói về cuộc đời của Phật Thích Ca và của ngài Huệ Năng để chứng minh cho quý bạn thấy rằng trong tâm chúng ta vốn đã có đầy đủ tất cả.

1. Cuộc đời Phật Thích Ca: Lúc chưa đi tu, Ngài là một vị Thái tử. Ở nước Ấn Độ thời đó, Ngài được mệnh danh là đệ nhất tinh thông về giáo lý đời và đạo. Sau đó, Ngài rời bỏ hoàng cung để tìm cầu học đạo và Ngài đã tìm được hai vị đạo sĩ tu hành cao nhất ở Ấn Độ vào thời đó tên là **A-la-la** và **Uất-đầu-lam-phát**. Sau khi tu học với hai vị đạo sĩ đó một thời gian, thì Ngài nhận thấy cảnh giới của hai vị Thầy đó vẫn còn khiếm khuyết, chưa được viên mãn.

Sau đó, Ngài xin phép hai vị Thầy để ra đi tìm chân lý. Ngài ra đi là vì Ngài hiểu được, con đường giải thoát mà Ngài đang đi tìm chỉ có ở trong tâm của Ngài, không phải là ở bên ngoài. Thêm vào, lúc đó Ngài cũng hiểu

ra được những giáo lý mà Ngài đã học được trong quá khứ đều là hư vọng, không phải là thật. Vì hiểu được nên Ngài buông bỏ hết và quyết tâm ngồi ở dưới cây Bồ đề thiên định, để tìm lại chân tâm của Ngài. Cuối cùng qua 49 ngày thiên định, Ngài đã tìm lại được chân tâm của Ngài và thấy được bản thể của vạn vật muôn loài. Sau khi thấy được bản thể của vạn vật muôn loài, thì Ngài thốt lên rằng: ***“Không ngờ tất cả chúng sanh đều có đồng một thể tánh chân tâm và tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật...”***. Sau đó, Ngài đi truyền pháp để giúp cho chúng sanh hiểu và nhận lại Phật tánh của mình để làm Phật giống như Ngài.

2. Cuộc đời Lục Tổ Huệ Năng: Lúc chưa đi tu, Huệ Năng là con nhà nghèo và không có học. Hằng ngày, Huệ Năng chỉ biết lên rừng đốn củi để nuôi mẹ. Một hôm, Huệ Năng vô tình nghe được một người khách tụng câu: ***“Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”*** mà được giác ngộ. Sau đó, Huệ Năng xin mẹ đi tu và tìm đến Ngũ tổ Hoàng Nhẫn để xin xuất gia. Sau đó, không bao lâu Ngũ tổ truyền y bát cho Huệ Năng để làm vị Tổ đời thứ sáu của Thiên tông. Sau khi Ngũ tổ trao y bát cho Huệ Năng xong, thì Ngài khuyên Huệ Năng phải bỏ trốn, vì sẽ có nhiều người ganh tỵ mà giết hại Huệ Năng để lấy y bát. Sau đó, Huệ Năng bị nhiều người đuổi giết, nên phải chạy trốn vào rừng và ẩn núp ở trong đám thợ săn hết 16 năm. Sau đó, thời cơ cứu chúng sanh đã được chín muồi, nên Huệ Năng phải lộ diện và xuống núi mang thân xuất gia để hoằng pháp.

Sau khi Ngài Huệ Năng xuống núi để hoằng pháp, thì có rất nhiều Tăng, Ni và Phật tử khắp nơi tìm đến để nghe Ngài thuyết pháp. Trong những năm hoằng pháp

của Ngài, nếu Tăng, Ni hay Phật tử nào muốn hỏi về Kinh Phật, thì Ngài đều kêu họ đọc đoạn Kinh mà họ không hiểu để cho Ngài nghe vì Ngài không biết chữ. Nhưng lần nào cũng vậy, họ vừa đọc được có vài câu thì Ngài kêu họ ngưng lại, vì Ngài đã hiểu được hết đoạn Kinh mà họ muốn hỏi và Ngài liền giải thích để cho họ hiểu. Tuy Ngài Huệ Năng lúc đó không biết chữ, nhưng những lời của Ngài thuyết ra đều được mọi người công nhận là chân lý của Phật Kinh. Vì vậy, sau khi Ngài nhập Niết bàn, chư Tăng kết tập những lời dạy tinh hoa của Ngài và làm thành một cuốn Kinh có tên là **“Lục Tổ Đàn Kinh”**. Giờ chúng ta tìm hiểu vào những câu nói sau khi đắc đạo, Ngài Huệ Năng đã nói những gì. Sau khi đắc đạo, Ngài thốt lên rằng: **“Nào ngờ tự tánh vốn không lay động. Nào ngờ tự tánh luôn sanh vạn pháp. Nào ngờ tự tánh vốn sẵn đầy đủ...”**.

Kính thưa quý bạn! Qua hai câu chuyện của Phật Thích Ca và của Ngài Huệ Năng, cho chúng ta một khai thị rất lớn. Nói về Phật Thích Ca, thì ở Ấn Độ thời đó Ngài là người đệ nhất tinh thông tất cả giáo lý đạo và đời, không ai sánh bằng. Vậy mà cuối cùng, Ngài phải bỏ hết tất cả những thứ mà Ngài đã học được trước đó, để quay vào tìm lại trí tuệ sẵn có ở trong tâm Ngài. Còn Ngài Huệ Năng là người không biết một chữ và cũng chưa bao giờ học qua Kinh Phật, vậy mà khi đắc đạo, Ngài có thể giảng thông suốt hết tất cả Kinh Phật. Trong khi đó, có biết bao nhiêu vị Pháp sư và Tăng, Ni ở Trung Quốc trong thời điểm đó, cũng hiểu được giáo lý uyên thâm và cũng có nhiều chức vị cao ở trong triều đình và có chức sắc trong Phật giáo. Vậy mà những vị đó không nói ra được chân tướng của đạo Phật. Cuối

cùng những vị đó phải tìm đến Ngài Huệ Năng để nghe thuyết giảng về chân tướng của đạo Phật. Điều này cho chúng ta thấy vấn đề thành Phật, không có liên quan gì đến những thứ như bằng cấp, cấp bậc, du học,... mà nó chỉ liên quan đến chân tâm của ta mà thôi.

Giờ tôi xin kể thêm cho quý bạn nghe về câu chuyện cuộc đời tu hành của tôi. Nếu bạn nào đã từng đọc qua hai cuốn sách của tôi có tên là **“Kinh nghiệm niệm Phật và những chuyện luân hồi”** và **“Ý nghĩa Hoàng pháp và Hộ pháp”**, không nhiều thì ít quý bạn cũng đã hiểu được phần nào về cuộc đời của tôi rồi. Vì vậy, ở đây tôi chỉ kể tóm lược về những điểm trọng yếu mà thôi.

Nói về đường đời, thì tôi sanh ra trong một gia đình nghèo và có đông anh chị em. Vì đất nước thay đổi nên tôi chỉ học tới lớp sáu. Sau đó, vì hoàn cảnh tôi phải lầy chồng và vượt biên qua Mỹ. Rồi sau đó, tôi ly dị và có ba mặt con. Nói về đường đạo, thì trước khi được “nhất tâm” tôi chưa có duyên đọc được Kinh Phật, mà tôi chỉ đọc được vài cuốn sách nói về đạo Phật mà thôi. Thêm vào, lúc còn nhỏ tôi đã được mẹ dẫn đến chùa để quy y Tam bảo. Nhờ vậy mà tôi biết niệm hai câu: **“Nam mô A Mi Đà Phật”** và **“Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát”**. Tuy biết, nhưng tôi không có niệm Phật thường xuyên, chỉ khi nào sợ ma hay gặp những chuyện nguy hiểm thì tôi mới niệm Phật.

Rồi đến năm 1980 tôi vượt biển và qua Mỹ năm 1981. Sau khi qua Mỹ được vài tháng thì hay tin mẹ tôi mất. Từ đó, tôi mới niệm Phật thường xuyên để cầu siêu cho mẹ. Lúc đó, tôi không hiểu gì về pháp môn Tịnh độ, tôi chỉ nghĩ đơn giản là: Nếu tôi niệm Phật

càng nhiều thì sẽ cầu siêu được cho ông bà, cha mẹ và chúng sanh. Ngoài ý nghĩ đó ra thì tôi không còn nghĩ gì khác. Rồi cứ như vậy mà tôi niệm Phật qua nhiều năm. Sau đó, tôi may mắn đọc được một bài báo nói về pháp môn Tịnh độ, từ đó tôi niệm Phật tinh tấn hơn. Tuy niệm Phật tinh tấn hơn, nhưng tôi vẫn không dám phát nguyện niệm Phật để thành Phật, vì tôi chưa đủ niềm tin đối với bản thân tôi.

Rồi đến một ngày nhân duyên hội đủ, tự nhiên có một người mang đến tặng cho tôi một cuốn sách có tên là “**Niệm Phật lưu xá lợi**” của Cư sĩ Tịnh Hải. Cuốn sách này nói về pháp môn Tịnh độ và nói về những bằng chứng niệm Phật được vãng sanh. Sau khi đọc xong cuốn sách đó, thì tôi liền phát nguyện niệm Phật để thành Phật. Nhờ phát nguyện thành Phật mà sau đó vài tuần tôi chứng được nhất tâm. Sau khi được nhất tâm, tôi mới ngộ ra được một điều, đó là: Nhờ tôi phát nguyện và nhờ tôi niệm Phật nhiều năm để cầu siêu cho ông bà, cha mẹ và chúng sanh mà tôi mới được “nhất tâm”. Sau khi được nhất tâm không bao lâu thì trí tuệ của tôi được bừng sáng, tôi thấy được chân tướng của vạn pháp từ giả tới chân. Lúc đó, tôi xúc động bật khóc và thốt lên rằng: “**Thật không ngờ tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và tất cả chúng sanh đều có thể niệm Phật để thành Phật...**”.

Sau khi thấy được chân tướng, tôi quyết tâm viết sách để nói cho tất cả mọi người biết về sự nhiệm mầu của pháp môn Tịnh độ. Nhưng lúc đó tôi lại lo rằng: “*Không biết những gì trong tâm mình thấy có đúng với Kinh Phật hay không? Thêm vào, mình chỉ học tới lớp sáu thì làm sao có thể viết văn...*”. Tóm lại, lúc đó tôi lo

lắng đủ điều. Sau đó, vì muốn được yên tâm nên tôi quyết định đi tìm vài bộ Kinh của Phật để đối chiếu với tâm của mình và tôi cũng muốn tìm hiểu thêm một số từ ngữ Phật học để tiện cho việc viết sách của tôi.

Sau đó, tôi nhớ lại trước một ngày tôi được nhất tâm, thì anh Đạo Quang có giới thiệu cho tôi biết về bộ **“Kinh Vô Lượng Thọ”** có 29 cuộn băng của Ngài Tịnh Không mới xuất bản lần đầu. Nhưng lúc đó vì tôi không biết **“Kinh Vô Lượng Thọ”** là gì và thấy bộ Kinh đó quá dài nên tôi đã từ chối không thỉnh. Nhưng hôm đó, anh Đạo Quang cứ khuyên tôi nên nghe bộ Kinh đó vì rất hay. Sau đó, vì nể tình nên tôi chỉ thỉnh một cuộn băng để về nghe thử trước. Sau khi thỉnh cuộn băng đó về thì tôi liền mở lên nghe. Không ngờ qua sáng hôm sau thì tôi được nhất tâm. Sau khi được nhất tâm, vì thấy cảnh luân hồi đau khổ của chúng sanh, nên tôi đau lòng thương khóc ngày đêm. Thời gian đó, trong tâm tôi chỉ lo suy nghĩ tìm cách nào để cứu độ chúng sanh, nên tôi đã quên đi bộ **“Kinh Vô Lượng Thọ”** mà anh Đạo Quang đã giới thiệu cho tôi trước đó. Mãi cho đến mấy tháng sau, khi tôi quyết định tìm Kinh Phật để đối chiếu với tâm của mình trước khi viết sách, thì tôi mới nhớ đến anh Đạo Quang. Sau khi nhớ lại, tôi liền đến thỉnh hết bộ **“Kinh Vô Lượng Thọ”** 29 cuộn băng đó về. Sau khi thỉnh về tôi liền mở lên nghe. Lúc đó, tôi nghe Ngài Tịnh Không giảng tới đâu thì tôi hiểu thông tới đó. Tôi hiểu đến mức độ Ngài giảng một mà tôi hiểu tới mười. Sau khi nghe xong bộ **“Kinh Vô Lượng Thọ”** của Ngài giảng thì tôi rất là yên tâm, vì những gì tâm tôi thấy đều đúng với chân tướng của Kinh Phật. Tuy lúc đó tôi chỉ mới nghe qua một bộ **“Kinh Vô Lượng Thọ”** của Ngài Tịnh

Không thuyết giảng, nhưng trong tâm tôi đã hiểu thông được những gì mà Phật Thích Ca thuyết trong 49 năm. Sau khi đối chiếu tâm của mình với Kinh Phật xong, thì tôi yên tâm viết sách.

Kính thưa quý bạn! Qua câu chuyện của tôi và qua hai cuốn sách “**Kinh nghiệm niệm Phật và những chuyện luân hồi**” và “**Ý nghĩa Hoàng pháp và Hộ pháp**” mà tôi đã cho ra đời cách đây nhiều năm, không nhiều thì ít quý bạn cũng cảm nhận được những gì tôi viết ở trong hai cuốn sách đó đều xuất phát từ trong chân tâm của tôi tuôn chảy ra, không phải viết từ nơi học thuộc từ ngữ ở trong Kinh sách. Cuốn sách “**Tịnh độ thực chứng**” này cũng vậy, tôi cũng viết từ trong chân tâm tuôn chảy ra. Nếu không, thì một người Phật tử nữ mới học lớp sáu như tôi, làm sao có đủ trí tuệ và khả năng để viết ra cốt tủy của Kinh Phật.

Kính thưa quý bạn! Qua ba câu chuyện của Phật Thích Ca, của Ngài Huệ Năng và của tôi, quý bạn đã hiểu được tâm chúng ta vốn có đầy đủ tất cả. Vì vậy, muốn thành Phật thì chúng ta phải biết quay vào tâm của mình để tìm, không nên đi tìm ở bên ngoài. Chúng ta xưa nay si mê thật là đáng thương. Mỗi khi nghe có ai nói ở đâu có chùa to, Phật lớn,... là chúng ta đua nhau chạy đến để cầu xin... Thậm chí, có nhiều người còn bỏ nhiều tiền bạc và thời gian đi đến các nước Phật giáo ở trên thế giới để tìm chùa to, Phật lớn,... Cả đời chúng ta chỉ biết chạy ra ngoài để tìm cầu Tam bảo giả, còn Tam bảo thật sẵn có ở trong tâm, thì chúng ta không ngó ngang chi cả. Thậm chí, chư Phật và chư Bồ tát thị hiện tới lui nhắc nhở chúng ta không ngừng, vậy mà

chúng ta vẫn không chịu tin, không chịu quay về để làm Phật. Vậy thử hỏi chúng ta có si mê, điên đảo không?

THỨC TỈNH

Bạn thà tự sát chết vạn lần
Không nên phỉ báng Tịnh độ tông.
Bạn thà bị đọa vô lượng kiếp
Không nên phỉ báng Tịnh độ tông.

Phỉ báng Tịnh tông là tự đoạn
Đoạn chân tâm, trí tuệ của mình.
Phỉ báng Tịnh tông là tự đoạn
Đoạn con đường giác ngộ của mình.

Phỉ báng Tịnh tông là tự đoạn
Đoạn con đường thành Phật của mình.
Hỡi bạn! Bình tâm suy nghĩ lại
Chúng sanh là cha mẹ của ta

Chúng sanh là thân bằng quyến thuộc
Chúng sanh là chư Phật sẽ thành
Quay về thức tỉnh mau kéo trễ
Xin đừng hại bạn, hại chúng sanh.

KHUYÊN NHỦ

Vì lòng từ tôi xin khuyên nhủ
Không nên khờ dại phỉ báng tôi
Phỉ báng tôi không ích lợi chi
Chỉ hại bạn tăng thêm quả báo.



CHÂN TƯỞNG ĐẠO PHẬT

Kính thưa quý bạn! Tâm nguyện của chư Phật ra đời là mong tất cả chúng sanh được thành Phật. Nhưng khổ một điều là chúng sanh ở trong thế giới “Ta bà” này căn tánh không đồng, nên chư Phật phải thuyết nhiều loại Kinh khác nhau, để giúp cho chúng sanh tùy theo căn tánh và thời thế, mà tự lựa chọn cho mình một pháp tu thích hợp. Tuy Phật dạy cho chúng ta nhiều pháp tu khác nhau, nhưng chung quy chỉ có ba thừa làm căn bản đó là: **Tiểu thừa**, **Đại thừa** và **Phật thừa**. Nếu là đệ tử của Phật, thì chúng ta phải biết Phật dạy Tiểu thừa và Đại thừa chỉ là những pháp tu phương tiện, giúp cho chúng ta nương theo đó mà tu hành để tiến lên quả vị Phật.

Thật ra, chư Phật từ xưa đến nay chỉ muốn dạy cho chúng sanh một con đường **Phật thừa** mà thôi. Phật thừa nghĩa là pháp tu trực chỉ thành Phật, mà không cần phải cải sửa chi cả. Pháp tu đó chính là pháp môn **Tịnh độ**. Vì chỉ có pháp môn Tịnh độ mới có đủ công năng nhiệm mầu đó. Nhưng khổ một điều là chúng sanh ở trong thế giới Ta bà này căn tánh không đồng, mà pháp môn Tịnh độ thì quá cao siêu và khó tin. Nếu chư Phật đến đây chỉ dạy cho chúng ta có một pháp tu Tịnh độ, thì quý Ngài chỉ cứu được những chúng sanh có đầy đủ **thiện căn**, **phước đức** và **nhân duyên** thôi. Còn những chúng sanh không có đủ những thứ kể trên, thì chư Phật sẽ không cứu được. Vì vậy mà chư Phật phải dạy nhiều phương pháp tu hành khác nhau, giúp cho chúng sanh có cơ hội tu bồi công đức, để tương lai có đủ trí tuệ mà tiến lên quả vị Phật.

Cũng như ở ngoài đời, nếu từ Sài Gòn đi ra Hà Nội mà chỉ có một phương tiện đi bằng máy bay, thì sẽ có nhiều người không có đủ điều kiện để đi đến Hà Nội. Vì vậy mà chúng ta mới tạo ra nhiều phương tiện khác nhau như là: Máy bay, xe, tàu thủy, tàu lửa... Nhờ có nhiều phương tiện khác nhau, mà chúng ta ai cũng có cơ hội để đi đến Hà Nội. Tuy chúng ta ai cũng có thể đi đến Hà Nội, nhưng phước đức của mỗi người thì có khác nhau. Nếu người có tiền đi bằng máy bay, thì họ đến Hà Nội được nhanh và nhẹ nhàng. Còn người không có nhiều tiền đi bằng xe, thì họ đến Hà Nội phải mất nhiều thời gian, chịu khổ cực và đôi khi còn gặp nguy hiểm. Còn người không tiền đi bộ, thì sẽ mất rất nhiều thời gian, chịu nhiều khổ cực và gặp nhiều nguy hiểm. Tóm lại, phước đức của mỗi người khác nhau, nên cách đi đến Hà Nội cũng khác nhau. Cũng như mưa rơi xuống thì đồng đều, nhưng cây lớn thì sẽ hút được nhiều nước, còn cây nhỏ thì sẽ hút được ít nước. Pháp của Phật cũng như vậy. Nếu căn tánh của ta thấp thì sẽ hiểu được pháp **Tiểu thừa**. Nếu căn tánh của ta cao thì sẽ hiểu được pháp **Đại thừa**. Nếu căn tánh của ta cao hơn nữa thì sẽ hiểu được pháp **Phật thừa**.

Có một sự thật mà chúng ta cần phải biết, đó là: Đạo Phật vốn không có pháp môn. Pháp môn nghĩa là phương pháp tu hành để cải sửa. Đạo Phật không có cải sửa, mà đạo Phật là đạo trực chỉ nhận lại tự tánh để thành Phật, nên đạo Phật được mệnh danh là **đạo cao siêu nhiệm mầu**. Nhưng nếu chư Phật đến đây chỉ dạy cho chúng ta có một pháp tu trực chỉ thành Phật, thì chúng ta sẽ không có đủ trí tuệ để tin. Tại sao? Vì Tịnh độ là pháp môn cao siêu và khó tin, nên chỉ có chư

Phật mới hiểu được chân tướng của pháp môn Tịnh độ mà thôi. Vì chỉ có chư Phật mới hiểu được, nên sau khi Phật Thích Ca thành Phật ở dưới cây Bồ đề, thì Ngài liền than rằng: “**Khó quá, khó quá!**”. Tại sao Phật than khó quá? Là vì Ngài nhìn thấy căn tánh của chúng sanh ở trong thế giới Ta bà này si mê, điên đảo, mà pháp tu trực chỉ thành Phật thì quá cao siêu, vì vậy mà Ngài mới than là khó quá, khó quá.

Nhưng sau đó vì lòng từ bi muốn cứu hết chúng sanh, nên Phật phải dùng nhiều phương pháp tu hành để dẫn dắt chúng sanh đi từ thấp lên cao. Những pháp phương tiện căn bản mà Phật thuyết đầu tiên, đó là: **Tứ diệp đế, Bát chánh đạo, Mười hai nhân duyên, Mười tám giới,...** Phật giảng những pháp căn bản này là giúp cho chúng sanh hiểu được chân tướng của **nhân sinh, đạo tâm và luân hồi sanh tử**. Rồi qua một thời gian sau, khi Phật nhìn thấy căn tánh của chúng sanh hiểu biết cao hơn, nên Ngài dạy về **Bát nhã** để giúp cho chúng sanh hiểu được “tánh không” của vạn pháp. Rồi đến giai đoạn sau cùng, khi Phật nhìn thấy nhân duyên làm Phật của chúng sanh đã được chín muồi, nên Ngài dạy về **Niết bàn** và cuối cùng Ngài khuyên chúng sanh nên phát nguyện sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà để thành tựu **Phật quả**.

Tóm lại, trong 49 năm thuyết pháp của Phật, chỉ nhằm mục đích là đưa tất cả chúng sanh hướng về tu pháp Tịnh độ. Vì Tịnh độ là pháp tu trực chỉ thành Phật của chư Phật ba đời. Còn những pháp Tiểu thừa và Đại thừa chỉ là những pháp phương tiện giúp cho chúng sanh tu sửa, để tiến hóa lên làm **người**, làm **trời**, làm **Thánh** và làm **Bồ tát**, nhưng không thể làm **Phật**. Vì

muốn làm Phật thì chúng ta phải phát nguyện sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà để thành tựu Phật quả. Vì vậy mà những vị Đẳng giác Bồ tát ở “Hoa Tạng thế giới” như là: Ngài Quán Thế Âm, Ngài Đại Thế Chí, Ngài Văn Thù, Ngài Phổ Hiền... cuối cùng đều phải phát nguyện sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà để thành tựu Phật quả. Nếu quý bạn không tin thì xin tìm bộ “**Kinh Hoa Nghiêm**” và tham cứu kỹ trong phẩm “**Hạnh nguyện Phổ Hiền**” quy hướng Cực Lạc thì sẽ rõ.

Bây giờ chúng ta tìm hiểu vào những điều tối quan trọng mà Phật Thích Ca đã huyền ký gần ba ngàn năm trước. Chỉ cần hiểu được những lời huyền ký của Phật dạy ở trong Kinh, thì chúng ta sẽ hiểu được pháp môn Tịnh độ đối với chư Phật và chúng sanh quan trọng như thế nào?

1. Phật cho biết giáo pháp của Ngài sẽ trụ ở trên thế gian này là 12 ngàn năm. Nhưng trong thời gian 12 ngàn năm đó, sẽ có ba thời kỳ biến đổi khác nhau, đó là: **Thượng pháp**, **Tượng pháp** và **Mạt pháp**.

2. Phật cho biết sau khi Ngài nhập Niết bàn, thì một ngàn năm đầu gọi là thời kỳ **Thượng pháp**. Qua ngàn năm thứ hai thì gọi là thời kỳ **Tượng pháp** và qua ngàn năm thứ ba trở về sau thì gọi là thời kỳ **Mạt pháp**. Như vậy, thời kỳ Mạt pháp có tất cả là 10 ngàn năm.

3. Phật cho biết thời kỳ **Thượng pháp** thì **Thiền** được thành tựu rất đông (*tức là một ngàn năm đầu*). Qua đến thời kỳ **Tượng pháp** thì **Thiền** vẫn còn được thành tựu, nhưng ít hơn (*tức là ngàn năm thứ hai*). Qua đến thời kỳ **Mạt pháp** thì **Tịnh độ** được thành tựu (*tức là từ ngàn năm thứ ba trở về sau*).

Kính thưa quý bạn! Qua những lời huyền ký của Phật ở trên cho chúng ta thấy **Thiền** chỉ được thành tựu có hai ngàn năm đầu mà thôi. Còn **Tịnh độ** thì được thành tựu cho tới hơn 10 ngàn năm về sau. Nếu chúng ta chịu buông bỏ chấp trước, thì sẽ thấy giáo pháp của Phật Thích Ca chỉ trụ ở trên thế gian này có hai ngàn năm đầu mà thôi. Còn 10 ngàn năm về sau là thuộc về giáo pháp của Phật A Mi Đà. Điều này cho chúng ta thấy, mục đích của Phật Thích Ca thị hiện đến đây là để hoằng dương giáo pháp của Phật A Mi Đà. Còn giáo pháp của Ngài chỉ là phương tiện trong thời gian đầu lập đạo mà thôi.

Thật ra, không phải chỉ có Phật Thích Ca thị hiện đến đây để hoằng dương giáo pháp của Phật A Mi Đà, mà tất cả chư Phật và Bồ tát từ vô thủy kiếp đến nay, đều phải hoằng dương giáo pháp của Phật A Mi Đà. Nghĩa là mỗi một vị Phật ra đời từ xưa cho đến nay, đều giáo hóa giống nhau không khác. Nghĩa là trong thời gian đầu lập đạo, thì quý Ngài phải dùng những pháp tu phương tiện, để làm gương và giúp cho chúng sanh có cơ hội để tu bồi công đức. Nhưng sau khi lập đạo xong, thì quý Ngài phải dẫn dắt chúng sanh hướng về Cực Lạc của Phật A Mi Đà, để thành tựu Phật quả. Mới nghe qua thật là khó tin, nhưng đây là vạn lần chân thật, chẳng qua chúng ta không có đủ trí tuệ để hiểu được chân tướng sự thật đó thôi. Sau này Phật Di Lạc ra đời, Ngài cũng giáo hóa như Phật Thích Ca không khác. Nếu là đệ tử Phật, thì chúng ta phải biết pháp tu nào là phương tiện và pháp tu nào là cứu cánh của đạo Phật.

Kính thưa quý bạn! Nước Việt Nam chúng ta nhờ có phước đức của tổ tiên, ông bà để lại, nên chúng ta

ngày nay mới hưởng được đầy đủ Kinh sách của ba thừa. Nghĩa là nước Việt Nam chúng ta hiện tại có đầy đủ Kinh sách của **Tiểu thừa**, **Đại thừa** và **Phật thừa**. Vậy mà chúng ta không biết trân quý học hỏi và tu hành, ngược lại, chúng ta còn đứng núi này trông núi kia. Vì không an phận, nên chúng ta tìm đủ cách để được đi du học ở các nước Phật giáo trên thế giới. Nếu chúng ta đi du học ở các nước có Phật giáo Đại thừa và Phật thừa để tìm hiểu thêm thì không sao. Nhưng chúng ta không nên đi du học ở các nước chỉ có Phật giáo Tiểu thừa. Tại sao? Vì nếu chúng ta đi du học ở các nước Phật giáo Tiểu thừa, thì không khác gì chúng ta đang bỏ vàng để lấy đồng và bỏ gốc để lấy ngọn.

Có một điều mà chúng ta cần phải biết, đó là: Nếu tính đến thời điểm này, thì Phật giáo Việt Nam là đứng nhất thế giới rồi. Nghe qua thật là khó tin, nhưng đây là vắn lằn chân thật. Tại sao? Vì hiện nay ở trên thế giới này có được bao nhiêu nước có đầy đủ Kinh sách của ba thừa? Thêm vào, cho dù họ có đầy đủ Kinh sách của ba thừa, thì họ cũng chưa có đủ **thiện căn** và **phước đức** để tu pháp môn Tịnh độ nhiều như nước Việt Nam chúng ta. Nếu tính đến thời điểm này, thì nước Việt Nam đã có tới 80% Phật tử trong và ngoài nước đang tu về pháp môn Tịnh độ (*tức Phật thừa*). Cái thiện căn, phước đức và nhân duyên này, trên thế giới chưa có nước nào bì kịp. Trong Kinh Phật nói: **“Người nào tin được pháp môn Tịnh độ, thì người đó không phải là người thường mà là vị Phật sắp thành”**. Nếu so sánh về mặt chủng tộc, thì người Hoa có đầy đủ Kinh sách hơn người Việt Nam và họ tu về pháp môn Tịnh độ cũng đông hơn chúng ta. Nhưng nếu so sánh từng

nước một, thì tỉ lệ Phật tử Việt Nam tu Tịnh độ nhiều hơn các nước Phật giáo trên thế giới.

Qua sự phân tích ở trên, chúng ta thử tính xem hiện tại người Việt Nam ở trên khắp hoàn cầu, có bao nhiêu vị Phật sắp thành? Con số này thật tình là chúng ta không thể tính đếm. Đó là chưa nói hiện tại nước Việt Nam chúng ta còn có những vị Phật và Bồ tát từ Cực Lạc đã hóa thân đến đây. Nếu không có chư Phật và Bồ tát từ Cực Lạc hóa thân đến đây, thì nước Việt Nam chúng ta làm gì mà hưởng được cái phước đức lớn như vậy. Thật ra, không phải chỉ có nước Việt Nam mới có Phật và Bồ tát từ Cực Lạc hóa thân đến, mà nhiều nước Phật giáo ở trên thế giới cũng đang có Phật và Bồ tát từ Cực Lạc hóa thân đến. Khi đọc đến đây tôi biết quý bạn sẽ hỏi rằng: *“Làm sao chúng ta có thể biết được nước nào đang có Phật và Bồ tát từ Cực Lạc hóa thân đến?”*. Thật ra, điều này rất dễ biết, không khó. Quý bạn chỉ cần nhìn nước nào đang phát triển mạnh về pháp môn Tịnh độ, thì nước đó chắc chắn đang có Phật và Bồ tát từ Cực Lạc hóa thân đến. Tại sao? Vì chỉ có chư Phật và Bồ tát từ Cực Lạc hóa thân đến, mới hoằng dương nổi pháp môn Tịnh độ.

Thêm vào, thời nay là thời Mạt pháp, là thời pháp môn Tịnh độ được thành tựu, nên chư Phật và Bồ tát phải hóa thân đến đây, để kết tập lại Kinh Tịnh độ và thuyết giảng cho chúng sanh hiểu rõ chân tướng của pháp môn Tịnh độ. Tóm lại, vì nhân duyên làm Phật của chúng sanh ở trong thế giới Ta bà này đã được chín muồi, nên chiêu cảm được chư Phật và Bồ tát từ Cực Lạc hóa thân đến đây để giáo hóa. Nhờ vậy mà trong nhiều năm qua, pháp môn Tịnh độ mới được phát triển

trên thế giới mỗi ngày thêm mạnh. Điều này cho chúng ta thấy, những gì mà Phật Thích Ca huyền ký trong Kinh gần ba ngàn năm trước, nay đã trở thành hiện thật.

Có một điều chúng ta phải hết sức thận trọng, đó là: Nếu căn tánh của ta chỉ hiểu được pháp Tiểu thừa, thì chỉ giảng trong phạm vi của pháp Tiểu thừa. Còn nếu căn tánh của ta không hiểu được pháp Đại thừa và Phật thừa, thì tốt nhất là ta nên giữ im lặng. Chúng ta không nên si mê phỉ báng Kinh Phật, vì làm như vậy chỉ hại mình bị đọa địa ngục mà thôi.

Còn nói về vấn đề du học, thì chúng ta nên đi về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà là thù thắng nhất. Vì về đó chúng ta sẽ mau được thành Phật mà không lo bị ai gạt. Còn ở đây nếu chúng ta đi du học không đúng nơi, đúng chỗ thì sẽ bị Ma vương đưa đường dẫn lối. Tại sao chúng tôi dám nói như vậy? Là vì nhiều năm qua, chúng tôi thấy có rất nhiều bạn sau khi đi du học ở các nước Phật giáo về, thì đều bị rơi vào tội phỉ báng Kinh Phật và sanh tâm ngã mạn. Rốt cuộc quý bạn càng đi du học, thì càng rơi vào ma đạo mà chính bản thân mình không hay biết. Thử hỏi như vậy có đáng thương không? Xin quý bạn hãy suy nghĩ lại.



DIÊN ĐẢO

Du học các nước Tiểu thừa
 Về nhà phỉ báng Phật thừa Như Lai
 Du học trí tuệ chẳng khai
 Tưởng lầm trí tuệ không ai sánh bằng.

Nghênh ngang thuyết pháp tuyên rằng
 Tây phương chẳng có, Phật Đà cũng không
 Kinh Vô Lượng Thọ viễn vông
 Do Cư sĩ bịa, Phật không truyền thừa.

Cho rằng người xưa nói bừa
 Bịa Kinh Địa Tạng truyền thừa ngoài trong
 Nghênh ngang khuyên chúng giữ lòng
 Không nên tin những Kinh không truyền thừa.

Phật nghe đau xót trong lòng
 Buồn cho Tà thuyết lẫn trong Tăng đoàn.
 Nghe qua ai cũng bàng hoàng
 Vàng thao lẫn lộn, Tăng đoàn nguy nan.

SI MÊ

Pháp Phật thuyết bốn mươi chín năm
 Chỉ bằng nắm lá trong tay Ngài.
 Pháp Phật chưa thuyết như rừng lá
 Bạn hiểu được hết nắm lá chưa?

Hay bạn chỉ hiểu được vài lá?
 Vài lá cho là **cứu cánh** ư?
 Vài lá cho là **đạo Phật** ư?
 Vài lá cho mình **trí tuệ** ư?

NIỆM PHẬT CÁCH NÀO ĐỂ ĐƯỢC NHẤT TÂM?

Kính thưa quý bạn! Nếu nói về niệm Phật thì có rất nhiều cách. Ở đây, tôi xin chia sẻ về cách niệm Phật của tôi trước khi được nhất tâm để quý bạn tìm hiểu thêm.

I. Niệm Phật mọi lúc mọi nơi

Trước khi được nhất tâm, tôi là người có cuộc sống luôn bộn ba và bận rộn, nên mỗi tối tôi không có nhiều thời gian để ngồi niệm Phật. Vì vậy, mỗi khi lái xe đi làm hay đi công chuyện tôi đều niệm **Nam mô A Mi Đà Phật** (*niệm ra tiếng hoặc niệm theo tiếng nhạc niệm Phật ở trong xe*). Ở bên Mỹ, đường xá rất là rộng và luật lệ giao thông rất là tốt, nên tôi vừa lái xe vừa niệm Phật không có gì là trở ngại, mà ngược lại còn giúp cho tôi lái xe được tập trung hơn. Tại sao? Vì nếu tôi không niệm Phật, thì trong đầu của tôi sẽ có hàng vạn vọng tưởng si mê nổi lên như là tức giận, buồn vui,... Những chuyện tức giận và buồn vui đó sẽ làm cho tôi lái xe không được tập trung. Còn khi niệm Phật thì trong đầu tôi chỉ có một câu Phật hiệu, nhờ vậy mà tôi lái xe được tập trung hơn. Tóm lại, hằng ngày dù lái xe đi làm hay đi công chuyện tôi đều niệm Phật ra tiếng hoặc niệm thầm. Chỉ trừ những lúc giao tiếp hay công việc cần sự tập trung, thì tôi mới bỏ câu Phật hiệu xuống để cho công việc được hoàn thành. Khi niệm Phật, tôi không câu nệ vào hình thức như đi, đứng hay nằm, ngồi. Tóm lại, trước khi được nhất tâm tôi là người niệm Phật thầm và ra tiếng trong mọi hoàn cảnh.

Có một điều quan trọng mà tôi xin chia sẻ, đó là: Trong lúc niệm Phật nếu vọng tưởng kéo đến, thì ta cứ

mặc kệ để cho nó đến. Vì nếu ta không để chúng tự nhiên đến thì chúng sẽ không tự nhiên đi. Khi chúng đến ta thương chúng như con và dùng câu Phật hiệu để độ chúng. Nghĩa là ta cứ tập trung niệm Phật, lâu ngày vọng tưởng sẽ tự nhiên biến mất. Biến mất không có nghĩa là diệt sạch, mà là chúng biến mất mỗi khi ta niệm Phật. Duy chỉ có hai điều quan trọng mà ta cần phải biết, đó là: Khi niệm Phật thì ta phải dùng tánh nghe để nghe câu niệm Phật và đưa câu niệm Phật vào tâm. *(Khi bạn tập trung nghe tiếng niệm Phật là bạn đã dùng tánh nghe của mình để nghe rồi. Khi bạn thành tâm niệm Phật là bạn đã đưa tiếng niệm Phật vào tâm của mình rồi).* Nhưng chúng ta phải niệm một cách tự nhiên, nhẹ nhàng và uyển chuyển nương theo hơi thở, giống như là mình đang uống nước. Khi niệm Phật thì ta không nên dồn nén câu Phật hiệu lên đầu nhiều. Tóm lại, mỗi người tự tìm cho mình một cách thích hợp, nhẹ nhàng và tự nhiên

Còn cách này rất có hiệu quả, đó là: Mỗi khi ta niệm Phật 6 chữ hay 4 chữ cũng được, miễn sao niệm tới chữ Đà Phật thì tâm của ta nghĩ chữ **Đà Phật** là **thành Phật**. Nghĩa là miệng của ta niệm A Mi Đà Phật, nhưng trong tâm mỗi câu Đà Phật ta đều nguyện thành Phật. Nếu ta vừa niệm và vừa nguyện như vậy, thì tâm của ta sẽ được tập trung hơn và không bị vọng tưởng phân tâm. Niệm Phật cách này sẽ nhắc mình nhớ niệm Phật là để **thành Phật**. Khi mới bắt đầu nguyện thì chữ thành Phật trong tâm sẽ còn rời rạc, nhưng nguyện lâu ngày thì chữ thành Phật trong tâm sẽ đóng thành một khối. Khi chữ thành Phật trong tâm được đóng thành

một khối, thì cho dù ta có đi, đứng hay nằm, ngồi thì chữ thành Phật trong tâm sẽ không hề thay đổi.

Ngoài chuyên tâm niệm Phật ra, thì ta phải biết buông xả. Điều này thì bạn không nên lo lắng nhiều. Vì khi niệm Phật lâu ngày, tâm của ta sẽ tự nhiên buông xả mà chính mình không hay biết. Nếu bạn muốn niệm Phật mau được nhất tâm, thì chỉ có vào chùa tu niệm Phật thất là hữu hiệu nhất (*thất là bảy, nghĩa là vào chùa tu niệm Phật liên tục bảy ngày*). Sau bảy ngày niệm Phật, tâm của bạn sẽ thay đổi một cách không ngờ. Qua kinh nghiệm của bản thân tôi hiểu rõ. Chỉ cần quý bạn quyết tâm buông xả và nguyện niệm Phật để thành Phật, thì trong vòng ba năm bạn sẽ niệm được **nhất tâm tam muội** (*buông xả trên tâm không phải buông xả trách nhiệm*).

II. Niệm Phật loại trừ vọng tưởng

Trong lúc niệm Phật, nếu vọng tưởng kéo đến dồn dập thì ta nên niệm Phật liên tục. Niệm theo lối Kim cang trì. Kim cang trì nghĩa là cách niệm Phật thâm nhép môi và mỗi câu Phật hiệu phải niệm liên tục nối đuôi nhau, nhưng phải niệm uyển chuyển nương theo hơi thở và sức khỏe của mình. Chúng ta phải niệm nhẹ nhàng và vô tư trong sáng như đứa bé ba tuổi. Điều cấm kỵ của người tu niệm Phật là không nên ém hơi, hoặc dồn nén lên đầu của mình nhiều sẽ không tốt. Tuy chúng ta niệm nhanh, nhưng mỗi chữ phải nghe cho rõ ràng không nên nuốt chữ. Người đời thường cho rằng niệm theo lối Kim cang trì là phải niệm thâm nhép môi. Nhưng chúng ta có thể niệm ra tiếng cũng được, không nhất thiết là phải niệm thâm nhép môi.

Điều quan trọng là ta phải niệm mỗi chữ liên tục nối đuôi nhau, như bức tường thành chặn đứng không cho vọng tưởng xen vào. Miệng ta niệm liên tục và tai ta nghe liên tục, thì vọng tưởng sẽ không có cơ hội xen vào. Khi vọng tưởng kéo đến dồn dập thì ta niệm lớn tiếng. Khi vọng tưởng bớt dần thì ta niệm thầm. Đây là cách đưa vọng tưởng vào Niết bàn, không phải là chống lại vọng tưởng. Nếu trong lúc tu niệm mà ta khởi tâm chống lại vọng tưởng, thì sẽ bị rơi vào phân biệt chấp trước. Còn chấp trước là còn chướng ngại. Tóm lại, khi niệm Phật thân tâm của ta phải biết uyển chuyển và nhẹ nhàng như dòng nước chảy. Có như vậy thì câu Phật hiệu mới dễ thâm nhập vào tâm. Khi bắt đầu tập niệm, bạn không nên lo về vấn đề đưa tiếng niệm vào tâm, mà chỉ niệm tự nhiên là đủ. Vì khi bạn tập trung niệm Phật là bạn đã đưa tiếng niệm Phật vào tâm của mình rồi.

Nhiều năm qua, có nhiều Phật tử hỏi chúng tôi rằng: *“Thưa cô Diệu Âm Diệu Ngộ! Tại sao tôi niệm Phật đã lâu mà không thấy có kết quả chi cả, ngược lại chỉ thấy mình sao có nhiều vọng tưởng quá!”*. Mỗi khi có ai hỏi câu này thì tôi đều trả lời với họ rằng: *“Thưa bạn! Thật ra, bạn niệm Phật đã có kết quả rồi đấy, nhưng vì không hiểu nên bạn cho rằng mình niệm Phật không có kết quả. Nếu một người niệm Phật không có kết quả, thì sẽ không bao giờ biết được là mình có nhiều vọng tưởng. Chỉ có người nào khai mở được trí tuệ, thì mới biết mình có nhiều vọng tưởng mà thôi”*.

Bây giờ, quý bạn hãy bình tâm mà suy nghĩ lại xem: Trước kia, lúc chưa tu hành thì bạn có bao giờ biết được vọng tưởng là gì không? Có bao giờ biết

vọng tưởng hại mình bị đau khổ như thế nào không? Có bao giờ biết đi hỏi người khác tại sao mình có nhiều vọng tưởng không? Chắc chắn là không. Chỉ sau khi bạn biết tu hành và khai mở được trí tuệ, thì bạn mới biết vọng tưởng là si mê. Vì biết vọng tưởng là si mê nên bạn mới biết lo sợ, mới biết chạy đi tìm Thầy để hỏi tại sao mình có quá nhiều vọng tưởng? Như vậy, cho thấy bạn tu hành đã có kết quả. Chẳng qua vì không hiểu, nên bạn mới sanh ra hiểu lầm và lo lắng đầy thôi.

Đạo Phật là đạo của trí tuệ, do đó chỉ cần bạn tin sâu và niệm Phật không thoái chuyển, thì bạn sẽ khai mở được trí tuệ. Khi trí tuệ được khai mở, thì bạn sẽ thấy được mỗi vọng niệm thiện ác khởi lên trong tâm mình. Nhờ thấy được chúng mà bạn mới biết loại bỏ những ý tưởng xấu ác, để trở về với tâm thanh tịnh của mình.

Nhiều năm qua, có nhiều Phật tử hỏi chúng tôi rằng: *“Thưa cô Diệu Âm Diệu Ngộ! Có cách tu hành nào để giúp cho mình mau đoạn sạch được vọng tưởng không?”*. Mỗi khi có ai hỏi câu này thì tôi đều trả lời với họ rằng: *“Thưa bạn! Chỉ có pháp tu Tịnh độ là đoạn sạch được vọng tưởng và thành Phật nhanh nhất. Nhưng muốn đoạn sạch được vọng tưởng, thì ta phải cần có thời gian để chuyển chúng từ từ. Không phải ta mới tu có vài tháng hoặc vài năm là muốn đoạn sạch vọng tưởng của mình, vì chuyện đó sẽ không bao giờ có”*.

Quý bạn nên biết rằng: Chỉ khi nào thành Phật thì ta mới đoạn sạch được vọng tưởng và vô minh của mình 100%. Những bậc “Đẳng giác Bồ tát” mà vẫn còn một phẩm thân tướng vô minh. Chúng ta là phàm phu

thì làm sao mà đoạn sạch được vọng tưởng và vô minh của mình ngay trong đời này. Chỉ có điều là tùy vào sự tu niệm của ta mà vọng tưởng được bớt nhiều hay ít. Nhưng dù bớt được nhiều hay ít cũng không quan trọng, mà điều quan trọng là ta cứ bám chặt lấy câu A Mi Đà Phật mà niệm tới cùng. Lâu ngày vọng tưởng sẽ tự nhiên biến mất mà chính mình cũng không hay. Đây là sự niệm mầu của pháp môn Tịnh độ.

Nếu trong lúc niệm Phật mà chúng ta cứ lo đuổi vọng tưởng đi, thì sẽ bị vọng tưởng gạt mình đấy. Tại sao? Vì ngay giây phút ta cố tình đuổi vọng tưởng đi, thì cũng là giây phút ta soi sáng chúng. Trong lúc soi sáng chúng, thì cũng là lúc ta bỏ quên câu A Mi Đà Phật mà không hề hay biết. Không những vậy, mà ta còn để cho vọng tưởng dẫn mình đi nam, đi bắc mà không hề hay biết. Cuối cùng, ta không niệm Phật mà chỉ niệm vọng tưởng si mê, điên đảo. Như vậy, có phải là ta đã bị vọng tưởng gạt rồi không?

Nếu chúng ta niệm Phật mà cứ để cho vọng tưởng làm chủ, thì ta sẽ mất đi phần vãng sanh và bị luân hồi tiếp tục. Bạn nên biết rằng vọng tưởng vốn không có, chỉ vì tâm si mê của ta khởi lên mà chúng mới có. Vì vậy, ta không nên lo nhiều về vấn đề vọng tưởng, mà hãy lo tu niệm Phật ngày đêm thì vọng tưởng sẽ tự nhiên được bớt dần. Chỉ cần vọng tưởng được bớt dần thì trí tuệ của ta sẽ được khai mở. Khi trí tuệ được khai mở, thì ta sẽ có đủ công đức để sanh về cõi Phật A Mi Đà.

Còn cách này rất có hiệu quả, đó là: Nếu trong lúc niệm Phật mà vọng tưởng sân, si kéo đến dồn dập thì ta nên niệm thêm câu “**quét rác**” hay là “**xả độc**”. Trong

lúc niệm câu “quét rác” hay “xả độc” thì ta nên quán tất cả những ý nghĩ thương ghét đang ở trong tâm ta đều là rác và độc. Nếu chúng là rác và độc, thì ta không nên đem chúng vào để làm ô nhiễm thân tâm của ta, mà ta phải quét và xả chúng ra ngoài càng nhanh càng tốt. Ngoài ra, ta phải quán tất cả những lời nói và hành động của những người đang làm cho ta đau khổ cũng đều là rác. Nếu là rác thì ta không nên đem những lời nói của họ vào làm ô nhiễm thân tâm của ta.

Tóm lại, mỗi khi tâm của ta bị bức xúc quá độ không thể khống chế, thì ta có thể dùng thêm câu “quét rác” hay “xả độc” để niệm cả ngày cũng được (*nếu bạn tức giận cả ngày*), vì hai câu này cũng là pháp tu để thanh lọc thân tâm rất là hữu hiệu. Bạn cứ niệm hai câu này cho tới khi nào bạn cảm thấy thân tâm nhẹ nhàng, thì lúc đó bạn mới niệm Phật để an định lại thân tâm. Vì một khi ta sân giận quá độ thì sẽ không niệm Phật được. Nhưng bạn không nên hiểu lầm cho rằng, nếu mình niệm thêm hai câu này thì sẽ bị tu xen tạp. Thật ra không phải vậy, mà bạn phải hiểu niệm Phật là **chánh hạnh**, còn hai câu “quét rác” và “xả độc” chỉ là **trợ hạnh**, giúp nhắc nhở ta không nên đem rác và độc vào trong tâm mình.

III. Niệm Phật bằng tâm

Khi niệm Phật ta không nên câu nệ về vấn đề nhắm mắt hay mở mắt. Chúng ta phải biết uyển chuyển theo thân thể và sức khỏe của mình. Nghĩa là khỏe thì ta mở mắt he hé, còn mệt thì ta nhắm mắt. Niệm Phật là tâm ta niệm không phải mắt và thân ta niệm. Tâm là chính, thân chỉ là phụ, trợ lực cho tâm mà thôi. Điều

quan trọng là khi niệm Phật, tâm của ta phải luôn thức tỉnh để giữ câu niệm Phật. Nếu ta câu nệ vào hình thức quá nhiều, vô tình sẽ sanh ra phân biệt chấp trước. Còn phân biệt thì còn chướng ngại, còn chướng ngại thì không đạt đến an lạc, tự tại. Tóm lại, ta càng buông xả thì càng tự tại.

Nếu nói về phương pháp niệm Phật thì có rất nhiều cách, nhưng tùy theo căn tánh và sinh hoạt hằng ngày, mà ta tự lựa chọn cho mình một cách niệm Phật nhẹ nhàng và tự nhiên. Nếu bạn muốn niệm Phật mau được nhất tâm, thì không nên đặt để cho mình phải niệm theo cách này hay cách kia. Nếu bạn tự ép mình vào một cách niệm Phật nào đó thì sẽ khó được nhất tâm. Tại sao? Vì niệm Phật không có cách nào hay hơn cách nào và cũng không có cách nào đúng hơn cách nào, mà tất cả cách niệm Phật và nhạc niệm Phật đều có cái hay riêng của nó. Điều quan trọng là ta có biết dùng chúng đúng tâm trạng của mình trong mọi tình huống hay không?

Kính thưa quý bạn! Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta ai cũng bị chung đụng với nhiều hoàn cảnh khác nhau, như là: Có khi ta cảm thấy rất vui, nhưng có khi ta cảm thấy rất buồn, đau khổ hay tức giận... Nhiều khi chỉ trong một giờ đồng hồ mà tâm của ta tràn ngập những sự vui buồn, thương ghét lẫn lộn. Nếu ta biết lựa chọn cách niệm Phật để phù hợp cho mọi tình huống, thì ta sẽ thành tựu được rất nhanh.

Còn một điều quan trọng mà ta cần phải biết, đó là: Khi niệm Phật thì ta phải biết dùng **chân tâm** của mình để niệm. Nghĩa là ta phải biết dùng chân tâm để cột ý của mình, như vậy gọi là **tâm ý** hợp nhất. Chúng

ta phải biết tâm là chân, còn ý là vọng. Ý là tâm giả mà ta xưa nay không hề hay biết, ngược lại còn tưởng ý là tâm thật của mình. Vì lầm tưởng ý là tâm thật của mình, nên ta mới để cho ý dẫn dắt mình đi lang thang trong luân hồi sanh tử.

Nếu ý là tâm thật thì Phật không gọi nó là “**ý căn**” và cũng không xếp nó vào “**thức thứ sáu**”. Nếu ý là tâm thật thì Phật không cần phải cảnh báo cho chúng ta biết rằng: “**Ý dẫn đầu các pháp, ý tạo tác**”. Nếu ý là tâm thật thì Phật không cần dạy chúng ta rằng: “**Các con phải dùng chân tâm để niệm Phật, phải dùng chân tâm phát nguyện và phải dùng chân tâm làm chủ ý căn, không nên để cho nó vọng tưởng tham, sân, si**”.

Thật ra, trong bài này chúng tôi không muốn giải thích về vấn đề tâm và ý. Vì vấn đề tâm thật và tâm giả, chúng tôi đã giải thích rất rõ trong nhiều bài pháp rồi. Nhưng tại sao ở đây chúng tôi phải giải thích thêm về vấn đề tâm và ý? Bởi vì trong nhiều năm qua, có nhiều Phật tử trong và ngoài nước đã hỏi chúng tôi rằng: “*Thưa cô Diệu Âm Diệu Ngộ! Người niệm Phật phải dùng tâm hay dùng ý của mình để niệm Phật?*”. Mỗi khi nghe có ai hỏi câu này thì tôi đều trả lời với họ rằng: “*Dĩ nhiên là phải dùng tâm của mình để niệm Phật*”. Họ lại hỏi tôi rằng: “*Nếu vậy thì tại sao gần đây, chúng con nghe có một số Thầy và Phật tử nói rằng người niệm Phật phải dùng ý để niệm thì mới mau được nhất tâm hơn, nên chúng con không biết là mình nên dùng tâm hay dùng ý để niệm?*”. Tóm lại, nhiều năm gần đây, có nhiều Phật tử trong và ngoài nước thắc mắc về vấn đề niệm Phật bằng tâm hay bằng ý?

Ở đây, tôi không có nhiều thời gian để giải thích, mà tôi chỉ lấy cái miệng của chúng ta để phân tích, thì quý bạn dễ hiểu hơn. Khi sanh ra làm người, tất cả chúng ta ai cũng biết mình ăn cơm bằng miệng. Cho dù là đứa bé mới sanh ra, nó cũng biết dùng miệng của nó để bú sữa có phải vậy không? Nếu một đứa bé mới sanh ra mà cũng biết dùng miệng của nó để bú sữa, vậy thì ta có cần phải đi dạy người đời dùng miệng để ăn cơm không? Chắc chắn là không. Tại sao? Vì chuyện chúng ta dùng miệng để ăn, vốn nó đã có từ khi lập địa cho đến nay ai mà không biết. Nếu ai cũng biết, thì ta cần gì phải đi dạy người đời là phải dùng miệng để ăn. Chúng ta làm như vậy không phải là dư thừa hay sao? Bây giờ tôi xin đưa ra hai ví dụ để quý bạn tự suy ngẫm xem chúng có dư thừa hay không?

Ví dụ 1: Có một người tới nói với bạn rằng: “*Anh à! Khi ăn cơm anh phải nhớ dùng miệng để ăn nghe chưa*”. Sau khi nghe người đó nói như vậy thì bạn sẽ nghĩ sao? Có phải bạn sẽ cười người đó phải không? Tại sao? Vì chuyện ăn cơm bằng miệng xưa nay ai mà không biết.

Ví dụ 2: Có một người tới nói với bạn rằng: “*Anh à! Khi niệm Phật anh phải nhớ dùng ý để niệm nghe chưa*”. Sau khi nghe người đó nói như vậy thì bạn sẽ nghĩ sao? Có phải bạn cũng sẽ cười người đó phải không? Tại sao? Vì xưa nay ai mà không biết dùng ý của mình để suy nghĩ và hành động. Tóm lại, nếu người nào đến khuyên bạn dùng ý để niệm Phật, thì người đó cũng không khác gì với người đang khuyên bạn ăn cơm bằng miệng.

Kính thưa quý bạn! Qua hai ví dụ ở trên, quý bạn

đã hiểu được khi ta phát tâm niệm Phật để thành Phật, thì trong mỗi niệm của ta đều bao gồm luôn cả ý của mình ở trong đó rồi. Cũng như khi ta ăn cơm, thì đã bao gồm luôn cả miệng của mình ở trong đó rồi. Tóm lại, chúng ta phải niệm Phật bằng tâm. Tại sao? Vì ý tự nó không biết phát nguyện và tự nó không biết niệm Phật. Nó biết khởi niệm Phật là do chân tâm của ta làm chủ nó. Cũng như cái miệng của ta tự nó không biết nhai, mà do tâm ý của ta điều khiển nó mới hoạt động. Cũng như con trâu tự nó không biết giữ nó, mà nó phải cần có người chằng trâu hoặc sợi dây cột giữ nó, thì nó mới không chạy lung tung. Khi niệm Phật cũng như vậy, ta phải biết dùng **chân tâm** (*thức thứ tám*) để làm chủ **ý thức** (*thức thứ sáu*), không để cho nó khởi niệm tham, sân, si.

Tóm lại, khi ta phát tâm niệm Phật thì đã bao gồm luôn cả ý của mình ở trong đó rồi. Nếu mỗi niệm đều bao gồm luôn cả ý, thì bạn cần gì phải đi dạy người đời dùng ý để niệm Phật. Nếu bạn cứ phân biệt ý và tâm như vậy, thì chỉ hại mình và hại Phật tử có thêm chấp trước mà thôi. Đó là chưa nói đến vấn đề có nhiều Phật tử không hiểu, tưởng ý của mình là tâm rồi cứ dồn nén câu Phật hiệu lên đầu. Nếu bạn dồn nén lâu ngày sẽ sanh ra bệnh nhức đầu mà không hay. Vì thấy sự tai hại này mà chúng tôi mới giải thích thêm đoạn ý và tâm, để quý bạn tự suy ngẫm.

IV. Cách niệm Phật trụ vào tâm

Ở đây, tôi xin chia sẻ về cách niệm Phật trụ vào tâm, để quý bạn tìm hiểu thêm. Nếu ta biết cách trụ câu niệm Phật vào tâm, thì sẽ mau được nhất tâm. Nói về tu

niệm thì ta có thể tu niệm trong đi, đứng hay nằm, ngồi, nhưng ngồi thì dễ được định tâm và dễ quán xét cái tâm của mình hơn. Cho nên dù hằng ngày cuộc sống có bận rộn đến đâu, thì ta cũng cố gắng dành một ít thời gian để ngồi tu niệm. Khi ngồi niệm Phật ta phải tập trung tư tưởng theo dõi hơi thở ra vào của mình, đừng để ý hơi thở từ lỗ mũi mà phải để ý hơi thở đang hít vào và thở ra. Nghĩa là khi thở ra thì ta biết rõ hơi thở đang lưu xuất ra ngoài, còn khi hít vào thì ta biết rõ hơi thở đang đi vào và trụ ở giữa cuối lồng ngực của mình. Tuy nhiên, phải hít thở bình thường như là mình đang đi, đứng hay nằm, ngồi vậy, không nên ém hơi.

Sau khi quán hơi thở của mình được thuần thục rồi, thì lúc đó mới đưa tiếng niệm Phật hòa nhập vào hơi thở. Mỗi hơi thở hít vào và thở ra đều là một câu A Mi Đà Phật. Nghĩa là thở ra là A Mi, hít vào là Đà Phật hoặc hít vào là A Mi, thở ra là Đà Phật. Tùy theo căn tánh của mỗi người mà tự chọn cho mình một cách thích hợp và nhẹ nhàng. Mỗi câu Phật hiệu đều phải trụ vào ở giữa cuối lồng ngực của mình (*tức trụ vào tâm*). Dù ta niệm ra tiếng hay niệm thầm đều phải trụ câu A Mi Đà Phật vào tâm. Chúng ta cứ xếp câu A Mi Đà Phật vào tâm như vậy, thì câu A Mi Đà sẽ không bị lọt ra ngoài. Ý nghĩa không bị lọt ra ngoài ở đây là nói: *“Ta phải niệm Phật nhiếp tâm, không nên để cho câu Phật hiệu bị tán loạn”*. Nếu bạn không hiểu, lại đi chấp chặt không cho câu Phật hiệu được dung thông ra ngoài thì thật là tai hại. Cách niệm Phật trụ vào tâm là cách tu niệm rất cao, chỉ có những người có sẵn căn tánh thì mới tu niệm được. Nếu bạn là người mới tập tu niệm thì không nên tu theo cách này. Đợi cho đến khi nào công

phu của bạn được thuần thực thì mới tu theo cách này. Điều quan trọng là khi niệm ra tiếng, thì ta phải biết dùng tánh nghe để trụ câu niệm Phật vào tâm. Còn khi niệm thầm thì ta phải dùng tánh biết để trụ câu niệm Phật vào tâm. Nếu ta biết dùng tánh nghe và tánh biết của mình để trụ câu niệm Phật vào tâm trong những lúc đi, đứng hay nằm, ngồi thì sẽ mau được thành khối lẫm. Nếu ta cứ hành trì như vậy lâu ngày, thì sẽ thấy được sự thành tựu rất là rõ ràng.

Rồi qua một thời gian, khi câu Phật hiệu trong tâm được đóng thành một khối, thì ta sẽ không bỏ câu Phật hiệu vào theo hơi thở được nữa. Tại sao? Vì câu Phật hiệu trong tâm ta đã được đầy ấp. Khi tu hành được tới đây, thì ta sẽ cảm thấy lồng ngực của mình rắn chắc và hơi mát lúc nào tỏa ra khắp cả người an lạc không thể tả. Đến lúc này ta nên dùng hết lồng ngực của mình làm khoảng không gian, để trụ câu Phật hiệu vào. Nghĩa là thay vì trước kia ta niệm theo hơi thở và trụ câu niệm Phật vào ở giữa cuối lồng ngực. Còn bây giờ ta dùng tánh nghe và tánh biết để trụ câu A Mi Đà Phật vào hết lồng ngực của mình.

Chúng ta cứ tu trì như vậy qua một thời gian, thì tánh nghe và tánh biết của ta sẽ chuyển thành tánh A Mi Đà sáng suốt. Lúc đó, ta sẽ không trụ câu Phật hiệu vào lồng ngực được nữa. Tại sao? Vì tới lúc đó câu Phật hiệu ở trong tâm ta phải lưu xuất ra ngoài để hòa nhập vào hư không. Tức là hòa nhập vào Pháp thân của ta trong, ngoài thông suốt (*Pháp thân tức là chân tâm*). Lúc đó, ta sẽ cảm thấy thân của mình trong, ngoài trong suốt như khối lưu ly và tỏa mát. Đặc biệt là những lúc tĩnh tọa niệm Phật, ta sẽ quên hết thân tâm, thế giới

và quên cả không gian và thời gian. Lúc đó, trong tâm ta chỉ còn lại mỗi câu A Mi Đà Phật là hiện hữu và bao trùm cả vũ trụ. Khi tu được tới đây, thì ta sẽ không còn dính mắc vào vấn đề điều hòa hơi thở hay đi, đứng hoặc lúc nằm, ngồi vì tất cả đều không còn chướng ngại. Tại sao? Vì tánh nghe và tánh biết của ta đã chuyển thành tánh A Mi Đà sáng suốt rồi. Tánh A Mi Đà là bao gồm các tánh như: **Tánh nghe, tánh biết, tánh thấy, tánh cảm thọ** và **tánh ý thức**. Tóm lại, tánh A Mi Đà là tánh Phật có vô lượng diệu đức sẵn có trong ta.

Kính thưa quý bạn! Nói về cách tu trì thì có nhiều cách khác nhau. Nếu ta bận rộn không có nhiều thời gian để tĩnh tọa hay niệm theo hơi thở trong khi đi, đứng hay nằm, ngồi thì ta có thể dùng bước đi hằng ngày, hay dùng mỗi động tác ở trong ngành nghề để làm thời khóa tu niệm. Nói về bước đi thì bước bên phải là **A Mi**, bước bên trái là **Đà Phật** hoặc là ngược lại. Còn nếu ta bước chậm thì mỗi bước là **A Mi Đà Phật**. Còn nói về ngành nghề hoạt động thì mỗi động tác giơ lên là **A Mi**, để xuống là **Đà Phật**. Những cách tu niệm này có hiệu quả rất nhanh. Ngoài ra, ta nên mua những cái máy chip niệm Phật hoặc dùng những loại phone, iPad, laptop,... có thể tải dữ liệu. Sau đó, ta tìm những loại niệm Phật hành trì mà ta ưa thích, rồi tải về phone, iPad, laptop,... và mang theo bên mình để hành trì cũng được, hoặc ta có thể nghe trực tiếp những loại niệm Phật ở trên những website Phật giáo hay trên YouTube... Tóm lại, ngày nay chúng ta có rất nhiều phương tiện để hành trì.

V. Cách niệm Phật thù thắng nhất

Nếu quý bạn muốn niệm Phật mau được nhất tâm, thì không có cách hành trì nào có thể so sánh với cách hành trì trợ niệm cho người lâm chung. Tại sao? Vì trong lúc trợ niệm ta sẽ không suy nghĩ đến các việc khác, mà chỉ một lòng muốn cứu thần thức của người hấp hối, nên mỗi niệm của ta đều niệm từ chân tâm. Vì vậy, công đức trợ niệm một tiếng đồng hồ, còn nhiều hơn công đức niệm Phật một tháng, đây là vạn lần chân thật. Nếu bạn không tin thì thử đi trợ niệm một lần thì sẽ rõ. Lúc đó, bạn sẽ được nhất tâm mà chính mình cũng không ngờ.

VI. Phần kết luận

Kính thưa quý bạn! Nói về cách niệm Phật thì rất nhiều, nhưng cách nào mà ta cảm thấy hợp và dễ hành trì, thì cách đó là đúng nhất cho mình. Chúng ta không nên chấp chặt vào một cách niệm nào đó, hay là chạy theo cách niệm của người khác. Vì chưa chắc cách niệm của người khác hợp với căn tánh và hoàn cảnh của mình. Cũng như trong siêu thị có cả trăm ngàn món ăn khác nhau, do đó ta phải biết lựa chọn món ăn nào cho thích hợp với bao tử, thì mới bảo vệ được sức khỏe của mình. Ngoài biết cách lựa chọn những món ăn cho hợp với bao tử, ta còn phải biết lựa chọn món ăn cho thích hợp với ăn sáng, ăn trưa và ăn tối. Có như vậy thì ta mới giữ gìn được sức khỏe.

Khi lựa chọn cách niệm Phật cũng không khác gì với cách lựa chọn thức ăn. Thức ăn là để nuôi dưỡng cho thân thể của ta được khỏe mạnh, còn niệm Phật là để khai mở trí tuệ và nuôi dưỡng tâm từ bi của ta. Nếu

hiểu được đạo lý này thì mỗi khi niệm Phật, ta sẽ cảm thấy thoải mái như là mình đang thưởng thức những món ăn ngon vậy. Nếu ta niệm Phật mà thân tâm lúc nào cũng được nhẹ nhàng và thoải mái, thì câu Phật hiệu sẽ dễ thâm nhập vào tâm. Vì vậy, khi niệm Phật ta không nên chấp trước.

Điều quan trọng là ta phải biết lựa chọn cách niệm Phật nào cho hợp với tâm trạng của mình trong mọi tình huống, thì đó mới là người có trí tuệ. Bạn phải biết mấu chốt để được nhất tâm không phải tính ở chỗ cách niệm, mà phải tính ở chỗ tâm của ta có tin sâu và nguyện thiết hay không? Nếu tâm của ta tin được một phần, thì sẽ thâm nhập được Phật quang của chư Phật một phần. Nếu tâm của ta tin được 100% thì sẽ thâm nhập được Phật quang của chư Phật 100%. Tóm lại, muốn được thành Phật nhanh hay chậm thì phải tính ở chỗ niềm tin của ta có nhiều hay ít. Còn một điều quan trọng mà chúng ta cần phải biết, đó là: Khi niệm Phật thì ta phải quyết tâm thành Phật, nhưng không nên khởi tâm mong cầu mau được nhất tâm. Tại sao? Vì còn mong cầu là còn tâm tham, còn tâm tham là còn chướng ngại. Nhưng quý bạn không nên hiểu lầm hai chữ mong cầu ở đây, vì mong cầu có hai ý nghĩa:

1. Nếu bạn niệm Phật ít mà lại mong cầu mau được nhất tâm thì đó gọi là tâm tham. Nếu còn tâm tham thì bạn khó được nhất tâm.

2. Nếu bạn hạ quyết tâm niệm Phật tinh tấn ngày đêm để mau được nhất tâm, thì sự mong cầu đó là chân chính.

Nếu bạn mong cầu chân chính thì sẽ mau được nhất tâm. Trong Kinh Phật nói: **“Tất cả vạn pháp đều**

từ tâm tưởng sanh". Từ tâm tưởng sanh nghĩa là hằng ngày tâm ta nghĩ tưởng cái gì thì ta sẽ thành cái ấy. Vì thấy được sự biến hóa vi diệu của tâm thức, nên chư Phật mới khuyên dạy chúng ta tu niệm Phật mỗi ngày. Nếu ta hằng ngày chỉ nghĩ tưởng thành Phật, thì ta nhất định sẽ thành Phật. Điều này là vạn lần chân thật, vì chư Phật không nói lời giả dối. Còn nói về phát Bồ đề tâm thì quý bạn không nên lo lắng nhiều. Vì trong giây phút mà bạn thành tâm niệm Phật để thành Phật, thì cũng là giây phút mà bạn phát tâm Bồ đề.

NIỆM PHẬT

Phật ở tự tâm hỏi đâu xa
 Hỏi bạn trì danh có một lòng?
 Niệm niệm lâu ngày không thoái chuyển
 Phật tự tâm bạn trả lời thông.

Niệm Phật đâu ai bắt trả tiền
 Ngại gì không niệm mãi hoài nghi
 Tới giờ, Thần chết không bỏ sót
 Lặn hụp luân hồi kiếp nào ra?

Chi bằng niệm niệm theo ngày tháng
 Hiện tiền khỏe mạnh, định, tâm an
 Đến ngày nằm xuống nợ trần dứt
 Tam Thánh vui mừng, ta vãng sanh.



MUỐN ĐƯỢC NHẤT TÂM KHÔNG TU XEN TẠP

Kính thưa quý bạn! Từ nhỏ tôi được mẹ dẫn vào chùa cho làm Phật tử, nhưng chỉ được vài năm thì đất nước thay đổi, từ đó, cuộc sống của tôi luôn bộn ba, bận rộn. Sau đó, tôi qua Mỹ thì cuộc sống lại càng bận rộn hơn, nên tôi không có thời gian để tìm hiểu về Kinh Phật. Sau khi nghe tin mẹ tôi mất, tôi chỉ biết niệm Phật ngày đêm để cầu siêu cho ông bà, cha mẹ và chúng sanh. Ngoài niệm Phật ra, tôi không có tụng Kinh hay tham Thiền chi cả. Thậm chí, tôi cũng không có thời gian để tìm hiểu về Kinh Phật, vì cuộc sống của tôi không cho phép. Nhưng tôi không ngờ pháp môn Tịnh độ thật là nhiệm màu. Nhờ tôi thành tâm niệm Phật cầu siêu cho ông bà, cha mẹ và chúng sanh nhiều năm mà tôi niệm Phật được nhất tâm. Sau khi được nhất tâm, tôi mới thấy trong cái rủi có cái may. Cái may ở đây là tôi không có nhiều thời gian, nếu không thì tôi sẽ tu học đủ pháp môn, vì tính tôi thích tìm hiểu đủ thứ. Sau khi được nhất tâm, tôi mới hiểu được câu nói của Ngài Tịnh Không. Ngài nói rằng: *“Trong 49 năm thuyết pháp của Phật, lời nói quan trọng nhất đó là **niệm cái gì thì thành cái nấy**”*. Nghĩa là mình niệm Phật thì sẽ thành Phật.

Sau khi hiểu được câu nói của Ngài, tôi giật mình và thầm cảm ơn cuộc sống bận rộn của tôi. Qua quá trình tu tập tôi hiểu được chân tướng của pháp môn Tịnh độ. Cũng như vàng vốn nguyên thủy là chói sáng, nếu chúng ta trộn vàng lẫn với đồng, thì sẽ làm mất đi bản thể chói sáng của vàng. Niệm Phật cũng vậy, chúng ta niệm Phật là niệm cho ông Phật của ta, không

phải niệm cho chư Phật. Nếu ta tu niệm xen tạp thì biết đến bao giờ mới được nhất tâm? Chúng ta niệm Phật là mong công phu của mình đạt thành một khối, đúc thành một niệm, để thành nhất tâm chỉ còn một niệm. Nhưng nếu ta không hiểu lại đi tụng đủ loại Kinh hay tu xen tạp, vậy thì đâu có khác gì ta đang đem vàng đi trộn lẫn với đồng. Nếu ta cứ đem chúng trộn lẫn với nhau như vậy mãi, thì biết đến bao giờ ta mới tìm được bản thể của vàng? Đến bao giờ ta mới thấy được chân tâm của ta?

Cũng như Ngài Tịnh Không có đưa ra một ví dụ: *“Nhà của Phật A Mi Đà có nhiều cửa khác nhau. Chúng ta muốn vào thì chỉ đi vào bằng một cửa. Khi vào được một cửa rồi thì các cửa khác đều thông. Nếu ta muốn đi vào một lúc bằng hai ba cửa, thì không cách chi vào được”*. Cũng như ông bà mình có một câu nói rằng: **“Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh”**. Chúng ta tu hành cũng vậy, chỉ một môn thuần thực viên mãn là sẽ thành Phật. Trong Kinh Phật nói câu A Mi Đà Phật đã bao gồm hết tất cả các công đức như:

1. Niệm hết ba đời mười phương chư Phật.
2. Tụng hết tất cả Kinh, Chú của Phật.
3. Tu hết tất cả môn, tông, phái.

Tóm lại, câu A Mi Đà Phật đã bao gồm hết tất cả tánh đức của ba đời mười phương chư Phật và cũng bao gồm tất cả tánh đức của chúng sanh. Vì vậy, chư Phật và Bồ tát từ xưa đến nay đều tán thán hai bộ **“Kinh Vô Lượng Thọ”** và **“Kinh A Mi Đà”** là hai bộ Kinh **Trung Chi Vương**. Nghĩa là hai bộ Kinh cao siêu nhất của Phật. Tại sao? Vì hai bộ Kinh này đã đúc kết tất cả cốt tủy của hết thảy Kinh giáo của Phật.

Tại sao các pháp môn khác phải cần tu thêm niệm Phật, còn pháp môn niệm Phật thì không cần tu thêm các pháp khác? Vì pháp môn Tịnh độ là cao siêu nhất, là pháp môn vượt khỏi không gian và thời gian. Không có pháp tu nào có thể so sánh và danh hiệu **A Mi Đà** chính là bằng chứng hùng hồn để cho chúng ta tin.

Kính thưa quý bạn! Trước kia vì không hiểu đạo, nên tôi niệm danh hiệu A Mi Đà Phật thì ít, mà niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát thì nhiều. Sau khi hiểu được câu Phật hiệu A Mi Đà Phật cao siêu thù thắng, từ đó tôi không còn niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát. Tại sao? Vì Quán Thế Âm Bồ tát cũng là Phật. Khi ta niệm danh hiệu A Mi Đà Phật là đã niệm hết mười phương chư Phật và chư Bồ tát. Nói như vậy không có nghĩa là ta niệm cho chư Phật và Bồ tát, mà là niệm cho ông Phật trong tâm của ta. Đồng thời ta cũng thấu nhiếp được thần lực của mười phương chư Phật và Bồ tát gia trì.

Ở đây, tôi xin phân tích thêm, để quý bạn hiểu tại sao Phật dạy niệm Phật sẽ thành Phật. Phật thấy trong mỗi chúng sanh tuy mang một thân thể, nhưng có nhiều tâm khác nhau. Nhưng chung quy chỉ có bốn tâm làm căn bản, đó là: Tâm **Phật**, tâm **người**, tâm **ma** và tâm **thú**. Hằng ngày chúng ta niệm tâm gì thì ta sẽ thành tâm nấy. Niệm đồng nghĩa với chiêm ngưỡng và quán tưởng:

a. Niệm từ bi A Mi Đà thì thành tâm Phật = sẽ thành Phật;

b. Niệm đạo đức thì thành tâm người = sẽ thành người;

c. Niệm thần thông, tham sân thì thành tâm ma = sẽ thành ma;

d. Niệm si mê, điên đảo thì thành tâm thú = sẽ thành thú.

I. Phần quan trọng

Ở đây, tôi xin nêu ra vài sự xen tạp vi tế mà chúng ta đang vướng phải. Nếu chúng ta nhận diện được chúng rõ ràng, thì công phu tu niệm của ta mới được thành tựu viên mãn. Đa số chúng ta vẫn còn bị lẫn lộn giữa niệm Phật tu phước và niệm Phật để thành Phật. Niệm Phật tu phước thì ta tu xen tạp làm sao cũng được, nhưng tu niệm Phật để thành Phật thì ta không thể có một chút xen tạp, dù là sự xen tạp của tiếng gõ mõ hay đánh khánh (*nếu đánh khánh dẫn chúng thì không sao*). Tại sao? Vì khi gõ mõ, đánh khánh sẽ làm thân tâm của ta bị động (*tức làm câu Phật hiệu bị tán loạn*). Khi thân tâm bị động thì câu Phật hiệu sẽ không được hợp nhất. Nếu câu Phật hiệu không được hợp nhất thì ta làm sao được nhất tâm? Tiếng mõ, tiếng khánh giúp thân tâm của ta thức tỉnh. Nhưng nếu dùng chúng không đúng chỗ thì sẽ làm chướng ngại cho sự tu tập của ta.

Khi niệm Phật ta nên bỏ hết hình thức không cần thiết. Vì còn hình thức là còn xen tạp, còn xen tạp là còn chướng ngại (*buông xả hình thức không phải buông xả cách thức*). Tại sao? Vì khi niệm Phật, thân tâm của ta phải được hợp nhất. Nếu thân tâm bị hình thức dẫn dắt thì ta làm sao được nhất tâm? Tôi biết quý bạn sẽ nói rằng: “*Nếu niệm Phật không được gõ mõ,*

đánh khánh, vậy thì tại sao các băng đĩa niệm Phật của quý Thầy đều có tiếng mõ, tiếng khánh?”

Kính thưa quý bạn! Nhạc niệm Phật khác với trì danh niệm Phật. Tại sao? Vì nhạc niệm Phật phải có tiếng mõ và tiếng khánh. Vì nhạc phải có nhịp, đây gọi là nhạc và nhịp hợp nhất. Tóm lại, khi niệm Phật thì thân tâm của ta phải được hợp nhất và uyển chuyển tự nhiên, nhưng phải dững mãnh như dòng suối tuôn chảy vào tâm. Lâu ngày thân tâm của ta sẽ được hợp nhất. Khi thân tâm được hợp nhất thì ta sẽ được nhất tâm tam muội.

Đa số chúng ta vẫn chưa hiểu rõ ý nghĩa tu xen tạp và không xen tạp khác nhau ở chỗ nào? Vì chưa hiểu rõ, nên chúng ta bị hoang mang và hiểu lầm cho rằng nếu mình tụng Kinh, gõ mõ ở nhà hay ở chùa là mình bị tu xen tạp. Cũng vì những sự hiểu lầm này mà có nhiều người đã bỏ tụng Kinh. Thật ra không phải vậy, xin quý bạn chớ có hiểu lầm. Bây giờ tôi xin phân tích để quý bạn hiểu về ý nghĩa xen tạp và không xen tạp khác nhau ở chỗ nào?

1. Nếu bạn đang tu Tịnh độ mà nghĩ rằng: *“Câu A Mi Đà Phật không có đủ công đức để được vãng sanh. Vì vậy, mình phải cần tu thêm tham Thiên, tụng Kinh hay trì Chú... thì mới có đủ công đức để được vãng sanh về cõi Phật A Mi Đà”*. Nếu bạn nghĩ như vậy thì bạn tu **xen tạp** rồi đấy.

2. Nếu bạn nghĩ rằng: *“Câu A Mi Đà Phật đã có đầy đủ công đức để sanh về cõi Phật A Mi Đà. Còn chuyện mình tụng Kinh hay trì Chú... chỉ là giúp cho chúng sanh ở xung quanh nghe được những lời của*

Phật dạy mà thức tỉnh tu hành”. Nếu bạn nghĩ như vậy thì bạn tu hành **chuyên nhất** rồi đấy.

Tóm lại, tu hành xen tạp hay không, là phải tính ở chỗ tâm của bạn có hiểu được mình đang làm gì hay không, có biết đâu là tu xen tạp hay không và có biết phân biệt đâu là tu công đức và phước đức hay không? Nếu bạn hiểu rõ được mình đang làm gì, thì bạn sẽ không bị rơi vào tu xen tạp. Còn nếu ngược lại, thì bạn sẽ bị rơi vào tu xen tạp mà chính mình không hay. Thật ra, nếu bạn tu xen tạp thì cũng không có hại gì. Chỉ có điều là nó sẽ làm chướng ngại cho bạn niệm Phật khó được nhất tâm mà thôi. Thật ra, vì quý bạn chưa hiểu được sự nhiệm màu của pháp môn Tịnh độ, nên mới còn tu hành xen tạp. Nếu quý bạn tin được câu A Mi Đà Phật 100% thì không cần phải tụng thêm Kinh hay trì Chú gì nữa cả. Tại sao? Vì công đức của câu A Mi Đà Phật đã bao gồm hết tất cả rồi. Còn nói về **Kinh Phật** thì ví như là **tấm bản đồ**.

Ví dụ: Bạn muốn đi từ Sài Gòn ra Hà Nội, thì bạn phải cần có tấm bản đồ để tìm hiểu đường đi. Nhưng nếu bạn đã biết rõ đường đi rồi, thì tấm bản đồ đó không cần dùng đến nữa. Kinh Phật cũng như vậy đó. Nếu bạn chưa hiểu được lời Phật dạy, chưa tin được pháp môn Tịnh độ 100% thì bạn phải cần tụng Kinh để tìm hiểu những lời của Phật dạy. Nhưng khi bạn đã hiểu được những lời của Phật dạy rồi, thì nên bỏ Kinh qua một bên, mà chỉ lo tập trung tu niệm Phật ngày đêm để khai mở trí tuệ của mình là đủ. Còn nếu bạn đã tin được pháp môn Tịnh độ 100% rồi, nhưng vì muốn tu thêm phước, thì bạn có thể tụng Kinh để giúp cho những chúng sanh (*người sống và người chết*) ở xung

quanh nghe được những lời Phật dạy mà thức tỉnh tu hành. Tóm lại, bạn phải hiểu tụng Kinh là tu **phước đức**, còn niệm Phật là tu **công đức**.

II. Phần nhắc nhở

Có một điều quan trọng mà chúng ta cần nên biết, đó là: Nếu chúng ta đang tu Tịnh độ là chính và tu Thiền là phụ, thì không nên đi nói với người ta rằng: “*Tôi tu Thiền, Tịnh song tu*”. Nếu chúng ta nói với những người không hiểu đạo thì không sao. Nhưng nếu chúng ta đi nói với những người hiểu về pháp môn Tịnh độ, thì sẽ bị người ta cười mình đấy. Tại sao? Vì pháp môn Tịnh độ đã bao gồm luôn cả Thiền và Mật ở trong đó rồi. Không những là bao gồm luôn cả Thiền và Mật, mà nó còn bao gồm luôn cả tám vạn bốn ngàn pháp môn. Vì vậy, Tịnh độ được gọi là pháp môn **Như Lai Diệu thiên**.

Bây giờ chúng tôi xin lấy vàng để làm ví dụ, thì quý bạn dễ hiểu hơn. Pháp môn Tịnh độ là ví như vàng 24, mà vàng 24 là cao nhất rồi. Còn pháp môn Thiền là ví như vàng 12, 14, 18, 20, vì Thiền thì có nhiều loại Thiền cao thấp khác nhau. Tại sao ở đây tôi không dùng vàng 24 để ví cho Thiền, mà tôi chỉ dùng vàng 20 để ví cho Thiền? Là vì ở đây tôi đang so sánh giữa Tịnh và Thiền, nên tôi không thể dùng vàng 24 để ví cho Thiền tông được. Tại sao? Vì Tịnh độ cao hơn Thiền tông rất xa, cho dù đó là Thiền đốn ngộ. Vì vậy, ở đây tôi phải dùng vàng 20 để ví cho Thiền đốn ngộ của Thiền tông. Thật ra, pháp môn Tịnh độ không thể dùng vàng để so sánh được, mà phải dùng **kim cương** hạng nhất để so sánh. Tại sao? Vì Tịnh độ là pháp môn cao siêu và khó tin. Nhưng nếu tôi lấy kim cương để so sánh với vàng thì

quý bạn sẽ khó hiểu, vì vậy tôi phải tạm dùng vàng để so sánh với pháp môn Tịnh độ, thì quý bạn dễ hiểu hơn. Bây giờ chúng ta tìm hiểu vào phần so sánh.

Ví dụ: Bạn đang có một lượng vàng 24 trong tay, nhưng bạn lại không biết giá trị của nó. Sau đó, bạn đem lượng vàng này đến nhờ người thợ bạc cho thêm vàng 18 hoặc 20 vào, để cho giá trị lượng vàng của bạn được tăng lên cao. Nếu bạn là người thợ bạc thì bạn sẽ nghĩ sao? Có phải bạn sẽ cười người khách si mê đó phải không?

Nếu bạn tu Thiền là chính, tu Tịnh là phụ thì bạn có thể nói với người ta rằng: *“Tôi tu Thiền, Tịnh song tu”*. Tại sao? Vì bạn đang tu Thiền là vàng 20, giờ cộng thêm tu Tịnh là vàng 24 thì dĩ nhiên là quá tốt. Vì vàng 20 mà có vàng 24 thêm vào thì vàng 20 sẽ có giá trị cao hơn.

Còn nói về Mật tông cũng vậy. Nếu bạn đang tu Mật là chính, tu Tịnh là phụ thì bạn có thể nói rằng: *“Tôi tu Mật, Tịnh song tu”*. Vì Mật tông mà đem so sánh với Tịnh độ, thì Mật tông cũng chỉ là vàng 20 mà thôi. Vì vậy, trước khi nói: *“Thiền, Tịnh song tu”* hay *“Mật, Tịnh song tu”* thì chúng ta phải cần hiểu cho rõ là mình đang nói gì? Tóm lại, nếu quý bạn đang tu Tịnh độ là chính, thì không nên đi nói với người ta là mình đang tu *“Thiền, Tịnh song tu”* hay *“Mật, Tịnh song tu”*.

III. Giải tỏa lo lắng

Đa số chúng ta vẫn chưa hiểu rõ ý nghĩa nhiệm màu của hai câu: **Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát** và **Nam mô A Mi Đà Phật**. Vì chưa hiểu rõ nên chúng ta vẫn còn lo lắng đủ điều như là: *“Không biết mình nên tu niệm Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát hay là tu niệm Nam*

mô A Mi Đà Phật”. Có nhiều bạn còn nghĩ rằng: “Lâu nay mình đã tu niệm Quán Thế Âm Bồ tát, bây giờ đổi sang tu niệm A Mi Đà Phật, làm như vậy không biết là mình có tội với Mẹ Quán Âm hay không...?”. Thậm chí, có nhiều bạn còn cho rằng: “Niệm Mẹ Quán Thế Âm thì sẽ được gia hộ và mau được lành bệnh hơn là niệm A Mi Đà Phật”. Tóm lại, quý bạn lo lắng đủ điều.

Bây giờ chúng tôi xin phân tích tóm gọn để quý bạn không còn lo lắng nữa. Trước khi giải thích vào hai câu: **Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát** và **Nam mô A Mi Đà Phật**, thì tôi xin giải thích sơ lược về hai chữ: “Tụng” và “Niệm” khác nhau ở chỗ nào, để quý bạn không còn nhầm lẫn.

Tụng: Nghĩa là đọc, đọc để tìm hiểu ý nghĩa của Phật dạy trong Kinh. Sau khi tìm hiểu xong rồi, thì ta phải nương theo đó để mà tu sửa thân tâm. Chúng ta không nên hiểu lầm cho rằng tụng Kinh là để cho chư Phật nghe.

Niệm: Nghĩa là chiêm ngưỡng và quán tưởng. (**Chiêm ngưỡng**, nghĩa là chiêm ngưỡng tượng đẹp quang minh của chư Phật; **quán tưởng**, nghĩa là quán tưởng vào nội tâm, để biết mình cũng có sẵn đức tướng và quang minh như chư Phật không khác). Chúng ta phải biết chiêm ngưỡng và quán tưởng như vậy mỗi ngày, thì mới chuyển hóa được tâm của mình như tâm của chư Phật. Tóm lại, niệm nghĩa là niệm tâm Phật của mình. Nói cho dễ hiểu là: Niệm để đánh thức ông Phật trong ta dậy để đi làm Phật. Chúng ta không nên hiểu lầm cho rằng niệm Phật là để cầu xin. Bây giờ chúng ta trở lại tìm hiểu ý nghĩa Nam mô Quán Thế Âm

Bồ tát và Nam mô A Mi Đà Phật khác nhau ở chỗ nào để ta không còn lo lắng.

Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát:

Nam mô: Nghĩa là quay về;

Quán: Nghĩa là quán chiếu nội tâm của mình;

Thế: Nghĩa là thế giới chúng sanh tham, sân, si ở trong tâm mình và thế giới chúng sanh luân hồi sanh tử;

Âm: Nghĩa là âm thanh huyền diệu sẵn có ở trong Diệu tâm của mình;

Bồ tát: Nghĩa là lắng nghe, từ bi và cứu khổ.

Tóm lại, mỗi một niệm “Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát” mà ta đang tu niệm hằng ngày, đều là nhắc nhở mình phải biết quay vào quán chiếu nội tâm và đoạn đi tánh tham, sân, si của mình để trở về làm Phật.

Nam mô A Mi Đà Phật:

Nam mô: Nghĩa là quay về (*quy y*);

A: Nghĩa là Diệu trí tuệ sáng suốt sẵn có của ta (*giác*);

Mi: Nghĩa là Diệu tánh nghe, Diệu tánh thấy, Diệu tánh tư duy và Diệu tánh biết sẵn có của ta (*chánh*);

Đà: Nghĩa là Diệu tánh thanh tịnh sẵn có của ta (*tịnh*);

Phật: Nghĩa là vô lượng quang và vô lượng thọ của ta (*toàn giác*).

Tóm lại, mỗi một niệm “Nam mô A Mi Đà Phật” mà ta đang tu niệm hằng ngày, đều là trực chỉ trở về để làm Phật A Mi Đà có vô lượng quang và vô lượng thọ.

Qua sự phân tích tóm gọn ở trên, cho chúng ta thấy niệm A Mi Đà Phật mau được thành Phật hơn, có phải vậy không? Câu trả lời này không phải do tôi tự đặt ra, mà câu trả lời này là do chư Phật đã trả lời cho

ta biết đó. Chẳng qua chúng ta không để ý, nên không thấy được chân tướng đó thôi. Tôi biết quý bạn sẽ hỏi rằng: *“Chư Phật nói cho chúng ta biết ở đâu?”*

Kính thưa quý bạn! Chư Phật đã trả lời cho chúng ta biết ở ngay trong hai câu Phật hiệu “Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát” và “Nam mô A Mi Đà Phật”. Quý bạn thử nghĩ xem: Tại sao xưa nay chúng ta niệm **Quán Thế Âm Bồ tát** mà không niệm là **Quán Thế Âm Phật**? Còn câu A Mi Đà Phật cũng vậy. Tại sao chúng ta không niệm là **A Mi Đà Bồ tát** mà chúng ta phải niệm là **A Mi Đà Phật**? Là vì nếu ta tu niệm Quán Thế Âm Bồ tát thì ta chỉ thành Bồ tát Quán Thế Âm thôi, còn nếu ta niệm A Mi Đà Phật thì ta sẽ thành Phật A Mi Đà. Tại sao? Vì trong Kinh Phật nói: *“Tất cả vạn pháp đều từ tâm tưởng sanh”*. Từ tâm tưởng sanh, nghĩa là nếu hằng ngày ta tưởng niệm Bồ tát thì ta sẽ thành Bồ tát. Nếu hằng ngày ta tưởng niệm Phật thì ta sẽ thành Phật. Chân tướng này chỉ có chư Phật mới hiểu được thôi. Vì hiểu được nên chư Phật mới khuyên dạy chúng ta rằng: *“Các con phải luôn tu niệm Phật tánh A Mi Đà của mình để trở về làm Phật”*.

Kính thưa quý bạn! Chúng ta là phàm phu, nên không thấy được sự biến hóa vi diệu của tâm thức. Chỉ khi nào thành Đẳng giác Bồ tát, thì chúng ta mới thấy được sự biến hóa của tâm thức. Nhờ thấy được sự biến hóa của tâm thức, mà những vị Đẳng giác Bồ tát ở **Hoa Tạng thế giới** như là: Ngài Quán Thế Âm, Ngài Đại Thế Chí, Ngài Văn Thù, Ngài Phổ Hiền,... cuối cùng đều phải phát nguyện sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà để thành tựu Phật quả. Qua sự phân tích ở trên cho chúng ta thấy câu: “Nam mô A Mi Đà Phật” cao

siêu và thù thắng biết dường nào. Vậy quý bạn còn chần chừ gì mà không mau tu niệm **A Mi Đà Phật**?

IV. Phần trì Chú

Nói về vấn đề trì Chú thì quý bạn muốn trì thêm cũng không sao. Nhưng thật ra cũng không cần, vì câu A Mi Đà Phật là **Phật Chú** cao siêu nhất của chư Phật rồi. Chỉ trừ những trường hợp đặc biệt, nếu bạn bị ma nhập trước đó hay sau khi mới phát tâm tu niệm, thì bạn nên trì thêm một đoạn **Chú Lăng Nghiêm** hay **Chú Đại Bi** để phù trợ. Tại sao? Vì bạn là người mới phát tâm tu, nên công phu chưa có nhiều và niềm tin của bạn đối với pháp môn Tịnh độ cũng chưa có vững. Nếu niềm tin của bạn chưa được vững, thì Phật lực của bạn sẽ không phát huy được mạnh. Vì Phật lực chưa phát huy được mạnh, nên bạn không thâm nhiếp được Phật lực của chư Phật nhiều. Vì vậy mà bạn không có đủ sức để bảo vệ mình khi bị oan gia đánh phá. Thật ra, các loại Thần chú của Phật dạy có công năng bất khả tư nghì. Chúng có khả năng giúp bảo vệ huệ mạng của ta và thuần phục được chúng ma. Thần Chú, ví như những đoàn quân cảnh sát có đủ sức mạnh để bảo vệ an toàn cho người dân.

Cũng như ở ngoài đời, nếu bạn bị bọn cướp đột nhập vào nhà, thì bạn phải cần gọi cảnh sát đến để giải cứu cho bạn. Trì chú có công năng bảo vệ và giải cứu bạn cũng như vậy. Vì vậy, những người tu Thiền quán thì phải luôn trì Chú. Vì nếu rời khỏi trì Chú thì người tu Thiền quán không thể chống chọi với cạm bẫy của chúng ma.

Nhưng người tu Tịnh độ thì hoàn toàn khác, chúng ta không cần phải trì thêm những loại Thần chú khác. Chỉ trừ những trường hợp đặc biệt mà chúng tôi đã nêu ra ở trên. Tại sao? Vì câu A Mi Đà Phật là **Phật Chú** cao siêu nhất của chư Phật. Nếu chúng ta tin được câu Phật Chú A Mi Đà 100%, thì không có chúng ma nào có thể hãm hại được ta. Trong Kinh Phật nói: **“Chúng sanh nào phát tâm niệm Phật để thành Phật, thì đều có 25 vị Bồ tát luôn ở bên cạnh bảo vệ ngày đêm, không cho chúng ma quấy nhiễu”**. Thật ra, chúng ta không phải chỉ có 25 vị Bồ tát ngày đêm phóng quang gia hộ, mà chúng ta lúc nào cũng có Phật quang của mười phương chư Phật bảo vệ. Nếu chúng ta tu cao, thì sẽ thấy được Phật quang của chư Phật luôn bao phủ trên thân của ta 24/24. Nhờ có Phật quang bao phủ, mà thân tâm của ta mới phát ra hào quang và trí tuệ của ta mỗi ngày thêm sáng.

Kính thưa quý bạn! Nếu trên đường tu hành mà chúng ta bị chúng ma đánh phá, thì không nên khởi tâm sân hận hay trả thù. Vì làm như vậy chỉ tạo thêm ân oán với họ mà thôi. Quý bạn nên biết rằng những oan gia đang đánh phá chúng ta đó, đều là những chúng sanh mà ta đã mắc nợ họ trong quá khứ. Nếu chúng ta hiểu được như vậy thì sẽ không có oán trách họ. Nếu là oan gia thì ta nên mở chừ không nên trói. Muốn hóa giải được oán thù, thì mỗi khi họ đến đánh phá ta chỉ cần thành tâm niệm A Mi Đà Phật là đủ.

Điều quan trọng là trong lúc niệm Phật, ta phải tin sâu vào câu A Mi Đà Phật và tin Phật A Mi Đà 100%, thì Phật lực của ta mới thấu nhiếp được nhiều Phật lực của chư Phật. Khi hai nguồn Phật lực của chư Phật và

của ta được dung thông hợp nhất với nhau, thì sẽ tạo ra một vòng Phật quang trong sáng bao phủ khắp trên thân của ta. Khi thân tâm của ta có Phật quang bao phủ, thì chúng ma sẽ không hại được ta. Tuy lúc đó chúng ma không hại được ta trực tiếp, nhưng chúng sẽ đứng ở xa và dùng đủ cách để hù dọa ta. Nhưng nếu lúc đó ta giữ được chánh niệm và giữ vững niềm tin với Phật A Mi Đà, thì chúng ma sẽ không làm gì được ta.

Còn câu **A Mi Đà Phật** tại sao được mệnh danh là **Phật Chú**. Là vì câu Phật Chú A Mi Đà không làm cho chúng ma bị tổn thương hay sanh thêm oán hận. Câu Phật Chú A Mi Đà có công năng nhiệm màu, như là: Trong thì giúp cho ta mau được thành Phật, còn ngoài thì giúp cho chúng sanh mau được thức tỉnh hồi đầu. Vì vậy, câu “Phật Chú A Mi Đà” nhiệm màu hơn các câu “Thần chú” khác là ở điểm này. Thêm vào, câu Phật Chú A Mi Đà chính là thể tánh **Diệu tâm** của mười phương chư Phật và cũng là thể tánh **Diệu tâm** của mười phương thế giới chúng sanh. Vì cùng một thể tánh Diệu tâm, nên mỗi niệm của ta đang tu niệm hằng ngày, đều là trực chỉ dung thông với tâm của mười phương chư Phật và trực chỉ dung thông với tâm của mười phương chúng sanh. Nhờ **tâm-tâm** được dung thông hợp nhất với nhau, mà ta mới chuyển hóa được tâm si mê của mình và chuyển hóa được tâm si mê của chúng sanh.

Nói một cách khác cho dễ hiểu là: Khi ta niệm A Mi Đà Phật, thì cũng như ta đang mặc trên người của mình một cái áo giáp quang minh vô hình của chư Phật. Cái áo giáp Phật quang này sẽ theo ta như bóng với hình không thể tách rời nhau. Nó có công năng nhiệm

màu để bảo vệ huệ mạng của ta và bảo vệ huệ mạng của chúng sanh. Nói như vậy không có nghĩa là Phật quang không có đủ công năng để cản trở chúng ma đang muốn hãm hại ta. Thật ra không phải vậy, mà ngược lại Phật quang có công năng rất là nhiệm màu, sẽ làm cho chúng ma có tâm ác không dám đến gần để quấy phá chúng ta. Tại sao? Vì chúng ma có tâm ác họ rất sợ ánh sáng, mà nhất là ánh sáng của chư Phật thì họ càng không chịu nổi. Chỉ trừ những chúng ma có tâm tu hành, thì họ mới đến được gần chúng ta. Họ đến không phải là để hại ta, mà họ đến là để tu hành và hộ pháp cho ta.

Tại sao ở trên tôi chỉ dùng ngôn từ **cản trở** chúng ma, mà không dùng ngôn từ **đánh trả** chúng ma? Là vì trong câu A Mi Đà Phật không có ngôn từ đánh trả hay là tổn thương, mà chỉ có ngôn từ **bảo vệ, từ bi, tha thứ** và **giác ngộ** chúng sanh thôi. Chúng tôi nói tóm gọn như vậy là để cho quý bạn dễ hiểu. Trên thực tế thì câu Phật Chú A Mi Đà có vô lượng công đức không thể nghĩ bàn.

Kính thưa quý bạn! Qua sự phân tích ở trên, quý bạn đã hiểu được phần nào công đức nhiệm màu của câu Phật Chú A Mi Đà rồi. Vậy thì quý bạn còn gì để mà lo lắng, còn gì để mà trì thêm các loại Chú khác... Nếu quý bạn cứ lo lắng và tu hành xen tạp mãi như vậy, thì biết đến bao giờ mới được nhất tâm? Và biết đến bao giờ thân tâm của bạn mới phát ra Phật quang?

Còn một điều quan trọng mà chúng ta cần phải biết, đó là: Nếu chúng ta là người chuyên tu Tịnh độ, thì không nên đưng một chút là dùng đến các loại Thần chú để đánh đuổi chúng ma. Vì nếu ta càng đánh đuổi

họ thì càng gây thêm oán thù với họ. Nếu chúng ta không muốn gây thêm oán thù với họ, thì mỗi khi họ đến quấy nhiễu, ta chỉ cần nhiếp tâm niệm Phật tha thiết là đủ. Nhưng trong lúc niệm Phật ta nên thành tâm sám hối và xin họ tha thứ cho những lỗi lầm mà ta đã tạo ra cho họ trong quá khứ. Nếu được như vậy thì ngay giây phút ta niệm Phật tha thiết, thì cũng là giây phút Phật quang của ta phát ra được mạnh. Khi Phật quang trong ta phát ra càng mạnh, thì ta sẽ thu nhiếp được Phật quang của chư Phật càng nhiều. Một khi Phật quang của ta và Phật quang của chư Phật hai bên được dung thông hợp nhất với nhau, thì sẽ bảo vệ được thân tâm của ta và đồng thời cũng chuyển hóa được tâm oán hận của chúng ma.

Tóm lại, nếu mỗi lần bị oan gia tấn công mà ta đều thành tâm niệm Phật và sám hối với họ, thì qua một thời gian họ sẽ tha thứ cho ta. Không những là họ sẽ tha thứ cho ta, mà có khi họ còn quay lại để hộ pháp cho ta tu hành mau đắc quả. Tại sao? Vì lòng từ bi của ta đã làm cho họ cảm động, kính phục và nhờ có Phật quang của ta tỏa ra mà họ được giác ngộ. Vì được giác ngộ nên họ muốn hộ pháp cho ta để họ có thêm phước đức. Ngoài hộ pháp cho ta ra, họ cũng muốn nương theo Phật quang của ta để tu hành thành Phật.

Kính thưa quý bạn! Vì chúng ta còn bị kẹt ở trong thân tứ đại này, nên không thấy được Phật quang của người khác. Nhưng những chúng sanh khuất mặt thì họ sẽ nhìn thấy được Phật quang trên thân chúng ta. Do vậy, chúng ta tu giả hay thật họ đều trông thấy hết. Chúng ta có thể gạt mình và gạt người, nhưng không thể gạt chư Phật, Bồ tát, quỷ, thần,... Nếu chúng ta tu

hành mà không có lòng từ bi, không có lòng sám hối để hóa giải hận thù, thì ta sẽ làm cho oan gia của ta tăng thêm thù hận và sự oán hận đó sẽ theo ta mãi mãi, không bao giờ dứt. Vì vậy, muốn trì thêm các loại Thần chú, thì ta phải suy nghĩ cho kỹ và tự hỏi lòng mình có tu hành chân chính chưa? Nếu chưa thì không nên trì Chú. Tại sao? Vì nếu ta trì Chú mà vẫn còn làm những chuyện bất thiện, vẫn còn sát hại chúng sanh thì ta sẽ bị tác động ngược lại.

Cũng như ở ngoài đời, nếu bạn gọi cảnh sát đến để bắt bọn cướp hay kẻ thù của bạn đi. Khi cảnh sát đến nơi mà họ biết bạn cũng là người xấu, thì họ cũng sẽ bắt bạn đi luôn. Vì cảnh sát làm việc theo luật pháp, nên họ không nể tình bất cứ một ai. Đó là chưa nói đến kẻ thù của bạn sẽ tăng thêm oán thù với bạn. Vì vậy, mỗi khi trì Chú tâm của bạn phải từ bi và trong sáng, thì trì Chú mới có linh nghiệm.

Tóm lại, nếu quý bạn muốn tu hành mau được nhất tâm thì không nên tu xen tạp, chỉ trừ những trường hợp đặc biệt mà thôi. Còn những người tu Thiền quán thì phải cần trì **Chú Lăng Nghiêm, Chú Đại Bi**,... để bảo vệ huệ mạng của mình. Nếu người tu Thiền mà không trì Chú miên mật và không giữ thân tâm của mình thanh tịnh, thì sẽ bị chúng ma hãm hại ngay.

Còn nói về phần **quán đảnh** thì người tu Tịnh độ cần phải biết, đó là: Mỗi một niệm A Mi Đà Phật mà chúng ta đang tu niệm hằng ngày, đều là được Phật A Mi Đà trực tiếp **quán đảnh** cho ta rồi. Nếu trong mỗi niệm của ta đều được chư Phật trực tiếp quán đảnh cho ta, vậy thì quý bạn cần gì phải chạy đông chạy tây để tìm người quán đảnh cho mình. Quý bạn thử nghĩ

xem ở trên đời này có ai cao bằng Phật A Mi Đà không? Thêm vào, chúng ta không phải chỉ có Phật A Mi Đà quán đảnh cho ta, mà ta còn được mười phương chư Phật quán đảnh cho ta ngay trong mỗi niệm. Điều này cho thấy pháp môn Tịnh độ cao siêu biết dường nào. Xin quý bạn đừng chạy lang thang nữa và cũng đừng đứng núi này trông núi kia nữa. Quý bạn hãy lo tu niệm Phật gấp rút ngày đêm, vì chúng ta vốn không còn nhiều thời gian nữa.

BỒ TÁT NGHỊCH DUYÊN

Kính thưa quý bạn! Ở đây, tôi xin chia sẻ một chút kinh nghiệm, khi được chứng đạo chúng ta sẽ bị chúng ma đánh phá như thế nào, để quý bạn tìm hiểu thêm. Khi chúng ta tu hành được chứng đạo và trên thân có hào quang tỏa ra, thì cũng là lúc ta phải đối diện với chúng ma. Nghĩa là tới lúc đó chúng ma sẽ dùng thần lực để đánh phá ta. Tại sao? Vì chúng ma lo sợ Phật quang của ta sẽ làm tiêu tan các cung Trời của chúng. Trong Kinh, Phật cho chúng ta biết cõi Trời "**Tha Hóa Tự Tại**" là do **Ma vương** cai quản và cõi Trời này là cao nhất trong **Dục giới**. Khi chúng ta tu hành đắc đạo, thì Phật quang của ta sẽ làm rung động đến các tầng trời. Vì vậy, Ma vương sẽ hoảng sợ và sẽ tìm đủ cách để ngăn cản, không cho ta thành Phật và cứu độ chúng sanh.

Kính thưa quý bạn! Nhờ học Kinh Phật mà tôi hiểu được phần nào cách đánh phá của chúng ma. Tuy hiểu là hiểu vậy thôi, nhưng tôi lại không hiểu được cách đánh phá của chúng ma như thế nào? Nhưng sau khi được chứng đạo, tôi mới hiểu cách đánh phá của chúng ma. Ở đây, tôi xin chia sẻ một chút kinh nghiệm

để quý bạn tìm hiểu thêm. Khi chúng ta tu hành mở được con mắt thứ ba, thì cũng là lúc ta bị Ma vương đánh phá. Lúc đó, Ma vương sẽ dùng ám khí để đánh từ trên trời xuống. Khi ám khí của chúng đánh tới, thì thân của ta sẽ bị dao động và đau buốt, không thua gì khi ta dung thông được với Phật quang trong thời gian thanh lọc thân tâm. Tại sao? Vì ám khí của chúng ma cũng thuộc về năng lượng ánh sáng. Nhưng ánh sáng của chúng không trong sáng như ánh sáng của chư Phật. Ánh sáng của chúng ma có màu sắc u tối. Khi ám khí của chúng chạm vào người, thì thân của ta sẽ bị đau và tâm không được an. Khi đọc đến đây tôi biết quý bạn sẽ hỏi rằng: *“Vậy chúng ta làm sao phân biệt được đâu là Phật quang và đâu là ám khí của chúng ma?”*. Thật ra, để cảm nhận được vấn đề này thì không khó. Vì khi tu tới cảnh giới này, thì quý bạn sẽ tự nhiên phân biệt được rất là rõ ràng. Bây giờ tôi xin phân tích một chút về Phật quang và ám khí của chúng ma khác nhau ở chỗ nào, để quý bạn tìm hiểu thêm.

I. Nói về Phật quang

Mỗi khi có Phật quang của chư Phật chuyển hóa thân tâm, thì thân của ta sẽ bị dao động và đau buốt, nhưng tâm của ta thì cảm thấy an lạc và rộng suốt. Thêm vào, lúc đó ta sẽ thấy trong người của mình có một nguồn năng lượng rất mạnh đột phá lên khỏi đỉnh đầu và tuôn ra hai bên tai. *(Phần này tôi đã giải thích rất rõ ở trong bài “Phục hồi Phật quang” rồi)*.

II. Nói về ám khí của ma

Mỗi khi có ám khí của chúng ma đánh tới, thì thân của ta sẽ bị đau buốt và tâm của ta sẽ cảm thấy sợ hãi.

Lúc đó, ta sẽ thấy những luồng ám khí của chúng đánh từ trên trời xuống và chạm vào người của ta. Thêm vào, mỗi khi ám khí của chúng vừa đánh tới, thì tâm của ta sẽ cảm nhận được ngay và lúc đó ta sẽ dùng hết sức niệm Phật để đẩy lùi ám khí của chúng đi.

Kính thưa quý bạn! Thời gian mà Ma vương đánh phá chúng ta nhiều nhất, là thời gian mà ta bắt đầu mở được con mắt thứ ba. Tại sao? Vì khi mở được con mắt thứ ba thì Phật quang của ta sẽ tỏa ra rất mạnh và rất xa, nên làm cho những tầng trời của Ma vương phải bị rung động. Khi tầng trời của chúng bị rung động, thì chúng sẽ tìm đủ cách để ngăn cản không cho ta tu thành Phật và cứu độ chúng sanh. Nhưng quý bạn hãy yên tâm, cho dù thần lực của chúng ma có mạnh như thế nào thì cũng không hại được ta. Chỉ khi nào tâm của ta khởi lên tham, sân, si thì ta mới bị chúng ma khống chế. Còn nếu tâm của ta lúc nào cũng được thanh tịnh, thì chúng ma sẽ không hại được ta. Thêm vào, khi con mắt thứ ba của ta được mở ra thì nó rất là nhạy bén. Cho dù ta có ngủ mê như thế nào, khi có ám khí của chúng ma đánh tới, thì nó sẽ tự động xoay chuyển và đánh thức ta dậy để niệm Phật. Khi thức dậy, ta sẽ cảm giác được ám khí của chúng ma đang ập tới và lúc đó ta sẽ dùng hết sức niệm Phật để đẩy lùi ám khí của chúng đi.

Thật ra, những lần đầu khi bị ám khí của chúng ma đánh tới, tôi rất là bất ngờ và sợ hãi. Trong những lúc sợ hãi đó, tôi đều tự nhủ thầm rằng: "*Họ có thể hại thân xác của mình, nhưng họ không thể hại huệ mạng của mình*". Nhờ hiểu như vậy mà tôi liền lấy lại được bình tĩnh và nhiếp tâm niệm Phật. Qua vài lần đối đầu với

chúng thì tôi không còn sợ hãi nữa. Tại sao? Vì khi ta tu tới cảnh giới này thì sẽ coi nhẹ sự sống chết của mình. Thêm vào, tôi luôn tin tưởng vào Phật quang của chư Phật và Phật quang của tôi sẽ bảo vệ được thân tâm của tôi. Ngoài ra, khi tu tới cảnh giới này thì chúng ta sẽ cảm nhận được chúng ma cũng là thân bằng quyến thuộc của mình trong vô lượng kiếp và họ cũng là Phật sẽ thành.

Nhờ hiểu được như vậy, nên mỗi khi bị chúng ma đánh phá thì tôi đều nhiếp tâm niệm Phật để phát huy Phật quang của tôi. Chỉ cần Phật quang của tôi phát huy được mạnh, thì tôi sẽ thâm nhiếp được Phật quang của chư Phật bao phủ khắp trên thân của tôi. Khi thân tâm của tôi được Phật quang bao phủ, thì chúng ma sẽ không hại được tôi. Nhờ vậy mà tôi được bình yên cho tới ngày hôm nay. Tóm lại, khi chúng ta tu hành được tới đây, thì sẽ không còn lo sợ hay là oán giận chúng ma. Ngược lại, chúng ta còn cảm ơn sự đánh phá của chúng ma. Tại sao? Vì mỗi khi bị chúng ma đánh phá, thì chúng ta càng tu hành tinh tấn hơn. Nhờ vậy mà công phu của tôi được thăng tiến nhanh hơn. Cũng như ở ngoài đời hoặc xem phim chúng ta thường thấy: Những người võ sĩ nếu không có kẻ thù truy đuổi, thì họ sẽ không dùng hết sức để luyện võ công lên tới đỉnh cao. Khi chúng ta tu hành cũng vậy. Nếu không có chúng ma đánh phá, thì chúng ta sẽ không dùng hết sức tu hành để thành Phật. Khi hiểu được đạo lý này, thì ta sẽ cảm ơn chúng ma rất nhiều.

Kính thưa quý bạn! Không phải ai tu hành cũng được Ma vương “chiếu cố” đến đâu. Chỉ có ai tu hành đắc đạo thì mới bị Ma vương “chiếu cố”. Nhưng quý

bạn hãy yên tâm, cho dù Ma vương có đánh phá như thế nào, thì cũng không hại được ta. Tại sao? Vì chúng ta luôn có Phật lực của Phật A Mi Đà và mười phương chư Phật bảo vệ. Ngoài ra, chúng ta còn có 25 vị Bồ tát ngày đêm luôn bảo vệ cho ta. Thêm vào, Ma vương chỉ đánh phá chúng ta được một giai đoạn nào đó thôi, chớ không đánh phá được hoài. Tại sao? Vì khi Phật quang của ta còn yếu, thì Ma vương có thể đánh phá được. Nhưng khi Phật quang của ta phát ra được mạnh, thì chúng sẽ chịu thua và rút lui. *(Rút lui có nghĩa là lúc đó chúng sẽ không còn đủ sức để đánh trực tiếp với ta)*. Nhưng quý bạn chớ có xem thường, tuy chúng không đủ sức đánh phá trực tiếp, nhưng chúng sẽ tìm đủ mọi cách để đánh phá gián tiếp. Nghĩa là tới lúc đó, chúng sẽ mượn những người thân hay bạn bè của ta để đánh phá ta. Nếu nói đến cách đánh phá của chúng ma thì là đa dạng, nhưng chung quy chỉ có ba cách, đó là: **Quấy nhiễu, mê hoặc và thổi phồng**. Bây giờ tôi xin chia sẻ từng phần để quý bạn dễ hiểu.

1. Quấy nhiễu: Nghĩa là chúng sẽ dùng thần lực làm cho những người thân đang ở xung quanh ta tự nhiên nổi chướng hay kiếm chuyện... hại chúng ta không được yên tâm tu hành.

2. Mê hoặc: Nghĩa là chúng sẽ đưa những thanh niên hay gái đẹp đến để dụ dỗ, hại ta bị rơi vào tình dục và phá giới. Nếu chúng ta tham lợi thì chúng sẽ đưa người đem tiền hay vật chất đến để mê hoặc, hại ta bị sa đọa...

3. Thổi phồng: Nghĩa là chúng sẽ làm cho ta được nổi tiếng. Rồi từ chỗ nổi tiếng đó ta sẽ sanh tâm ngã mạn và đi đến phỉ báng Kinh Phật...

Tóm lại, chúng ma có thần thông rất cao, nên họ biết được chúng ta đang ham muốn điều gì. Nếu ta tu hành chân chính, thì chúng sẽ dùng cách để nhiễu loạn tâm trí của ta. Nếu ta tham sắc hay tham lợi, thì chúng sẽ dùng nam nhân hay mỹ nhân kế, tiền bạc,... để hại ta phá giới hay hoàn tục. Nếu ta tham danh, thì chúng sẽ làm cho ta được nổi tiếng để tăng thêm ngã mạn. Khi ngã mạn tăng cao, thì ta sẽ đi đến phá giới và phỉ báng Kinh Phật. Rồi cuối cùng ta sẽ bị rơi vào pháp luật và rơi vào địa ngục.

Ở trên, chúng tôi chia sẻ một chút về cách đánh phá của chúng ma, là giúp cho quý bạn có thêm kinh nghiệm. Nhưng không phải vì vậy mà quý bạn lo sợ không dám tu hành. Nếu nghĩ như vậy là bạn đã tự đầu hàng với chúng ma và tự hại mình luân hồi mãi mãi. Quý bạn nên biết rằng: Những người không tu hành sẽ bị chúng ma khống chế và hãm hại gấp vạn lần so với những người biết tu hành. Tại sao? Vì nếu bạn biết tu hành, thì bạn chỉ bị chúng ma đánh phá có một đời này thôi. Nhưng sau đó bạn sẽ được thành Phật và không còn bị luân hồi sanh tử nữa. Còn nếu bạn không biết tu hành, thì bạn sẽ bị chúng ma hãm hại và bị luân hồi đau khổ mãi, không thể thoát ra. Vì vậy, chúng ta không nên lo sợ về vấn đề bị chúng ma đánh phá. Vì nếu không có chúng ma đánh phá, thì ta sẽ không thành Phật được. Tại sao? Vì họ chính là những vị **Bồ tát nghịch duyên** đến đây để giúp cho ta tu hành mau đắc quả. Mới nghe qua thật là khó tin, nhưng đây là vạn lần chân thật.

Bây giờ tôi xin kể một đoạn nói về **Phật Thích Ca** bị **Đề Bà Đạt Đa** hãm hại, thì quý bạn dễ hiểu hơn. Nếu

là Phật tử thì chúng ta đều biết về câu chuyện “Đề Bà Đạt Đa” là em họ của Phật và theo Phật xuất gia tu hành. Nhưng Đề Bà là người có tâm địa rất ác, nên lúc nào cũng tìm đủ cách giết hại Phật để làm chủ Tăng đoàn. Đề Bà đã hãm hại Phật rất nhiều cách, như là: Mướn nhiều người để ám sát Phật, dùng voi để hại Phật, dùng đá để đê Phật, bêu xấu Phật,... Tóm lại, Đề Bà hại Phật rất là nhiều cách, không thể kể hết. Nhưng lần nào Phật cũng đều tha thứ cho Đề Bà và không một chút oán hận. Không những vậy mà trước khi nhập Niết bàn, Phật còn nói với đệ tử của Ngài rằng: *“Người mà Phật mang ơn nhiều nhất đó là Đề Bà Đạt Đa, vì người này đã giúp Phật rất nhiều trong sự nghiệp hoằng pháp”*. Phật còn nói thêm rằng: *“Đề Bà sẽ bị rơi vào địa ngục, vì những tội đã hãm hại Phật và hại Tăng đoàn. Nhưng Phật nguyện sẽ đi vào địa ngục để cứu Đề Bà Đạt Đa ra”*. Trước kia, lúc chưa giác ngộ tôi luôn thắc mắc rằng: *“Tại sao Phật nói chuyện lạ vậy, một người lúc nào cũng muốn giết hại Phật, vậy mà Ngài lại nói rằng mang ơn và sẽ cứu người đó thoát khỏi địa ngục, thật là khó hiểu quá”*. Nhưng sau khi được giác ngộ và trải qua nhiều chướng ma, thì tôi mới hiểu được câu nói của Phật.

Bây giờ tôi xin kể thêm câu chuyện của tôi đã bị chúng ma hãm hại như thế nào để quý bạn dễ hiểu hơn. Trước khi đặt bút viết cuốn sách **“Kinh nghiệm niệm Phật và những chuyện luân hồi”** để nói lên sự chứng nghiệm của mình, thì tôi đã chấp nhận mọi hậu quả. Nhưng tôi không ngờ khi cuốn sách đó vừa đưa ra, thì được nổi tiếng quá nhanh và tôi cũng bị chúng ma đánh phá quá nhanh. Lúc đó, cuốn sách càng được nổi tiếng

bao nhiêu, thì tôi càng bị chúng ma đánh phá bấy nhiêu (*ma sống lẫn ma chết*). Chúng đánh phá đến mức độ, tôi tưởng chừng như mình không còn đủ sức để chịu đựng. Nhưng nhờ trước đó tôi đã chuẩn bị tinh thần cho dù phải hy sinh tất cả, thì tôi cũng phải nói cho chúng sanh biết về sự nhiệm mầu của pháp môn Tịnh độ. Nhờ sự quyết tâm đó mà mỗi khi bị chúng ma đánh phá, thì tôi đều dùng hết sức của mình để đứng dậy. Nhưng cũng có nhiều lúc vì sức cùng lực kiệt nên tôi không thể đứng dậy, mà chỉ còn biết nằm một chỗ than khóc với chư Phật. Tuy thân của tôi bị ngã gục, nhưng ý chí của tôi thì chưa hề bị ngã gục. Trong những lúc đau khổ tận cùng không còn lối thoát, tôi đều tự nhủ với mình rằng: *“Cho dù chỉ còn một hơi thở cuối cùng, thì tôi cũng phải hoàn thành tâm nguyện cứu độ chúng sanh”*.

Rồi qua bốn năm sau đó, nhờ chư Phật gia hộ nên tôi hoàn thành được thêm cuốn sách **“Ý nghĩa Hoàng pháp và Hộ pháp”**. Tóm lại, sau khi đưa cuốn sách **“Kinh nghiệm niệm Phật và những chuyện luân hồi”** ra, thì tôi bị ma sống lẫn ma chết bủa vây tứ phía, trong phá ngoại hợp và đánh phá không ngừng. Chúng đánh phá đến mức độ tôi không còn kịp trở tay. Vì vậy mà lúc đó, tôi chỉ còn biết thương khóc ngày đêm và cầu xin chư Phật gia hộ cho tôi và cho chúng sanh.

Nếu như thời gian đó (*tức cách đây mười mấy năm*), Phật giáo Việt Nam được hưng thịnh và pháp môn Tịnh độ được phát triển mạnh như ngày hôm nay, thì tôi sẽ không bị đau khổ nhiều. Tại sao? Vì ít ra lúc đó tôi không cần phải quên ăn bỏ ngủ, không cần phải bỏ bê công việc làm ăn, không cần phải bỏ bê gia đình con cái... để viết sách ngày đêm. Nhưng những

chuyện đó cũng không làm cho tôi bị đau khổ, đến nỗi phải than khóc với chư Phật ngày đêm. Điều mà làm cho tôi đau khổ nhiều nhất trong thời gian đó là: Vì Phật giáo lúc đó đang bị xuống cấp trầm trọng và pháp môn Tịnh độ đang bị chúng ma đánh phá trong ngoài, khiến cho chúng sanh phải bị hoang mang và mất hết niềm tin với Phật giáo.

Trong lúc chúng sanh đang bị sống trong dầu sôi lửa bỏng, vậy mà những người mang danh con của Phật lại không chịu nghe lời Phật, không chịu hoằng dương chánh pháp để cứu độ chúng sanh. Ngược lại, họ còn đi phỉ báng những bộ Kinh Đại thừa và đánh phá pháp môn Tịnh độ, khiến cho chúng sanh phải bị hoang mang, không biết đâu là chánh, tà. Nếu họ có trách nhiệm hoằng dương chánh pháp và cứu độ chúng sanh, thì Phật tử tại gia như tôi không cần phải hy sinh bản thân, hy sinh gia đình con cái... để đứng lên hoằng dương chánh Pháp. Nếu họ là Ma vương hay là ngoại đạo thì tôi không đau lòng. Nhưng đằng này họ là những người con Phật trong Tăng đoàn, vậy mà họ không hiểu được sự hy sinh của mẹ con tôi. Ngược lại, họ còn tìm đủ cách để đánh phá, họ phong bế hết các đường dây hoằng pháp của tôi và gây hoang mang cho Phật tử khắp nơi trong và ngoài nước. Họ đánh phá tôi không phải vì tôi viết sai giáo lý Phật Đà mà họ đánh phá tôi, chỉ vì họ không thể chấp nhận được một người phụ nữ tại gia niệm Phật như tôi mà có thể chứng đạo và điều mà họ không thể chấp nhận đó là khi tôi chia sẻ sự chứng ngộ của tôi ra ngoài đại chúng. Lúc đó, tôi vì quá đau lòng nên không thể nghỉ ngơi dưỡng bệnh, không thể ổn định lại việc làm

ăn và không thể ổn định lại cuộc sống gia đình con cái, mà tôi phải bắt tay vào để viết tiếp cuốn sách thứ hai. Lúc đó, trong tâm tôi chỉ mong cuốn sách thứ hai mau được hoàn thành, để lấy lại niềm tin cho Phật tử trong và ngoài nước và mong những người đang hăm hại tôi và hại đạo Phật mau được thức tỉnh hồi đầu. Cuối cùng, nhờ sự quyết tâm của tôi và nhờ chư Phật gia hộ, mà tôi mới hoàn thành được cuốn sách **“Ý nghĩa Hoằng pháp và Hộ pháp”**. Sau khi cuốn sách này được ra mắt, thì sự đánh phá của Ma vương, của Tăng, Ni và của Phật tử trong và ngoài nước mới được giảm xuống 80%. Và từ đó niềm tin của Phật tử đối với pháp môn Tịnh độ cũng được tăng lên cao.

Kính thưa quý bạn! Sau khi hoàn thành xong cuốn sách **“Ý nghĩa Hoằng pháp và Hộ pháp”** thì tôi mới nghiệm ra được một điều, đó là: Cuốn sách này được thành tựu đa phần là nhờ công đức của chúng ma (*tức Bồ tát nghịch duyên*). Tại sao? Vì thời gian đó, nếu không nhờ họ đánh phá và ép tôi vào đường cùng, thì tôi sẽ không dốc hết sức lực và tâm can để giải nghi về Phật pháp và giải nghi về pháp môn Tịnh độ. Cũng nhờ họ đánh phá mà tôi mới hoàn thành được cuốn sách **“Ý nghĩa Hoằng pháp và Hộ pháp”** có đầy đủ ý nghĩa như vậy. Nếu nói về hoằng pháp thì đây là cuốn sách quan trọng nhất trong cuộc đời tôi. Còn nói về cốt tủy đạo Phật thì cuốn sách **“Tịnh độ thực chứng”** này là cuốn sách quan trọng nhất trong cuộc đời tôi. Còn cuốn **“Kinh nghiệm niệm Phật và những chuyện luân hồi”** chỉ là cuốn sách bình thường. Tuy là bình thường, nhưng cuốn sách này đã và đang độ được vô số chúng sanh.

Còn nói về bản thân, thì từ nhỏ cho đến lớn tôi đã trải qua quá nhiều đau khổ. Và cũng nhờ những sự đau khổ đó đã rèn luyện cho tôi có một sức chịu đựng hơn người. Nhờ vậy mà khi bước vào đường đạo, tôi mới có đủ sức để vượt qua những sự đánh phá của chúng ma và cũng nhờ sự đánh phá của chúng ma, mà tôi mới được thành tựu như ngày hôm nay. Có một điều tôi xin chia sẻ với quý bạn, đó là: Mỗi khi bị đau khổ thì tôi lại cảm thấy thương chư Phật và chư Bồ tát nhiều hơn. Thương đến mức độ tôi chỉ còn biết âm thầm rơi lệ và cảm tạ ân đức quý Ngài vạn kiếp không quên. Khi càng thương chư Phật và chư Bồ tát bao nhiêu, thì tôi lại càng cố gắng tu hành và cứu độ chúng sanh bấy nhiêu. Vì ngoài tu hành và cứu độ chúng sanh ra, thì tôi không còn cách nào để mà đền ơn cho chư Phật và Bồ tát.

Kính thưa quý bạn! Sau khi được giác ngộ tôi mới hiểu được câu nói của Phật, Ngài nói rằng: ***“Người tu hành muốn được thành Phật thì phải đi ngược lại với người thế gian”***. Câu nói này nghe qua không có gì là cao siêu cả, nhưng khi thực hành và trải nghiệm với cuộc sống khổ đau, thì tôi mới thấy câu nói của Phật bao hàm nhiều đạo lý cao siêu. Nếu chúng ta tu hành mà không hiểu được đạo lý của câu nói này, thì ta sẽ không thành Phật được. Tại sao? Vì chỉ có đi ngược lại với người thế gian, thì ta mới trở về được cội nguồn của mình (*tức trở về Phật tâm*). Muốn trở về nguồn cội, thì ta phải cần có đầy đủ ba đức tánh quan trọng, đó là: **Bi, Trí, Dũng**.

Bi: Nghĩa là ta phải có lòng từ bi để biết thương yêu tất cả mọi loài;

Trí: Nghĩa là ta phải có trí tuệ để biết phân biệt đâu là chân giả và thiện ác;

Dũng: Nghĩa là ta phải có dũng khí để nhẫn chịu hết mọi sự đau khổ mà chúng sanh luôn mang đến cho ta.

Tóm lại, nếu chúng ta có tâm từ bi, có trí tuệ mà không có dũng khí để chịu đựng, thì ta sẽ bị chúng ma đánh gục ngay. Vì vậy, muốn thành Phật thì ta không thể thiếu một trong ba đức tánh này. Qua kinh nghiệm của bản thân, tôi đã rút ra được nhiều điều, đó là: Trong những chúng ma đang đánh phá chúng ta đó chưa hẳn đều là oan gia của ta, mà trong số đó có cả Bồ tát hóa thân tới đây để giúp cho ta thành tựu đạo nghiệp. Tại sao? Vì chư Phật và Bồ tát ở mười phương luôn dõi mắt về thế giới Ta bà và quý Ngài luôn tìm kiếm những chúng sanh có đủ nhân duyên để mà cứu độ.

Nếu nói về cách cứu độ của chư Phật và Bồ tát thì là đa dạng. Vì quý Ngài tùy theo căn tánh của mỗi chúng sanh mà cứu độ khác nhau: Có người thì quý Ngài giúp cho nhớ lại tiền kiếp để mà thức tỉnh tu hành; có người thì quý Ngài giúp cho thấy cảnh luân hồi để mà bỏ ác hành thiện; có người thì quý Ngài giúp cho thấy Phật, Bồ tát để mà tin sâu tu hành; có người thì quý Ngài giả làm oan gia đánh phá, để mà lo tu hành không biếng trễ... Tóm lại, tùy theo căn tánh của mỗi chúng sanh mà quý Ngài cứu độ khác nhau.

Trước kia, tôi thường nghĩ rằng: Những người không bị chúng ma quấy phá sẽ tu hành mau được thành tựu hơn. Nhưng sau này nhờ trải qua nhiều chướng ma và nhiều lần tận mắt nhìn thấy những người bị chúng ma đánh phá, mà tôi đã hiểu ra được một đạo lý, đó là: Những người bị nhiều chướng ma,

mới là những người tu hành mau được thành Phật hơn. Tại sao? Vì những người này họ lúc nào cũng lo sợ bị oan gia trả thù, nên họ không còn nghĩ đến tiền tài hay danh lợi, mà họ chỉ một lòng niệm Phật ngày đêm để mong thoát khỏi cảnh oan gia trả thù và thoát khỏi luân hồi đau khổ. Nhờ họ một lòng buông xả và thành tâm niệm Phật ngày đêm và niệm từ tháng này qua năm nọ mà họ được nhất tâm. Tóm lại, trong nhiều năm tu hành, tôi đã chứng kiến và nghe được nhiều người nói rằng, nhờ bị chúng ma đánh phá mà họ niệm Phật được nhất tâm. Có một điều đặc biệt là: Những người này sau khi được nhất tâm, thì họ mới ngộ ra rằng nhờ có chúng ma đánh phá mà họ niệm Phật được nhất tâm. Sau khi ngộ ra được điều này, thì họ vô cùng mang ơn những oan gia đã từng đánh phá họ.

Qua kinh nghiệm của bản thân, tôi hiểu thêm một điều quan trọng nữa, đó là: Bồ tát nghịch duyên đôi khi còn giúp cho ta nhiều hơn là Bồ tát thuận duyên. Tại sao? Vì Bồ tát thuận duyên chỉ giúp cho ta giác ngộ về mặt giáo lý, hoặc giúp cho ta có đủ niềm tin và phương tiện để tu hành. Còn Bồ tát nghịch duyên thì giúp cho ta có thêm kinh nghiệm trong cuộc sống, như là:

1. Họ giúp ta hiểu được kiếp sống khổ đau của con người;

2. Họ Giúp ta biết chịu đựng và nhẫn nhục;

3. Họ Giúp ta hiểu được luân hồi và vô thường;

4. Họ Giúp ta giác ngộ tu hành để giải thoát...

Tóm lại, Bồ tát nghịch duyên giúp cho ta nếm được những khổ đau của kiếp sống con người. Nhờ nếm được khổ đau mà ta mới biết sợ, mới biết buông xả tham đắm để tu hành giải thoát.

Qua sự phân tích ở trên, quý bạn đã hiểu được phần nào câu nói của Phật mang ơn Đề Bà Đạt Đa rồi. Chỉ cần hiểu được đạo lý này, thì ta sẽ không còn lo sợ mỗi khi bị chúng ma đánh phá. Nếu còn lo sợ thì ta sẽ không thoát khỏi luân hồi và không thành Phật được. Chúng ta tu hành thì phải có tấm lòng thanh cao và can đảm giống như **hoa sen** và **hoa mai**. Hoa sen tuy ở trong bùn, nhưng chúng vẫn giữ được thân không cho dính bùn mà ngược lại, chúng còn làm cho hoa luôn tỏa ra hương thơm thanh khiết. Còn hoa mai tuy chúng mỏng manh, nhưng chúng can đảm chịu đựng qua một mùa đông giá buốt để được tỏa hương và khoe sắc.

Kính thưa quý bạn! Hoa sen và hoa mai chỉ là những loài thảo mộc, mà chúng còn có dũng khí và thanh cao như vậy. Không lẽ chúng ta là con người mà lại thua những loài thảo mộc này hay sao? Chúng ta phải can đảm buông xả dục vọng và lo tu niệm Phật từ bây giờ, để khi nhắm mắt ta sẽ được về với Phật. Còn nếu ta không lo tu hành mà cứ lo tham đắm, thì đến khi nhắm mắt ta sẽ bị luân hồi tiếp tục.

III. Phân nhắc nhở

Nói về tu hành thì chúng ta phải luôn đề cao cảnh giác, nhất là những bạn đã chứng đạo và đang hoằng dương về pháp môn Tịnh độ, thì phải cẩn thận nhiều hơn. Tại sao? Vì chúng ma rất sợ những người tu Tịnh độ. Vì người nào tu Tịnh độ trên thân đều có Phật quang tỏa ra không nhiều thì ít. Thêm vào, người tu Tịnh độ mau được thành Phật nên chúng ma càng thêm lo sợ. Nếu chúng ta không biết bảo vệ thân tâm của mình, mà cứ lo tham, sân, si thì sẽ bị chúng ma

hãm hại ngay.

Cũng như câu chuyện của tôi, kể từ ngày được chứng đạo và phát nguyện cứu độ chúng sanh đến nay, thì tôi đã bị chúng ma đánh phá không ngừng. Vì hiểu được cách đánh phá của chúng ma rất là vi tế, nên tôi thường ẩn mình nhiều hơn là lộ diện. Nhất là mỗi khi viết sách, thì tôi phải ẩn mình nhiều hơn. Tuy tôi đã biết trước và rất là cẩn trọng, vậy mà trong thời gian viết cuốn sách **“Kinh nghiệm niệm Phật và những chuyện luân hồi”** và cuốn **“Ý nghĩa Hoàng pháp và Hộ pháp”**, tôi vẫn không tránh khỏi sự đánh phá của chúng ma. Tại sao? Vì thời gian đó tôi vẫn còn đi làm để kiếm tiền, vẫn còn lo cho cuộc sống gia đình con cái và vẫn còn làm Phật sự... Vì còn nhiều trách nhiệm, nên mỗi ngày tôi phải giao tiếp với nhiều người. Bởi vì còn giao tiếp với nhiều người, nên Ma vương mới có cơ hội mượn những người ở xung quanh để đánh phá tôi. Tóm lại, trong mười mấy năm viết sách và làm Phật sự, tôi đã bị chúng ma đánh phá không ngừng. Nếu mười mấy năm qua không có chư Phật luôn ở bên cạnh gia hộ, thì chắc có lẽ tôi không thể sống cho đến ngày hôm nay.

Nhưng lần viết cuốn sách **“Tịnh độ thực chứng”** này thì hoàn toàn khác hẳn. Vì trước khi quyết định viết cuốn sách này, thì tôi đã buông xả hết mọi chuyện làm ăn, gia đình và con cái của tôi ở Mỹ để trở về Việt Nam định cư luôn. Tôi trở về Việt Nam định cư, là vì trách nhiệm của tôi đối với gia đình và con cháu đã xong. Kể từ ngày về Việt Nam để ẩn tu và viết cuốn sách này, thì tôi không giao tiếp với ai, cho dù đó là người thân hay bạn đạo. Chỉ trừ những trường hợp đặc biệt liên quan đến làm Phật sự thì tôi mới gặp họ. Ngoài hạn chế gặp

người thân và bạn đạo ra, thì tôi còn phải hạn chế hết tất cả những việc đi lại hằng ngày. Tôi tránh hết mọi duyên như vậy là để Ma vương không còn cơ hội mượn những người thân, bạn đạo... để nhiễu loạn tâm trí của tôi. Tuy tôi đã ẩn mình như vậy mà vẫn bị chúng đánh phá không ít. Nhưng nhờ tôi cắt đứt mọi duyên, nên chúng không có nhiều cơ hội để đánh phá tôi nhiều như hai lần viết sách trước kia. Thêm vào, trước khi viết cuốn sách này tôi đã lập nguyện rằng: *“Cho dù có chuyện quan trọng gì xảy ra, thì tôi cũng phải bỏ qua một bên, mà chỉ lo tập trung viết cho xong cuốn sách này, còn những chuyện khác thì tôi sẽ giải quyết sau”*. Nhờ quyết tâm như vậy mà tôi hoàn thành được cuốn sách này nhanh hơn. Thêm vào, lần viết cuốn sách này tôi không cần phải viết bằng tay như hai cuốn sách trước, vì bây giờ tôi đã biết đánh máy. Thêm vào, nhờ tôi không còn đi làm và không còn lo cho gia đình, nên tôi có nhiều thời gian để viết sách và làm Phật sự hơn. Thêm vào, trong cuốn sách này có nhiều phần tôi trích ra từ hai cuốn sách mà tôi đã cho ra đời trước đó, nên tôi không bị khổ cực nhiều.

Tôi nhớ lại cách đây nhiều năm, lúc đó tôi đang viết cuốn sách **“Ý nghĩa Hoàng pháp và Hộ pháp”**. Có một ngày con tôi thấy tôi bị bệnh nằm liệt giường, mà vẫn còn gượng dậy để viết sách lúc nửa đêm, nên chúng quá đau lòng và đến gần hỏi tôi rằng: *“Mẹ ơi! Con muốn hỏi mẹ một chuyện, nhưng mẹ hứa là phải trả lời thật lòng”*. Tôi nói: *“Vậy thì con cứ hỏi đi, mẹ sẽ trả lời”*. Con tôi hỏi rằng: *“Nếu như có ai đó đến đây bắt mẹ phải lựa chọn giữa ba đứa con và cuốn sách mà mẹ đang viết, thì mẹ sẽ lựa chọn bên nào?”*. Sau khi nghe

con tôi hỏi như vậy thì tôi rất là đau lòng. Vì tôi biết trong những năm viết sách và làm Phật sự, tôi đã làm cho các con của tôi đau khổ quá nhiều. Vì quá đau khổ nên con tôi mới hỏi tôi câu này. Thật ra, các con tôi đau khổ một phần là vì tôi đã bỏ bê, không lo cho chúng và gia đình, còn đa phần là vì chúng lo cho sức khỏe và tinh thần suy sụp của tôi. Tuy lúc đó tôi biết các con tôi đang bị tổn thương về mặt tinh thần và thể xác rất nhiều, nhưng tôi không thể nào nói dối với các con tôi. Vì vậy, tôi đã trả lời với chúng rằng: *“Xin lỗi các con! Nếu thật sự có chuyện đó xảy ra, thì mẹ phải đành hy sinh ba đưa con, để mà viết cho xong cuốn sách này”*. Sau khi nghe tôi trả lời như vậy thì con tôi nghẹn ngào nói rằng: *“Con biết mẹ sẽ trả lời như vậy, nhưng con không hiểu lý do tại sao?”*. Lúc đó, tôi đã trả lời với chúng rằng: *“Các con đều biết là mẹ thương các con còn hơn sinh mạng của mẹ. Nhưng mẹ không thể nào vì một gia đình nhỏ này mà bỏ đi gia đình lớn của mẹ. Vì tất cả chúng sanh ở trong thế giới này đều là thân bằng quyến thuộc của mẹ. Vì vậy, mẹ phải đành hy sinh ba đưa con để mà giữ lại cuốn sách này. Vì cuốn sách này sẽ cứu được vô lượng thân bằng quyến thuộc của mẹ, mà trong đó có cả các con...”*.

Tóm lại, hôm đó tôi đã giải thích cho các con tôi hiểu rất nhiều. Nhưng cho dù hôm đó tôi có giải thích như thế nào, thì các con tôi cũng không vui được nổi đau. Tại sao? Vì thời gian đó bốn mẹ con tôi vừa mới trải qua một cuộc đổ nát gia đình, do đưa con trai của tôi quậy phá hết mấy năm trước đó. Trong mấy năm quậy phá của con trai tôi, nó đã làm cho gia đình tôi tan nát, khiến cho cuộc sống của bốn mẹ con tôi mỗi ngày,

không khác gì như sống ở trong địa ngục. Lúc đó, mẹ con tôi ai nấy chỉ còn lại thân tàn ma dại.

Đến khi con trai tôi vừa được thức tỉnh, thì cũng là lúc tôi được chứng đạo. Lúc đó, mẹ con tôi chưa kịp ổn định lại cuộc sống gia đình, chưa kịp ổn định lại chuyện làm ăn và phục hồi lại sức khỏe, thì tôi lại bị rơi vào một tâm trạng đau khổ khác và sự đau khổ này còn hơn ngàn lần so với sự đau khổ mà con trai tôi đã mang đến cho tôi trước đó. Tôi đau khổ hơn là vì sau khi chứng đạo, tôi thấy được cảnh luân hồi sanh tử của chúng sanh mà tôi không cứu được, nên tôi đau khổ tận cùng. Lúc đó, tôi chỉ còn biết thương khóc ngày đêm và cầu xin chư Phật gia hộ cho chúng sanh mau được thức tỉnh. Lúc đó, các con tôi nhìn thấy tôi đau khổ như vậy, nên chúng cũng đau khổ và lo lắng cho tôi.

Rồi sau đó, tôi quyết định viết sách để cứu chúng sanh, nên tôi phải đành bỏ bê gia đình con cái, bỏ bê chuyện làm ăn và sức khỏe của tôi để viết sách ngày đêm. Qua gần hai năm sau, khi cuốn sách **“Kinh nghiệm niệm Phật và những chuyện luân hồi”** được hoàn thành, thì các con tôi vô cùng vui mừng. Chúng vui mừng là vì nghĩ rằng: *“Mẹ của chúng sẽ được yên tâm và sẽ trở lại lo cho cuộc sống gia đình và lo cho sức khỏe...”*. Nhưng chúng không ngờ sau khi cuốn sách đó vừa đưa ra, thì tôi được nổi tiếng quá nhanh. Vì cuốn sách được nổi tiếng quá nhanh, nên mẹ của chúng cũng bị chúng ma đánh phá quá nhanh. Điều này khiến cho mẹ của chúng không thể nghỉ ngơi, mà phải bắt tay vào viết tiếp cuốn sách thứ hai. Điều này làm cho chúng rất là bức xúc và đau khổ không sao kể xiết. Lúc đó, khi nghe tôi nói sẽ viết tiếp cuốn sách thứ hai,

thì các con tôi rất là đau lòng và giận. Chúng nó giận đến mức muốn bỏ nhà ra đi, để không còn nhìn thấy những cảnh đau lòng. Vì không có đứa con nào muốn nhìn thấy cảnh mẹ của mình không bị ung thư, mà mang thân xác của một người bị bệnh ung thư. Cũng không có đứa con nào muốn nhìn thấy cảnh mẹ của mình bị bệnh nằm liệt giường, mà vẫn ngồi dậy viết sách vào lúc nửa đêm. Cũng không có đứa con nào muốn nhìn thấy cảnh cuộc sống gia đình vốn đã túng thiếu, nay lại bị túng thiếu thêm. Mẹ con tôi túng thiếu đến mức độ phải sống qua ngày bằng mượn nợ của thẻ tín dụng.

Thật ra, trong cuốn sách này tôi muốn chia sẻ rất nhiều về những chuyện mà mẹ con tôi đã trải qua, nhưng vì thời gian không cho phép. Tôi kể ra đây không phải là than thân hay trách phận, mà chỉ mong quý bạn hãy biết cảm thông với những nỗi khổ cực và hy sinh của những người đang hoằng pháp và hộ pháp. Nếu hiểu được thì chúng ta sẽ biết trân quý những gì mà họ đã mang đến cho cuộc đời này và chúng ta sẽ không còn sanh tâm đố kỵ, chỉ trích họ nữa.

Kính thưa quý bạn! Trên đường tu hành tự độ và độ tha, thì chúng ta phải biết ẩn mình trong những lúc cần thiết, để hoàn thành tâm nguyện. Còn về gia đình và người thân, nếu họ hiểu được thì tốt, còn nếu họ không hiểu được thì chúng ta phải đành chịu thôi. Nếu chúng ta muốn thành tựu được chuyện lớn thì phải đành hy sinh chuyện nhỏ. Điều quan trọng là ta phải biết làm chủ thân tâm của mình và phải biết mình đang làm gì và phải cần hy sinh những gì, để thành tựu được

đạo quả. Có như vậy thì ta mới có thể thành Phật và cứu được vô lượng chúng sanh.

IV. Không nên đánh mất bản thân

Kính thưa quý bạn! Trên đường tu hành và hoằng pháp, chúng ta không nên lệ thuộc vào bất cứ một ai. Tại sao? Vì nếu chúng ta lệ thuộc vào một ai đó thì sẽ bị họ khống chế và cuối cùng ta sẽ bị tổn thương, hoặc là đánh mất bản thân mà không hay.

Tôi nhớ có một chút thiện căn và nhờ trải qua nhiều khổ đau trong cuộc sống, nên tôi đã hiểu được phần nào hai mặt trắng đen của cuộc đời. Nhờ vậy mà trong nhiều năm hoằng pháp, tôi đã tránh được một số tai ương. Bây giờ tôi xin chia sẻ một chút để quý bạn có thêm kinh nghiệm. Nhiều năm qua, mỗi khi có ai ngỏ ý muốn hộ pháp và cùng tôi để làm những chuyện Phật sự lớn, thì tôi đều hỏi họ một câu rằng: *“Bạn tin tôi được bao nhiêu?”*. Mỗi khi tôi hỏi thì đa số họ đều trả lời rằng: *“Tôi tin Cư sĩ 100%”*. Tôi hỏi họ: *“Vậy nếu có ai đó tới nói với bạn **“tôi là Ma vương”**, thì bạn có bỏ tôi nửa chừng không?”*. Họ đều trả lời rằng: *“Chắc chắn là không”*. Mỗi khi nghe có ai nói với tôi thành tâm như vậy, thì tôi đều thử họ trước khi nhận lời. Không phải là tôi không tin họ, mà vì tôi biết sự đánh phá của chúng ma không đơn giản. Nếu họ không có lòng tin với tôi kiên cố, thì sớm muộn gì họ cũng bị những cơn gió thị phi thổi bay đi. Nếu họ bị thổi bay đi thì tôi sẽ bị đứng ở ngã ba đường. Cuộc đời của tôi đã bị đứng ở ngã ba đường nhiều rồi, nên tôi không muốn bị đứng thêm, vì vậy tôi phải thử trước khi bắt tay cùng họ để làm những chuyện Phật sự lớn. Nhưng lần nào cũng vậy, tôi vừa mới thử họ có vài

chiều nhỏ thôi, thì niềm tin của họ đối với tôi liền thay đổi còn nhanh hơn là trở bàn tay. Qua những lần thử nghiệm, tôi mới thấy niềm tin của chúng ta rất là vô thường. Thật ra, chính mình còn chưa tin được mình 100% thì làm sao có thể tin được người khác 100%.

Kính thưa quý bạn! Qua câu chuyện của tôi kể ở trên, cho thấy niềm tin của chúng ta rất là vô thường. Vì vậy mà trên đường hoằng pháp, chúng ta không nên làm những chuyện Phật sự vượt khỏi khả năng của mình, hay là phải lệ thuộc vào tiền bạc của một người hay của một nhóm Phật tử nào đó. Nếu như có ai muốn cúng dường tịnh tài để chúng ta làm Phật sự hay xây cất Tam bảo, thì ta nên yêu cầu họ chuyển tịnh tài vào tài khoản, hoặc là đưa trực tiếp cho chúng ta trước. Rồi sau đó, tùy theo số tiền của họ cúng dường mà ta làm Phật sự, để tạo phước đức cho họ và cho chúng sanh. Chúng ta tuyệt đối không nên tin vào những lời hứa của họ, mà đi làm những chuyện Phật sự như xây cất chùa, đúc tượng Phật... Nếu chúng ta chưa nắm đủ số tiền xây chùa, đúc tượng... ở trong tay thì không nên làm. Vì nếu chúng ta làm thì sẽ bị lệ thuộc vào họ và sẽ đánh mất bản thân. Nếu chúng ta không suy nghĩ kỹ trước khi làm những chuyện Phật sự lớn, thì sẽ bị rơi vào lưới ma. Lúc đó, chúng ta có ân hận cũng không kịp và sẽ mang tai tiếng đến cho Tăng đoàn. Nhiều năm qua, chúng tôi thấy có nhiều Tăng, Ni trong và ngoài nước đã bị rơi vào những tình cảnh bế tắc, không còn lối thoát. Cũng vì những lý do như vậy, mà có những ngôi chùa ở trong và ngoài nước phải bị bỏ dở nửa chừng. Thậm chí, có những ngôi chùa vì quá thời hạn xây cất, nên bị chính phủ bắt phải đập bỏ. Thật ra, họ

bắt chúng ta đập bỏ là đúng, không sai. Vì nếu họ không làm như vậy, thì sẽ ảnh hưởng đến môi trường và cuộc sống của những người xung quanh và làm mất đi thẩm mỹ của thành phố.

Gần đây ở trên YouTube có đăng một câu chuyện nói về một vị Thầy Việt Nam ở bên Mỹ, vì quá đau buồn và thất vọng với Phật tử, mà Thầy phải thất cổ tự sát. Thầy tự sát là vì vấn đề tiền bạc lục đục ở bên trong, mà bản thân Thầy không thể giải quyết được. Nên cuối cùng Thầy phải lựa chọn cái chết để kết thúc mọi chuyện. Sau khi xem xong những đoạn video nói về Thầy, tôi thật là đau lòng không cầm được nước mắt.

Tóm lại, chúng ta chỉ làm những chuyện Phật sự trong khả năng của mình cho phép mà thôi. Còn những chuyện ngoài khả năng thì ta nên buông xả, cho dù là những chuyện Phật sự đã đi được nửa đường. Điều quan trọng của người tu hành là phải khai mở được trí tuệ, hiểu thông giáo lý và hoằng dương chánh pháp. Còn những chuyện xây cất Tam bảo, làm phước... chỉ là phụ thôi. Nếu đủ duyên thì ta làm, còn không đủ duyên thì ta nên buông xả. Nếu là đệ tử Phật, thì ta phải biết phân nặng nhẹ, nếu không ta sẽ bị rơi vào lưới ma mà bản thân không hay biết.



VÔ THƯỜNG

Cả đời lặn độn long đong
 Tranh giành danh lợi, tâm không an lành
 Si mê ô nhiễm tâm thành
 Mưu toan, hãm hại làm hành trang đeo.

Tình tiền, danh lợi chạy theo
 Chạy theo mỗi mết, mạng treo chỉ mảnh
 Mới hay kiếp sống mỏng manh
 Mới hay mình đại chẳng tin vô thường.

CÁCH TU NIỆM PHẬT THẤT

Ở đây, chúng tôi xin chia sẻ vài điều căn bản quan trọng khi tu niệm Phật thất, để chúng ta cùng nhau trao đổi và đúc kết kinh nghiệm, hầu mang lại lợi ích thiết thực cho mình và cho người. Nói về tu niệm Phật thất, thì mỗi đạo tràng đều có cách dẫn chúng và tu tập khác nhau, nên chúng ta không thể nói cách của ai đúng hay cách của ai sai, vì niệm Phật không có cách nào là sai cả, mà chỉ có cách thì mang lại lợi ích nhiều, có cách thì mang lại lợi ích ít mà thôi.

Hiện tại, chúng ta thấy nơi nơi đều có Phật tử đang tu niệm Phật rất đông, nhưng trên thực tế có mấy ai tu niệm đúng với ý nghĩa trì danh niệm Phật, đúng với ý nghĩa Kim cang Diệu thiên của Như Lai. Thật ra, đa số chúng ta vẫn còn bị hình thức dẫn dắt, vẫn còn bị đại chúng chi phối và vẫn còn hướng ngoại, chưa hướng nội. Tóm lại, chúng ta vẫn chưa làm chủ được thân tâm của mình và vẫn còn bị xen tạp quá nhiều.

Tịnh độ là pháp môn thuộc về Diệu thiên, không phải là pháp môn Thiên định bình thường. Thiên thì có

nhiều loại Thiên, nhưng không ra ngoài những loại Thiên căn bản sau đây, đó là: **Nhân thiên** (*người*), **Thiên thiên** (*trời*), **A-la-hán thiên** (*Tiểu thừa*), **Bồ tát thiên** (*Đại thừa*) và **Như Lai thiên** (*Phật thừa*). Chúng ta đang tu Tịnh độ là pháp môn trực chỉ thành Phật (*Phật thừa*) nên không thể tu xen tạp.

Kính thưa quý bạn! Trách nhiệm dẫn chúng niệm Phật rất là quan trọng. Nếu chúng ta không nắm vững được ý nghĩa Diệu thiên của pháp môn Tịnh độ; không biết uyển chuyển theo từng căn cơ và hoàn cảnh của đại chúng; không giúp cho đại chúng làm chủ được thân tâm và sức khỏe, thì sẽ làm mất thời gian của họ. Ý nghĩa làm mất thời gian ở đây là: Nếu chúng ta dẫn chúng niệm Phật uyển chuyển theo căn cơ và sức khỏe của họ, thì sẽ giúp cho họ niệm Phật một tháng mà có công phu bằng một năm. Còn nếu chúng ta dẫn chúng niệm Phật mà không uyển chuyển theo căn cơ và sức khỏe của họ, thì sẽ hại họ niệm Phật một năm mà công phu chỉ bằng một tháng. Vì vậy, chúng ta hãy mở lòng từ bi, lắng nghe, trao đổi và cầu tiến không ngừng. Hầu mang lại phương pháp thiết thực, để giúp cho đại chúng ai cũng làm chủ được thân tâm và sức khỏe của họ, vì chúng ta vốn không còn nhiều thời gian để tu niệm lòng vòng nữa.

Còn về mặt tu hành, tuy ta và đại chúng cùng tu tập ở một nơi, nhưng không phải ta đến đạo tràng là để tu niệm cho đại chúng, hay là tu niệm cho cái hình thức ở bên ngoài, mà là tu niệm cho ông Phật trong tâm của ta. Còn đại chúng chỉ là trợ duyên, đạo tràng là phương tiện giúp cho ta có đủ hoàn cảnh thuận tiện để tu tập mà thôi. Trên **sự**, thì ta hỗ trợ cho đại chúng về mặt tinh

thần và thần lực. Nhưng trên **lý**, thì ta phải biết tu niệm cho thân tâm và sức khỏe của mình, có như vậy thì ta mới mau được nhất tâm.

Kính thưa quý bạn! Bất luận trong một đạo tràng nào dù có đông hay ít Phật tử, thì mỗi người đều có căn tánh, hoàn cảnh và sức khỏe khác nhau. Nói về **thân**, thì có người thân thể khỏe mạnh, có người thân thể yếu đuối hoặc khiếm khuyết. Nói về **sức khỏe**, thì có người đau lưng, đau cổ, đau tay, đau chân, đau tim, huyết áp cao, huyết áp thấp,... Nói về **tâm**, thì có người tâm an định, có người tâm tán loạn. Nói về **căn cơ**, thì có người căn cơ cao, có người căn cơ thấp. Nói về **tuổi**, thì có cháu 9 - 10 tuổi, có cô cậu 18 - 20 tuổi, có anh chị 30 - 40, có chú bác 60 - 70, có ông bà 80 - 90. Nói về **ngành nghiệp**, thì có người làm việc bằng đầu óc, có người làm việc bằng tập luyện biểu diễn, có người làm việc bằng tay chân,... Vì vậy, có nghề đòi hỏi chúng ta phải đứng cả ngày, hoặc phải ngồi cả ngày, hoặc phải tập luyện ca hát cả ngày, hoặc phải nói cả ngày, hoặc phải chạy lăng xăng cả ngày,... Tóm lại, mỗi ngành nghề đều có sự đòi hỏi về sức khỏe và thân thể hoạt động khác nhau, nên thân thể của mỗi người đều có những phần đau yếu và khiếm khuyết khác nhau, không ai giống ai. Vì thân thể và sức khỏe của mỗi người khác nhau, nên có người ngồi lâu không được, hoặc đi kinh hành lâu không được, hoặc lạy Phật lâu không được, hoặc niệm ra tiếng lâu không được. Ở trên, chúng ta chỉ mới bàn về vấn đề thân thể và sức khỏe thôi, mà đã có nhiều sự sai biệt rồi. Nếu chúng ta bàn đến căn tánh và tâm linh của mỗi người, thì còn phức tạp biết dường nào.

Nếu chúng ta là những người dẫn chúng mà không thông cảm về những sự khác biệt của thân tâm, căn tánh, hoàn cảnh và sức khỏe của đại chúng thì sẽ hại họ. Tại sao? Vì việc tu hành của chúng ta là trường kỳ từ năm này qua năm nọ, không phải tu niệm vài lần Phật thất là đủ, nên vấn đề bảo vệ thân tâm và sức khỏe cho đại chúng rất là quan trọng. Nếu chúng ta dẫn chúng mà không giúp họ bảo vệ được thân tâm và sức khỏe, thì họ làm sao bảo toàn được hai cuộc sống đạo và đời lâu dài?

Kính thưa quý bạn! Hiện tại đa số các chùa đang gặp khó khăn, vì Phật tử đến chùa tu niệm Phật mỗi ngày thêm đông, mà các chùa thì không có đủ phương tiện và tài chính để đáp ứng cho những nhu cầu cần thiết của Phật tử, như là: Nơi tu hành riêng biệt để phù hợp cho từng căn cơ, nơi ăn, chốn ở, vệ sinh và ẩm thực. Vì không có đủ phương tiện và tài chính, nên mới xảy ra những tình trạng bất đồng ý kiến và bất đồng lợi ích. Nói về mặt tu tập thì có người sau khi mãn khóa tu cảm thấy thân tâm an lạc, nhưng cũng có người cảm thấy lợi ích không được bao nhiêu. Có người còn than phiền cho rằng niệm Phật ở nhà thì được thanh tịnh hơn, vì ít ra không bị hình thức dẫn dắt và không bị đại chúng làm rối loạn thân tâm. Thật ra những lời than phiền của đại chúng không phải là vô lý, vì chúng ta vẫn còn chấp vào hình thức bên ngoài quá nhiều, nên vô tình thiếu sót về mặt bảo vệ thân tâm và sức khỏe của đại chúng. Nếu chúng ta chịu buông xả mặt hình thức, để chú trọng vào thân tâm và sức khỏe của đại chúng, thì cho dù đạo tràng có nhỏ cách mấy, chúng ta cũng có thể giúp cho họ làm chủ

được thân tâm. Vì ngoài họ ra, không ai có thể hiểu được thân tâm và sức khỏe của họ.

Nếu chúng ta là những người dẫn chúng thì hãy mở lòng từ bi và biết lắng nghe, hầu giúp cho mỗi người đều làm chủ được thân tâm và sức khỏe của họ, vì niệm Phật phải cần thân tâm hợp nhất. Nếu thân tâm không được hợp nhất thì người tu hành khó được nhất tâm. Cũng như chúng ta muốn tới được bờ an toàn, thì trước hết phải có chiếc tàu vững chắc, nếu không ta sẽ bị chìm nửa chừng. Khi chúng ta tu hành cũng vậy, nếu thân tâm và sức khỏe của ta không được vững chắc, thì đường tu của ta sẽ khó được thành tựu. Ở đây, chúng tôi xin chia sẻ một chút kinh nghiệm, mong là có thể giúp quý bạn phần nào trên con đường tu tập.

I. Chuẩn bị băng đĩa

Trước hết ta chuẩn bị một cái máy và hai cái đĩa niệm Phật khác nhau: Một đĩa là hành trì niệm Phật để khai mở thân tâm; còn một đĩa là nhạc niệm Phật để giữ thân tâm thanh tịnh.

Đĩa niệm Phật hành trì không nên có tiếng nhạc hay tiếng mõ. Tiếng niệm phải nhẹ nhàng nhưng dũng mãnh xoáy thẳng vào tâm để đánh thức tâm si mê và sự hôn trầm. Mỗi niệm phải vừa đủ cho mỗi bước đi kinh hành, không nên niệm nhanh quá hay chậm quá. Vì nếu niệm nhanh quá thì ta sẽ bước theo không kịp, còn nếu niệm chậm quá thì ta dễ bị hôn trầm (*loại hành trì chỉ dùng trong lúc tu hành*).

Còn đĩa nhạc niệm Phật thì ta nên lựa loại nhạc niệm linh động, để giúp thân tâm an định (*nhạc niệm Phật dùng vào những lúc giải lao và thọ trai*). Thật ra,

mỗi loại niệm Phật đều có sự lợi ích riêng của nó, tùy theo ta có biết dùng chúng đúng nơi, đúng chỗ hay không? Nếu dùng đúng chỗ thì sẽ có nhiều lợi ích, còn nếu dùng không đúng chỗ thì sẽ là chướng ngại cho thân tâm chúng ta.

II. Cách xếp đặt chỗ tu hành

Trước hết, ta phải xếp đặt chỗ ngồi, chỗ đi kinh hành, chỗ lạy Phật và chỗ nghỉ ngơi tạm thời. Chỗ ngồi ta có thể xếp đặt ở giữa đạo tràng, còn chỗ đi kinh hành thì xung quanh đạo tràng, hoặc chỗ ngồi xung quanh đạo tràng xoay mặt vào vách, còn đi kinh hành thì ở giữa đạo tràng. Chỗ lạy Phật thì ở một phòng hay ở một góc nào đó, tùy theo hoàn cảnh của đạo tràng và phải có hình Phật A Mi Đà ở trước mặt. Còn chỗ nghỉ ngơi tạm thời tùy chúng ta xếp đặt.

Khi xếp đặt chỗ ngồi ta nên xếp đặt khoảng cách làm sao mà khi chúng ta đứng lên, ngồi xuống, đi ra, đi vào đều không làm động đến người bên cạnh. Mỗi hàng phải có lối đi thông ra chỗ đi kinh hành và chỗ đi kinh hành có thể đi thông vào chỗ ngồi, chỗ lạy Phật, tới phòng nghỉ ngơi và phòng vệ sinh. Tóm lại, chúng ta xếp đặt làm sao để từ chỗ này đi qua chỗ kia đều được dung thông không chướng ngại. Sau khi xếp đặt chỗ tu hành xong, chúng ta tập cách đứng lên, ngồi xuống, cách đi kinh hành, cách lạy Phật, cách đi ra và đi vào. Chúng ta tập sự làm sao để mỗi khi đứng lên, ngồi xuống, đi ra, đi vào đều nhẹ nhàng và trang nghiêm. Mỗi khi ta di chuyển từ chỗ này sang chỗ kia, đều phải đi theo lối đi kinh hành; mỗi bước phải đi theo nhịp niệm Phật, không nên kẻ bước nhanh, người bước chậm sẽ

làm mất sự trang nghiêm của đạo tràng và làm chướng ngại cho bạn đồng tu ở xung quanh.

Nói về **thân**, thì trong thời gian tu niệm ta đều có sự di chuyển từ chỗ này sang chỗ kia. Nhưng về luật lệ, nghi thức của đạo tràng thì không thể khác nhau. Nói về **tâm**, thì trong thời gian tu tập thân của ta tuy có sự dời đổi, nhưng tâm thì phải luôn giữ chánh niệm. Điều quan trọng là ta phải biết làm chủ thân tâm và sức khỏe của mình. Có như vậy thì sự tu hành của ta mới mau được nhất tâm.

Sau khi xếp đặt và tập sự xong, chúng ta ai nấy trở vào chỗ đứng của mình để lễ Phật Thích Ca ba lạy và lễ Phật A Mi Đà ba lạy. Sau đó, chúng ta ngồi tĩnh tọa để đọc một bài kệ tán thán chư Phật hay là tụng một bài Kinh. Nếu tụng Kinh thì chỉ tụng "**Kinh A Mi Đà**" hay "**Kinh Vô Lượng Thọ**" là đủ, không nên tụng đủ loại Kinh. Nếu tụng "**Kinh Vô Lượng Thọ**" thì ta nên chia ra mỗi ngày tụng vài phẩm, không nên tụng một lần hết cuốn Kinh, vì sẽ mất rất nhiều thời gian. Còn nếu chúng ta không biết đọc bài kệ tán thán, hay không biết tụng Kinh cũng được không sao, vì trong câu **A Mi Đà Phật** đã có đầy đủ công đức rồi.

Sau khi lễ Phật, tán thán và tụng Kinh xong, thì chúng ta đồng thanh hợp niệm, niệm nhanh theo lối niệm **Kim cang trì**, nhưng phải niệm ra tiếng. Nghĩa là chúng ta niệm mỗi chữ liên tục nhau như bức tường thành chặn đứng không cho vọng tưởng xen vào, mạnh ai nấy niệm, không ai theo ai, không ai chờ ai. Ai muốn niệm lớn, niệm nhỏ, niệm cao, niệm thấp, muốn nghỉ, muốn niệm đều tùy ý. Tuy là tùy ý niệm Phật, nhưng chúng ta phải biết hòa quyện vào tiếng niệm của đại

chúng để tạo thành một đại niệm Kim cang. Trong lúc niệm Phật, ta chỉ tập trung để nghe tiếng niệm Phật của mình và đưa tiếng niệm vào tâm (*đưa vào giữa lồng ngực*). Lúc mới tập niệm hòa tấu với đại chúng, ta sẽ cảm thấy không quen. Nhưng qua vài lần thì ta sẽ quen đi và những tiếng niệm Phật lớn nhỏ, trầm bổng, nhịp nhàng, hùng mạnh của đại chúng và của ta, sẽ tự nhiên được dung thông hợp nhất với nhau và tạo thành một dòng pháp âm cam lồ tuôn chảy vào tâm an định không thể tả. Đây là cách niệm Phật **tổng trì Kim cang Diệu thiện**.

Nếu quý bạn muốn niệm Phật mau được nhất tâm và giúp cho chúng sanh mau được thức tỉnh hồi đầu, thì trong thời gian niệm Phật hòa tấu với nhau, ta nên dành một khoảng thời gian để thi đua với nhau, xem ai niệm Phật lớn tiếng hơn. Chúng ta niệm Phật thi đua làm sao mà có thể làm rung động cả bầu trời, thì tâm của ta sẽ mau được an định. Tại sao? Vì trong thời gian ta niệm Phật để thi đua với nhau, thì cũng là thời gian ta quên hết vọng tưởng, buồn phiền và cũng là thời gian ta dùng hết chân tâm của mình để niệm ra. Trong thời gian ta dùng chân tâm để niệm, thì cũng là thời gian ta thâm nhiếp được nhiều thần lực của chư Phật. Đồng thời, ta cũng hợp sức với mười phương chư Phật, để chuyển hóa tâm si mê của mình và của chúng sanh. Trong thời gian niệm Phật hòa tấu với nhau, nếu ai mệt thì nghỉ, còn ai khỏe thì niệm, không ai chờ ai. Nếu ai ngưng niệm thì ngồi yên lặng để lắng nghe tiếng niệm của đại chúng và đưa tiếng niệm của đại chúng vào trong tâm mình. Niệm theo cho đến khi nào tiếng niệm Phật của người cuối cùng dừng thì ta mới thôi. Sau khi tiếng niệm của người cuối cùng dừng, thì ta vẫn ngồi

yên lặng và mặc niệm thêm ít nhất là nửa tiếng đồng hồ, để hưởng lạc thanh tịnh. Sau nửa tiếng mặc niệm, thì một người trong nhóm đứng lên mở máy niệm Phật (*dùng đĩa niệm Phật hành trì*). Chúng ta chỉ mở âm thanh vừa đủ nghe, không được lớn quá hay nhỏ quá. Vì nếu âm thanh lớn quá sẽ làm thân tâm của ta bị động, còn nếu nhỏ quá sẽ làm cho ta dễ bị hôn trầm.

Sau khi tiếng niệm Phật từ máy phát ra, ta vẫn ngồi yên lặng và nương theo tiếng niệm Phật đó mà hành trì. Chúng ta ngồi cho đến khi nào cảm thấy đau lưng, mỏi gối hoặc vọng tưởng kéo đến dồn dập không thể khống chế, thì lúc đó ta hãy đứng lên đi kinh hành hay là lạy Phật đều tùy ý. Tóm lại, ta muốn ngồi, muốn đi kinh hành, muốn lạy Phật, nghỉ ngơi hay đi vệ sinh đều tùy ý. Nhưng mỗi hành động di chuyển của ta đều phải đi theo lối kinh hành và mỗi bước chân của ta phải nhẹ nhàng, trang nghiêm, không nên làm động đến bạn đồng tu xung quanh. Sau mỗi thời khóa tu tập xong, chúng ta đứng lên chấp tay để đọc bài **Hồi hướng**.

Tới giờ thọ trai ta có thể dùng ba tiếng khánh hay ba tiếng hồng chung để báo hiệu, nhưng phải cho đại chúng biết trước ít nhất là 30 phút để xả định, co giãn gân cốt và đi vệ sinh. Sau khi báo hiệu giờ thọ trai xong, ta đổi đĩa nhạc niệm Phật vào để đại chúng giải trí tinh thần và giữ thân tâm thanh tịnh. Sau khi thọ trai xong, ta đi vệ sinh và nghỉ ngơi khoảng 30 phút, rồi sau đó mới ngồi lại để nghe chư Tăng, Ni thuyết pháp hoặc nghe băng thuyết pháp. Sau khi nghe thuyết pháp xong, ta nghỉ giải lao thêm 15 phút, rồi sau đó mới trở lại tu trì. Chúng ta cũng lễ Phật ba lạy, cũng niệm Phật hòa tấu

(*quý bạn có thể niệm Phật hòa tấu với nhau hai hay bốn lần trong một ngày cũng được*).

III. Cách tĩnh tọa, đi kinh hành và lạy Phật

1. Tĩnh tọa: Khi ngồi ta phải buông xả thân tâm nhẹ nhàng, không nên gò bó thân thể, lưng và đầu phải thẳng, không nên cong lưng hay cúi đầu. Nếu ta ngồi không đúng cách, lâu ngày sẽ sanh ra bệnh đau lưng, đau khớp...

2. Đi kinh hành: Khi đi kinh hành ta phải buông xả thân tâm nhẹ nhàng và đi một cách trang nghiêm thanh tịnh. Mỗi bước đi phải chắc, thân phải thẳng, tâm phải nguyện ta là Phật sẽ thành. Trong lúc đi kinh hành ta luôn quán tưởng rằng: *“Mỗi bước chân ta đi là cứu độ chúng sanh, mỗi bước chân ta tới là cứu chúng sanh thoát khỏi làm than”*. Chúng ta hãy tập quán tưởng mỗi bước chân của mình đang đi là mỗi bước chân của Phật. Có như vậy thì ta mới phát khởi được cái tâm từ bi cứu độ chúng sanh. Chúng ta cứ nguyện như vậy lâu ngày, thì thân tâm của ta sẽ được từ bi và thanh tịnh như Phật. Rồi đến một ngày tâm của ta và tâm của Phật được hợp nhất với nhau, thì ta sẽ được nhất tâm tam muội. Muốn được nhất tâm tam muội, thì tâm của ta phải đồng nguyện và đồng từ bi như Phật.

Trong lúc đi kinh hành ta phải biết thay đổi tư thế của tay để thư giãn gân cốt, lưu thông huyết mạch và bảo vệ sức khỏe của mình. Nói về tư thế của tay thì có ba tư thế khác nhau. Trước hết, ta chấp hai tay lên ngực khoảng 15 phút. Sau đó, ta để hai bàn tay nằm ngửa và chồng lên nhau và đưa xuống ngang chỗ lỗ rốn khoảng 15 phút. Sau đó, ta xả hai tay thẳng xuống

đưa ra sau lưng và đan hai bàn tay lại với nhau khoảng 15 phút. Chúng ta cứ thay đổi tư thế tới lui như vậy trong thời gian tu tập, nhưng phải theo tiếng khánh của người dẫn chúng. Nghĩa là trong thời gian tu tập người dẫn chúng sẽ dùng tiếng khánh để báo hiệu cho ta biết khi nào là chấp tay lên ngực, khi nào là xả tay xuống. Trong lúc đi kinh hành ta không nên kể chấp tay, người xả tay sẽ làm mất sự trang nghiêm của đạo tràng (*chỉ nói riêng về phần đi kinh hành*). Trong thời gian tu tập, tiếng khánh đóng một vai trò rất là quan trọng, nó giúp cho ta dẫn chúng và đồng thời cũng đánh thức sự hôn trầm của ta. Nhưng chúng ta phải biết đánh nghe cho thanh tịnh, không nên làm động đến tâm của đại chúng.

3. Lạy Phật: Là một phương pháp tu hành để định tâm cường thể. Nếu ta lạy Phật đúng cách thì sẽ mau được nhất tâm, thân thể sẽ được khỏe mạnh, rắn chắc và huyết mạch sẽ được lưu thông. Nhưng nếu ta lạy không đúng cách thì sẽ mang bệnh vào thân, nên ta phải tập cách lạy Phật trước khi tu pháp lạy Phật. Quý bạn có thể đến chùa tìm chư Tăng, Ni chỉ dạy, hay tìm băng đĩa hướng dẫn về cách lạy Phật ở trên website, YouTube... Còn ở đây, chúng tôi chỉ chia sẻ niệm Phật cách nào để mau được nhất tâm thôi. Khi lạy Phật ta không nên lạy gấp, vì lạy gấp sẽ làm xáo trộn huyết mạch, dễ xây xẩm và gân cốt dễ bị suy yếu theo thời gian. Chúng ta lạy càng chậm càng tốt và trong lúc lạy ta phải biết lắng nghe, để dung thông tiếng niệm Phật vào từng phần di chuyển của thân từ thô đến tế (*thô là dễ biết, tế là khó biết*).

Lúc mới tập lạy, ta nên tập dung thông tiếng niệm Phật vào phần di chuyển dễ biết của thân trước. Đến khi tiếng niệm Phật được dung thông thuần thực rồi, thì lúc đó ta mới tập dung thông tiếng niệm Phật vào phần khó biết của thân. Về phần dễ biết thì ta có thể tập như sau: Chắp tay là A Mi Đà Phật, cúi đầu là A Mi Đà Phật, cong lưng, cong đầu gối, quỳ xuống, chuyển bàn tay, bàn chân... đều là A Mi Đà Phật. Tóm lại, trong mỗi động tác xê dịch của thân mà ta biết được, thì đều thay vào đó một câu A Mi Đà Phật.

Trong lúc lạy Phật, ta phải biết lắng nghe sự di chuyển của thân và đưa mỗi niệm A Mi Đà Phật vào mỗi sự chuyển động đó, để giúp thân tâm được hợp nhất. Chúng ta tập cho đến khi nào làm chủ được thân tâm, thì lúc đó mới tập vào phần tế của thân. Về phần tế ta phải biết dung thông câu A Mi Đà Phật vào từng hơi thở, từng sự chuyển động của gân cốt, cơ bắp, huyết mạch. Tóm lại, ta niệm cho tới khi nào thân tâm và câu A Mi Đà Phật được hòa nhập hợp nhất, thì ta sẽ được nhất tâm tam muội.

IV. Phân nhắc nhở

Ở đây, tôi xin chia sẻ một vài căn bản để giúp quý bạn biết bảo vệ sức khỏe của mình trước và sau khi tu pháp lạy Phật.

1. Quý bạn không nên tu lạy Phật sau khi vừa mới ăn no, mà phải đợi khoảng một tiếng rưỡi đến hai tiếng đồng hồ sau. Vì nếu bạn lạy Phật sau khi vừa mới ăn no, thì bạn sẽ bị xáo trộn bao tử, nôn ói và bị chóng mặt.

2. Trong thời gian lạy Phật, nếu ta cảm thấy mệt thì nên nghỉ ngơi một chút. Trong thời gian nghỉ ngơi,

nếu ta cảm thấy khát nước thì chỉ uống vài hớp và mỗi hớp phải ngậm vài giây, rồi sau đó ta mới nuốt từ từ xuống. Chúng ta không nên uống một lúc nhiều và nhanh, vì nếu uống nhiều và nhanh thì ta sẽ bị khó chịu trong thời gian lạy Phật.

3. Sau khi lạy Phật xong ta phải uống nước thật nhiều, ít nhất là nửa lít nước. Tại sao? Vì trong thời gian lạy Phật, người của ta đã bị mất nhiều nước, nên ta phải cần uống nước để điều hòa lại lượng nước trong người đã mất.

4. Nếu quý bạn là người tu pháp lạy Phật mỗi ngày, thì không nên lạy quá một tiếng rưỡi đồng hồ cho một ngày, nhất là những bạn đã có tuổi. Tại sao? Vì nếu bạn lạy quá một tiếng rưỡi cho một ngày và lạy từ tháng này qua năm nọ, thì về già bạn sẽ bị đau khớp và đau xương. Điều này quý bạn phải hết sức thận trọng, vì sự tu hành của chúng ta là cả đời, không phải chỉ tu có một ngày hay một tháng.

Kính thưa quý bạn! Ngày đầu tập lạy Phật, thân thể và gân cốt của ta sẽ bị đau ê ẩm gần một tuần mới hết. Sau đó, ta tiếp tục tu lạy nhiều lần thì sẽ quen đi, không còn bị ê ẩm thân thể nữa. Cũng như chúng ta mới bắt đầu tập thể dục, thì toàn thân của ta cũng bị đau ê ẩm như vậy không khác. Chúng ta không nên mới tập lạy Phật ngày đầu, sau đó bị đau ê ẩm cả người rồi bỏ tu pháp lạy Phật thì uổng lắm. Nếu quý bạn lạy Phật nhiều, thì nên để ở dưới một miếng lót dày khoảng vài phân, để bảo vệ đầu gối và tay chân của mình. Nếu quý bạn muốn mau được nhất tâm, thì nên đi tới các chùa hoặc các đạo tràng để tu niệm. Vì tới đó ta sẽ hưởng được thần lực của đại chúng hỗ

trợ, cho đến khi thần lực của ta được khôi phục khả quan, thì lúc đó ta nhập thất tu một mình sẽ tốt hơn. Nếu quý bạn chịu để ý một chút, thì sẽ thấy tâm và diện mạo của mình ở trong niệm Phật đường và ở nhà hoàn toàn khác nhau.

V. Phân thỉnh cầu

Kính thưa quý bạn! Các chùa và các đạo tràng hiện đang gặp khó khăn về mặt phương tiện và tài chính. Nếu là Phật tử thì chúng ta hãy chung tay góp sức với chư Tăng, Ni và chư Cư sĩ phát triển thêm, để giúp Phật tử khắp nơi có đầy đủ phương tiện tu hành. Công đức này là vô lượng không thể nghĩ bàn, vì những vị đang tu niệm Phật thất đều là chư Phật sẽ thành trong tương lai. Chúng ta không dễ gì có được cái phước đức nhân duyên để cúng dường cho chư Phật, nay có cơ hội ta không nên bỏ qua (*chư Phật là những người đang tu niệm Phật thất đó*).

Chúng ta có thiện căn và phước đức trong vô lượng kiếp, nên kiếp này mới có đủ nhân duyên vào chùa tu niệm Phật bây giờ. Trong khi xung quanh ta, có biết bao nhiêu người muốn đến chùa tu niệm mà không được, vì hoàn cảnh và tài chính của họ không cho phép. Vì vậy, ta phải biết quý mỗi giây, mỗi phút trong thời gian tu tập để hầu gặt hái được nhiều lợi ích cho thân tâm. Chúng ta không nên phụ lòng tâm huyết của chư Tăng, Ni và Cư sĩ đang ngày đêm dẫn dắt và lo cho ta từng miếng ăn giấc ngủ trong thời gian tu hành. Chúng ta phải quyết tâm tu để được vãng sanh ngay trong đời này. Vì chỉ có thành Phật thì ta mới đền ơn được cho chư Phật và chư Bồ tát.

VI. Phần quan trọng

Ở đây, tôi xin khuyên quý bạn một điều, đó là: Trong thời gian hành trì niệm Phật, chúng ta có thể nhập định bất cứ lúc nào. Nếu lỡ nhập định nửa chừng thì ta cứ ngồi yên không nên xả định, mặc cho những người xung quanh có đứng lên hay ngồi xuống... Còn về phần đại chúng, nếu thấy bạn đồng tu của mình ngồi yên không cử động, thì ta phải biết là người đó đang trong định, ta không nên làm phiền hay đánh thức họ. Chúng ta cũng không nên xâm xì, bàn tán cho rằng người bạn đó không tôn trọng hay là khoe khoang. Vì trong thời gian nhập định, thân của ta sẽ an định như là pho tượng, không còn cảm giác. Nếu lúc đó vì sợ quý Thầy hay bạn đồng tu quở trách, mà ta vội xả định thì sẽ bị tổn khí lực và uổng phí công phu tu hành. Chúng ta tu hành là tu cho mình không phải tu cho đại chúng hay tu cho quý Thầy. Tóm lại, trong thời gian nhập định, mặc cho ai đứng lên hay ngồi xuống, thọ trai hay giải trí, thuyết pháp hay nghe pháp, ngày hay đêm, thì ta vẫn ngồi an định để sống với bốn chữ A Mi Đà Phật. Có như vậy thì ta mới thật sự làm chủ được thân tâm của mình.

VII. Phần bảo vệ thân thể

Kính thưa quý bạn! Thân thể của ta tuy là giả tạm, nhưng ta phải biết chăm sóc và tập thể dục để bảo vệ sức khỏe và cuộc sống gia đình. Chúng ta không nên nghĩ rằng: *“Thân này là của tôi, tôi muốn làm gì thì làm không liên quan gì đến ai”*. Thật ra không phải vậy, mà thân ta là của chúng sanh trong mười phương thế giới, chẳng qua ta không tu hành nên không thấy đó thôi. Ở

đây, chúng ta không bàn đến những chuyện xa xôi, mà chỉ bàn đến chuyện là mỗi khi ta bị bệnh thôi, cũng ảnh hưởng đến biết bao nhiêu người rồi.

Mỗi khi bị bệnh không phải chỉ riêng ta bị khổ, mà tất cả thân bằng quyến thuộc và bạn bè của ta đều bị khổ. Ngoài ra, còn có những người đang chăm sóc cho ta như là bác sĩ, y tá... cũng đều bị khổ. Đó là chưa nói đến những con vật bị giết để tẩm bổ và chữa bệnh cho ta. Ở trên, chúng ta chỉ mới bàn đến cái thấy của phàm phu thôi, mà đã thấy thân của ta đối với chúng sanh còn quan trọng đến như vậy. Nếu bàn đến cái thấy của chư Phật, thì thân của ta đối với chúng sanh còn quan trọng biết dường nào. Vì vậy, tất cả chúng ta đều phải có trách nhiệm bảo vệ thân thể, không nên làm khổ đến mình và khổ chúng sanh.

VIII. Giải tỏa thắc mắc

Đa số chúng ta vẫn còn thắc mắc về vấn đề niệm Phật sáu chữ và bốn chữ. Thật ra chúng ta muốn niệm sáu chữ hay bốn chữ đều được cả. Bây giờ tôi xin phân tích tóm gọn để quý bạn không còn thắc mắc.

Nam mô: Nghĩa là quy y (tức là trở về nương tựa chư Phật và trở về với chân tâm của mình).

A Mi Đà Phật: Là thể tánh **Giác, Chánh, Tịnh** (tức có đầy đủ vô lượng quang và vô lượng thọ).

Khi chúng ta niệm: “Nam mô A Mi Đà Phật” là nguyện trở về với tự tánh **Giác, Chánh, Tịnh** sẵn có của ta. Nếu chúng ta đem sáu chữ “Nam mô A Mi Đà Phật” để phân tích, thì bốn chữ **A Mi Đà Phật** mới là thể tánh chân tâm của ta, còn hai chữ **Nam mô** chỉ là phương tiện giúp nhắc nhở ta trở về. Nếu ta chưa có đủ

tín tâm, thì nên niệm “Nam mô A Mi Đà Phật” để nhắc nhở ta trở về với tự tánh “A Mi Đà” của mình. Còn nếu ta đã có tín tâm thì hai chữ “Nam mô” không còn quan trọng nữa. Tại sao? Vì ý nghĩa của hai chữ “Nam mô” là quay về. Nay ta đã phát tâm Bồ đề quyết tu thành Phật, thì ý nghĩa quay về không còn quan trọng nữa.

Tóm lại, chúng ta muốn niệm sáu chữ hay bốn chữ đều được cả, tùy theo căn cơ và sở thích của ta. Nhưng nếu ta niệm Phật đã được thuần thục rồi, thì nên niệm bốn chữ sẽ tốt hơn. Tại sao? Vì niệm bốn chữ sẽ đỡ hao hơi, tổn khí và phút lâm chung ta dễ giữ được chánh niệm hơn. Ngoài việc tu niệm Phật ra, ta nên cố gắng thu xếp thời gian để đọc Kinh sách hay nghe thuyết pháp thường xuyên. Vì mỗi lần nghe pháp là giúp cho ta có thêm lòng tin và khai mở được trí tuệ sáng suốt.

IX. Ý nghĩa tụng Kinh

Tụng Kinh có hai mặt lý và sự: **Lý**, là tụng để khai mở chân tâm và trí tuệ của mình; **sự**, là tụng để khai triển pháp âm, khai triển thần lực để giúp cho chúng sanh giác ngộ tu hành. Nên khi tụng Kinh ta phải tụng nghe cho hùng hồn và thoát tục, để giúp cho người nghe cảm thấy an lạc và thích nghe. Chúng ta không nên tụng Kinh như đưa đám ma, khiến cho người nghe cảm thấy sợ hãi, bực bội không muốn nghe tiếp. Nếu ta tụng Kinh mà khiến cho người nghe phải sợ hãi, bực bội không muốn nghe tiếp, vậy ta làm sao độ được chúng sanh? Vì vậy, chúng ta phải sửa đổi để hợp với căn tánh của chúng sanh thời nay, hầu củng cố lại sự thính Kinh của con cháu chúng ta sau này. Nếu chúng ta chịu tìm hiểu về cách tụng Kinh của các nước bạn,

thì sẽ thấy cách tụng Kinh của chúng ta vẫn còn thiếu sót về mặt tâm linh và âm điệu. Khi tụng Kinh, điều quan trọng là ta phải tụng mỗi chữ nghe cho rõ ràng và hùng mạnh để đánh thức tâm si mê của mình và của chúng sanh. Chúng ta không nên tụng kéo dài khiến cho mình phải bị tổn khí lực và khiến cho người nghe cũng cảm thấy mệt mỏi. Tóm lại, chúng ta tụng Kinh làm sao mà khiến cho thân tâm của mình và thân tâm của người nghe cảm thấy phấn chấn, an lạc và giải thoát, như vậy mới gọi là tụng Kinh. Còn về phần đánh khánh và gõ mõ cũng vậy, ta phải đánh nghe cho thanh tịnh, không nên đánh mà khiến người nghe phải bị long óc, động tâm thì không tốt.

X. Phần cứu con hữu hiệu

Về cách độ con cháu niệm Phật, thì chúng tôi đã chia sẻ nhiều ở trong cuốn **“Kinh nghiệm niệm Phật và những chuyện luân hồi”** rồi. Ở đây, tôi chỉ xin chia sẻ thêm một vài vấn đề quan trọng thôi. Nếu muốn độ được con cháu, mà nhất là những con cháu ở xa, thì ta nên yêu cầu chúng mỗi ngày dành ra nửa tiếng đồng hồ để viết một trang tự tánh “A Mi Đà Phật”. Mỗi chữ phải viết rõ ràng và ngay thẳng, không được viết ẩu hay qua loa và mỗi trang đều để rõ ngày, tháng, năm. Sau đó, chúng ta đòi hỏi chúng phải nộp bài, tùy hoàn cảnh mà ta đặt ra cho chúng.

Ngoài ra, ta nên thường tâm sự cho con cháu biết rằng: *“Cho dù các con có cho cha mẹ cả một biển vàng bạc châu báu, thì cha mẹ cũng không vui bằng khi thấy các con mỗi ngày niệm Phật nửa tiếng đồng hồ”*. Nếu con cháu hỏi tại sao thì ta trả lời cho chúng biết rằng:

“Vì biển vàng bạc châu báu kia chỉ giúp cho cha mẹ sống được hạnh phúc và sung sướng trong một đời này thôi, nhưng không thể giúp cho cha mẹ và các con sống bên nhau đời đời, kiếp kiếp. Còn trang giấy mà các con đang viết niệm A Mi Đà Phật hằng ngày, có thể giúp cho cha mẹ và các con sống hạnh phúc bên nhau ở cõi Cực Lạc, không bao giờ chia cách”.

Khi con cháu nghe chúng ta nói tha thiết và thành khẩn như vậy, thì cho dù bận rộn đến đâu chúng cũng dành thời gian để tu niệm Phật. Ngoài ra, mỗi khi chúng làm gì sai quấy, ta chỉ dùng cách viết câu Phật hiệu để trừng phạt. Còn nếu chúng muốn có tiền xài riêng hay chưng diện, thì ta không nên cho chúng dễ dàng, mà kêu chúng viết một trang tự tánh “A Mi Đà” thì sẽ có được bao nhiêu tiền, tùy ta ra giá với chúng. Những cách trên đây có hiệu quả vô cùng.

Ngoài tìm những phương tiện thiện xảo để giúp con cháu và người thân niệm Phật ra, ta nên làm gương cho chúng thấy và luôn thuyết pháp cho chúng nghe. Điều quan trọng là ta phải quyết tâm tu niệm, để được vãng sanh ngay trong đời này và để lại bằng chứng hùng hồn cho con cháu của mình thấy. Đó mới là tình thương chân thật vĩnh cửu.



NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT LÚC LÂM CHUNG

Kính thưa quý bạn! Đây là những điều quan trọng mà chúng ta cần phải biết để tự cứu thân thức của mình và cứu thân thức của người thân trong giờ phút cuối. Chúng ta luôn chuẩn bị sẵn sàng vì mạng sống của ta rất là ngắn ngủi và không ai có thể biết trước ngày mai chuyện gì sẽ xảy ra. Nếu chuẩn bị trước, khi có tang sự ta sẽ không bị bối rối. Chuẩn bị trước không có nghĩa là tiêu cực, mà là ta có trí tuệ và can đảm dám đối diện với cái chết vì ai cũng phải chết. Chết chưa phải là hết mà chết chỉ là bắt đầu cho cuộc sống mới. Nếu là bắt đầu cho cuộc sống mới, vậy thì tại sao ta không biết dùng cuộc sống ngắn ngủi này, để chuẩn bị cho mình một đời sống mới hạnh phúc và trường thọ vĩnh cửu?

I. Khi có người thân đang bị hấp hối

1. Đặt người thân nằm một chỗ thoải mái với một tư thế thoải mái.

2. Mở máy chip niệm Phật ngày đêm bên cạnh người bệnh cho tới khi chôn hoặc hỏa thiêu (*chỉ dùng máy trong những lúc không có người trợ niệm*). Là cái máy nhỏ niệm Phật không cần thay băng đĩa, ta nên tới chùa hoặc những nơi có bán pháp bảo của Phật giáo để thỉnh. Chúng ta có thể dùng điện thoại, iPad, laptop,... để tải xuống những loại niệm Phật trợ niệm mà ta ưa thích, để thay thế cho máy chip niệm Phật cũng được. Nhưng ta phải dùng loại máy cho tốt, thì mới không làm động tâm của người hấp hối và loại niệm Phật mà ta thâu vào máy phải dài ít nhất là 24

tiếng đồng hồ, thì mới thay thế được cho máy chip niệm Phật.

3. Lấy hình Phật để trước mặt để người hấp hối yên lòng và tưởng đến Phật.

4. Khuyên thân nhân trong nhà không ai được khóc. Điều quan trọng không phải là giữ lại thân xác của người thân, mà là lúc rất quan trọng để cứu thần thức của người thân.

5. Khuyên mọi người trong nhà cùng nhau ngồi, hoặc đứng xung quanh người hấp hối để niệm Phật trợ niệm.

6. Tiếng niệm vừa đủ nghe không được lớn quá hay nhỏ quá, nhanh quá hay chậm quá. Chỉ trừ những trường hợp nếu ta thấy người hấp hối đó đang bị oan gia quấy rối, thì ta mới niệm Phật lớn tiếng để nhắc nhở họ quay về giữ chánh niệm. Tóm lại, ta trợ niệm làm sao mà giúp cho người sắp chết giữ được chánh niệm và cảm thấy yên tâm.

7. Trong nhà cần một người hiểu biết một chút về Phật pháp và phải luôn ở bên cạnh để khai thị cho người hấp hối. Chúng ta khuyên người hấp hối nên buông xả hết trần duyên, tình cảm, tiền bạc, danh vọng và con cháu vì tất cả đều là giả, không thật. Khuyên họ hãy mau niệm Phật để Phật đến tiếp dẫn về cõi Phật. Nếu họ không chịu buông xả, thì họ sẽ bị làm ma lạnh lẽo, đói khát và sẽ bị đọa luân hồi đau khổ... Khuyên họ hãy niệm Phật vì gia đình ai cũng thương và muốn họ được đi theo Phật. Nếu họ không được đi theo Phật mà bị làm ma thì gia đình sẽ buồn lắm... Tóm lại, ta phải dùng những lời dễ hiểu và đầy đủ ý nghĩa, để giúp cho người hấp hối phát tâm niệm Phật cầu vãng sanh.

Ngoài ra, ta phải luôn ở bên cạnh người hấp hối để khai thị, trợ niệm và khuyến tấn ngày đêm. Vì giờ phút lâm chung rất là quan trọng, là giờ phút mà tinh thần của họ đang bị xuống thấp, hôn trầm, sợ hãi và đau đớn. Nếu trong thời khắc lâm chung mà họ có được người thân và ban Hộ niệm luôn ở bên cạnh để trợ niệm và khai thị, thì họ sẽ bớt được sự sợ hãi, đau đớn và sẽ được yên tâm niệm Phật cầu vãng sanh.

II. Những điều cấm kỵ

1. Nếu người thân chết trước khi ta phát hiện, thì không nên đụng chạm hay di chuyển thân xác của họ. Chỉ trừ những trường hợp ngoại lệ, như là: Họ chết vì tai nạn ở ngoài đường, chết ở trong nhà tắm, chết ở cầu thang... thì ta mới di chuyển thân xác của họ. Tóm lại, nếu người thân của mình chết ở những nơi không tiện cho việc hộ niệm, thì ta nên di chuyển thân xác của họ về nhà, về chùa... để tiện cho việc hộ niệm. Khi di dời thân xác của họ thì ta nên xin phép họ trước. Trong thời gian di chuyển, ta phải hết sức nhẹ nhàng và phải luôn niệm Phật và khai thị, để họ không bị nổi sân trong thời gian di chuyển. Khi đem họ về nhà, thì ta nên đặt họ nằm ở phòng khách của gia đình, vì nơi đó dễ cho việc hộ niệm và làm mai táng. Còn nếu người thân của ta chết bình yên ở trong nhà, thì ta không nên di chuyển thân xác của họ, mà lúc đó ta phải ở bên cạnh và trợ niệm cho họ ít nhất là 8 tiếng đồng hồ, rồi sau đó mới di chuyển thân xác của họ đi nơi khác. Còn một điều quan trọng tôi xin khuyên quý bạn, đó là: Nếu muốn người thân của mình trong thời gian hấp hối và sau khi chết được những ban Hộ niệm nhận lời giúp đỡ, thì ta nên

dời người thân đến phòng khách càng sớm càng tốt. Trước khi đưa người thân đến phòng khách, thì ta phải dọn bàn ghế, vật dụng không cần thiết... ở trong phòng khách đi nơi khác và phải dọn dẹp phòng khách cho thoáng và sạch, để giúp cho người hấp hối cảm thấy thoải mái và giúp cho ban Hộ niệm có đủ không gian để hộ niệm. Còn nếu ta không lo dời người thân đến phòng khách trước khi chết, thì người mất đó sẽ bị thiệt thòi rất nhiều. Lúc đó, bạn sẽ khó mời được ban Hộ niệm nhận lời đến nơi giúp đỡ. Tại sao? Vì ngày nay có nhiều ban Hộ niệm, khi nghe đến người nào chết mà nằm ở trong các phòng ngủ chật hẹp hay chết ở trên gác... thì họ ngại không muốn giúp đỡ. Tại sao? Vì họ biết người nào chết mà nằm ở những chỗ chật hẹp và không có đủ thoáng khí, thì rất khó cho việc hộ niệm và sẽ có hại cho sức khỏe của những người trong ban Hộ niệm, vì vậy mà họ từ chối. Còn nếu họ có nhận lời, thì họ cũng sẽ yêu cầu bạn di chuyển thân xác của người mất đó đến phòng khách thì họ mới giúp. Nếu lúc đó, bạn vì lo làm động đến thân xác của người mất và không chịu làm theo những yêu cầu của ban Hộ niệm, thì họ sẽ không nhận lời giúp đỡ bạn. Cuối cùng, người bị thiệt thòi là người thân của bạn. Tóm lại, nếu ta biết người thân sẽ mất trong thời gian ngắn, thì tốt nhất là ta nên di chuyển người thân đó đến phòng khách càng sớm càng tốt. Chúng ta làm như vậy sẽ an toàn cho người mất và sẽ dễ cho ban Hộ niệm làm việc. Có một điều tôi xin khuyên quý bạn, đó là: Trách nhiệm cứu người thân là trách nhiệm của tất cả mọi người trong gia đình, không chỉ là trách nhiệm riêng của ban Hộ niệm. Vì vậy, ta không nên phó thác mọi chuyện cho

ban Hộ niệm mà cần phải hợp tác chặt chẽ với họ để giúp cho người thân của mình một cách tốt nhất có thể”. Chúng ta cũng không nên nghĩ rằng chỉ cần có tiền, thì ta có thể mời bao nhiêu ban Hộ niệm đến giúp cũng được. Nếu ai nghĩ như vậy là sai lầm. Quý bạn nên biết rằng, những ban Hộ niệm họ không có lấy tiền. Họ đến hộ niệm là vì lòng từ bi, vì muốn giúp cho ta được vãng sanh thành Phật hoặc tái sanh lên các cõi lành. Quý bạn phải hiểu rõ điều này.

2. Khi trong nhà có người chết, ta không nên la khóc um sùm vì sẽ làm cho người chết luyến tiếc không đi được. Chúng ta không nên lôi kéo hoặc đụng đến thân thể của người chết, hay là tắm rửa thay quần áo cho họ mà ta phải đợi đến 12 tiếng đồng hồ sau khi chết. Tuy người chết đã tắt thở và thể xác của họ đã bị lạnh, nhưng thần thức của họ vẫn còn ở trong thân trong vòng 8 tiếng. Vì vậy, ta phải trợ niệm cho họ càng lâu càng tốt. Nếu ta không hiểu đụng chạm vào thân thể của họ, thì sẽ làm thân thể của họ bị đau đớn và dễ nổi sân. Khi tâm họ nổi lên sân hận thì họ sẽ bị tái sanh vào những đường xấu như Súc sanh, Ngạ quỷ hay Địa ngục.

Sau 8 đến 12 tiếng đồng hồ, nếu thân thể hoặc tay chân của người chết không được thẳng, thì ta dùng khăn thấm nước nóng và đắp xung quanh các khớp xương của họ khoảng vài phút, thì có thể điều chỉnh thân thể của người chết được thẳng lại. Sau 8 tiếng đồng hồ ta dùng tay dò hơi ấm của người chết. Nếu trên đỉnh đầu ấm thì được vãng sanh về cõi Phật. Nếu trên trán nóng thì sanh về cõi Thánh. Nếu ngực ấm thì sanh về cõi Trời hay cõi Người. Nếu lỗ rốn, chỗ kín, đầu

gối hoặc dưới lòng bàn chân ấm thì bị đọa vào một trong ba đường Súc sanh, Ngạ quỷ hoặc Địa ngục. Thêm vào, ta phải xem cách chết của họ, nếu hình tướng của họ được thanh thản, nhẹ nhàng thì họ đã được sanh lên những cõi lành. Còn nếu hình tướng của họ cau có, khổ sở hay co quắp thì họ bị đọa vào ba đường ác.

Sau khi dò hơi ấm xong, nếu biết người thân bị đọa vào đường xấu, thì ta không nên nản lòng mà hãy buông xả hết mọi chuyện làm ăn và ngày đêm niệm Phật để cứu thần thức của họ. Tại sao? Vì trong 49 ngày sau khi mất, ta còn cơ hội cứu được vong linh của người thân. Vì người chết trong vòng 49 ngày, đa số họ chưa biết là mình đã bị chết. Vong hồn của họ vẫn còn ở trong nhà và đi xung quanh người thân. Chúng ta không thấy họ nhưng họ thấy chúng ta. Trong vòng 49 ngày này vong hồn của họ rất là lạnh lẽo, sợ hãi và đang bị chúng ma níu kéo... Trong khoảng thời gian này, họ luôn kêu tên và đụng chạm đến những người thân, nhưng người thân không ai thấy họ nên họ rất là tức giận và sợ hãi. Thật ra, không phải người nào cũng đợi đến 49 ngày mới đi, mà có người đi tái sanh sớm hơn hoặc trễ hơn, tùy theo nghiệp lực của mỗi người mà thời gian đi tái sanh khác nhau. Nhưng ta cố gắng hộ niệm cho người chết đến 49 ngày thì mới được vẹn toàn.

Trong 49 ngày này người thân không nên khóc. Máy chip niệm Phật phải mở ngày đêm và người thân nên thay phiên nhau hộ niệm. Bàn thờ đèn nhang phải đầy đủ để người chết cảm thấy ấm cúng. Người thân trong gia đình phải luôn kêu tên người chết và nói cho

họ biết rằng là họ đã chết rồi. Khuyến họ hãy mau niệm Phật để được Phật tiếp dẫn về Cực Lạc. Nói cho họ biết nếu họ không tin mình đã chết, thì hãy đi tìm tấm gương để soi vào. Vì người chết khi soi gương sẽ không thấy bóng của mình trong gương. Sau khi biết rõ mình đã chết thì họ sẽ nghe lời người thân dẫn dắt. Duy chỉ có hai loại người là không có 49 ngày, đó là: **Một**, là những người niệm Phật được vãng sanh thành Phật. Người được vãng sanh trong lúc hấp hối, thì đã được Phật A Mi Đà đến nơi tiếp dẫn đưa thẳng về Cực Lạc. Vì vậy, họ ra đi trong lúc còn sống, không phải chết rồi mới đi. Vì họ ra đi trong lúc còn sống, nên sau khi chết nhiều tiếng đồng hồ, mà thân xác của họ vẫn còn mềm mại như lúc còn sống và trên đỉnh đầu của họ vẫn còn để lại hơi ấm; **hai**, là những người làm toàn những chuyện xấu ác, tới phút lâm chung họ chưa kịp nhắm mắt thì đã bị Quỷ sai tới kéo họ đưa thẳng vào Địa ngục.

Còn phần này rất là quan trọng: Nếu chúng ta biết rõ người thân của mình sẽ bị chết thì không nên gọi cấp cứu, vì chỉ làm đau đớn thể xác và làm trở ngại người thân của mình không được vãng sanh. Nếu người thân bị chết trong nhà thương, thì ta nên xin nhà thương để cho người thân nằm yên đến 8 tiếng và trong 8 tiếng này ta phải luôn ở bên cạnh để trợ niệm cho họ. Rồi sau đó ta mới di chuyển thân xác của họ đi nơi khác. Chúng ta phải nói cho những người đại diện trong nhà thương biết đây là luật lệ của tôn giáo. Nếu họ nói nhà thương không cho phép làm như vậy, thì ta phải tranh luận tới cùng và giải thích cho họ hiểu rõ tại sao, thì họ sẽ chấp nhận và không còn làm khó ta nữa. Còn nếu ta

biết rõ người thân sẽ bị chết trong thời gian ngắn, thì tốt nhất là nên đưa người thân về nhà, làm như vậy sẽ tốt cho mọi mặt và đồng thời an toàn cho người thân của mình.

III. Lưu ý

Trong nhà chúng ta phải luôn trữ sẵn vài cái máy chip có nhiều loại niệm Phật khác nhau. Sau đó, ta nên dò hỏi những người thân ở trong gia đình, mà nhất là các em nhỏ để biết chúng thích loại niệm Phật nào vì điều này rất là quan trọng. Nếu ta không tìm hiểu chúng trước rõ ràng thì đến phút lâm chung ta sẽ vô tình làm cho người thân bị phân tâm và dễ nổi sân. Vì mỗi người thích niệm khác nhau, có người thì thích niệm sáu chữ, có người thì thích niệm bốn chữ. Có người thì thích niệm A Mi Đà Phật, có người thì thích niệm A Di Đà Phật. Tóm lại, ta nên chiều theo ý của người hấp hối.

Chúng ta luôn trữ sẵn một cái máy nghe bằng băng đĩa vừa đủ, không lớn quá để bỏ băng đĩa trợ niệm vào và có thể xách đi đây đó, hoặc ta có thể dùng những loại máy nghe bằng thẻ nhớ và chép sẵn những loại niệm Phật trợ niệm vào. Nếu ta có loại máy nghe bằng thẻ nhớ tốt, thì có thể dùng máy này thay thế cho máy nghe đĩa và thay thế cho máy chip niệm Phật cũng được. Ngoài ra, ta có thể dùng các loại máy như là laptop, iPod, iPad, iPhone,... để thay thế cho máy chip cũng được (*tức là những loại máy có chức năng tải được các loại niệm Phật từ các website, youtube, ... và phải có âm thanh tốt*).

Sau khi có được một trong những loại máy nói ở trên, thì ta nên tìm những loại niệm “A Mi Đà Phật” hay “A Di Đà Phật” trợ niệm đúng cách để tải về máy. Quý

bạn có thể vào website của chúng tôi có tên là **www.dieuamdieungo.com** để nghe thử các loại niệm Phật hành trì và trợ niệm. Vì trong website này, có mấy mươi loại niệm Phật hành trì và trợ niệm nhanh, chậm khác nhau do tôi và con trai của tôi xướng niệm. Nhiều năm qua cũng có nhiều Phật tử trong và ngoài nước rất thích.

Bây giờ chúng ta trở lại nói về phần máy. Cái máy lớn thì ta dùng trong những lúc không có ban Hộ niệm chuyên nghiệp giúp đỡ. Lúc đó, ta mở máy cho tiếng niệm Phật phát ra để làm chuẩn cho mình và cho người thân trong gia đình cùng niệm theo. Còn những máy chip niệm Phật nhỏ thì ta dùng cho những lúc có người thân đang nằm ở trong nhà thương hay ở trong nhà xác. Vì máy nhỏ dễ để bên cạnh và có dây nghe, nên không làm phiền đến những người xung quanh.

Khi mở máy cho người bệnh nghe, thì ta phải nghe thử trước và điều chỉnh âm thanh cho vừa đủ, không được lớn quá hay nhỏ quá. Sau khi nghe thử xong, thì ta mới bỏ dây nghe vào tai của người bệnh. Sau khi bỏ dây nghe vào tai của người bệnh xong, thì ta phải hỏi họ nghe có vừa chưa? Nếu họ không thể trả lời, thì ta có thể quan sát ánh mắt và thần thái của họ. Nếu vẻ mặt của họ nhăn nhó hay khó chịu, thì ta phải lấy ra và điều chỉnh lại âm thanh, vì người bệnh và người tỉnh có độ nghe khác nhau. Điều này ta phải hết sức chú ý, nếu không ta sẽ hại họ nổi sần thì không tốt. Chúng ta chỉ để dây nghe vào tai của người hấp hối trong những lúc không có người trợ niệm. Chúng ta không nên để dây nghe vào tai của người hấp hối trong lúc có người trợ niệm bên ngoài, vì làm như vậy sẽ hại họ bị rối loạn

thân tâm và dễ nổi sân. Chúng ta phải biết thần thức phút cuối rất là quan trọng, nếu ta sơ ý một chút sẽ hại đến thần thức của họ.

Kính thưa quý bạn! Khi tỉnh táo và khỏe mạnh thì ta thích nghe những loại niệm Phật có tiếng nhạc. Nhưng khi hấp hối thì thần thức của ta sẽ bị xuống thấp, đồng thời thân thể sẽ bị đau đớn, hơi thở và tánh nghe sẽ bị yếu dần. Vì vậy, ta không còn đủ sức niệm Phật kéo dài, hoặc nghe những loại niệm Phật có tiếng nhạc, tiếng mõ ồn ào. Tuy bây giờ ta chưa bị bệnh và chưa bị hấp hối, nhưng phải biết đặt mình vào tâm trạng của người hấp hối thì mới cứu được họ. Còn nếu ta vẫn cố chấp không quan tâm đến tình trạng của người hấp hối thì sẽ hại họ. Cuối cùng, ta không cứu được người mà còn hại người. Tội này ta gánh không nổi đâu, xin bạn hãy đặt sự vãng sanh của chúng sanh lên hàng đầu.

Trong lúc trợ niệm, nếu có đông hơn 10 người thì ta nên chia ra làm hai nhóm, mỗi nhóm trợ niệm một tiếng. Chúng ta không nên vây quanh người hấp hối quá đông, vì sẽ làm cho họ bị ngộp thở và khó chịu. Chúng ta nên âm thầm thay phiên nhau niệm, nhưng tránh đừng để tiếng niệm Phật bị ngưng nửa chừng. Tóm lại, ta phải cố gắng tùy theo hoàn cảnh mà uyển chuyển. Dù ở trong nhà thương hay ở nhà xác, thì ta lúc nào cũng phải để máy chip niệm Phật bên cạnh của người thân. Chúng ta phải để loại niệm Phật không có tiếng nhạc và tiếng mõ. Thêm vào, người sắp chết tánh nghe của họ rất yếu, nên khi thử máy nghe ta phải mở âm thanh lớn hơn vừa một chút, thì họ sẽ nghe được vừa. Nhưng phải tùy theo tâm trạng của người bệnh, ta

không nên bắt họ phải nghe hoài, vì họ cần có thời gian để nghỉ ngơi.

Trong lúc trợ niệm, ta phải niệm từng câu rõ ràng và âm thanh vừa đủ nghe. Chúng ta không nên niệm lớn tiếng quá hay nhỏ quá, nhanh quá hay chậm quá, thấp quá hay cao quá. Chỉ trừ những trường hợp đặc biệt, nếu thấy người hấp hối đó đang bị oan gia quấy phá hay là nuôi tiếc mạng sống... thì ta phải đồng thanh niệm lớn tiếng, để đánh thức người hấp hối đó quay về giữ chánh niệm. Chúng ta phải trợ niệm với tâm từ bi như người làm cha mẹ gọi con của mình thức tỉnh để đi theo Phật. Tại sao? Vì thần thức của người hấp hối đang bị xuống thấp, hôn trầm, mê man và sợ hãi. Nên ta phải niệm như kêu gọi, thì mới đánh thức được thần thức của họ. Trong lúc trợ niệm, ta phải dùng hết thần lực của mình để truyền vào cho người hấp hối. Truyền hết thần lực nghĩa là mỗi câu ta đều phải niệm từ chân tâm của mình, thì thần lực của ta mới phát ra được mạnh, mới giúp cho người hấp hối giữ được chánh niệm mà ra đi tự tại, nên người trợ niệm rất là quan trọng.

IV. Nhắc nhở

Trong lúc trợ niệm, nếu người bệnh còn tỉnh táo và người này đã hiểu rành về pháp môn Tịnh độ, thì khoảng vài tiếng ta khai thị cho họ một lần. Còn nếu người bệnh chưa hiểu gì về pháp môn Tịnh độ, thì ta phải khai thị liên tục. Tùy theo độ tỉnh táo của họ mà ta khai thị uyển chuyển, để họ hiểu được câu A Mi Đà Phật có công năng nhiệm mầu ra sao? Chúng ta phải giúp cho họ hiểu được lời nguyện của Phật A Mi Đà

như thế nào và cõi Cực Lạc đẹp ra sao? Vì trong thời khắc này, lời khai thị của ta rất là quan trọng đối với họ. Nếu ta biết cách khai thị thì họ sẽ tin Phật A Mi Đà và phát tâm kịp thời. Chỉ cần họ hiểu Phật pháp và tin được Phật, thì sự hộ niệm của ta mới có kết quả cao. Trong lúc khai thị, ta không nên nói dài dòng hay dùng những từ ngữ Hán Việt, hay nói những giáo lý khó hiểu hoặc không lợi ích. Chúng ta phải dùng những từ ngữ bình thường, dễ hiểu và phải nói bao gồm được hết những trọng điểm sau đây:

1. Nói cho họ biết làm Phật sẽ được hạnh phúc và sống mãi không chết ra sao?

2. Nói cho họ biết nguyện thứ 18 của Phật A Mi Đà ra sao?

3. Nói cho họ biết cõi Cực Lạc đẹp như thế nào?

4. Khi thành Phật thì họ sẽ cứu được thân nhân của họ ra sao?

5. Nói cho họ biết bị đọa trong ba đường ác thì sẽ bị đau khổ ra sao?

Nếu họ còn tỉnh, thì ta nên cho họ xem những video nói về bằng chứng của những người niệm Phật đã được vãng sanh ra sao, để họ có vững niềm tin. Còn những người đã hiểu và tin pháp môn Tịnh độ, thì ta không nên khai thị nhiều, mà chỉ chuyên tâm trợ niệm cho họ là đủ. Chỉ trừ những trường hợp nếu ta thấy họ có dấu hiệu đang bị oan gia đánh phá hay còn nuôi tiếc mạng sống... thì ta phải tùy cơ ứng biến và khai thị kịp thời để giúp họ giữ vững chánh niệm. Còn nếu người bệnh tới phút hấp hối, thì ta chỉ niệm Phật liên tục và dùng hết thần lực từ chân tâm của mình để truyền vào cho họ là đủ. Tóm lại, ta phải biết tùy cơ ứng biến cho

khéo léo và kịp thời, không nên câu nệ về hình thức.

Còn về phần “Hồi hướng” cho vong linh, thì ta phải đợi mỗi khi trợ niệm xong một thời thì mới tới trước bàn thờ Phật để thành tâm hồi hướng. Còn nếu trong nhà của người hấp hối không có bàn thờ Phật cũng không sao, ta chỉ cần quay mặt về hướng Tây hồi hướng cho vong linh là đủ. Tóm lại, mỗi khi thay phiên trợ niệm xong, thì ta đều âm thầm lui ra bàn thờ để cầu nguyện và hồi hướng cho vong linh.

V. Những điều ghi nhớ

1. Trong lúc trợ niệm ta không nên mở máy chip hoặc đĩa niệm Phật có tiếng nhạc. Tại sao? Vì sẽ làm ban Hộ niệm và người hấp hối bị rối loạn thân tâm. Chúng ta chỉ để máy chip hoặc băng đĩa niệm Phật trợ niệm đúng cách. Niệm như thế nào gọi là đúng cách? Là loại niệm Phật trì danh không có tiếng nhạc, tiếng mõ và mỗi niệm phải rõ ràng. Nếu ta không có máy chip hoặc băng đĩa niệm Phật trợ niệm đúng cách để làm chuẩn, thì không nên dùng đến máy. Còn nếu ta có máy chip hay đĩa niệm Phật trợ niệm đúng cách, thì nên mở lên để làm chuẩn cho ta và gia đình niệm theo, làm như vậy sẽ được đồng nhất hơn. Chúng tôi xin nhắc thêm một lần nữa đó là, chúng ta chỉ mở máy trợ niệm khi không có ban Hộ niệm chuyên nghiệp giúp đỡ. Tại sao? Vì ban Hộ niệm chuyên nghiệp họ sẽ biết làm gì, còn chúng ta chưa phải là chuyên nghiệp, thì phải cần đến máy niệm Phật để làm chuẩn. Nhưng ta phải biết khi nào cần mở máy và khi nào không. Nếu trong thời gian trợ niệm mà ta mở máy niệm Phật không đúng cách và đúng thời, thì sẽ hại đến thần thức của người

hấp hối.

2. Trong lúc trợ niệm, ta phải niệm rõ ràng từng chữ hợp nhất với nhau, không nên kẻ niệm chậm người niệm nhanh, người niệm cao người niệm thấp, làm như vậy sẽ xáo trộn thân tâm của người hấp hối. Ý nghĩa trợ niệm là trợ thần lực, không phải trợ tiếng niệm Phật suông. Vì vậy, ta phải dùng chân tâm của mình để niệm và phải biết phối hợp với nhau, để tạo thành một đại niệm **Kim cang** xoáy thẳng vào tâm thức của người hấp hối, giúp cho họ nương theo một đại niệm Kim cang đó mà giữ chánh niệm. Một đại niệm Kim cang nghĩa là: Nếu niệm chữ A thì cả nhóm phải đồng niệm chữ A, nếu niệm chữ Mi thì cả nhóm phải niệm chữ Mi, các chữ khác cũng vậy. Chúng ta không nên người niệm chữ A, người niệm chữ Mi, vì làm như vậy sẽ hại người hấp hối bị phân tâm.

3. Trong khoảng thời gian hộ niệm cho người hấp hối, ta phải khuyên người nhà của người hấp hối không được nấu những món ăn có mùi vị hấp dẫn như là: Cá chiên, thịt kho, thịt nướng, chả giò, bún bò Huế, phở,... Chúng ta cũng không nên nấu những món ăn mà hằng ngày người hấp hối đó ưa thích. Tại sao? Vì tâm lý của những người bị bệnh, mà nhất là những người bị bệnh lâu ngày không ăn uống được gì, thì họ thường thèm ăn đủ thứ và sự thèm khát của họ mạnh hơn người bình thường gấp mười lần. Nói như vậy không có nghĩa là họ tham ăn, mà vì tập khí ăn uống của con người đã bị ăn sâu vào tâm thức nhiều kiếp rồi. Nếu phút cuối ta không hiểu, lại đi nấu những món ăn có những mùi vị hấp dẫn để tiếp đãi họ hàng hay gia đình, thì ta sẽ hại người hấp hối đó mất đi chánh niệm. Lúc đó, tâm trí

của người hấp hối sẽ không còn nghĩ tới Phật A Mi Đà, mà họ chỉ nghĩ tưởng và thèm khát đến những mùi vị của thức ăn. Nếu phút lâm chung mà thần thức của họ chỉ nghĩ tưởng đến thức ăn, thì họ sẽ bị rơi vào cảnh giới Ngạ quỷ để bám theo những mùi vị thức ăn đó. Như vậy, vô tình ta hại người thân mà không hay.

Trong thời gian trợ niệm, nếu có người thân ở xa đến thăm hay là đến để giúp trợ niệm, thì đến bữa ăn ta nên yêu cầu họ ra những quán gần nhà mua tạm gì để ăn, hoặc người nhà có thể mua đỡ mì gói, bánh mì,... để cho họ dùng tạm trong những ngày khó khăn. Tóm lại, trong những ngày cuối trợ niệm, ta chỉ ăn tạm những thức ăn không bốc mùi thơm, như vậy mới cứu được thần thức người thân.

Còn chuyện này rất là quan trọng: Nếu người thân của ta trong thời gian bị bệnh, hay trước phút lâm chung đòi ăn những món mà họ ưa thích thì ta nên giúp họ được thỏa mãn. Nếu là người xuất gia, tới phút cuối họ thèm ăn mặn thì ta cũng nên thỏa mãn cho họ. Tại sao? Vì đó là cận tử nghiệp của họ tới lúc phát sanh. Nếu ta chấp họ là người xuất gia và không chịu thỏa mãn cho họ, thì ta sẽ hại họ rơi vào loài Ngạ quỷ. Vì vậy, dù là người xuất gia hay tại gia, ta nên giúp họ được thỏa mãn. Vì một khi sự thèm khát của họ đã được thỏa mãn, thì họ sẽ không còn nghĩ tưởng đến thức ăn, mà lúc đó họ chỉ một lòng niệm Phật cầu vãng sanh. Ngoài đáp ứng cho họ không còn thèm khát ra, ta còn phải giúp họ làm tròn tâm nguyện, hoặc giúp khai thị để họ thức tỉnh buông xả những vướng mắc mà họ vẫn còn giữ trong tâm. Khi họ đã được toại nguyện, thì họ sẽ không còn vương vấn mà một lòng niệm Phật

cầu vãng sanh.

VI. Vấn đề quan trọng

Trong lúc trợ niệm, ta phải thay phiên âm thầm, mỗi hành động đứng lên hay ngồi xuống đều phải nhẹ nhàng, không có tiếng động và tiếng niệm Phật không thể đứt ngang. Chúng ta nên thay phiên từng người, không nên thay phiên một lúc hai hoặc ba người, vì sẽ làm động đến tâm của người hấp hối và ban Hộ niệm. Nghĩa là khi nhóm người này muốn thay thế cho nhóm người kia, thì ta chỉ thay vào từng người một cho uyển chuyển và dung thông. Chúng ta không nên thay một lúc cả nhóm, làm như vậy tiếng niệm Phật sẽ bị đứt ngang nửa chừng. Chúng ta cứ thay phiên trợ niệm như vậy cho đến khi nào người hấp hối trút hơi thở cuối cùng. Sau khi người hấp hối tắt thở, thì ta phải tiếp tục trợ niệm thêm ít nhất là 8 tiếng đồng hồ. Tóm lại, chúng ta trợ niệm càng nhiều thì càng tốt cho vong linh và tốt cho công phu tu hành của mình.

Kính thưa quý bạn! Chúng ta tu niệm Phật là cầu vãng sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà. Vì vậy, đến phút lâm chung, ta chỉ một lòng đi theo Phật A Mi Đà mà thôi, không nên đi theo bất cứ một ai. Cho dù có một vị Phật nào đó hay chư Thiên hiện ra thì ta cũng không nên đi theo, vì tất cả hình tướng đó là giả, không thật. Khi đọc đến đây tôi biết quý bạn sẽ hỏi rằng: *“Làm sao ta có thể biết được ai là Phật A Mi Đà thật?”*. Điều này thì quý bạn hãy yên tâm, vì Phật A Mi Đà thật lúc nào cũng cầm hoa sen của ta đến để tiếp dẫn. Thêm vào, hai bên phải và trái của Ngài lúc nào cũng có hai vị Bồ tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí. Ngoài ra, còn có

hiều Thánh chúng cùng đến để tiếp dẫn ta.

Nếu quý bạn muốn yên tâm 100% trước khi xả bỏ báo thân cho đến khi ngồi vào hoa sen, thì ta phải niệm Phật liên tục cho đến khi về tới Cực Lạc thì mới thôi. Tại sao? Vì nếu là hình tướng giả thì sẽ bị tiếng niệm Phật của ta làm cho tiêu tan biến mất. Chỉ có Phật A Mi Đà thật thì không bị tiêu tan mà Ngài sẽ tiếp dẫn ta về tới Cực Lạc. Thật ra, chúng ta lo xa vậy thôi chứ điều đó ít có xảy ra. Chỉ có những người nghiệp chướng sâu dày thì mới bị oan gia hãm hại. Nói thì nói vậy thôi, nhưng bạn không nên lo lắng, vì chúng ma sẽ không dám giả Phật A Mi Đà để gạt ta đâu. Tại sao? Vì chư Thần Hộ Pháp sẽ không cho phép họ làm như vậy. Huống chi, luật ở các cõi trên rất là nghiêm khắc, không phải chúng ma muốn làm gì thì làm. Tóm lại, nếu tâm của ta được định thì không có chúng ma nào hại được ta. Thêm vào, Phật thật hay giả tới lúc đó tâm của ta sẽ tự cảm ứng được ngay. Tại sao? Vì hoa sen mà Phật A Mi Đà mang đến chính là hoa sen của mình sanh ra. Thêm vào, trong hoa sen đó còn có **Báo thân Phật** của mình ở trong đó, vậy thì làm sao mà có chuyện nhầm lẫn được. Vì vậy, quý bạn hãy yên tâm, không nên lo lắng mà tự làm chướng ngại cho mình.

VII. Không nên nể tình

Nếu trong nhà có người thân đang bị hấp hối hay mới mất, mà có thân nhân hay bạn bè đến thăm và than khóc um sùm, thì ta nên mời họ ra ngoài ngay. Chúng ta phải nói cho họ biết rằng: *“Nếu anh (chị) thương người nhà tôi, thì xin anh (chị) niệm Phật hộ niệm cho họ. Còn nếu anh (chị) đến đây để thương*

khóc, thì sẽ hại đến thần thức của người nhà tôi không được siêu thoát". Nếu sau khi nói xong mà họ không hiểu và giận bỏ đi về thì cũng không sao. Điều quan trọng là phải cứu thần thức của người chết, không phải là lúc sợ người thân hay bạn bè giận ghét.

Muốn bảo vệ được người thân đang bị hấp hối, thì ta không nên báo tin cho thân nhân hay bạn bè biết nhiều, vì chỉ làm rối loạn thần thức của người hấp hối mà thôi. Chúng ta cũng không nên thông báo cho những người thân mà lúc còn sống người hấp hối giận ghét, dù đó là vợ, chồng hay con cháu. Nếu phút cuối không may những người thân này tìm đến, thì ta phải tìm cách ngăn cản và phân tích cho họ hiểu sự có mặt của họ sẽ hại đến thần thức của người hấp hối... Nếu chúng ta không ngăn cản mà để cho họ đến gần, thì sẽ hại người hấp hối không giữ được chánh niệm và thậm chí còn giận đến ói máu mà chết (*tình trạng này đã xảy ra rất nhiều, xin quý bạn phải cẩn thận*). Thêm vào, những người thân mà khi còn sống người hấp hối thương yêu nhất, ta cũng không nên cho họ đến gần. Nếu họ đến để niệm Phật và khuyến tấn người hấp hối vãng sanh thì không sao. Nhưng nếu họ đến để khóc lóc và níu kéo, thì sẽ hại người hấp hối không được vãng sanh. Ngược lại, còn hại người hấp hối đó ở lại làm ma quỷ để được sống gần với người thân. Cuối cùng, người thân lại đi hại người thân thì thật là đáng buồn.

Kính thưa quý bạn! Oan gia của ta không ai xa lạ, mà chính là những người thân đang ở xung quanh ta. Trong Kinh Phật nói: ***“Chúng sanh nếu không có ân oán với nhau, thì sẽ không kết thành thân bằng***

quyến thuộc". Vì vậy, có người đến là để trả ơn và có người đến là để báo oán. Nếu họ đến để báo oán, thì họ sẽ ngăn cản không cho ta tu hành giải thoát. Còn nếu họ đến để trả ơn thì họ sẽ giúp hộ niệm cho ta được vãng sanh. Tóm lại, chúng ta phải luôn đề cao cảnh giác, vì trên đường tu hành ai cũng phải gặp rất nhiều chướng ma, mà nhất là vào giờ phút lâm chung. Vì vậy, ta chỉ thông báo cho những người hiểu đạo hay bạn đồng tu biết, để họ đến giúp đỡ trợ niệm cho ta là tốt nhất. Còn người thân và bạn bè ta thông báo cho họ biết sau cũng chưa có muộn.

Kính thưa quý bạn! Chúng ta là người không phải là gỗ đá. Khi người thân mất, dĩ nhiên ta sẽ đau buồn thương khóc, đây là chuyện tự nhiên của con người. Nếu ta khóc để vơi đi nỗi đau thương ở trong lòng thì ta cứ khóc (*sau đám tang*). Còn nếu ta khóc mà trong tâm thương tiếc, muốn người đó đừng bỏ mình thì không nên, vì sẽ hại đến thần thức của người chết không được siêu thoát. Tại sao? Vì tâm thức của những người thân rất mạnh, có thể kéo thần thức của người chết ở lại. Huống chi, một thần thức của người chết làm sao có thể cưỡng lại sức kéo vô hình từ nhiều tâm thức của người thân.

Ở đây, tôi xin đưa ra một ví dụ: Mẹ của ta muốn đi chơi xa vài ngày, để được thoải mái tinh thần sau những năm làm việc cực nhọc. Nhưng ta không hiểu lại đi ngăn cản và năn nỉ rằng: "*Mẹ ơi! Mẹ đừng có đi chơi xa, vì tội con sẽ nhớ mẹ lắm, mẹ đừng đi nha mẹ...*". Như vậy, thử hỏi người làm mẹ làm sao mà đi cho được? Cho dù có đi nhưng trong tâm cũng cảm thấy nặng trĩu và cảm thấy có lỗi với các con. Vô tình ta làm

con bất hiếu mà không biết. Nếu ta là con có hiếu thì không nên ngăn cản mà phải khuyên mẹ mình rằng: *“Mẹ ơi! Mẹ cứ đi chơi cho vui đi, mẹ đừng lo cho tụi con và gia đình, mọi chuyện chúng con sẽ tự biết lo”*. Người làm mẹ khi nghe các con nói như vậy thì mới được yên lòng mà đi chơi thoải mái và nhẹ nhàng. Khi cha mẹ của ta chết cũng vậy, ta không nên thương khóc mà chỉ niệm Phật và khuyên cha mẹ hãy mau niệm Phật để được Phật đến tiếp dẫn. Làm như vậy ta mới là con có hiếu.

Kính thưa quý bạn! Chúng ta có cả đời làm để kiếm tiền, nhưng vong linh của người thân rất cần ta trong 49 ngày này. Đạo Phật có câu: **“Cứu một mạng người còn hơn xây bảy tháp chùa”**. Không lẽ người thân của ta mà ta không cứu được sao? Vậy thử hỏi lương tâm của ta để đâu? Huống chi, trong 49 ngày niệm Phật sẽ có lợi cho ta rất nhiều. Còn về phần ta thì phải lo tranh thủ niệm Phật ngày đêm, không nên lệ thuộc vào người thân giúp đỡ, vì không ai cứu ta bằng chính ta cứu ta. Nếu ta không lo tu niệm Phật để có định lực ngay từ bây giờ, thì đến phút lâm chung ta sẽ không thoát khỏi chướng ma của cận tử nghiệp. Vì vậy, tất cả chúng ta nên chuẩn bị cho mình từ bây giờ kéo không kịp. Nếu chúng ta niệm Phật có định lực, dù phút lâm chung không có người thân bên cạnh trợ niệm, thì ta cũng giữ được chánh niệm mà vắng sanh tự tại.

VIII. Bảo vệ người thân

Tất cả chúng ta, ai cũng có rất nhiều oan gia từ vô thủy kiếp đến nay. Họ luôn theo bên cạnh ta để chờ có cơ hội trả thù. Vì vậy, người tu hành khi sắp được thành

Phật sẽ gặp rất nhiều chướng ma. Nhất là tới phút lâm chung, ta sẽ bị nhiều oan gia người sống và người chết đến nơi để đòi nợ. Nếu ta không chuẩn bị và học hỏi kinh nghiệm từ bây giờ, thì đến phút lâm chung ta khó mà giữ được chánh niệm. Ở đây, tôi xin chia sẻ một chút để quý bạn biết cách đối phó với oan gia.

1. Đối phó với oan gia còn sống: Nếu trong gia đình mình có người thân tu pháp môn Tịnh độ và người này đang trong thời gian hấp hối, thì ta phải tìm cách giúp họ khi bị oan gia quấy rối. Ví dụ: Không may trong gia đình có những người thân theo ngoại đạo, họ không tin đạo Phật và không tin về vấn đề hộ niệm vãng sanh. Đồng thời, họ quyết tâm ngăn cản ban Hộ niệm và giành lấy người thân đang bị hấp hối để lo mai táng theo đạo của họ, thì ta phải dùng những cách dưới đây để đối phó với họ.

Trước hết, ta nên phân tích cho họ nghe tường tận về phải trái và lợi hại. Nếu qua nhiều lần giải thích mà họ vẫn cương quyết không nghe và muốn ngăn cản, thì ta phải biết đó chính là oan gia của người hấp hối đến để đòi nợ. Trước tình huống khó xử này, nếu muốn cứu được người thân thì chỉ còn một cách là ta phải hy sinh. Hy sinh nghĩa là ta phải thay thế người hấp hối đó để đối đầu với oan gia. Tức là đối đầu với những người trong gia đình đang cản trở người hấp hối.

Tại sao tôi nói những người làm việc này thì phải chịu hy sinh? Là vì bạn sẽ bị người thân oan gia đó đánh hoặc là cắt đứt liên hệ với bạn. Nếu bạn không may bị họ đánh thì bạn hãy tự an ủi mình rằng: *“Sự đau đớn của thể xác có thấm thía gì so với công đức mà bạn đã cứu được hai người thân”*. Hai người thân mà

bạn cứu được, đó là: **Một**, là người thân hấp hối đã được vãng sanh thành Phật; **hai**, là người thân bất hiếu và bất nhân đó đã thoát được cảnh đọa địa ngục. Tuy bây giờ người thân si mê của bạn không hiểu, nên mới đánh và chửi rửa bạn. Nhưng sau này khi người đó giác ngộ ra, thì họ sẽ mang ơn bạn suốt đời đấy. Tóm lại, muốn cứu được người thân đang bị hấp hối và cứu được người thân si mê, thì ta phải có đầy đủ trí tuệ, từ bi và can đảm. Vì từ xưa đến nay, vấn đề người thân hại người thân đã xảy ra quá nhiều. Có nhiều người tu hành cả đời, nhưng đến phút cuối lại bị người thân quậy phá, khiến cho người hấp hối phải tức giận ói máu mà chết. Điều này cho thấy nghiệp báo của ta thật là đáng sợ. Vì vậy, ta phải lo niệm Phật cho nhiều từ bây giờ, đến phút lâm chung thì ta mới có định lực để đối phó với chướng ma của cận tử nghiệp.

2. Đối xử với oan gia khuất mặt: Nếu trên đường tu hành mà ta không may bị những oan gia khuất mặt tìm đến để trả thù, thì ta không nên khởi tâm tức giận hay trả thù lại. Chúng ta phải một lòng sám hối và van xin họ tha thứ cho những tội lỗi mà mình đã gieo cho họ trong quá khứ. Ngoài việc thường xuyên sám hối với họ ra, thì ta còn phải cố gắng tu niệm Phật ngày đêm, để có đủ công đức và phước đức để hồi hướng cho họ. Chỉ cần ta thành tâm sám hối và hồi hướng cho họ từ tháng này qua năm nọ, thì họ sẽ động lòng mà tha thứ cho ta.

Còn nếu ta đã làm hết sức rồi, mà đến phút lâm chung họ vẫn không tha thứ, thì ta cũng không nên lo lắng nhiều. Tới lúc đó, ta chỉ cần giữ được định tâm và một lòng niệm “A Mi Đà Phật” cho tới khi tắt thở, thì chư

Phật sẽ đến nơi tiếp dẫn ta về Cực Lạc. Điều quan trọng là tới phút lâm chung, ta phải biết buông xả hết mọi thứ. Nếu ta không chịu buông xả hết mọi thứ, thì dù chư Phật có muốn cứu cũng không cứu nổi. Cho nên mấu chốt được vãng sanh hay không, thì phải tính ở chỗ ta có tin Phật và có chịu buông xả hết trần duyên hay không?

Còn một điều quan trọng nữa, đó là: Nếu bạn là thân nhân hay là những người trong ban Hộ niệm, mà thấy người hấp hối đang bị oan gia khống chế, thì ta không nên giận mà chỉ một lòng niệm Phật và van xin họ tha thứ cho người hấp hối đó mà thôi. Nhưng trước khi xin họ tha thứ cho người hấp hối, thì ta phải biết cảm thông với những nỗi đau khổ và oan ức của họ. Có như vậy thì họ mới vui bớt được nỗi oán hận trong lòng. Lúc đó, ta phải biết đặt mình vào tâm trạng của họ, thì mới hiểu được những nỗi đau và oán hận của họ. Nếu ta muốn giúp người hấp hối và giúp những oan gia của người hấp hối, thì ta không thể thiếu những điều căn bản sau đây: **Một**, ta phải làm người trung gian công bằng và từ bi; **hai**, ta phải khuyên người hấp hối buông xả tham đắm, phát tâm niệm Phật và sám hối với oan gia của họ; **ba**, ta phải biết đồng cảm với những nỗi đau và oán hận của oan gia. Ta phải biết khai thị để họ buông xả hận thù và quay về cửa Phật. Tóm lại, ta phải tùy theo hoàn cảnh và tình huống mà dùng những lời nói tóm gọn, sáng suốt và chân thành để khai thị cho họ. Lúc đó, trong lòng của ta nghĩ sao thì cứ nói chân thành với họ như vậy, không cần phải nói theo bài bản nào cả. Bài bản chỉ là giúp cho ta hiểu được phần nào những ý căn bản thôi. Điều quan trọng là ta phải nói

bằng tâm từ bi, uyển chuyển và có đầy đủ chi tiết.

Nếu chúng ta nói bằng tâm từ bi và chân thành thì sẽ cảm hóa được họ dễ dàng, không khó. Tại sao? Vì những người khuất mặt họ cảm nhận bằng tư tưởng, nên mỗi niệm chân thành của ta vừa khởi lên là họ sẽ cảm nhận và thông cảm được ngay. Tóm lại, ta chỉ dùng tâm từ bi khuyến nhủ và dùng những lời dạy của Phật để giúp họ được thức tỉnh hồi đầu. Dưới đây là một đoạn **Khai thị** cho những oan gia do chúng tôi biên soạn. Mong là đoạn khai thị ngắn này có thể giúp quý bạn được phần nào.

CÁCH KHAI THỊ CHO OAN GIA

Kính thưa chư vị! Chúng tôi pháp danh... Chúng tôi biết ông (bà)... (tên người hấp hối) trước kia, vì chưa biết tu hành, nên đã làm ra nhiều chuyện xấu ác, khiến cho chư vị phải bị đau khổ. Bây giờ chư vị đến đây để đòi nợ là đúng thôi, vì đó là luật nhân quả không ai tránh khỏi.

Hôm nay, chúng tôi đến đây không phải là muốn xen vào chuyện ân oán của chư vị, mà chúng tôi đến đây là để xin chư vị từ bi tha thứ cho người hấp hối này để họ được vãng sanh về cõi Phật. Nếu chư vị chịu tha thứ cho người này, thì sau khi thành Phật người này sẽ nguyện trở lại để cứu chư vị và cứu độ chúng sanh. Làm như vậy, chư vị sẽ có công đức và phước đức rất lớn. Còn nếu bây giờ chư vị nhất định phải trả thù và ngăn cản không cho người này được thành Phật, thì oan oan tương báo đến bao giờ mới dứt.

Cho dù bây giờ chư vị có trả thù được người này, thì chư vị cũng chỉ được hả giận mà thôi, chớ cũng

chẳng được lợi ích gì. Ngược lại, chư vị còn tạo thêm nghiệp tội và tạo thêm ân oán với nhau, như vậy thật là không đáng. Nếu bây giờ chư vị chịu buông xả hận thù, chịu trở về quy y với Phật thì chư vị sẽ không còn bị đau khổ và sẽ được vắng sanh thành Phật.

Thật ra, tất cả chúng ta đều là thân bằng quyến thuộc từ vô lượng kiếp đến nay. Chẳng qua chúng ta bị luân hồi sanh tử quá lâu, nên không còn nhận ra nhau. Ngược lại, chúng ta còn làm đau khổ cho nhau. Xin chư vị hãy buông xả hận thù. Vì chỉ có buông xả hận thù, thì chư vị mới không còn đau khổ, mới thoát được luân hồi. Xin chư vị cùng phát tâm niệm Phật với chúng tôi. Chỉ cần chư vị phát tâm niệm Phật, thì sẽ được Phật A Mi Đà đến nơi tiếp dẫn đưa chư vị về Cực Lạc. Khi về Cực Lạc rồi, thì chư vị sẽ được thành Phật sống mãi không chết và hạnh phúc an lạc vĩnh cửu, như vậy có phải tốt hơn không?

Chúng tôi là đệ tử của Phật, tâm nguyện của chúng tôi đến đây hôm nay, là mong giúp cho người hấp hối này và giúp cho chư vị mau được vắng sanh thành Phật. Ngoài ra, chúng tôi không có ý gì khác, mong chư vị thông cảm mà tha thứ cho việc làm này của chúng tôi...

Tóm lại, bạn phải biết tùy cơ ứng biến và phải biết khai thị kịp thời, nhưng bạn nhớ là phải thành tâm vì những người khuất mặt họ nhìn thấu suốt được tâm ta. Dưới đây là hai bài “**Khai thị**” và “**Hồi hướng**” ngắn gọn, mà ban Hộ niệm gia đình chúng tôi thường dùng để khai thị và hồi hướng cho những người lâm chung. Nếu bạn thích thì có thể dùng để khai thị và hồi hướng cho người thân của mình.

CÁCH KHAI THỊ CHO NGƯỜI LÂM CHUNG

Hồi hương linh...! Trước kia, ông (bà) có làm việc thiện hay việc ác đều không được nghĩ đến. Tất cả chuyện trong nhà, con cháu và tài sản của ông (bà) đều phải buông xuống, một tờ hào cũng không được luyến nhớ. Một lòng một dạ cầu Phật A Mi Đà và nguyện sanh Tây phương. Ông (bà) phải biết thân người là giả tạm, có sanh là có tử. Chúng tôi, mọi người đang giúp ông (bà) niệm Phật thì ông (bà) hãy niệm A Mi Đà Phật cầu sanh Tây phương đi.

Hồi hương linh...! Hãy niệm Phật theo chúng tôi để cầu vãng sanh về Tây phương Cực Lạc (hai lần).

Hồi oan gia trái chủ nhiều đời, nhiều kiếp của hương linh...! Hãy niệm Phật theo chúng tôi để cầu vãng sanh về Tây phương Cực Lạc (một lần).

Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Mi Đà Phật (ba lần).

CÁCH HỒI HƯƠNG CHO NGƯỜI LÂM CHUNG

Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Mi Đà Phật (ba lần).

Đệ tử chúng con nguyện đem hết công đức niệm Phật này để hồi hướng cho hương linh..., hường thọ..., pháp danh... được vãng sanh về Tây phương Cực Lạc. Đệ tử chúng con kính lạy Đức Phật A Mi Đà phóng quang tiếp độ cho hương linh... được vãng sanh về Tây phương Cực Lạc và oan gia trái chủ nhiều đời nhiều kiếp của hương linh... cũng nương theo Đức Phật A Mi Đà để được vãng sanh về Tây phương Cực Lạc.

Đệ tử chúng con kính lạy mười phương chư Phật, chư Bồ tát chứng minh.

Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Mi Đà Phật (ba lần).

IX. Kiểm tra thoại tướng

Kính thưa quý bạn! Phần kiểm tra thoại tướng rất là quan trọng. Nếu ta không hiểu thì sẽ hại đến thần thức của người mới mất. Kiểm tra thoại tướng nghĩa là sau khi ta trợ niệm cho người mất từ 8 đến 10 tiếng đồng hồ xong, thì ta phải kiểm tra hơi ấm trên thân của người mất, để xem họ có được vãng sanh về cõi Phật chưa hay là họ đang bị vướng mắc điều gì?

Trước khi muốn kiểm tra thoại tướng của người mất thì ta phải xin phép họ trước. Lúc đó, ta nên tới gần bên họ (*giữ khoảng cách khoảng nửa thước*) và xin phép họ rằng: *“Thưa ông (bà) cho phép tôi đụng vào thân xác để kiểm tra xem ông (bà) có được vãng sanh hay chưa? Nếu chưa thì chúng tôi sẽ giúp hộ niệm tiếp để cho ông (bà) được vãng sanh về cõi Phật...”*. Sau khi xin phép họ xong, thì ta dùng vài ngón tay của mình chạm nhẹ vào hai lòng bàn chân của họ để kiểm tra trước. Rồi sau đó ta mới kiểm tra từ từ lên tới đầu gối, bụng, ngực, cổ, tai, trán và cuối cùng là lên đỉnh đầu. Nếu sau khi kiểm tra xong, thấy toàn thân của họ lạnh hết, chỉ còn hơi ấm để lại ở trên đỉnh đầu và thân thể của họ mềm mại và đẹp hơn lúc còn sống, thì ta biết chắc người đó đã được vãng sanh. Nếu người đó đã được vãng sanh thì ban Hộ niệm đã hoàn thành trách nhiệm. Mặc dù ban Hộ niệm đã hoàn thành trách nhiệm, nhưng thân nhân của người mất thì chưa hoàn thành trách nhiệm. Thân nhân phải lo hậu sự và tiếp tục hộ niệm cho người mất đó thêm bảy tuần thất sau đó

nữa thì mới được viên mãn. Cho dù người thân của mình đã được vãng sanh về cõi Phật, nhưng phẩm vị của họ cao hay thấp thì chúng ta không ai biết được. Nên ta phải tiếp tục hộ niệm cho người thân đến 49 ngày, giúp họ sanh lên phẩm sen cao hơn để mau được thành Phật.

Còn nếu sau khi kiểm tra thi thể của người mất mà thấy hơi ấm của họ còn để lại ở những chỗ xấu như là: Ngực, bụng, đầu gối hay là lòng bàn chân, thì ta phải khai thị kịp thời để giúp họ buông xả những điều mà họ vẫn còn vướng mắc ở trong tâm. Lúc đó, ta nên gạn hỏi những người thân của người mất để tìm hiểu xem họ quyến luyến điều gì mà không thể buông xả để vãng sanh về cõi Phật? Sau khi tìm hiểu được nguyên nhân rồi thì ta mới biết cách điều giải và biết cách khai thị cho người mất. Ngoài ra, ta nên khuyên tất cả người thân của người mất phải thành tâm niệm Phật và thay người mất để lạy Phật sám hối ngày đêm. Có như vậy thì ta mới giúp được cho người mất buông xả nhẹ nhàng không còn vướng mắc. Trong trường hợp này, thì ban Hộ niệm và gia đình phải cố gắng hộ niệm thêm cho người mất đó, ít nhất là 4 tiếng đồng hồ nữa. Trong 4 tiếng hộ niệm đó, ta phải luôn quan sát về mặt và tâm lý của người mất để khai thị kịp thời. Tóm lại, ta nên hộ niệm cho người mất càng nhiều càng tốt, vì đây là giờ phút tối quan trọng để quyết định cho việc tái sanh của họ.

Còn một trường hợp khác nữa, đó là: Nếu sau khi ta kiểm tra thoại tướng của người mất mà thấy thi thể của họ vẫn còn nhiều chỗ ấm, thì đó là dấu hiệu cho biết thần thức của người mất chưa xuất ra khỏi thân.

Về vấn đề này thì ta phải hết sức thận trọng và phải gạn hỏi thân nhân của người mất để tìm hiểu nguyên nhân tại sao? Nếu gặp những trường hợp này, thì ban Hộ niệm và gia đình phải khai thị và hộ niệm thêm cho người mất đó, ít nhất là 8 tiếng đồng hồ thì mới tốt cho họ. Sau 8 tiếng đồng hồ ta phải kiểm tra thi thể của người mất thêm một lần nữa, để xem thần thức của họ có thật sự xuất ra khỏi thân xác hay chưa? Chúng ta phải kiểm tra thân xác của họ cho thật kỹ trước khi tẩm liệm. Nếu không, ta sẽ bị nhầm lẫn họ chưa chết mà tưởng lầm rằng họ đã chết thì thật là tai hại.

Còn một điều quan trọng nữa mà tất cả chúng ta cần phải biết, đó là: Khi kiểm tra thân xác của người mất, thì ta phải kiểm tra một cách nhẹ nhàng và kính trọng. Nếu gặp những ca người mất đã được vãng sanh về cõi Phật và để lại thoại tướng tốt, thì ta chỉ cần nâng nhẹ tay chân của họ lên và co giãn tay chân của họ ra vào vài lần, để làm chứng tích cho gia đình và đại chúng thấy được sự nhiệm màu của pháp môn Tịnh độ như thế nào thôi. Chúng ta không nên dùng thân xác của người được vãng sanh để đùa giỡn, như là bẻ tay chân của họ tới lui nhiều lần để biểu diễn cho mọi người thấy rằng ta đây hộ niệm hay. Nếu ta làm như vậy là đánh mất đạo đức của mình và có lỗi với vị Bồ tát mới được vãng sanh.

X. Không nên quyết đoán

Kính thưa quý bạn! Chúng ta xưa nay thường dựa trên thoại tướng của thi thể để biết người chết có được vãng sanh hay không? Nhưng có những trường hợp đặc biệt, chúng ta không thể dựa trên thi thể của người

chết để mà quyết đoán được. Những trường hợp đặc biệt mà tôi đang nói ở đây là những người bị chết đột ngột vì tai nạn giao thông, đuối nước, hỏa hoạn,... Khi những trường hợp này xảy ra, dĩ nhiên là chúng ta phải đem thi thể của người thân về nhà để hộ niệm và làm mai táng.

Nếu sau khi hộ niệm xong, thấy thân thể của họ không có những dấu hiệu được vãng sanh về cõi Phật, thì ta không nên vội quyết đoán rằng họ không được vãng sanh. Tại sao? Vì họ được vãng sanh về cõi Phật hay không, thì chỉ có chư Phật và họ mới biết rõ thôi. Còn chúng ta là phàm phu thì không thể nào biết được chân tướng. Tuy nói là nói vậy, nhưng chúng ta có thể đoán được phần nào qua cách tu hành của họ khi còn sống. Bây giờ tôi xin phân tích về hai hạng người tu hành mà bị chết vì tai nạn đột ngột ở bên ngoài để quý bạn tìm hiểu thêm.

1. Người niệm Phật công phu còn thấp: Nếu người nào khi còn sống mà niệm Phật công phu còn thấp, thì ta có thể đoán được là 80% họ chưa được vãng sanh sau khi tai nạn vừa xảy ra. Nhưng chúng ta không thể nào đoán được sau đó họ có được vãng sanh hay không? Tại sao? Vì tâm thức của ta rất là vi diệu và biến hóa thần tốc không thể nghĩ bàn. Nhiều khi chỉ trong một giây mà ta có thể vãng sanh về cõi Phật hoặc có thể rơi vào địa ngục. Rồi nhiều khi chỉ trong một giây mà ta từ địa ngục có thể sanh lên cõi Phật dễ dàng. Tóm lại, tâm thức của ta biến hóa rất là thần tốc, nên việc đi lên hay đi xuống chỉ tùy vào một niệm mê, giác cuối cùng của ta. Vì vậy, ta không thể nào đoán được những người bị tai nạn đó sẽ đi về đâu. Tuy

nhiên, có một điều mà ta có thể chắc chắn rằng, những người bị tai nạn đó sớm muộn gì họ cũng được vãng sanh về cõi Phật trong những kiếp kế tiếp. Tại sao? Vì những người này khi còn sống đã biết tu hành niệm Phật, nên trong **tàng thức** của họ đã có chủng tử **A Mi Đà Phật**. Một khi tàng thức của họ đã có chủng tử A Mi Đà Phật, thì sớm muộn gì họ cũng được vãng sanh thành Phật.

2. Người niệm Phật có công phu cao: Nếu người nào khi còn sống mà niệm Phật có công phu cao, thì chúng ta có thể đoán được 50% họ đã được vãng sanh sau khi tai nạn vừa xảy ra. Nghĩa là họ đã được vãng sanh trước khi ta đem thân xác của họ về để hộ niệm và mai táng. Tại sao? Vì một người niệm Phật có công phu cao, thì thần thức của họ rất là nhẹ và dễ xuất ra khỏi thân xác (*tức xuất hồn*). Vì thần thức dễ xuất ra khỏi thân, nên khi tai nạn vừa xảy đến thì thần thức của họ liền xuất ra khỏi thân. Khi thần thức xuất ra khỏi thân, thì họ sẽ bị chơi vơi và bay lơ lửng ở xung quanh thân xác của họ. Lúc đó, họ sẽ nhìn thấy được mọi sự việc đang xảy ra ở xung quanh thân xác của họ. Nếu lúc đó, họ thấy thân của họ chưa chết thì họ sẽ nhập vào thân và sống lại. Còn nếu họ thấy thân của họ đã chết thì họ sẽ buông xả và nhiếp tâm niệm Phật để cầu vãng sanh. Ngay giây phút nhiếp tâm niệm Phật, thì họ sẽ được Phật A Mi Đà và Thánh chúng đem hoa sen đến để tiếp dẫn họ về Cực Lạc.

Trong những trường hợp này thì thi thể của họ sẽ không có những dấu hiệu vãng sanh, dù là họ đã được vãng sanh trước đó. Tại sao? Vì họ được vãng sanh sau khi thần thức của họ đã xuất ra khỏi thân xác. Vì

thần thức của họ đã xuất ra khỏi thân xác, nên chư Phật không có chiếu Phật quang vào xác chết của họ, mà chư Phật chỉ chiếu Phật quang vào thần thức của họ để tiếp dẫn họ thôi. Vì không có Phật quang chiếu vào thân xác, nên thi thể của họ không có những dấu hiệu mềm mại và để lại hơi ấm ở trên đỉnh đầu như những người được vãng sanh mà chúng ta thường thấy.

Tóm lại, nếu một người tu hành có công phu cao, thì ta có thể đoán 50% là họ đã được vãng sanh sau khi tai nạn vừa xảy ra. Còn 50% ta có thể khẳng định là họ sẽ được vãng sanh sau khi chúng ta hộ niệm, hoặc họ sẽ được vãng sanh trong những kiếp kế tiếp. Tại sao? Vì những người tu niệm Phật có công phu cao, thì họ sẽ không bao giờ bị rơi vào ba đường ác, mà tặc lăm họ cũng được tái sanh vào cõi Trời, hoặc cõi Người để tu hành tiếp tục cho tới khi được vãng sanh thành Phật.

Kính thưa quý bạn! Nếu nói về cách vãng sanh của chúng sanh trong mười pháp giới, thì cho dù ta có nói hết kiếp cũng không xong. Vì vậy, có những trường hợp ta có thể quyết đoán họ không được vãng sanh ngay giây phút cuối cùng, nhưng chúng ta không thể quyết đoán họ không được vãng sanh sau đó. Vì sau đó họ có được vãng sanh hay không, thì chỉ có họ và chư Phật mới biết rõ mà thôi. Nhưng cho dù người thân của ta có được vãng sanh sau khi tai nạn vừa xảy ra hay không, thì ta cũng phải hộ niệm cho thi thể của họ càng nhiều càng tốt. Tại sao? Vì những người chết bị tai nạn đột ngột, đa số họ thường hay nuôi tiếc thân xác, hoặc vì chưa toại nguyện được điều gì, hoặc là muốn gặp người thân lần cuối nên họ thường bám theo

thi thể của họ để về nhà. Nếu trong thời gian đó, ta biết cách khai thị và thành tâm hộ niệm cho họ, thì họ sẽ được vãng sanh và để lại thoại tướng vãng sanh. Tóm lại, cho dù lúc xảy ra tai nạn họ có được vãng sanh hay không, thì ta cũng nên hộ niệm cho họ càng nhiều càng tốt.

XI. Nhận diện ánh sáng để tái sanh

Kính thưa quý bạn! Có một điều quan trọng mà chúng tôi xin chia sẻ ở đây, đó là: Sau khi chết, thần thức (*tức thân trung ấm*) của ta sẽ tùy theo nghiệp tội của mình đã tạo mà tiếp xúc được với nhiều loại ánh sáng tốt xấu khác nhau, và những loại ánh sáng tốt xấu này sẽ đưa ta đi tái sanh vào những cảnh giới khác nhau.

Sau khi chết, thì thần thức của ta sẽ xuất ra khỏi thân xác và trong bảy tuần đầu mới mất, thần thức của ta sẽ tiếp xúc được với nhiều loại ánh sáng khác nhau, như là: Ánh sáng của **Phật, Trời, Người, Thần, Súc sanh, Ngạ quỷ** và **Địa ngục**. Nếu nói về ánh sáng sai biệt ở trong mười pháp giới, thì phàm tình như chúng ta không thể bàn luận được. Nhưng nhờ có Kinh Phật và có những vị Thánh tăng tu hành đắc đạo từ xưa đến nay đã ghi chép lại thành sách, nên chúng ta ngày nay mới hiểu được phần nào chân tướng.

Ở đây, chúng ta không bàn đến màu sắc của ánh sáng, mà chúng ta chỉ bàn đến bản chất của ánh sáng tốt và xấu khác nhau ở chỗ nào thôi. Chỉ cần hiểu rõ thì sau khi chết ta sẽ biết lựa chọn cho mình ánh sáng tốt để đi tái sanh. Nếu nói về ánh sáng thì có vô lượng loại không thể tính đếm. Nhưng cho dù ánh sáng có bao

nhiều loại, thì chung quy lại cũng chỉ có hai loại ánh sáng tốt và xấu mà thôi. Ánh sáng tốt là ánh sáng của chư Phật và Bồ tát, còn ánh sáng xấu là ánh sáng của chúng sanh trong lục đạo luân hồi.

Chúng ta xưa nay thường nghĩ rằng ánh sáng nào mà làm cho ta cảm thấy dễ chịu và thoải mái là ánh sáng tốt. Còn ánh sáng nào mà làm cho ta cảm thấy chói chang và khó chịu là ánh sáng xấu. Thật ra, chúng ta nghĩ như vậy là đúng không sai, nhưng nó chỉ đúng phần nào khi ta còn sống mà thôi. Còn sau khi chết thì ý nghĩ này hoàn toàn sai lầm và cũng vì những ý nghĩ sai lầm này mà đã đưa chúng ta trôi lăn mãi trong sáu đạo luân hồi không thể thoát ra.

Bây giờ chúng tôi xin phân tích tóm gọn để quý bạn hiểu lý do tại sao? Ở đây, chúng ta không bàn đến những cảm xúc khi ta còn sống, mà chúng ta chỉ bàn đến những cảm xúc sau khi ta chết mà thôi. Khi còn sống ta có thân người này bao bọc thần thức, nên thần thức của ta không dễ bị hoảng sợ hay khó chịu mỗi khi gặp ánh sáng. Nhưng sau khi chết thì thân người của ta sẽ mất đi và lúc đó ta chỉ còn lại thần thức mà thôi. Thần thức của ta thì rất nhẹ và mong manh như một màng sương mỏng. Vì thần thức mong manh như một màng sương mỏng, nên ta dễ bị hoảng sợ và khó chịu mỗi khi gặp ánh sáng, mà nhất là gặp ánh sáng của chư Phật thì ta càng không chịu nổi. Tại sao? Vì ánh sáng của chư Phật có thần lực rất mạnh và độ chiếu sáng rất cao. Độ chiếu sáng cao gấp nhiều lần so với ánh sáng của Mặt Trời, nên khi tiếp xúc thì thần thức của ta sẽ cảm thấy chói chang và khó chịu. Tại sao ta cảm thấy chói chang và khó chịu? Là vì có hai lý do

chính sau đây: **Một**, là vì thần thức của ta lúc đó không còn thân người (*thân vật thể*) này bảo vệ. Vì không còn thân người bảo vệ nên thần thức của ta dễ bị mẫn cảm mỗi khi tiếp xúc với ánh sáng; **hai**, là vì tâm thức của ta si mê chưa đủ trong sạch để dung thông được với ánh sáng của chư Phật. Vì chưa dung thông được với ánh sáng của chư Phật, nên ta mới có cảm giác chói chang, sợ hãi và khó chịu. Đó, là nói với những người khi còn sống không biết tu hành niệm Phật.

Còn đối với những người khi còn sống biết tu hành niệm Phật thì khác. Người niệm Phật sau khi chết, gặp được ánh sáng của chư Phật thì sẽ không bị hoảng sợ hay khó chịu mà ngược lại ta sẽ cảm thấy hoan hỷ và an lạc không chi sánh bằng. Tại sao? Vì khi còn sống ta biết tu hành niệm Phật, nên thân tâm của ta thường được sống trong ánh sáng của chư Phật. Nhờ thường sống trong ánh sáng của chư Phật, mà sau khi chết ta mới có đủ trí tuệ để nhận biết ánh sáng nào là ánh sáng của chư Phật. Nhờ nhận biết được ánh sáng của chư Phật mà ta không bị si mê chạy theo ánh sáng của lục đạo chúng sanh.

Tóm lại, nếu khi còn sống ta không biết tu hành niệm Phật, thì sau khi chết gặp được ánh sáng của chư Phật, ta sẽ không biết nương theo ánh sáng của chư Phật để sanh về cõi Phật. Bởi vì, lúc đó ta sẽ hiểu lầm cho rằng ánh sáng của chư Phật là xấu nên ta hoảng sợ bỏ chạy. Trong lúc hoảng sợ bỏ chạy thì ta sẽ gặp được nhiều loại ánh sáng của lục đạo chúng sanh. Những loại ánh sáng của chúng sanh thì mờ và yếu hơn ánh sáng của chư Phật rất nhiều. Cũng vì ánh sáng của lục đạo chúng sanh mờ và yếu hơn, nên

không làm cho ta cảm thấy chói chang, sợ hãi và khó chịu. Thêm vào, vì ánh sáng của lục đạo chúng sanh có cùng tần số si mê với tâm thức của ta, nên tâm thức của ta không cảm thấy hoảng sợ mà ngược lại còn cảm thấy ưa thích. Vì cảm thấy ưa thích nên mỗi khi gặp được ánh sáng của lục đạo, thì thần thức của ta liền chạy theo và ẩn núp vào một trong những loại ánh sáng đó. Ngay giây phút ta chạy vào để ẩn núp trong ánh sáng mà ta ưa thích, thì cũng là giây phút thần thức của ta bị chui vào tử cung của người nữ để tái sinh lại làm người, hoặc ta bị chui vào tử cung của một giống cái nào đó để tái sinh làm súc sanh...

Khi đọc đến đây tôi biết quý bạn sẽ khó tin, nhưng đây là vạn lần chân thật. Nếu bạn không tin thì xin đi tìm Kinh Phật để tham cứu thêm. Còn lý do tại sao khi thần thức của ta chạy vào ẩn núp trong những ánh sáng đó, thì liền bị chui vào tử cung của những loài chúng sanh? Là vì chúng sanh ở trong lục đạo luân hồi mỗi khi có sự giao hợp (*làm tình*) với nhau, thì đều phát ra một loại ánh sáng và mỗi loài đều phát ra một loại ánh sáng khác nhau. Nếu sau khi chết mà thần thức của ta hợp với tần số của loài chúng sanh nào, thì ta sẽ thích ánh sáng của loài chúng sanh đó.

Ví dụ: Sau khi chết, tâm thức của ta có cùng tần số với loài người, thì ta sẽ thích ánh sáng của loài người. Lúc đó, thần thức (*thân trung ám*) của ta sẽ bay đi lang thang khắp nơi để tìm cha mẹ để tái sinh. Trong lúc đi tìm cha mẹ để tái sinh, thì ta sẽ gặp được nhiều ánh sáng phát ra từ những cặp nam nữ đang giao hợp với nhau. Lúc đó, tùy theo nghiệp lực mà thần thức của ta sẽ bị cuốn hút vào trong ánh sáng của một cặp nam

nữ nào đó đang giao hợp với nhau. Trong giây phút bị cuốn hút vào, thì tâm thức của ta tùy theo nghiệp lực mà khởi lên những ý nghĩ như là: Muốn hành dâm với một trong hai người đó cho thỏa lòng dâm dục, hoặc muốn làm con để trả ơn, hoặc muốn làm con để trả thù... Ngay giây phút ta vừa khởi lên ý niệm, thì thân thức của ta liền bị chui vào tử cung của người nữ và ta tái sanh lại làm người.

Kính thưa quý bạn! Qua sự phân tích tóm gọn ở trên, bạn đã hiểu được phần nào về tiến trình tái sanh của loài người rồi. Chỉ cần hiểu được tiến trình tái sanh của loài người, thì ta sẽ hiểu được tiến trình tái sanh của những loài chúng sanh khác. Đó là nói riêng với những loài chúng sanh tái sanh bằng **thai**, còn những loài chúng sanh tái sanh bằng **trứng**, **thấp** và **hóa** thì có những chỗ sai biệt. Nếu bạn muốn tìm hiểu thêm về tiến trình tái sanh của những loài chúng sanh khác, thì xin đi tìm Kinh Phật để học hỏi thêm. Còn ở đây, chúng tôi chỉ nói tóm gọn về tiến trình tái sanh của loài người và loài thú tái sanh bằng thai như thế nào thôi. Tóm lại, khi còn sống tâm thức của ta dẫn dắt ta đi. Đến khi chết, tâm thức của ta cũng dẫn dắt ta đi, chứ không có Phật, Trời nào có quyền xếp đặt cho việc tái sanh của ta.

Cũng như ở ngoài đời chúng ta thường thấy: Người có **tâm ác** (*tâm ma*) thì đi hãm hại giết người; người có **tâm tham** (*tâm thú*) thì đi lường gạt trộm cướp; người có **tâm thiện** (*tâm người*) thì đi bố thí giúp người; người có **tâm từ bi** (*tâm Phật*) thì đi tu hành độ chúng. Tóm lại, nếu khi còn sống ta làm những chuyện xấu ác, thì sau khi chết tâm thức của ta sẽ dẫn ta tái

sanh vào cảnh giới xấu, để chịu quả báo tương ứng với những gì mà ta đã làm khi còn sống. Nếu khi còn sống ta làm những chuyện phước thiện, thì sau khi chết tâm thức của ta sẽ dẫn ta tái sanh vào cảnh giới tốt để thọ nhận hạnh phúc và giàu sang. Tóm lại, tất cả đều do ta quyết định.

Nếu quý bạn muốn tìm hiểu thêm về giáo lý của Phật và tìm hiểu thêm về kinh nghiệm tu hành thì xin vào **www.dieuamdieungo.com** hay **facebook: Diệu Âm Diệu Ngộ** của chúng tôi để tìm hiểu thêm.

XII. Phần mai táng

Về phần mai táng thì chúng ta nên hỏa thiêu là tốt nhất. Tại sao? **Một**, người chết sẽ ra đi được nhẹ nhàng hơn vì không còn nuôi tiếc thân xác của họ; **hai**, nếu con cháu nghèo thì đỡ gánh nặng về chi phí và tinh thần; **ba**, nếu con cháu có tiền thì dành lại số tiền chôn cất đó để in Kinh sách lưu truyền rộng ra (*chúng ta làm như vậy không những là cứu được vô số chúng sanh, mà còn tạo thêm phước đức cho người quá cố*); **bốn**, là bảo vệ được môi trường không bị thân ta làm ô nhiễm; **năm**, là ta nhường miếng đất chôn cất đó lại để cho những người còn sống có chỗ nương thân. Tóm lại, nếu ta làm như vậy thì sự ra đi của ta mới được tròn đầy công đức và phước đức.

Trong thời gian làm tang sự cho người thân, thì ta và thân quyến nên đi kinh hành, hoặc ngồi xung quanh niệm Phật cho người quá cố. Trong thời gian đưa tiễn người thân đến nghĩa trang hoặc đến nơi hỏa táng, chúng ta nên đi từng hàng và đồng thanh niệm Phật thật lớn tiếng để tiễn đưa. Đây cũng là cách cứu độ

chúng sanh và có công đức vô lượng, đồng thời cũng để lại tấm gương sáng cho hậu thế. Nếu chúng ta, ai cũng làm được như vậy thì tương lai địa ngục và ngạ quỷ sẽ không còn tiếng than khóc đau khổ của chúng sanh.

XIII. Để lại di chúc

Nếu quý bạn muốn phút lâm chung được ra đi tự tại, không bị con cháu làm đau đớn thể xác và nhiễu loạn thân tâm, thì ta nên để lại tờ di chúc và dặn dò con cháu của mình từ bây giờ. Để lại di chúc ở đây không phải là để lại di chúc chia tài sản cho con cháu, mà là để lại di chúc để ủy thác tâm nguyện và thể xác của mình. Nếu ta có con cháu hiểu đạo, thì nên ủy thác cho con cháu lo liệu. Còn nếu ta không có con cháu hiểu đạo, thì nên ủy thác cho quý Tăng, Ni hay bạn đồng tu mà ta tin tưởng. Ngoài ra, ta luôn nói cho con cháu biết về tâm nguyện của mình, để phút lâm chung con cháu của ta không làm khó hoặc ngăn cản ban Hộ niệm. Nếu bạn là người giàu có, thì nên để lại di chúc chia tài sản cho con cháu từ bây giờ. Nếu không, con cháu của bạn sẽ không để cho bạn chết được yên và chúng sẽ tàn sát lẫn nhau vì số tài sản đó.

Kính thưa quý bạn! Nhiều năm qua chị em chúng tôi ở Việt Nam chuyên đi trợ niệm cho người, nên đã chứng kiến được nhiều cảnh đau lòng và xót xa. Vì vậy, quý bạn hãy để lại tờ di chúc và dặn dò tất cả con cháu của mình từ bây giờ. Nếu không, thì sẽ không kịp vì không ai có thể biết trước được ngày mai chuyện gì sẽ xảy ra cho mình, nên chuẩn bị trước là an toàn nhất.

XIV. Cầu siêu

Khi ta niệm Phật không những là cứu được bản thân, gia đình và người thân mà còn cứu được vô số chúng sanh trong ba đường ác. Đây là cách cầu siêu rất là đơn giản nhưng có hiệu quả vô cùng. Cũng là một thời gian niệm Phật, nhưng ta có thể cứu được bản thân, gia đình và chúng sanh.

Mỗi tối hoặc mỗi sáng trước khi niệm Phật, ta nên khẩn nguyện rằng: *“Con tên A, hôm nay con cầu xin mười phương chư Phật, chư Bồ tát gia hộ cho tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới và những vong hồn đang vất vưởng đó đây tin Phật và niệm Phật”*. Sau đó, ta nói ra tiếng và kêu gọi họ rằng: *“Hỡi những chúng sanh trong mười phương thế giới và những vong hồn đang vất vưởng đó đây, xin chư vị hãy niệm Phật theo chúng tôi. Chỉ cần chư vị phát tâm niệm Phật để thành Phật, thì chư vị sẽ được Phật A Mi Đà đến nơi tiếp dẫn đưa về Cực Lạc để tu thành Phật. Khi về Cực Lạc rồi thì chư vị sẽ được thành Phật và không còn bị luân hồi sanh tử nữa”*. Tóm lại, bạn muốn kêu gọi và khai thị cho họ làm sao cũng được. Điều quan trọng là phải nói làm sao để cho họ hiểu và phát tâm niệm Phật cầu vãng sanh. Sau đó, ta tịnh tâm niệm Phật (*niệm ra tiếng hoặc mở băng đĩa niệm Phật hành trì*). Sau khi niệm Phật xong thì ta nên hồi hướng hết công đức niệm Phật của mình cho tất cả chúng sanh trong mười pháp giới đều được vãng sanh thành Phật. Khi đọc đến đây tôi biết sẽ có một số bạn nghĩ rằng: *“Nếu mình hồi hướng hết công đức và phước đức cho họ thì mình sẽ không còn gì”*. Thật ra, không phải vậy, mà ngược lại bạn sẽ có công đức và phước đức gấp nhiều lần.

Còn lý do tại sao khi cầu siêu cho chúng sanh, thì ta phải niệm ra tiếng hoặc mở máy niệm Phật? Là vì ta đang dẫn dắt họ niệm Phật, nếu ta không niệm ra tiếng hay mở máy niệm Phật, thì họ làm sao biết mà niệm theo? Huống chi, ta niệm lớn tiếng là để gieo chủng tử **A Mi Đà Phật** vào tâm của chúng sanh (*người sống lẫn người chết*). Trong thời gian niệm Phật, ta nên kêu gọi và khuyên họ nhiều lần. Thật ra, những vong hồn khuất mặt họ lúc nào cũng đang ở xung quanh ta và họ cũng có cuộc sống riêng của họ. Chẳng qua ta không thấy họ, nhưng họ thấy chúng ta. Chúng ta nói gì họ cũng nghe được, đây là sự thật. Tôi biết quý bạn sẽ hỏi rằng: *“Vậy địa ngục và ngục quỷ ở xa thì làm sao họ nghe được tiếng niệm Phật của ta?”*. Thật ra, địa ngục và ngục quỷ không có ở xa mà họ đang ở xung quanh chúng ta. Nhưng cho dù họ có ở xa thì họ cũng nghe được tiếng niệm Phật của ta. Tại sao? Vì thần lực của câu “A Mi Đà Phật” bao phủ khắp vũ trụ. Nếu không, thì người niệm Phật khi được nhất tâm làm sao nghe được cả trời niệm Phật?

XV. Trợ niệm hồng pháp

Chúng ta mỗi chùa, mỗi hội đoàn và mỗi gia đình nên lập ra một ban Hộ niệm hồng pháp. Trong đạo Phật có câu: **“Cứu một mạng người còn hơn xây bảy tháp chùa”**. Cứu một người thường còn có công đức lớn như vậy, huống hồ là cứu được một người đi vãng sanh thành Phật. Chúng ta chỉ cần cứu được một người vãng sanh về cõi Phật, thì cũng như cứu được vô số chư Phật. Tại sao? Vì người được vãng sanh sẽ thành Phật, khi thành Phật rồi thì họ sẽ độ được vô số chúng

sanh đi làm Phật. Rồi Phật lại sanh ra Phật, cứ như vậy mà đời đời, kiếp kiếp không cùng tận. Vì vậy, cách trợ niệm hoằng pháp có công đức không thể nghĩ bàn.

Trong gia đình, chúng ta nên tập cho con cháu của mình biết cách hộ niệm. Chúng ta phải tập đi tập lại cho con cháu nhiều lần, giống như những người làm bác sĩ và y tá, họ lúc nào cũng sẵn sàng để cấp cứu bệnh nhân. Khi người thân trong gia đình tập sự được thuần thục rồi, thì họ sẽ không bị bối rối mỗi khi có tang sự. Nhưng trước khi tập sự cho gia đình làm ban trợ niệm hoằng pháp, thì ta nên khai thị cho người thân hiểu biết về Phật pháp và sự luân hồi sanh tử. Vì đa số người đời ai cũng sợ nghe đến cái chết. Thậm chí, trong gia đình lỡ có ai nói đến chữ “chết” thì chúng ta bắt người đó phải nhổ nước miếng để nói lại. Chúng ta si mê nên nghĩ vậy thôi, thử hỏi suốt đời kiêng cử không nhắc đến cái chết, vậy ta có thoát chết không hay là cũng phải chết? Nếu không thể thoát chết, vậy thì tại sao ta không chuẩn bị cho mình một cái chết an toàn và viên mãn? Chết an toàn nghĩa là ta sẽ không bị rơi vào ba đường ác Địa ngục, Ngạ quỷ và Súc sanh. Còn chết viên mãn nghĩa là ta sẽ được vãng sanh thành Phật.

Kính thưa quý bạn! Chết chưa phải là hết, nếu chết là hết thì trên thế gian này sẽ không có Phật, Bồ tát và chúng sanh. Tóm lại, chúng ta hãy dùng những lời lẽ tóm gọn và dễ hiểu để giúp người thân của mình hiểu được sự vô thường. Khi hiểu được vô thường rồi thì họ sẽ phát tâm niệm Phật và làm ban Hộ niệm hoằng pháp. Trong gia đình chỉ cần hai người trở lên là thành ban Hộ niệm, vì còn tùy vào gia đình ít người hay nhiều người và hiểu đạo hay không hiểu đạo. Sau khi

huấn luyện được ban Hộ niệm ở trong gia đình rồi, thì ta nên phát tâm từ bi tham gia vào các ban Hộ niệm ở chùa để giúp chư Tăng, Ni thành lập thêm nhiều ban trợ niệm chuyên nghiệp để cứu độ chúng sanh kịp thời.

XVI. Thành tâm góp ý ban Hộ niệm

Kính thưa quý bạn! Mục đích của chúng ta đưa ra những đoạn phim ghi hình về bằng chứng vãng sanh, là mong người đời phát tâm tu hành để thành Phật, có phải vậy không? Nếu đã phát tâm thì xin quý bạn hãy phát tâm cho trọn. Có như vậy thì chúng sanh mới được nhiều lợi lạc và quý bạn sẽ không bị uổng công phí sức và bị tổn đức. Tại sao chúng tôi nói là bị uổng công, phí sức và bị tổn đức? Là vì nhiều năm qua chúng tôi thấy có nhiều video quay bằng chứng vãng sanh không được đầy đủ chi tiết, nên khiến cho nhiều người sau khi xem xong không tin, ngược lại họ còn buông lời phỉ báng đạo Phật. Họ không tin và phỉ báng không phải là lỗi của họ mà là lỗi của chúng ta. Tại sao? Vì chúng ta phát tâm nhưng lại không làm cho trọn vẹn. Chúng ta chỉ đưa ra những video quay nửa chừng không có đoạn kết rõ ràng. Tại sao chúng tôi nói quý bạn quay nửa chừng không có đoạn kết rõ ràng? Là vì chúng tôi thấy có nhiều video quý bạn chỉ quay tới khi người đó tắt thở và sau đó xét thoạt tướng là hết phim. Những đoạn video này khiến cho nhiều người sau khi xem xong bị ngỡ ngàng và không tin. Thậm chí, có một số người còn nổi sân và phỉ báng cho rằng chúng ta dựng phim để gạt người. Cuối cùng, chúng ta bị uổng công phí sức và bị tổn đức. Quý bạn thử đặt mình vào một người chưa bao giờ tin đạo Phật, chưa

bao giờ tin vào pháp môn Tịnh độ. Nhưng sau khi xem xong những video quay nửa chừng như vậy thì bạn có tin được không? Chắc chắn là không. Tại sao? Vì lúc đó bạn không có mặt ở hiện trường, không nhìn thấy tận mắt người đó tắt thở, không nhìn thấy người đó được tẩm liệm đưa vào quan tài và cũng không nhìn thấy người đó được hỏa thiêu hay chôn. Vì không thấy được những sự việc quan trọng đó, dĩ nhiên là bạn sẽ không tin và thậm chí còn nổi sân và phỉ báng nữa là khác.

Kính thưa chư bạn! Nhiều năm qua chúng tôi trần trở rất nhiều về vấn đề này và muốn góp ý nhưng ngại không dám. Nhưng nay chúng tôi thấy số video quay bằng chứng vãng sanh nửa chừng càng lúc càng gia tăng. Chúng tôi mong qua phần góp ý này, quý bạn sẽ suy nghĩ lại để những video về bằng chứng vãng sanh sau này sẽ được đầy đủ và thuyết phục được người xem hơn.

Còn quay như thế nào mới gọi là đầy đủ và thuyết phục? Chúng ta phải quay từ lúc người đó còn sống, được vãng sanh, xét thoại tướng, tẩm liệm, hỏa thiêu hoặc chôn. Nếu người vãng sanh có để lại **Xá lợi**, thì ta nên quay luôn những hình ảnh Xá lợi của họ để cho mọi người cùng được chiêm ngưỡng. Nếu chúng ta, ai cũng làm được như vậy thì mới gọi là phát tâm viên mãn. Thật tình mà nói, mỗi khi xem xong những video quay nửa chừng không có đoạn kết như vậy, tôi rất là buồn. Xin quý bạn hãy suy nghĩ lại.

XVII. Lời khuyên

Kính thưa quý bạn đồng tu! Nếu quý bạn là người chuyên đi hộ niệm cho người, thì không nên phân biệt niệm **A Mi** hay **A Di**. Nếu người hấp hối yêu cầu chúng ta niệm A Mi Đà Phật, thì chúng ta phải niệm A Mi Đà Phật để hộ niệm cho họ. Nếu người hấp hối yêu cầu chúng ta niệm A Di Đà Phật, thì chúng ta phải niệm A Di Đà Phật để hộ niệm cho họ. Nếu chúng ta là người chuyên đi hộ niệm cho người, mà không hiểu được những đạo lý căn bản này, thì chúng ta không có đủ tư cách làm ban Hộ niệm và cũng không có đủ tư cách làm đệ tử của Phật.

Còn về phía Phật tử, nếu trong nhà của mình có người thân đang bị hấp hối và cần đến ban Hộ niệm thì ta nên thỉnh ban Hộ niệm. Tuy nhiên, khi thỉnh được ban Hộ niệm đến nơi, mà họ có tâm phân biệt về vấn đề niệm “A Mi” và “A Di”, thì ta không nên nhờ ban Hộ niệm đó hộ niệm cho người thân của mình, dù đó là ban Hộ niệm của Tăng, Ni. Tại sao? Vì họ sẽ không giúp được gì cho người thân của mình, mà ngược lại họ còn hại người thân của mình nổi sân và mất phần vắng sanh. Xin quý bạn hãy thận trọng về vấn đề này.

Nếu quý bạn cho rằng niệm A Mi Đà Phật là sai, còn niệm A Di Đà Phật mới đúng, thì xin bạn hãy tìm hiểu Kinh Phật kỹ lại và tìm hiểu cách tu niệm của những nước Phật giáo ở trên thế giới, để xem họ tu niệm Phật ra sao? Nếu quý bạn cho rằng niệm “**A Mi**” là sai, vậy thì tất cả những nước Phật giáo ở trên thế giới họ đang tu niệm “**A Mi**” đều là sai hết hay sao? Quý bạn nên biết rằng ở trên thế giới này chỉ có nước Việt Nam của mình là niệm “**A Di**”, còn đa số các nước Phật giáo

ở trên thế giới họ đều niệm “**A Mi**”. Xin quý bạn hãy tìm hiểu kỹ lại trước khi buông lời phán xét đúng hay sai.

Kính thưa quý bạn! Thật ra câu trả lời đúng hay sai vốn ở ngay trong tâm của mỗi người, chúng ta không cần phải đi hỏi đâu xa. Quý bạn chỉ cần bình tâm niệm 10 câu “**A Mi Đà Phật**” và niệm 10 câu “**A Di Đà Phật**” để so sánh với nhau, thì sẽ biết được câu trả lời thỏa đáng. Vấn đề này dù cho đứa bé 5 tuổi cũng có thể nhìn ra được, nhưng tại sao chúng ta là những người tu hành lâu năm mà vẫn không nhìn ra được? Là vì chúng ta không chịu đi tìm hiểu chân tướng sự thật và chúng ta không chịu buông xả cái tâm cố chấp của mình xuống. Nếu chúng ta chịu buông xả cái tâm cố chấp của mình xuống, thì vấn đề tranh chấp giữa chữ “**Mi**” và “**Di**” đâu có kéo dài tới ngày hôm nay. Điều này chúng ta phải cần suy nghĩ lại, nếu không chỉ tự hại mình và hại chúng sanh mà thôi.

NIỆM A MI KHÔNG NÊN LO LẮNG

(Bài này trích ra từ cuốn “**Tịnh Độ Thực Chứng**” do chúng tôi biên soạn và cho ấn tống vào năm 2015).

Kính thưa quý bạn! Nhiều năm qua, có nhiều phật tử gửi email hoặc gọi phone tâm sự với chúng tôi rằng: *“Thưa cô Diệu Âm Diệu Ngộ! Sau khi chúng con đọc được bài viết của ngài Trí Tịnh nói về sự sai sót giữa chữ Mi và Di và đọc được bài chia sẻ của cô nói về chữ Mi và Di. Sau đó, chúng con đã lên các mạng internet để tìm hiểu về vấn đề này. Sau khi tìm hiểu, chúng con thấy những gì mà ngài Trí Tịnh và cô nói trong sách đều đúng sự thật. Sau khi biết được sự thật, chúng con đã niệm thử A Mi Đà Phật và A Di Đà Phật để so sánh với*

nhau và chúng con nhận thấy khi niệm A Mi rất là thoải mái, ít bị tổn khí lực và quai hàm của mình không bị mỏi hay bị trẹo cứng như trước kia niệm A Di. Nhờ vậy mà bây giờ mỗi ngày chúng con niệm Phật được nhiều ngàn câu. Nhờ niệm Phật được nhiều ngàn câu mà công phu tu hành của chúng con cũng được tăng lên rất nhanh. Còn trước kia niệm A Di, ngày nào mà niệm khoảng một ngàn câu, thì chúng con đều cảm thấy rất mệt, tổn nhiều khí lực và quai hàm bị trẹo cứng không thể niệm nhiều, vì vậy mà kết quả không được như ý. Sau khi biết được sự thật, chúng con và gia đình đều đã chuyển qua niệm A Mi Đà Phật, nhưng có một điều làm cho chúng con cảm thấy lo lắng, đó là: Hiện tại, chúng con thấy có nhiều Tăng, Ni trong chùa vẫn còn dẫn dắt phật tử tu niệm A Di Đà Phật. Chúng con lo rằng nếu trong gia đình có người hấp hối cần đến ban Hộ niệm, thì chúng con biết đi đâu để tìm Tăng, Ni và Cư sĩ chuyên niệm A Mi Đà Phật để hộ niệm cho chúng con?”.

Kính thưa quý bạn! Điều này thì quý bạn không nên lo lắng nhiều vì đa số Tăng, Ni và phật tử ở trong các chùa và đạo tràng họ đã âm thầm tu niệm A Mi Đà Phật cách đây mấy mươi năm rồi, không phải chỉ mới hơn mười năm nay (*nói riêng những chùa và những đạo tràng tu Tịnh độ*). Còn tại sao quý Tăng, Ni bên trong thì âm thầm tu niệm A Mi Đà Phật, mà bên ngoài vẫn còn dẫn dắt đại chúng tu niệm A Di Đà Phật? Là vì quý Tăng, Ni thấy đa số người đời vẫn chưa hiểu được chỗ sai của chữ **Di**, mà nhất là những người ở những miền vùng quê, họ không có đủ điều kiện tiếp cận với internet để tìm hiểu thông tin của thế giới, nên sự hiểu

biết của họ vẫn còn hạn hẹp. Vì vậy mà quý Tăng, Ni vẫn còn dùng câu **A Di Đà Phật** để dẫn dắt họ. Nhưng không phải vì vậy mà chúng ta vội hiểu lầm cho rằng quý Tăng, Ni nghĩ niệm A Mi là sai, nên không dẫn dắt đại chúng tu niệm A Mi Đà Phật. Thêm vào, ở trong giáo hội Phật giáo Việt Nam có nhiều Tông phái khác nhau như là: **Thiền tông, Tịnh độ tông, Mật tông, Hoa nghiêm tông**... Vì có nhiều Tông phái khác nhau, nên cách tu hành của mỗi Tông cũng có khác nhau. Vì có khác nhau, nên các chùa tu Tịnh độ muốn chuyển **Di** thành **Mi** thì phải cần có thời gian để mà chuyển đổi từ từ. Tóm lại, về vấn đề niệm **A Mi** và **A Di** thì quý bạn không nên lo lắng nhiều. Nếu trong nhà của bạn có người thân đang bị hấp hối, mà người hấp hối này lúc còn sống chuyên niệm A Mi Đà Phật, khi mời ban Hộ niệm của quý Tăng, Ni hay Cư sĩ đến, thì ta nên thỉnh cầu họ niệm **A Mi Đà Phật** hay **Nam mô A Mi Đà Phật** để hộ niệm cho người thân của mình. Nếu họ là những người hiểu đạo và tu hành chân chính, thì họ sẽ không từ chối và sẽ hoan hỷ niệm A Mi Đà Phật. Chỉ có những người không hiểu đạo và tu hành không chân chính, thì họ mới từ chối không chịu niệm A Mi Đà Phật. Nếu quý bạn không may gặp những người này, thì tốt nhất là không nên mời ban Hộ niệm của họ, vì chỉ hại người thân của mình mà thôi.

Còn về phần chúng ta, thì phải lo tập niệm A Mi và A Di cho được dung thông với nhau từ bây giờ. Có như vậy thì tới phút lâm chung, ta sẽ không bị chướng ngại. Còn nếu bạn là người thích đến chùa để tu niệm Phật mà những ngôi chùa gần nơi bạn ở không tu niệm **A Mi Đà Phật** mà chỉ tu niệm **A Di Đà Phật**, thì bạn vào đó tu

niệm với họ cũng chẳng sao. Chỉ có điều là khi vào chùa thì bạn niệm A Di Đà Phật để cho hòa đồng với đại chúng, còn khi về nhà thì bạn niệm A Mi Đà Phật theo ý của mình. Có như vậy thì khi đi hộ niệm cho người hay tới phút lâm chung ta sẽ không bị chướng ngại. Tóm lại, nếu quý bạn niệm Phật dung thông được cả A Mi và A Di, thì trong bất cứ trường hợp nào bạn cũng không bị chướng ngại.

Nếu nói trên mặt văn tự, thì cách phát âm giữa chữ **Mi** và **Di** không có chướng ngại nhiều, nhưng nếu nói trên mặt tu hành, thì giữa chữ **Mi** và **Di** có sự chướng ngại rất lớn đối với những người tu Tịnh độ. Tại sao? Vì người tu Tịnh độ muốn được nhất tâm, thì mỗi ngày phải cần niệm Phật ít nhất là vài ngàn câu, đó là nói với những người tu hành không tinh tấn. Còn những người tu hành tinh tấn, thì mỗi ngày họ niệm Phật lên đến vài chục ngàn câu. Nếu chúng ta niệm **A Di Đà Phật** mỗi ngày nhiều ngàn câu và niệm từ tháng này qua năm nọ, thì sẽ bị tổn hại đến sức khỏe, tổn hại đến quai hàm và tổn hại đến công phu tu hành của ta. Bây giờ tôi xin phân tích từng phần để quý bạn hiểu những sự tổn hại đó như thế nào?

1. Tổn hại sức khỏe: Khi niệm chữ **Di** ta phải dùng sức lực của mình nhiều hơn so với niệm chữ **Mi**. Nếu ta niệm Phật mỗi ngày từ vài ngàn câu trở lên, mà niệm từ tháng này qua năm nọ, thì sẽ bị tổn hại sức khỏe rất nhiều mà chính mình không hiểu tại sao?

2. Tổn hại quai hàm: Khi niệm chữ **Di**, quai hàm của ta phải bị đưa ra đưa vào. Nếu mỗi ngày ta niệm Phật vài ngàn câu, thì quai hàm của ta phải bị đưa ra đưa vào vài ngàn lần. Nếu ta niệm Phật mỗi ngày chỉ có

vài chục câu, thì không bị tổn thương đến quai hàm nhiều. Nhưng nếu ta niệm Phật mỗi ngày từ vài ngàn câu trở lên, mà niệm từ tháng này qua năm nọ, thì khi về già quai hàm của ta sẽ bị tổn thương rất nặng, mà chính mình không hiểu tại sao?

Thêm vào, đa số những người tu hành niệm Phật là những người lớn tuổi, mà lớn tuổi thì quai hàm không còn được dẻo dai như những người trẻ tuổi, nên rất dễ bị tổn thương. Vì vậy, người tu pháp Tịnh độ phải cân nhắc cho thật kỹ. Vì một khi mang căn bệnh sái quai hàm rồi, thì sẽ không có cách chữa khỏi và căn bệnh này sẽ hành hạ ta đau 24/24, mà nhất là khi ta nói chuyện hay ăn uống thì sẽ bị đau hơn. Tôi là người mang căn bệnh sái quai hàm này đã nhiều năm, nên tôi không muốn quý bạn bị đau khổ giống như tôi.

3. Tổn hại công phu: Người tu Tịnh độ muốn được nhất tâm, thì mỗi ngày phải niệm Phật ít nhất là từ vài ngàn câu trở lên. Nhưng chữ **Di** là sự chướng ngại lớn nhất cho những người tu Tịnh độ. Tại sao? Vì khi niệm chữ **Di** ra tiếng thì ta không thể niệm Phật được nhiều, vì lưỡi và quai hàm của ta sẽ bị trọ cứng. Còn khi niệm thầm thì chữ **Di** thường hay bị mờ, làm cho tâm của ta nghe không được rõ. Còn khi niệm thầm chữ **Mi** thì tâm ta nghe được rất rõ ràng. Tóm lại, chúng ta niệm chữ **Di** thì lâu được nhất tâm hơn là niệm chữ **Mi**. *(Xin quý bạn đọc tiếp bài viết của ngài Trí Tịnh và bài viết của tôi ở phần sau thì sẽ hiểu rõ hơn).*

Kính thưa quý bạn! Nếu chữ **Di** không làm tổn hại đến mặt **tu hành** và không làm tổn hại đến **sức khỏe** của những người tu Tịnh độ, thì ngài Trí Tịnh không cần phải hy sinh đứng lên để nói ra sự sai lầm của chữ

Di. Khi nói ra sự thật này thì Ngài biết sẽ bị nhiều người chỉ trích, mà nhất là những người tu hành không cùng Tông phái. Nhưng Ngài không lo sợ về những lời chỉ trích của người đời, mà Ngài chỉ lo cho phật tử Việt Nam hiện tại và tương lai không hiểu được chỗ sai lầm của chữ **Di**. Thêm vào, Ngài thấy chữ **Di** này đã hại vô số phật tử tu Tịnh độ từ xưa đến nay và bây giờ đến lúc phải cần thay đổi chữ **Di** thành **Mi**, để giúp cho phật tử Việt Nam hiện tại và tương lai tu hành mau được thành Phật hơn. Nếu quý bạn là người hiểu đạo thì phải biết mang ơn Ngài còn không hết, có lý nào lại đi chỉ trích Ngài. Xin quý bạn hãy thận trọng về lời nói của mình, vì quả báo của tội khẩu nghiệp rất là đáng sợ.

Kính thưa quý bạn! Tâm nguyện của tôi cũng giống như tâm nguyện của ngài Trí Tịnh. Tôi không lo sợ về vấn đề chỉ trích của người đời, mà tôi chỉ lo cho con cháu của tôi hiện tại và tương lai không hiểu được sự sai lầm của chữ **Di**. Thêm vào, tôi thấy chữ **Di** này đã hại vô số phật tử trong quá khứ, hiện tại và tương lai, nên nhiều năm qua tôi không ngừng nghĩ viết sách để nói lên sự thật sai sót này. Tôi thiết nghĩ đến lúc chúng ta phải có trách nhiệm nói lên sự thật, để giúp cho con cháu chúng ta hiện tại và tương lai tu hành mau được thành Phật và không còn bị tổn thương đến sức khỏe.



TẠI SAO LẠI NIỆM NAM MÔ A MI ĐÀ PHẬT?

(Bài này trích từ cuốn “**Hương sen Vạn Đức**” của Ngài Trí Tịnh).

Tại sao lại niệm “Nam mô A Mi Đà Phật”?

Sáu chữ hồng danh đây nguyên là Phạn âm (tiếng Thiên Trúc). Hai chữ đầu (Nam mô) nguyên âm là Namo, ta quen đọc liền vắn Nam mô, là lời tỏ lòng thành kính, có nghĩa là Quy y (về nương) và Quy mạng (đem thân mạng trở về).

Chữ thứ sáu (Phật) nguyên âm là Buddha (Bụt Đa hay Bụt Tô), ta quen đọc gọn là Phật, chỉ cho đấng hoàn toàn giác ngộ (đấng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác).

Ba chữ giữa (A Mi Đà) là biệt danh của đấng Cực Lạc giáo chủ, dịch nghĩa là Vô Lượng (Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ). Như trong Kinh, đức Bồ đề Sư tử giải thích rằng: *“Đức Phật ấy, quang minh vô lượng, soi suốt các cõi nước ở mười phương không bị cách ngại. Đức Phật ấy và nhân dân trong nước của Ngài thọ mạng vô lượng vô biên vô số kiếp”*.

Trong Quán Kinh, nói: *“Nếu người chí tâm xưng danh hiệu của đức Phật đây, thời trong mỗi niệm diệt được tội sanh tử trong 80 ức kiếp và được vãng sanh...”*.

Trong Kinh Chư Phật Hộ Niệm nói: *“Nếu người nghe danh hiệu của đức Phật đây mà chấp trì trong một ngày đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn thời được thành tựu nhiều thiện căn phước đức. Đức Phật ấy và Thánh chúng sẽ hiện đến nghinh tiếp...”*.

Kinh Văn-thù Văn Bát-nhã nói: “*Nếu người chuyên xưng danh hiệu thời đặng chứng Nhất Hạnh Tam-muội và chóng thành Phật...*”.

Xem như lời của đức Bồn sư Thích-ca, đáng chân thật ngữ phán trên đây, thời thấy rằng ba tiếng hồng danh của đức Giáo chủ Cực Lạc có những năng lực bất khả tư nghị. Muốn được kết quả to tát như lời trong Kinh, hành nhân phải chí tâm xưng niệm, và phải xưng niệm đúng âm vận, chớ không nên như người Pháp gọi danh từ Chợ Lớn là Sô lông, hay Bà Rịa là Baria.

Ba chữ A Mi Đà, nguyên là Phạn âm. Người Trung Quốc đọc là A Mi Thô và họ tụng xuôi là Á Mi Thồ. Danh hiệu ấy truyền qua xứ Việt ta bằng chữ Trung Quốc, biên sẵn trong các pho Kinh sách Trung Quốc. Người Việt ta cứ theo lệ phổ thông, chữ đâu đọc đó nên đọc là A Di Đà. Như đọc Nã-phá-luân để kêu Hoàng đế Napoleon (Na-po-lê-ông), cùng đọc Ba-lê để kêu kinh đô Paris (Pari).

Với sự phiên âm bằng chữ Trung Quốc, người Trung Quốc đọc giống gần với nguyên âm, mà người Việt ta đọc sai quá xa. Giá như ta gặp Hoàng đế Pháp và gọi ông ta là Nã-phá-luân thời thật là đáng buồn cười. Với A Di Đà để gọi đức Giáo chủ Cực Lạc cũng theo lệ đó.

Nhiều năm về trước, trong thời gian niệm Phật theo thông lệ Nam mô A Di Đà Phật, khi chuyên niệm nhiều (*mỗi ngày từ hai vạn câu trở lên*), tôi bị sự chướng là trệ tiếng trong lúc niệm ra tiếng và lờ mờ trong lúc niệm thầm. Giữa lúc đó, tiếng “Di” là chủ của sự chướng. Vì thế, tôi mới để ý đến chính âm vận của sáu tiếng hồng danh. Đồng thời, lời của Tổ Vân Khê

trong Sớ Sao nói: “*Hồng danh Nam mô A Mi Đà Phật toàn là tiếng Phạn, chuyên trì không quên, thời cùng với pháp trì chú của Mật tông đồng nhau*”, lại thúc đẩy tôi vào sự khảo cứu.

Với vần La tinh, người Anh ghép Amita mà tôi được thấy ở bộ Phật Học Đại Từ Điển. Tôi đem ba chữ A Mi Đà ra hỏi, thời các sư Trung Quốc cũng như Cư sĩ Trung Quốc đều đọc gần từng tiếng một trước mặt tôi: A Mi Thô.

Hai tiếng đầu “A” và “Mi” đã nhất định và đồng thời quyết chắc đọc “Di” là sai. Tôi còn thắc mắc ở tiếng thứ ba, vì nếu đọc Amita như vần tiếng Anh, cùng A-mi-thô như người Trung Quốc thời với tiếng Việt có hai điều bất tiện:

Nghe không nghiêm và không êm.

Quá khác với thông lệ từ xưa.

Một học giả Pa-li và Phạn ngữ giải thích: Chữ “Đà” của Trung Quốc dùng phiên âm Phạn ngữ có hai giọng:

Thô như danh từ “Bụt Thô” mà người Trung Quốc đọc xuôi là “Bù Thồ”.

Đa cũng như danh từ “Bụt Đa” (Buddha).

Với giọng “Đa” để đọc chữ “Thô”, nó mở đường cho tôi ghép ba chữ lại: A Mi Đa và theo cách đọc xuôi đánh dấu huyền: A Mi Đà.

Ghép luôn cả sáu tiếng Nam mô A Mi Đà Phật, tôi nhận thấy rằng tránh khỏi cái lỗi quá khác với nguyên âm, dù vẫn chưa được hoàn toàn, nhưng có thể gọi là nhiều phần đúng và không quá cách biệt với cách đọc phổ thông theo cổ lệ, vì trong sáu tiếng đây chỉ có đổi “Di” thành “Mi” thôi.

Sau khi tham cứu như trên xong, tôi bắt đầu chuyên chí niệm Nam mô A Mi Đà Phật và cũng bắt đầu từ đó tôi liền nhận được kết quả.

Sáu tiếng hồng danh đây nổi rõ nơi tai cũng như nơi tâm, khác hẳn sự mờ mờ lọt sót của tiếng “Di” trong thời trước.

Khi niệm ra tiếng, từ năm ngàn câu mỗi thời trở lên, môi lưỡi càng lúc càng nhạt, càng chuyên, càng lạnh. Khác hẳn sự trệ môi cứng lưỡi của những ngày niệm khi xưa.

Niệm ra tiếng với A Mi khỏe hơn niệm ra tiếng của A Di khi trước, nhờ vậy mà mỗi thời niệm được lâu và nhiều.

Người chuyên niệm danh hiệu của Phật, tầng cấp đầu tiên là đến mức bất niệm tự niệm, hay niệm lực tương tục. Nếu khi niệm mà bị trệ và tiếng Phật lại mờ mờ không nổi rõ nơi tâm, thời khó mong được kết quả trên. Còn nếu trái lại thời mới có hy vọng đến đích.

Biết rằng niệm A Mi Đà được nhiều phần đúng với nguyên âm, nó sẽ đem đến cho mình cái mãnh lực bất tư nghị, diệt vô số kiếp tội thành đại thiện căn phước đức giống như pháp trì chân ngôn (*Thần chú*) của Mật tông mà Tổ Vân Thê đã phán. Nó sẽ đưa mình đến mức bất niệm tự niệm, vì tiếng niệm không bị trệ lụt và nổi rõ nơi tâm. Nhất là niệm A Mi Đà được khỏe hơn, nhờ đó nên niệm được lâu và nhiều. Niệm Phật được thuần thực là nhờ niệm nhiều câu, nhiều giờ và tiếng niệm nhấn rõ nơi tâm. Và mức bất niệm tự niệm đây là phần bảo đảm vắng sanh Tịnh độ cho người chuyên niệm. Tôi tin rằng niệm gần với nguyên âm, tức là gần đúng với thật danh của đức Giáo chủ Cực Lạc, tất dễ

được tương ứng và chóng được cảm thông với Phật và tôi đã tự cảm thấy có lẽ đúng như thế.

Nhưng trong kỳ kiết thất 49 ngày ở tịnh thất nơi chùa Linh Sơn Cổ Tự, một hôm tôi bỗng có ý nghĩ: *“Mình dù thiếu trí bạc đức, song cũng là người tai mắt trong Tăng giới và cũng có đôi phần uy tín đối với gần xa, riêng mình tự tu đã đành không ngại gì, song rồi đây tất có người vì tin tưởng nơi mình, mà họ sẽ tự noi theo chỗ làm của mình, nghĩa là họ sẽ niệm Nam mô A Mi Đà. Một người như thế, lần lần sẽ có nhiều người như thế, tất sau này khó khỏi đôi điều thắc mắc:*

Bàng quan sẽ cho mình lập dị, riêng phái, phá sự đã phổ thông của cổ lệ.

Dem sự ngờ vực cho người niệm A Di khi những người này chưa hiểu thế nào là A Mi và sự ngờ là điều rất chướng của pháp môn niệm Phật”.

Tôi tự giải thích: *“Cổ lệ đã sai thời sự sửa đổi là điều cần (tôi tự sửa đổi riêng tôi). Mình không có quan niệm lập phái riêng hay lập dị, thời cũng không ngại gì với sự thị phi phê bình của bàng quan”.* Và với sự ngờ của những người chưa nhận chân, sẽ giúp họ tìm tòi khảo cứu, nhờ tìm xét họ sẽ thấu rõ sự sai với đúng và họ sẽ thấu hoạch được kết quả tốt cũng như mình. Mặc dù tôi tự giải thích với tôi như thế, nhưng trong thâm tâm vẫn mãi băn khoăn gần suốt ngày.

Chiều hôm ấy, khi đứng dựa cửa sổ ngó mong về phía Mặt trời sắp lặn, tôi bỗng thấy chữ A Mi nổi bật giữa khung trời xanh sáng, gần giống như chữ điện ở trước cửa của những hiệu buôn chiếu sáng trong đêm. Tôi thử ngó qua hướng khác thì không thấy. Khi ngó trở lại hướng Tây thì chữ A Mi vẫn nổi y nơi chỗ cũ,

khổ chữ lớn lối bốn tắc Tây bề cao và hiện mãi đến trên 30 phút mới ần.

Tối hôm ấy, tôi chiêm bao thấy mình đi vào một khu vườn cây cao cảnh đẹp. Giữa vườn, có một dãy nhà cất theo kiểu trường học và nghe rõ trong ấy một người xướng và số đông người hòa: “Nam mô A Mi Đà Phật!”. Tôi tự bảo: *“Ừa lạ! Câu Nam mô A Mi Đà Phật tưởng là chỉ riêng của mình cải cách, riêng mình tín hướng và riêng mình chuyên niệm. Bất ngờ ở đây, người ta cũng đồng niệm như vậy rồi”*. Tôi đứng dừng trước ngõ trường chăm chú nghe xướng hòa như thế hơn 10 lần mới choàng tỉnh. Bấy giờ mới biết là mình nằm mơ.

Do hai điềm trên đây (*chữ A Mi hiện giữa trời và chiêm bao nghe xướng hòa Nam mô A Mi Đà Phật*), bao nhiêu nỗi thắc mắc và băn khoăn nơi lòng tôi đều tan rã như khối tuyết dưới ánh nắng trưa hè...

Từ hồi nào, dù với hàng đệ tử, tôi chưa từng bảo ai bỏ niệm A Di mà niệm A Mi. Song, do ảnh hưởng ngấm ngấm mà lần lần có một số đông người xuất gia cũng như hàng tại gia niệm A Mi Đà. Đó phải chăng là do cơ duyên thời tiết nó nên như thế! Và cũng vì có ấy mà hôm nay có bài thuyết minh và tự thuật này.

Tôi viết bài này chỉ với mục đích giúp thêm sự nhận chân về câu Nam mô A Mi Đà Phật cùng lịch sử của nó, cho các bạn đồng tu đã chuyên niệm như thế. Và bài này cũng chỉ truyền bá trong phạm vi giữa các bạn đây thôi.

Tôi xin khuyên nhắc các bạn, đối với những vị đã quen niệm hay đã sẵn tín tâm nơi câu Nam mô A Di Đà Phật, nhất là người ở trong hoàn cảnh thiếu tiện lợi, các bạn nên để yên cho các vị ấy niệm theo sự phổ thông

cổ lệ để tránh sự ngoại chướng cho họ và cho họ khỏi sự do dự trên đường hành trì mà họ có thể vướng phải.

TÂM SỰ CỦA DIỆU ÂM DIỆU NGÔ

(Bài này trích ra từ cuốn sách “Ý nghĩa Hoàng pháp & Hộ pháp” do chúng tôi biên soạn vào năm 2007).

Kính thưa quý bạn! Ở đây, tôi xin tâm sự tại sao lại trích một bài viết của ngài Thích Trí Tịnh ở trong cuốn sách “**Hương sen Vạn Đức**” để cúng dường đến quý bạn. Đó là vì tâm sự của tôi cũng giống như tâm sự của Ngài. Từ ngày được nhất tâm tam muội đến nay đã gần sáu năm, ngày nào tôi cũng nghe được tiếng niệm A Mi Đà Phật từ tâm tôi phát ra bao trùm cả vũ trụ. Cũng từ ngày đó, tôi không hiểu tại sao trong tâm tôi lúc nào cũng thắc mắc về hai chữ “**A Mi**” và “**A Di**”.

Có hai lần trong lúc thần thức của tôi xuất ra, tôi khởi lên ý niệm là muốn bay về Cực Lạc để gặp Phật A Mi Đà cho thỏa lòng thương nhớ. Trong lúc vừa khởi lên ý niệm, thì thần thức của tôi liền bay vun vút vào hư không. Càng bay sâu vào hư không, thì tôi càng nghe được nhiều tiếng niệm “**A Mi Đà Phật**” càng lớn và bao phủ cả vũ trụ. Trong lúc nghe được đó, tâm tôi khởi lên thắc mắc: “*Tại sao lại niệm “A Mi Đà Phật” mà không niệm “A Di Đà Phật?*”. Qua hai lần nghe được đó, câu hỏi trong đầu tôi lại càng lớn thêm. Rồi có một đêm tôi nằm mơ, thấy mình đang đi trên một con đường lộ lớn ở ven núi. Lúc đó, trời đang nắng đẹp bỗng dưng chuyển mưa lâm râm và mây trắng từ đâu kéo đến cuộn cuộn xuyên qua những tia nắng và bao phủ cả một góc trời trắng xóa thật là đẹp. Khiến cho tôi quên cả việc đi tìm chỗ để núp mưa.

Rồi bỗng nhiên trong đám mây trắng đó hiện ra mấy mươi vị Phật màu trắng như tuyết đang ngồi theo kiểu kiết già và miệng của quý Ngài thì trì niệm gì đó. Còn xung quanh quý Ngài thì có khoảng mấy trăm người nam, nữ, già, trẻ đang quỳ xung quanh và miệng của họ cũng đang trì niệm gì đó. Lúc đó, tôi quá vui mừng muốn chạy vào đám mây trắng đó để đánh lễ chư Phật. Nhưng tâm thức của tôi lúc đó cho biết rằng không thể được. Thế là tôi quỳ sụp xuống đường đánh lễ chư Phật và niệm “A Di Đà Phật” không dứt. Lạy được một hồi thì đám mây trắng đó, chư Phật và đại chúng từ từ tan biến vào hư không.

Trong lúc đám mây trắng đó sắp tan biến vào hư không, thì bỗng nhiên trên hư không hiện ra bốn chữ vạn thật lớn màu vàng kim. Lúc đó, tôi chưa kịp thối mắc thì có một giọng đàn ông từ hư không niệm từng chữ thật lớn: “**A Mi Đà Phật**”. Khi giọng niệm đó vừa dứt thì bốn chữ vạn và đám mây trắng đó cũng từ từ tan biến vào hư không. Rồi tự nhiên tôi thức dậy. Sau khi thức dậy, tôi suy nghĩ mãi: “*Không lẽ giữa chữ **Mi** và **Di** có vấn đề gì đây?*”. Sau đó, tôi đi tìm những người bạn ngoại quốc đang tu về pháp môn Tịnh độ, để xem họ tu niệm Phật như thế nào? Sau đó, tôi hỏi được bốn người đó là: **Mỹ, Đại Hàn, Trung Hoa** và **Nhật**. Khi hỏi ra thì tôi mới biết họ đều niệm: “A Mi” còn hai chữ sau thì có khác, vì ngôn ngữ của mỗi nước khác nhau. Người Mỹ thì họ niệm: “**A Mi Ta Bha**”. Người Đại Hàn thì họ niệm: “**A Mi Ta Bul**”. Người Trung Hoa thì họ niệm: “**A Mi Tou Fo**”. Người Nhật thì họ niệm: “**A Mi Da Butsu**”. Còn hai chữ đầu **Namo** hay **Nam mô** thì các nước và Việt Nam đều niệm giống nhau. (*Nước ngoài*

thì họ niệm **Namo**, còn người Việt thì niệm **Nam mô**). Lúc đó, tôi muốn đi tìm hiểu thêm, nhưng thời gian không cho phép.

Sau đó, tôi thử tập niệm A Mi Đà Phật ra tiếng để xem nó khác với niệm A Di Đà Phật như thế nào? Khi tập niệm A Mi Đà Phật thì tôi cảm thấy hoàn toàn khác hẳn. Vì khi niệm A Mi tôi cảm thấy: *“Thoải mái và nhẹ nhàng; lưỡi, miệng và quai hàm của tôi không bị treo cứng; giúp cho tôi niệm Phật trôi chảy và niệm được nhiều hơn”*. Sau đó, tôi khuyên gia đình tôi nên niệm A Mi Đà Phật thì sẽ có hiệu quả nhanh hơn và đỡ tổn khí lực. Sau khi biết được sự lợi ích của chữ “Mi” tôi muốn chia sẻ cho đại chúng biết nhưng lại không dám. Vì tôi lo đại chúng sẽ hiểu lầm cho rằng tôi hại Phật pháp và cãi lời di huấn của chư Tổ, vì vậy mà tôi đành phải giữ im lặng.

Rồi đến một ngày, chắc có lẽ chư Phật muốn tôi chia sẻ sự việc này ra ngoài đại chúng, nên khi cuốn sách **“Ý nghĩa Hoàng pháp và Hộ pháp”** này viết gần xong thì tôi bị ngã bệnh. Trong lúc bị bệnh không thể làm được gì, nên tôi đi soạn một vài đĩa thuyết pháp mà chị tôi từ Việt Nam vừa mới gửi sang cho tôi. Nhìn trong số đĩa đó, tôi thấy có một đĩa tên là **“Hương sen Vạn Đức”** của ngài Trí Tịnh, nên tôi mở lên nghe. Khi vừa nghe đến đoạn: **“Tại sao lại niệm Nam mô A Mi Đà Phật?”** thì tôi liền bật ngồi dậy và lắng tai nghe từng chữ. Nghe tới đâu, tôi xúc động tới đó và trong tâm cứ thốt lên rằng: **“Đúng rồi! đúng rồi! Tôi đã tìm được câu trả lời rồi!”**

Sau đó, tôi đi tìm hiểu thêm một số Tăng, Ni Việt Nam đang tu Tịnh độ ở trong và ngoài nước để xem họ

tu niệm **A Mi** hay **A Di**. Sau khi tìm hiểu tôi mới biết, thì ra có nhiều Tăng, Ni đã âm thầm tu niệm **A Mi Đà Phật** cách đây nhiều năm rồi. Sau khi hiểu được sự thật này thì tôi rất là giận và có thưa hỏi quý Tăng, Ni rằng: “*Vậy thì tại sao quý Tăng, Ni không nói sự thật này ra ngoài cho Phật tử biết để họ cùng niệm **A Mi Đà Phật**?*”. Sau khi nghe tôi thưa hỏi như vậy thì quý Tăng, Ni đã trả lời với tôi rằng: “*Vì nhân duyên chưa hội đủ nên quý Thầy và quý sư Ni chưa có nói ra vì lo Phật tử tu Tịnh độ bị hoang mang...*”.

Kính thưa quý bạn! Tôi viết những lời tâm sự này, là mong quý bạn hãy tin những lời của ngài Trí Tịnh thuyết ở trên là vạn lần chân thật. Nếu những lời thuyết đó của một người khác, thì chúng ta còn có thể nghi ngờ, nhưng đối với Ngài thì chúng ta không thể nghi ngờ. Tại sao? Vì Ngài là người chuyên tu Tịnh độ và đã chứng đạo rất cao. Ngài là người chuyên dịch Kinh Điển đại thừa, là người đứng đầu giáo hội Phật giáo Việt Nam nên lời nói của Ngài chúng ta phải tin thôi. (*Ngài đứng đầu về đức hạnh và dịch Kinh Đại thừa, không phải đứng đầu về chức Phận, xin quý bạn chớ có hiểu lầm*). Thật ra, câu trả lời đúng hay sai vốn ở ngay trong tâm chúng ta. Quý bạn chỉ cần niệm thử 10 câu **A Mi Đà Phật** và 10 câu **A Di Đà Phật** để so sánh với nhau, thì sẽ biết được câu trả lời đúng hay sai. Thêm vào, khi niệm “A Mi Đà Phật” một thời gian, thì bạn sẽ thấy được sự thành tựu rất là rõ ràng và đỡ tốn khí lực.

Chúng tôi chỉ là người chia sẻ những gì mà mình đã thấy, nghe và biết thôi, xin quý bạn chớ hiểu lầm mà sanh ra tranh chấp. Còn quý bạn muốn niệm “A Di” hay “A Mi” đều được cả. Không phải chúng ta niệm “A Mi”

thì mới được vãng sanh thành Phật, còn niệm “A Di” thì không được vãng sanh thành Phật. Quý bạn nên biết rằng: Chư Tổ Việt Nam xưa kia cũng niệm “A Di” mà được thành Tổ và bản thân tôi cũng niệm “A Di” mà được chứng đạo. Cho nên ý nghĩa “A Di” và “A Mi” đều giống nhau. Tuy nhiên, chúng chỉ có khác ở chỗ là: **“Nếu chúng ta niệm A Mi thì sẽ đỡ tốn khí lực, đỡ bị suy yếu quai hàm, niệm Phật được nhiều và dễ tương ứng với tâm của mười phương chư Phật hơn”**. Nếu quý bạn niệm “A Di” quen rồi và không muốn thay đổi thì cũng không sao. Vì vấn đề niệm Phật được vãng sanh hay không, thì phải tính ở chỗ ta niệm Phật có thành tâm hay không, không phải tính ở chỗ niệm “A Di” hay là “A Mi”. Còn riêng tôi, thì từ nay cho đến ngày vãng sanh chỉ tu niệm “A Mi Đà Phật” mà thôi. Chỉ trừ những trường hợp ngoại lệ, thì tôi mới niệm A Di Đà Phật để cho hòa đồng với đại chúng. Tại sao? Bây giờ tôi xin đưa ra một ví dụ đơn giản thì quý bạn sẽ hiểu tại sao tôi chỉ tu niệm “A Mi Đà Phật”.

Ví dụ: Trong nhà của bạn có một cái “tivi” và hai cây “ăng-ten”. Một cây ăng-ten có chất lượng cao và một cây ăng-ten có chất lượng thấp. Nếu bạn dùng cây ăng-ten có chất lượng thấp, thì âm thanh và hình ảnh của tivi sẽ không được rõ lắm. Còn nếu bạn dùng cây ăng-ten có chất lượng cao, thì âm thanh và hình ảnh của tivi sẽ được rõ và đẹp. Vậy thì bạn sẽ chọn cây ăng-ten nào? Có phải bạn sẽ chọn cây ăng-ten có chất lượng cao phải không? Vì ở trên đời này, không ai dại gì có cây ăng-ten chất lượng cao ở trong nhà mà không dùng, lại đi dùng cây ăng-ten có chất lượng thấp, để hại mắt và hại tai của mình.

Kính thưa quý bạn! Trước kia, vì tôi không biết chữ “Mi” nên tôi mới niệm chữ “Di”. Nhưng từ khi biết được sự thù thắng và lợi ích của chữ “Mi”, thì tôi không dại gì mà trở lại tu niệm chữ “Di”. Cũng ví như trước kia vì tôi không biết trong nhà của mình có cây ăng-ten chất lượng cao, nên tôi mới dùng cây ăng-ten có chất lượng thấp. Nhưng bây giờ tôi đã biết trong nhà mình có cây ăng-ten chất lượng cao, thì dĩ nhiên là tôi phải thay đổi thôi. Nếu là bạn thì tôi tin chắc bạn cũng sẽ làm như vậy. Chỉ ngoại trừ bạn không biết trong nhà của mình có cây ăng-ten tốt, hoặc là vì một lý do hoàn cảnh nào đó, mà bạn không thể thay đổi được thì bạn mới đành chịu, có phải vậy không? Xin chúc quý bạn tìm được câu trả lời cho mình.

A MI ĐÀ PHẬT

Bên trong ta niệm **Mi Đà**
 Bên ngoài dẫn chúng **Di Đà** đành sao?
 Khác gì ta lấy phẩm cao
 Để người phẩm hạ, dạ sao cho đành.

Chi bằng giải thích ngọn ngành
 Giúp người, người hiểu niệm A Mi Đà.
 Nếu ta cứ mãi dần dà
 Tăng đoàn tổn thất, chùa Đà thoái suy.

Bạn ơi! Nghĩ cạn cùng suy
 Phước duyên đã đến, chuyển **Mi** đổi đời.
 Chuyển **Mi** là ý Phật, Trời
 Ta mau chuyển đổi, Phật, Trời mới yên.

GIẢI TỎA THẮC MẮC

1. Ý nghĩa không niệm có hai mặt “lý” và “sự”. Trên **sự** thì không niệm có ba ý nghĩa: **Một**, là ta không còn bị tâm vọng tưởng tham, sân, si khống chế; **hai**, là ta không còn dụng công mà tâm ta tự nhiên khởi niệm; **ba**, là ta không còn bị rơi vào luân hồi sanh tử. Còn trên **lý** thì ý nghĩa không niệm tức là có vô lượng niệm. Tại sao? Vì một khi ta buông xả được tâm tham, sân, si thì chân tâm của ta sẽ được khai mở. Khi chân tâm được khai mở, thì ta sẽ có vô lượng niệm từ chân tâm tuôn chảy ra. Nhờ vậy mà ta mới có đủ trí tuệ để thuyết pháp và biện tài vô ngại.

2. Bạn có tin cõi Cực Lạc có hay không thì cũng không sao. Vì bạn tin hay không thì cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà vẫn có và tồn tại vĩnh cửu. Không phải bạn tin thì cõi Cực Lạc mới có, còn bạn không tin thì cõi Cực Lạc không có. Chỉ có điều là bạn tin thì bạn đi làm Phật, còn bạn không tin thì bạn đi làm chúng sanh, không liên quan gì đến ai cả.

3. Khi nào bạn lái xe mà trong đầu không có một vọng niệm nào khởi lên, thì bạn hẳn lo niệm Phật sẽ làm chướng ngại cho việc lái xe của bạn. Còn nếu bạn lái xe mà trong đầu lúc nào cũng có hàng vạn vọng tưởng nổi lên, thì bạn niệm A Mi Đà Phật sẽ lái xe được an toàn hơn đấy. Tại sao? Vì một niệm A Mi Đà mà có thể diệt hàng vạn niệm si mê, điên đảo của bạn, thì dĩ nhiên bạn lái xe được sáng suốt hơn.

4. Nếu bạn cho rằng người niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc, là những người không có lòng từ bi và không làm tròn đạo hiếu đối với bốn trọng ân, vậy thì

bạn không nên làm đệ tử của Phật. Tại sao? Vì ba đời mười phương chư Phật, đều từ niệm Phật mà được thành Phật đấy.

5. Nếu bạn chịu buông xả tâm phân biệt chấp trước, thì sẽ thấy mỗi chữ và mỗi câu chúng tôi viết ở đây, đều là **y Kinh** và **y tâm** của bạn. Còn nếu bạn không chịu buông xả chấp trước, thì cho dù tôi có dẫn chứng từng câu từng chữ ở trong Kinh, thì bạn cũng chẳng hiểu được chư Phật nói gì và cũng không hiểu được bạn là ai?

6. Xin bạn chớ lẫn lộn hai ý nghĩa tâm thanh tịnh và Diệu tâm thanh tịnh. Người tu hành được nhất tâm tam muội, là người làm chủ được tâm thanh tịnh của mình. Rồi từ chỗ làm chủ được tâm thanh tịnh, ta lại tu hành tiếp tục để khôi phục lại Diệu tâm thanh tịnh. Khôi phục cho đến khi nào viên mãn thì ta mới được thành Phật.

7. Nếu bạn cho rằng những người niệm Phật nghe được tiếng niệm Phật từ tâm phát ra và bao trùm cả vũ trụ là những người bị ma ám, vậy thì mười phương chư Phật đều bị ma ám hết ư? Bạn nên biết rằng: Tất cả vô lượng Diệu pháp ở cõi Cực Lạc, đều là do Diệu tâm của chư Phật biến hóa ra và tất cả những Diệu pháp đó đều phát ra tiếng niệm A Mi Đà Phật (*tức niệm Phật, Pháp, Tăng*). Nếu chúng ma biết niệm Phật 24/24, từ năm này qua năm nọ để mê hoặc người tu hành, thì chúng ma đó đã thành Phật hết rồi, còn ai để cho bạn gọi là chúng ma?

8. Nếu bạn cho rằng người tu hành chứng đắc phải đợi đến khi chết mới được nói ra, vậy bạn chứng đạo vào tuổi 30 mà số của bạn phải sống thọ đến 80, vậy thì bạn phải giữ im lặng cho đến 80 tuổi mới được nói ra ư? Bạn thì có can đảm chờ được lâu như vậy,

còn tôi thì không, cho dù một phút chờ cũng không nổi. Tại sao? Vì mỗi một giây, phút trôi qua là có hàng ngàn ông bà, cha mẹ và con cháu của tôi đang bị đi lầm đường lạc bước, đang lần lượt chết đi và bị đọa. Nếu quả thật có luật lệ bắt người chứng đắc phải đợi đến khi chết mới được nói ra, thì tôi thà tự sát chết đi để được nói ra, còn hơn sống mà không cứu được chúng sanh, vậy sống đâu bằng chết.

9. Thời nay, ngoài lấy bằng chứng thành tựu của bản thân và bằng chứng nhiệm màu của Phật pháp ra, không còn cách nào có thể cứu được chúng sanh. Nếu có, thì thời nay không gọi là thời Mạt pháp và những cụm từ như là: Chùa ma, tà sư, tranh chấp kiên cố, huynh đệ tương tàn, loài người đảo điên, đạo đức suy đồi, thiên tai chết chóc, độc tố tràn lan, tận thế, đều không có.

10. Niệm Phật không gián đoạn, nghĩa là ta nên đặt ra thời khóa tu niệm cho mình mỗi ngày. Còn niệm ít hay nhiều là tùy vào hoàn cảnh của ta. Khi đặt ra rồi thì ta cứ theo vậy mà giữ công phu tu niệm cho tới ngày vãng sanh, như vậy gọi là không gián đoạn. Nếu ta niệm Phật một ngày mà bỏ cả tháng thì gọi là bị gián đoạn.

11. Người tu niệm Phật thì phải niệm bằng tâm không, nghĩa là không mong cầu bất cứ điều gì cho mình. Trong tâm chỉ có một niệm vì tất cả chúng sanh. Niệm cho chúng sanh tức là niệm cho chính ta, vì tất cả chúng sanh và ta là một không hai. Nếu niệm Phật được cái tâm **không** như vậy, thì ta chắc chắn nhập vào được cảnh giới tam muội (*chánh định*). Muốn vào được **tammuội** thì ta phải buông xả tất cả, buông xả tất cả là có tất cả (*trong câu A Mi Đà đã có đầy đủ mong cầu rồi*).

LỜI CHÂN THẬT

Tôi pháp danh là Diệu Âm Diệu Ngộ. Hôm nay, tôi xin thề với mười phương thế giới chúng sanh là: Từ ngày tôi được nhất tâm tam muội đến nay đã gần 16 năm, ngày nào tôi cũng nghe được tiếng niệm Phật bao trùm cả vũ trụ (*là tiếng niệm từ tâm phát ra nhưng vang rộng khắp hư không*) và những lời tôi trình bày về sự chứng nghiệm là chân thật. Nếu như tôi bịa đặt thì xin cho tôi bị đọa địa ngục vĩnh viễn không được siêu thoát hay hồn phách bị tiêu tan.

Mong quý bạn hãy tin sâu niệm Phật
Nam mô A Mi Đà Phật

(Tôi nguyện thề cho tới khi nào không còn một chúng sanh thì mới hết thề. Tôi thề là để chứng minh lời Phật dạy là vạn lần chân thật, không phải thề để quý bạn tin tôi chứng được nhất tâm tam muội).

HỒI HƯỚNG

Nguyện đem công đức này hồi hướng
cho tất cả chúng sanh trong khắp pháp giới
đồng được vãng sanh thành Phật
Nam mô A Mi Đà Phật

LIÊN LẠC

Website: www.dieumadieungo.com

Facebook: **Diệu Âm Diệu Ngộ**

Email: dieu_am@yahoo.com

Email: dieungodieuam@gmail.com

Điện thoại: **093 292 5627** (VN)

Sách này chúng tôi không giữ bản quyền,
nên quý bạn có thể ấn tống hay phát hành
(*Xin đừng tự ý sửa đổi nội dung*).

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.3 9260024 Fax: 024.3 9260031

TÌNH ĐỘ THỰC CHỨNG
Cư sĩ Diệu Âm Diệu Ngộ

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc BÙI VIỆT BẮC
Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập LÝ BÁ TOÀN
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh
Sửa bản in: Cư sĩ Diệu Âm Diệu Ngộ
Trình bày: Cư sĩ Diệu Âm Liên Hoa

In 3.000 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm, Xí nghiệp in
Fahasa, 774 Trường Chinh, P.15, Q. Tân Bình, TP.HCM
Số XNĐKXB: 1676 - 2019/CXBIPH/06 - 27/HĐ
Số QĐXB của NXB: 715/QĐ-NXBHĐ cấp ngày: 20/04/2019
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-89-8867-8
In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.